LỊCH SỬ
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA QUÂN VÀ DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
(1945 - 2000)

BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ

LỊCH SỬ

KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA QUÂN VÀ DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ (1945 - 2000)

NĂM 2004

- Chỉ đạo nội dung:

THƯỜNG TRỰC TỈNH UỶ, BAN THƯỜNG VỤ
ĐẢNG UỶ QUÂN SỰ TỈNH THÁI NGUYÊN.

- Chịu trách nhiệm xuất bản:

- Thượng tá VŨ TUẤN HÙNG – Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

- Ban Chủ nhiệm đề tài:

- Đại tá NGUYỄN BÌNH NGUYÊN (Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Chỉ huy phó Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh): Chủ nhiệm đề tài.
- Đại tá NGUYỄN VĂN TRÌNH (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh): Uỷ viên.
- Đại tá DƯƠNG VĂN THẢO (Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng uỷ Quân sự tỉnh, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh): Uỷ viên.
- Thượng tá NGUYỄN VĂN THẮNG (Trưởng ban Khoa học Lịch sử Quân sự tỉnh): Thư ký.
- Trung tá DƯƠNG ANH DŨNG (Trưởng ban Tài chính Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh) : Kế toán.

- Tổ nghiên cứu, biên soạn:

- Tiến sĩ NGUYỄN XUÂN MINH (Chủ biên).
- Thượng tá NGUYỄN VĂN THẮNG (Đồng Chủ biên).
- PHẠM TẤT QUYNH.
- Cử nhân VŨ THANH KHÔI.
- Cử nhân MA KHÁNH TIÊN.
- Thiếu uý, Cử nhân NGUYỄN ĐỨC THỌ.

Hoàn chỉnh bản thảo:

- NGUYỄN VĂN THẮNG- NGUYỄN XUÂN MINH

Sửa bản in:

- NGUYỄN VĂN THẮNG – VŨ THANH KHÔI

Bìa: - KHẮC THIỆN

Ảnh: - BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ

LỜI GIỚI THIỆU

Đại Từ là một huyện miền núi nằm ở vùng Tây Bắc của tỉnh Thái nguyên, huyện lỵ cách trung tâm Thành phố Thái Nguyên 25 km về phía Tây Bắc.

Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vốn có truyền thống yêu nước và cách mạng. Ngay từ đầu thế kỷ 15, nhân dân Đại Từ đã 2 lần nổi dậy chống giặc Minh xâm lược. Từ mảnh đất Đại Từ quê hương "chôn rau, cắt rốn" hai cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú đã vào Lam Sơn (Thanh Hoá) cùng Lê Lợi 10 năm "nếm mật, nằm gai" khởi nghĩa chống giặc Minh thắng lợi, giành độc lập cho non sông đất nước. Những địa danh núi Văn, núi Võ, núi Quần Ngựa, đầm Tắm Ngựa, núi Cắm Cờ ở vùng Văn Yên, Ký Phú mãi mãi là sự ghi nhận những đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc Đại Từ vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơm.

Dưới thời Pháp thuộc, nhân dân các dân tộc Đại Từ liên tiếp nổi dậy theo Cai Bát và nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đánh Pháp. Trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, nhân dân Đại Từ đã chở che, nuôi dưỡng nghĩa quân trong những ngày bị địch bao vây, truy quét. Từ sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời gánh vác xứ mệnh lãnh đạo Cách mạng Việt Nam (3/2/1930), Đại Từ trở thành vùng Căn cứ Cách mạng. Mùa Thu năm 1936, tại xã La Bằng (huyện Đại Từ) tổ chức cơ sở

Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên được thành lập. Từ La Bằng (Đại Từ) ngọn lửa cách mạng lan sang các huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn) , Võ Nhai (Thái Nguyên) và các vùng lân cận . Từ năm 1943, vùng núi Hồng (Đại Từ) đã trở thành trung tâm Căn cứ địa của Cứu Quốc quân 2 do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy. Từ đó, Đại Từ trở thành nơi thường xuyên qua lại hoạt động của các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng: Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt.

Trong kháng chiến chống Pháp, cùng với các huyện Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang), Chợ Đồn (Bắc Kạn), các xã vùng phía Bắc huyện Đại Từ đã trở thành Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc – Thủ đô kháng chiến của cả nước. Nhiều cơ quan đầu não, nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ và Quân đội đã đến ở và làm việc tại các xã ATK thuộc huyện Đại Từ. Các địa danh Quán Ông Già, Phú Minh, Vai Cày, Bản Ngoại, Hùng Sơn... đã được ghi vào lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta những trang hào hùng và oanh liệt. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ và Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân các xã Cù Vân, Hùng Sơn, Lục Ba, Mỹ Yên, Yên Lãng, La Bằng đã hoàn thành đặc biệt xuất sắc nhiệm vụ của An toàn khu, Thủ đô kháng chiến, được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu cao quí "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Trong kháng chiến chống Mỹ, với 18 viên đạn súng bộ binh, dân quân huyện Đại Từ đã bắn rơi 1 máy bay phản lực Mỹ. Và, chỉ với những chiếc cò leo (gậy gẩy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG DANH HIỆU

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Nhân dân và LLVTND huyện Đại Từ

tỉnh Thái Nguyên

Đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sức kháng chiến chống thực dân Pháp

Hà nội ngày 22 tháng 8 năm 1951

Chủ tịch

Tôn Đức Lương

rơm), đòn gánh, cào cỏ lúa, dân quân du kích và nhân dân Đại Từ đã dũng cảm lao vào bắt sống nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay. Đại Từ là huyện đầu tiên và cũng là huyện duy nhất trong tỉnh đạt năng suất 5 tấn lúa trên một héc ta gieo trồng, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Trong các thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đổi mới, Công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân Đại Từ đã luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế; xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh, góp phần đắc lực vào việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Thực hiện Nghị quyết của Thường vụ Đảng uỷ, Chỉ thị của Tư lệnh Quân khu I và các Thông báo của Thường trực Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành việc tổ chức nghiên cứu và biên soạn công trình "Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của quân và dân huyện Đại Từ 1945 – 2000", trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh "Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của quân và dân các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Thái Nguyên 1945 – 2000".

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/2004), Đảng

uỷ Quân sự và Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ xuất bản và phát hành cuốn sách "Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của quân và dân huyện Đại Từ 1945 – 2000" làm tài liệu giáo dục lịch sử, truyền thống cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Thay mặt Đảng uỷ Quân sự và Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, tôi chân thành cám ơn Ban Chủ nhiệm đề tài Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; Tổ nghiên cứu, biên soạn làm việc khẩn trương, nghiêm túc, công phu; các cơ quan hữu quan và các nhân chứng lịch sử, đặc biệt là các đồng chí Lý Thanh, Triệu Minh Trường, Triệu Minh Tân, Lý Công Khóa... đã tận tình cung cấp tư liệu, giúp đỡ để cuốn sách được xuất bản và phát hành đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/2004).

Do còn nhiều hạn chế về tư liệu lịch sử, nhất là tư liệu lịch sử thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám và thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nên chắc chắn cuốn sách sẽ không tránh khỏi có những khiếm, khuyết. Mong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện, cùng đông đảo bạn đọc góp ý, phê bình.

Bí thư Huyện uỷ
Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ

ĐẶNG VĂN NGỰ

CHƯƠNG I

QUÊ HƯƠNG – CON NGƯỜI - TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VŨ TRANG

Đại Từ là một huyện miền núi nằm ở vùng phía tây của tỉnh Thái Nguyên, huyện lỵ đặt tại Thị trấn Đại Từ, cách trung tâm Thành phố Thái Nguyên 25 km. Phía Bắc giáp Huyện Định Hoá và Huyện Phú Lương, phía Đông và Đông Nam giáp Thành phố Thái Nguyên; phía Nam giáp Thị xã Sông Công. Dãy núi Tam Đảo chạy dài theo hướng Tây Bắc- Đông Nam huyện là ranh giới tự nhiên giữa Huyện Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên) và huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang) và huyện Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Phúc).

Huyện Đại Từ ngày nay bao gồm 29 xã và 2 thị trấn[1], có diện tích tự nhiên là 577,99 km^2, trong đó có 153,48 km^2 rừng tự nhiên và 90,544 km^2 rừng trồng từ

---

[1] " Đó là các xã: Minh Tiến, Đức Lương, Phúc Lương, Phú Cường, Phú Thịnh, Phú Lạc, Phú Xuyên, Yên Lãng, Na Mao, Hoàng Nông, La Bằng, Bản Ngoại, Tiên Hội, Hùng Sơn, Tân Thái, Bình Thuận, Lục Ba, Ký Phú, Vạn Thọ, Văn Yên, Cát Nê, Quân Chu, Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Phục Linh, Hà Thượng, Cù Vân, An Khánh, Tân Linh và hai thị trấn Đại Từ và Quân Chu.

30 năm tuổi trở lên. Dân số toàn huyện có 162.573 người, đứng thứ hai các huyện, thành, thị trong tỉnh (sau Thành phố Thái Nguyên); mật độ trung bình 281 người/km^2 (trong đó, các dân tộc Kinh chiếm 77,67%, Tày 7,9%, Nùng 6,3%, Dao 2%, Sán Dìu 1,9%, Cao Lan – Sán Chay 2.8%, Ngái 0,2%, các dân tộc khác 0,5%)[2].

Nằm ở trung tâm vùng miền núi Việt Bắc, ngay từ rất xa xưa, tổ tiên ta đã lập cư ở Đại Từ. Trải từ đời này qua đời khác nhân dân Đại Từ đã đổ mồ hôi, công sức để chế ngự thiên nhiên, chống chọi với thú dữ, khai sơn, phá thạch, san lấp đầm lầy, tạo dựng làng, xã, cùng đồng bào các dân tộc trong tỉnh xây dựng Thái Nguyên trở thành tỉnh ngày càng giàu và đẹp. Nhân dân Đại Từ có truyền thống yêu nước và cách mạng trong đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; cần cù, dũng cảm, sáng tạo trong xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá.

Trải qua hàng nghìn năm, tên gọi Đại Từ luôn gắn liền với sự phát triển, trưởng thành của vùng đất Đại Từ, vùng đất Thái Nguyên qua các thời đại dân tộc. Thời Hùng Vương, Đại Từ thuộc bộ Vũ Định; thời triều Tiền Lê, thời Lý thuộc phủ Phú Lương; thời Trần thuộc trấn Thái Nguyên. Thời Lê sơ, Đại Từ là một huyện của phủ Phú Bình, thừa tuyên Ninh Sóc, rồi Xứ Thái Nguyên. Từ ngày 1/7/ 1965, Đại Từ là một trong 14 huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Bắc Thái; từ 1/1/1997, là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên. Trong lịch sử, vùng đất phía Bắc của huyện Đại Từ có thời kỳ là huyện Văn Lãng, thuộc phủ Phú Bình. Ngày

---

[2] – Theo Niên giám thống kê Tỉnh Thái Nguyên năm 2003.

1/8/1922, chính quyền thực dân Pháp ra Nghị định sáp nhập huyện Văn Lãng vào huyện Đại Từ . Huyện Đại Từ lúc đó gồm 9 tổng, 38 làng[1].

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 2000, địa giới Đại Từ cơ bản ổn định. Tuy nhiên, do yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng từng giai đoạn, địa giới huyện Đại Từ cũng có sự điều chỉnh phù hợp. Năm 1946, bỏ cấp tổng, thành đại xã; đến năm 1953 cải cách ruộng đất chia lại xã trên cơ sở làng xã cũ. Ngày 27/10/1967, thị trấn Quân Chu được thành lập; ngày 1/10/1983, xã Phúc Thọ sáp nhập với các xóm Tân Thắng, Đồng Đẳng (xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên) và xóm Yên Ninh (xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ) để thành lập xã Phúc Tân thuộc huyện Đồng Hỷ; sáp nhập xóm Quyết Tiến (xã Tân Thái) vào xã Bình Thuận (huyện Đại Từ). Hiện nay, xã Phúc Tân thuộc huyện Phổ Yên . Ngày 4/10/1999, xã Phục Linh được chia làm 2 xã: Phục Linh và Tân Linh.

Do nằm ở vùng phía tây tỉnh Thái Nguyên, liền kề với tỉnh Vĩnh Phúc; phía tây và tây nam dựa vào dãy núi Tam Đảo qua dải đất bán sơn địa của thị xã Sông Công và huyện Phổ Yên đến Sóc Sơn (Hà Nội), nên Đại Từ có vị trí chiến lược quan trọng. Đây là một trong những cửa ngõ ra vào phía nam của Thái Nguyên, đồng thời cũng là của Việt Bắc, nằm trên cầu nối giữa Việt

---

[1] Xem Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (tập 1) xuất bản 1991. Trong lịch sử hàng ngàn năm của Đại Từ có 87 năm (1835- 1922) bị tách làm 2, nhưng nhân dân ở đây cùng chung dải đất, số phận và trách nhiệm với nhau, nên chúng tôi lấy Đại Từ làm chủ thể ít nhắc tới huyện Văn Lãng để nngười đọc tiện theo dõi.

Bắc với Hà Nội và châu thổ Sông Hồng, Đại Từ có hai con đường liên tỉnh: Đường 13A nối với Quốc lộ 3 từ Bờ Đậu qua thị trấn Đại Từ, vượt Đèo Khế sang Tuyên Quang gặp Quốc lộ số 2. Từ đây, có thể xuôi về Phú Thọ, ngược lên Hà Giang hoặc sang Yên Bái, Nghĩa Lộ. Đường 38, từ huyện Phổ Yên chạy dọc theo chân núi Tam Đảo vào địa phận Đại Từ ở xã Quân Chu lên thị trấn Đại Từ nhập vào đường 13A đến Bản Ngoại. Từ Bản Ngoại rẽ qua các xã Phú Thịnh, Phú Cường, Minh Tiến lên huyện Định Hoá, rồi từ Định Hoá có thể đi lên các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng. Đại Từ còn có nhiều đường giao thông ngang, dọc, xã nối xã, miền nối miền, rồi thông với các tỉnh lân cận. Ngoài đường bộ, Đại Từ còn có tuyến đường sắt từ ga Quan Triều đi Núi Hồng, qua 3 ga: Cù Vân, Đại Từ và Núi Hồng. Hệ thống đường sá của Đại Từ rất thuận lợi cho giao thông vận tải, phục vụ phát triển kinh tế và hoạt động quân sự.

Đại Từ nhiều suối, ít sông. Cả huyện chỉ có con sông Công, bắt nguồn từ Định Hoá vào Đại Từ, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, qua thị trấn Đại Từ, đổ vào hồ Núi Cốc [1]. Nhưng Đại Từ cũng được nhiều ưu đãi, từ dãy núi Tam đảo và các núi khác tạo ra 53 con suối lớn, nhỏ luồn qua các khe núi, cánh rừng, đưa nước

---

[1] Hồ Núi Cốc là hồ nhân tạo được khởi công xây dựng năm 1973, hoàn thành năm 1985. Công trình gồm đập chính dài 58 mét, ngăn dòng sông Công ở đoạn gần Núi Cốc, tạo thành hồ nước lớn rộng 2.500 ha, dung tích 75 triệu mét khối nước, phục vụ cho các khu công nghiệp lớn phía nam tỉnh, cho sản xuất nông nghiệp của các huyện Phú Bình, Phổ Yên, thị xã Sông Công, một phần tỉnh Bắc Giang và nước sinh hoạt cho thành phố Thái Nguyên, đồng thời là tiềm năng lớn về thuỷ sản và du lịch.

xuống các cánh đồng, rồi đổ vào sông Công, tạo nguồn sinh thuỷ cho hồ Núi Cốc. Từ hồ Núi Cốc nước qua đập tràn xuống hạ lưu, qua thị xã Sông Công, xuống Phổ Yên gặp sông Cầu ở thôn Phù Lôi, xã Thuận Thành. Hệ thống sông, suối của Đại Từ không có giá trị lớn về vận tải đường thuỷ, nhưng giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc cung cấp nước tưới cho hàng chục ngàn héc ta cây trồng và nước sinh hoạt cho hàng trăm ngàn người. Suối ở đây ngắn, nhưng có độ dốc lớn; vào mùa mưa nước dâng cao, chảy mạnh sinh ra lũ lụt, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp, tàn phá hệ thống đường sá, các công trình thuỷ lợi, làm cản trở giao thông. Lũ thường xuất hiện nhanh và rút cũng nhanh.

Địa hình của Đại Từ chủ yếu là đồi núi, nhưng không đồng nhất. Miền Tây của huyện kéo dài từ Bắc xuống Nam, dựa lưng vào dãy núi Tam Đảo thuộc phần cuối cùng cánh cung Ngân Sơn. Sườn Đông của Tam Đảo là các xã phía tây Đại Từ, có độ cao hơn 1.400mét giảm dần xuống thung lũng sông Công và hồ Núi Cốc ở độ cao hơn 1000 mét, tạo nên vùng núi non hùng vĩ, được che phủ bằng những cánh rừng đại ngàn có diện tích 10.410 héc ta (gần bằng 30% diện tích rừng toàn huyện). Vùng phía Đông huyện là những núi đất nhấp nhô cao, thấp khác nhau chiếm phần lớn diện tích đất đai, xen giữa là những dải đồng bằng nhỏ hẹp. Ở phía Đông Nam có dãy núi Thần Lằn trải dài từ mảnh đất cực Nam của huyện vòng lên phía Đông đến hồ Núi Cốc, vượt qua sông Công là dãy núi Vuốt, núi Pháo (cao

434mét), núi Chúc nối tiếp nhau ra đến các xã phía Tây của thành phố Thái Nguyên.

Hệ thống thông tin liên lạc của huyện đã xây dựng, mở rộng mạng lưới tới 31 xã và thị trấn. Tính đến hết năm 2003, toàn huyện đã có 2.415 máy điện thoại, mọi thông tin từ làng, xã lên huyện lên tỉnh và ra toàn quốc kể cả với nước ngoài được thực hiện nhanh chóng, chính xác. Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ tốt cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện đối với tất cả các cơ sở, đơn vị và tổ chức trong huyện kịp thời, chính xác, an toàn.

Huyện có 33 cơ sở y tế, với 244 giường bệnh, 226 cán bộ y tế (có 57 bác sỹ và trên đại học), có năng lực điều trị một số bệnh hiểm nghèo, đại phẫu thuật. Nguồn thảo dược của huyện cũng rất phong phú, dồi dào. Đồng bào các dân tộc trong huyện rất giàu kinh nghiệm dùng thuốc nam chữa bệnh.

Về kinh tế, nhân dân Đại Từ sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp và nghề rừng. So với các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh Thái Nguyên, Đại Từ đứng thứ hai về diện tích tự nhiên, (sau huyện Võ Nhai), nhưng đứng đầu về diện tích đất canh tác, trong đó có 13.130 héc ta cây lương thực (năm 2003 đạt sản lượng lương thực 65.832 tấn, cao nhất so với các huyện, thành, thị khác trong tỉnh), gần 10.000 héc ta cây công ngiệp (trong đó có 3.631 héc ta chè, 1.386 héc ta cây ăn quả) 29.550 héc ta rừng và đất rừng, phần lớn đã được giao cho dân quản lý, chăm sóc và thu lợi. Với 23.073 con trâu, bò và 68.552 con lợn, hiện nay Đại Từ có đàn trâu,

bò đứng thứ nhất và có đàn lợn đứng thứ ba các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh (sau 2 huyện Phú Bình và Phổ Yên)[1] Với tiềm năng đất đai và nguồn thức ăn dồi dào, huyện Đại Từ có thể mở rộng và phát triển ngành chăn nuôi quy mô lớn hơn nữa.

Được thiên nhiên phú cho sự giàu có, đa dạng về nông nghiệp, lâm nghiệp, Đại Từ còn được thiên nhiên ưu đãi giàu về khoáng sản nhất là than đá, quặng thiếc, ba rít, đồng, bô xít, rất cần cho kỹ nghệ luyện kim và công nghệ quốc phòng. Năm 1922 thực dân Pháp bắt đầu khai thác Mỏ than Làng Cẩm chủ yếu bằng thủ công. Trong kháng chiến chống Pháp (1945- 1954), than Làng Cẩm là nguồn cung cấp nhiên liệu quan trọng cho các xưởng quân giới ở Liên khu Việt Bắc để sản xuất vũ khí, quân dụng cho quân đội. Năm 1966, cùng với việc mở khai trương Mỏ than núi Hồng, Mỏ than Làng Cẩm cũng từng bước được cơ giới hoá, hiện đại hoá trong quá trình khai thác. Theo dự đoán của các nhà địa chất, trữ lượng than ở Đại Từ rất lớn, có thể khai thác 500.000 tấn/ năm trong vòng 50 năm nữa. Về năng lực cơ khí, ngoài trung tâm cơ khí mỏ ở Hà Thượng, Đại Từ còn có nhiều cụm cơ khí phục vụ đắc lực cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của huyện.

Với tiềm năng lớn về kinh tế, nhất là đất đai, rừng, khoáng sản, cơ sở công nghiệp, sức lao động, hệ thống đường sá, thông tin liên lạc, mạng lưới y tế và một số đặc điểm khác, Đại Từ có điều kiện để xây dựng, phát triển về kinh tế – xã hội kết hợp kinh tế với quốc phòng

---

[1] Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2003.

– an ninh. Thời bình nhân dân các dân tộc Đại Từ có điều kiện phát huy mọi tiềm năng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội, tạo cơ sở để Đại Từ tiến nhanh, tiến vững chắc trên con đường xây dựng cuộc sống ấm no, giàu có, phồn vinh. Khi quốc gia hữu sự, thì những tiềm năng này sẽ trở thành sức mạnh của chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Sức của Đại Từ đã từng được động viên và phát huy mạnh mẽ trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Về quân sự, nếu tỉnh Thái Nguyên là cửa ngõ, áo giáp bảo vệ Thủ đô Hà Nội ở phía Bắc; là cửa ngõ, vành đai bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc ở phía Nam, thì Đại Từ là một trong những địa bàn có vị trí hết sức trọng yếu của vành đai đó. Đại Từ là địa bàn án ngữ phần rộng lớn vùng đất địa đầu phía Nam tỉnh Thái Nguyên. Phía Tây là dãy núi Tam Đảo có nhiều điểm cao trên 1.300 mét, trong đó đỉnh Chúc Cái cao 1.592 mét. Phía Đông và Đông Nam huyện có nhiều núi cao trên 500 mét Phía Bắc, Đông Bắc và vùng Trung tâm có hàng trăm đồi núi có độ cao trên 50 mét, xen kẽ là những cánh rừng già che phủ trên 1 phần 3 diện tích của huyện. Dựa vào những điểm cao này có thể xây dựng các trạm quan sát và cụm chiến đấu khống chế cả một vùng rộng lớn và chỉ cần một lực lượng nhỏ cũng đủ sức đánh chặn, tiêu hao, làm chậm bước tiến của những đạo quân lớn của địch. Địa hình của Đại Từ rất thuận lợi cho các lực lượng vũ trang nhân dân cơ động, chiến đấu, nhưng lại rất khó khăn cho kẻ thù dùng cơ giới và phát huy ưu thế hoả lực. Địa hình của Đại Từ không chỉ ưu việt trong

chiến tranh du kích, mà ngay cả trong chiến tranh hiện đại, kẻ thù có vũ khí công nghệ cao cũng ít phát huy được uy lực cao. Các cuộc tấn công vào Đại Từ của phát xít Nhật tháng 4, tháng 5 năm 1945 của thực dân Pháp tháng 11, tháng 12 năm 1947 của không quân Mỹ vào những năm từ 1965 đến 1968 và năm 1972 đều bị thất bại đã khẳng định điều đó.

Trong lịch sử, Đại Từ từng là nơi đắc địa và đắc dụng cho những người có chí lớn biết tranh thủ lòng dân để dựng nghiệp lớn cứu nước. Năm 1410, nghĩa quân Áo Đỏ từ Đại Từ phất cờ khởi nghĩa chống giặc Minh xâm lược. Cuộc khởi nghĩa lan nhanh khắp các vùng Việt Bắc, Tây Bắc vào đến Thanh Hoá, Nghệ An, gây cho giặc Minh nhiều tổn thất. Năm 1416, sau khi dự hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá), Lưu Nhân Chú về ngay quê mình ở làng Thuận Thượng (xã Văn Yên, huyện Đại Từ ngày nay), chiêu tập trai tráng trong vùng, sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thực, luyện tập binh mã kịp hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (mùa Xuân năm 1418), do người anh hùng dân tộc Lê Lợi xướng nghĩa và lãnh đạo. Đội quân của Lưu Nhân Chú, mà trong đó lực lượng nòng cốt là con em nhân dân các dân tộc Đại Từ đã phát huy truyền thống quê hương, nêu cao ý chí chiến đấu, đi khắp các chiến trường, lập nên những chiến công oanh liệt ở Bồ Đằng, Khả Lưu, Tây Đô, Cầu Trạm, Phố Cát; đặc biệt là trận quyết chiến chiến lược ở ải Chi Lăng, chém đầu tướng giặc Liễu Thăng ngay tại trận; là các trận Xương Giang, Bình Than máu giặc trôi đỏ nước góp phần vào thắng lợi oanh liệt của cuộc

kháng chiến 10 năm chống Minh. Sau đó, Lưu Nhân Chú được triều đình nhà Lê phong Đại tư mã, nhập nội tư khấu, tư không; được Vua Lê ban quốc tính, trở thành niềm vinh dự và tự hào của nhân dân các dân tộc Đại Từ.

Năm 1884, thực dân Pháp mở rộng chiếm đóng ra các tỉnh phía Bắc trong đó có Thái Nguyên. Khi kéo quân lên Đại Từ, chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân các dân tộc trong huyện. Nhiều người yêu nước Việt Nam đã dựa vào thế sông, thế núi và lòng người Đại Từ để chống Pháp. Năm 1892, ông Cai Bát cùng binh lính khố đỏ đóng ở đồn Hùng Sơn làm binh biến. Nhờ nhân dân và núi rừng Đại Từ che chở, nghĩa quân Cai Bát đã chiến đấu chống lại nhiều tấn công bình định của thực dân Pháp trong hơn 3 năm (1892 - 1895). Đại Từ từng là địa bàn hoạt động quan trọng của nghĩa quân Đề Thám (Hoàng Hoa Thám) trong 10 năm (1903- 1913), của nghĩa quân Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn) trong hai năm (1917- 1918), Đội Cấn hy sinh oanh liệt trên núi Pháo, huyện Đại Từ.

Nếu như Thái Nguyên là một tỉnh có vị trí đặc biệt, mà thực dân Pháp chú ý kết hợp dùng sức mạnh quân sự với việc thực hiện các chính sách, thủ đoạn cai trị tinh vi và thâm độc để chiếm đóng thì Đại Từ là một trong những huyện nằm trong âm mưu và thủ đoạn xâm lược đó.

Vị trí địa lý, đặc điểm tình hình dân cư, dân tộc, kinh tế – xã hội của Đại Từ là ưu thế tuyệt đối của lực lượng phòng ngự, hoạt động của du kích; trái lại là địa

bàn, là chiến trường bất lợi của lực lượng tiến công. Lợi thế này đã có những kẻ lục lâm, đầu khấu dựa vào đó để hoạt động. Lương Tam Kỳ, vốn là phó tướng của Ngô Côn, thủ lĩnh của một đạo quân hoạt động chống lại triều đình Mãn Thanh ở các tỉnh Quảng Tây và Vân Nam (Trung Quốc). Năm 1867, bị nhà Thanh đánh dẹp, Ngô Côn kéo quân chạy vào Việt Nam. Năm 1870, Ngô Côn chết đạo quân này tách làm hai: Một cánh theo Lưu Vĩnh Phúc (cũng là phó tướng của Ngô Côn) lập thành quân " Cờ Đen"; một cánh theo Lương Tam Kỳ lập thành quân "Cờ Vàng" kéo lên huyện Định Hoá, lập sào huyệt. Từ Định Hóa, Lương Tam Kỳ cho quân đi cướp phá ở khắp các vùng Yên Lãng, Đại Từ của tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Triều đình nhà Nguyễn đã nhiều lần đưa quân lên đánh dẹp, nhưng đều bị Lường Tam Kỳ dựa vào núi rừng của Định Hoá, Đại Từ đánh bại[1].

Năm 1884, sau khi chiếm thành Thái Nguyên, thực dân Pháp đưa quân lên Định Hoá, Đại Từ để bình định đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của Lương Tam Kỳ chịu một số thất bại. Cuối cùng, ngày 14/8/1890 Pháp phải ký với Lương Tam Kỳ một bản giao ước. Theo đó, Lương Tam Kỳ được phong chức Phó lãnh binh tỉnh Thái Nguyên, kiêm phòng phủ xứ, cai quản toàn quyền các huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Phổ Yên và huyện Bình Xuyên (thuộc tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay). Đổi lại, Lương Tam Kỳ không được cho quân đi quấy

---

[1] Lường Tam Kỳ có 600 quân hoạt động ở Đại Từ và hoàn toàn làm chủ một dải từ Văn Lãng đến Quân Chu.

phá các vùng lân cận, phải cùng quân Pháp giữ trật tự trong vùng[2].

Để bảo vệ vùng đất hiểm yếu này, thực dân Pháp đặt Đại Từ dưới chế độ quân quản. Đến ngày 10/10/1892, Pháp mới chuyển từ chế độ quân quản sang chế độ dân sự. Nhưng lực lượng quân sự của Pháp không vì thế mà giảm đi, trái lại còn được tăng cường. Đến năm 1905, trên vùng đất Đại Từ, thực dân Pháp có 7 đồn binh (Văn Lãng, Yên Rã, Phú Minh, Cù Vân, Ba Xau, Ký Phú và Hùng Sơn); trong đó đồn Hùng Sơn là sở chỉ huy trung tâm, do một giám binh người Pháp kiêm đại lý[3] trực tiếp chỉ huy. Quân chốt giữ đồn Hùng Sơn thường xuyên có 450 binh lính, gồm hai sắc lính khố đỏ và khố xanh, được trang bị vũ khí hiện đại và 12 lính cơ bảo vệ châu, phủ. Ngoài ra, còn 120 lính dõng được trang bị súng khai hậu, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của châu Đoàn, khi có biến, được huy động cùng tác chiến với lính khố đỏ, khố xanh, đặt dưới sự chỉ huy của đồn trưởng Hùng Sơn. Như vậy, trên địa bàn Đại Từ, lực lượng vũ trang của thực dân Pháp thường xuyên có 582 lính chính quy và lính dõng (lúc đó Đại Từ có 1.466

---

[2] Chỉ có một việc này thôi cũng đủ để bác bỏ một quan niệm sai lầm cho rằng Lương Tam Kỳ chống Pháp vì độc lập dân tộc của nhân dân ta.

[3] Trong 10 năm (1898 đến 1908) Pháp đã thay 6 viên chỉ huy đồn Hùng Sơn: MohéDlabanme (Hàm tham tán toà sứ), Lager (giám binh), Nicolle (quan cai trị bệnh), Blámubé (Tham tán toà sứ bậc I), Vicieb (lãnh binh bậc 3).

- Năm 1898 Pháp lập toà đại lý Hùng Sơn. Đại lý, một chức vụ dân sự thay mặt chánh sứ ở một địa phương giải quyết những việc xảy ra vượt quá quyền hạn của tri châu (do thông tin liên lạc khó khăn)nhưng thực chất là giám sát mọi hoạt động cuả tri châu. Từ việc lớn đến việc nhỏ tri châu đều phải xin ý kiến viên đại lý trước khi quyết định.

suất đinh, bình quân cứ 2,5 người đàn ông từ 18 đến 59 tuổi thì có một lính của thực dân Pháp). Từ năm 1898 đến 1905, thực dân Pháp xây dựng nhiều lô cốt, tháp canh tại các đầu mối trên đất các địa phương tiếp giáp với Đại Từ như Phúc Thuận (Phổ Yên), Quảng Nạp (Định Hoá), Bá Sơn (Đồng Hỷ), Hợp Thành (Phú Lương), Đèo Khế (Sơn Dương-Tuyên Quang)... nhằm kiểm soát chặt chẽ Đại Từ bên trong và bên ngoài trong vành đai binh lính và súng đạn.

Tuy nhiên, mọi âm mưu thâm hiểm và hành động trắng trợn của thực dân Pháp chỉ có thể gây khó khăn cho những hoạt động của người yêu nước và cách mạng, chứ không thể ngăn chặn được tinh thần yêu nước của nhân dân các dân tộc trong huyện không thể bình định được vùng đất giàu về kinh tế và đẹp về thiên nhiên hùng vĩ và có giá trị quan trọng về chiến lược quân sự.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam *(tháng10 năm 1930 đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương)* được thành lập. Đây là bước ngoặt lịch sử trên tiến trình phát triển của phong trào yêu nước và cách mạng của dân tộc ta. Từ đây cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã chuyển sang một thời kỳ mới.

Cuối năm 1936, Đặng Tùng, một cán bộ của Đảng Cộng sản Đông Dương đang hoạt động ở Long Châu (Trung Quốc) được cử về La Bằng, huyện Đại Từ gây dựng cơ sở, giác ngộ cách mạng cho nhóm thanh niên người Nùng, người Tày. Một số trong nhóm thanh niên

yêu nước rất hăng hái hoạt động, đã được Đặng Tùng kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và cơ sở Đảng La Bằng hình thành. Đây là cơ sở Đảng đầu tiên ra đời trên đất Thái Nguyên[1].

Ngay từ những năm đầu của thập kỷ 30, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thấy tỉnh Thái Nguyên nói chung và Đại Từ nói riêng có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, gây dựng được cơ sở và mở rộng phong trào cách mạng ở đây thì có thể phát triển rộng ra các vùng lân cận, tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng miền núi phía Bắc rộng lớn. Đại Từ không chỉ nằm ở vị trí chiến lược quan trọng, mà còn do có nguồn tài nguyên giàu có mà thực dân Pháp đang ra sức vơ vét. Mỏ than Làng Cẩm, đồn điền Gari có hàng nghìn công nhân và tá điền bị thực dân bóc lột đến tận xương tuỷ. Năm 1932, đồng chí Hoàng Quốc Việt (có anh trai là Hạ Bá Di làm công nhân Mỏ than Làng Cẩm) đã bí mật đến Mỏ, định gây dựng cơ sở tại đây. Song, kẻ địch kiểm soát rất chặt chẽ, theo dõi mọi sinh hoạt của từng công nhân nên cuối cùng, đồng chí Hoàng Quốc Việt phải rút về xuôi. Những năm 1936 - 1937, một số đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Thái Bình (các đồng chí Trần Văn Thục, Nguyễn Văn Luyện v.v..) hoạt động bị lộ, chạy lên đồn điền Gari (Bình Thuận) lánh địch khủng bố, nhưng cũng do địch theo dõi sát sao, nên cũng nằm im, chờ khi có thời cơ hoạt động.

La Bằng là xã ở phía Tây Bắc huyện Đại Từ, sát chân dãy Tam Đảo. Đây là vùng núi non hiểm trở, cách

---

[1] Xem LSĐ bộ huyện Đại Từ T.I, sđd

trung tâm huyện lỵ 15 km. Sự kiểm soát của địch ở đây có phần không thường xuyên, chặt chẽ như các nơi khác. Hơn thế, vượt lên đỉnh Tam Đảo đến địa phận tỉnh Tuyên Quang, thuận tiện cho cho các chiến sĩ cách mạng thoát hiểm khi bị địch khủng bố.

Dân cư ở La Bằng chủ yếu là người Tày, Nùng, Dao. Cuộc sống của họ gắn chặt với rừng núi, ít bị thiếu đói như dân miền xuôi, nhưng vẫn nghèo, dân trí thấp, giao tiếp ở mức độ hẹp, bản chất trung thực, phóng khoáng, giàu lòng tin, yêu nhà, yêu nước. Lớp đảng viên đầu tiên ở đây hầu hết là chưa đọc thông, viết thạo chữ quốc ngữ, có một hai đồng chí biết đọc, biết viết chữ Hán. Trong khi đó, cán bộ về đây gây dựng cơ sở chỉ ở lại thời gian rất ngắn, chưa kịp bồi dưỡng cốt cán sâu về lý luận (dù sơ giản) và phương pháp công tác, nhất là công tác vận động, giác ngộ quần chúng trong hoàn cảnh Đảng còn phải hoạt động bí mật, kẻ địch luôn luôn rình rập, khủng bố, đàn áp phong trào yêu nước và những người hoạt động cách mạng. Vì thế, khi cán bộ cấp trên rút khỏi địa phương, những đảng viên ở đây rất lúng túng, không biết đường hướng hoạt động, gần như nằm im, chờ đợi[1]. Về tinh thần, tư tưởng các đồng chí này rất muốn hoạt động, đồng chí Đường Nhất Quý nóng lòng đã tìm đường sang Võ Nhai để cùng được hoạt động với các đảng viên ở Võ Nhai, Bắc Sơn. Do hăng hái hoạt động, đồng chí đã bị mật thám Lạng Sơn bắt cuối năm

---

[1] Trong chừng mực nhất định, các đồng chí đảng viên ở cơ sở Đảng La Bằng có bí mật giác ngộ được một số quần chúng trong đồng bào Dao, đồng bào Tày, nhưng cũng trong phạm vi La Bằng.

1939. Vì không có chứng cứ, địch giam giữ một thời gian, phải trả tự do cho đồng chí.

Đó là nguyên nhân vì sao tổ chức cơ sở Đảng La Bằng ra đời sớm nhưng chậm phát triển, không mở rộng được phong trào. Trái lại, ở Võ Nhai, cơ sở cách mạng được hình thành, xây dựng bắt nguồn từ La Bằng, nhưng lại phát triển mạnh mẽ hơn. Từ cơ sở ban đầu ở Phú Thượng nhanh chóng lan ra các xã Lâu Thượng, Liên Minh, Tràng Xá... và sau đó trở thành căn cứ cách mạng nổi tiếng trong cả nước. Rõ ràng, cán bộ là nhân tố quan trọng quyết định sự hình thành và phát triển của phong trào cách mạng.

Sau khi cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ (1/9/1939), chính phủ Pháp nhẩy vào cuộc chiến và ban bố chính sách hoàn toàn phát xít ở trong nước cũng như ở các nước thuộc địa.

Tại Đông Dương, đế quốc Pháp điên cuồng tấn công vào Đảng Cộng sản và các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo. Báo chí tiến bộ bị cấm; một ít quyền lợi dân chủ mà nhân dân ta đã giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936-1939) đều bị chúng thủ tiêu. Ngoài việc đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, đế quốc Pháp ban bố lệnh " Tổng động viên", ra sức bắt người, cướp của để cung cấp cho chiến tranh đế quốc của chúng.

Chiến tranh đã đặt nhiệm vụ đánh đổ chính quyền thực dân và tay sai thành nhiệm vụ trực tiếp, cấp bách của Đảng và nhân dân ta. Đấu tranh hợp pháp giành quyền dân chủ, dân sinh không còn khả năng, mà cũng

không phù hợp với tình hình mới nữa. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng chỉ thị cho các cơ quan và cán bộ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải nhanh chóng rút vào bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào nông thôn để tiến hành xây dựng căn cứ địa, phát triển mạnh mẽ lực lượng ở nông thôn và thành thị.

Tháng 11/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ sáu tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định)[1] để nhận định tình hình và đề ra chủ trương mới. Hội nghị nhấn mạnh cách mạng giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn trước mắt hiện nay. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Hội nghị Trung ương tháng 11 năm 1939, có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng; đáp ứng yêu cầu bức thiết của thời kỳ chiến tranh và cách mạng, là kim chỉ nam để các tổ chức Đảng vận dụng đường lối cách mạng vào điều kiện cụ thể của địa phương mình.

Thái Nguyên là tỉnh liền kề với Khu an toàn I của Trung ương, khoảng cách với Hà Nội không xa, là cửa ngõ ra vào phía Nam của Việt Bắc, có vùng nông thôn trung du và miền núi rộng lớn, là địa bàn quan trọng mà từ đây có thể xây dựng và phát triển phong trào cách mạng tạo thế đứng cho lực lượng cách mạng trong một khu vực hay nhiều khu vực.

---

[1] Nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Giữa năm 1940, các đồng chí Hoàng Quốc Việt (Thường vụ Trung ương Đảng) và Hoàng Văn Thụ (Bí thư Xứ uỷ Bắc kỳ) lên kiểm tra phong trào cách mạng Thái Nguyên. Tháng 6/1940 hai đồng chí gặp nhau ở Hùng Sơn thống nhất ý kiến chỉ đạo phong trào cách mạng ở Võ Nhai và Đại Từ. Nhân chuyến đi này, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã yêu cầu số đảng viên của Đảng bộ Thái Bình tạm lánh ở đồn điền Gari (Bình Thuận) ra hoạt động cùng với các đảng viên ở Đại Từ. Cũng dịp này, đồng chí Hoàng Quốc Việt giới thiệu và giao nhiệm vụ cho các đảng viên ở La Bằng (Đại Từ) và Định Hoá tìm cách bắt liên lạc với nhau, cùng phối hợp hoạt động.

Ngày 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (Lạng Sơn) bùng nổ. Đồng chí Đường Nhất Quý, đảng viên của Đại Từ đang có mặt ở Bắc Sơn đã sát cánh cùng với đồng chí ở đây hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa. Sau khởi nghĩa ít ngày, đồng chí Đường Nhất Quý được giao nhiệm vụ xuống Võ Nhai, sau đó trở về Đại Từ để vận động nhân dân ủng hộ các chiến sĩ Bắc Sơn vũ khí, lương thực, thuốc men; cổ vũ nhân dân nêu cao tinh thần của chiến sĩ Bắc Sơn.

Do nhiều nguyên nhân chủ quạn và khách quan, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn tạm thời lắng xuống. Song, tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn đã cổ vũ tinh thần cách mạng của nhân dân cả nước nói chung và đồng bào các dân tộc Đại Từ nói riêng. Khởi nghĩa Bắc Sơn đã giúp Đảng ta rút ra bài học vô cùng quý báu về khởi nghĩa vũ trang. Điều quan trọng nữa là nó đã rèn luyện quân khởi nghĩa và tập hợp quân khởi nghĩa thành Đội du

kích Bắc Sơn - đội du kích đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình chiến đấu, khu Căn cứ của Đội du kích Bắc Sơn được hình thành. Đó là cơ sở, là điều kiện trực tiếp của sự xuất hiện Căn cứ địa Bắc Sơn- Võ Nhai và sự ra đời của Trung đội Cứu quốc quân I, Trung đội Cứu quốc quân II và qua đó tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở Đại Từ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động cách mạng, được đẩy mạnh, việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng diễn ra ở khắp các làng xã và bắt đầu tiến hành các cuộc đấu tranh vũ trang nhằm đánh đổ chế độ thực dân phong kiến, giành độc lập dân tộc.

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, ngày 28 tháng 1 năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài trở về nước hoạt động trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, với tư cách là đại biểu của Quốc tế Cộng sản, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở Pác Pó (Cao Bằng).

Dưới sự chủ toạ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị phân tích sâu sắc các mâu thuẫn trong xã hội lúc đó, nhất trí tán thành các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, lần thứ bẩy; đề ra nhiều chủ trương, chính sách cụ thể, nhằm giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, động viên mọi tầng lớp nhân dân yêu nước tiến lên mặt trận đấu tranh cách mạng, giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Để tập hợp đông đảo các lực lượng, các tầng lớp nhân dân chống kẻ thù chủ yếu của dân tộc là đế quốc Pháp – phát xít Nhật và bè lũ tay sai

của chúng, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh; các tổ chức quần chúng yêu nước, chống đế quốc gọi là Hội Cứu quốc.

Về phương pháp cách mạng, Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: " Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang"[1]. Vì vậy, Hội nghị đề ra " Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn hiên tại"[2] .

Để đẩy nhanh tiến trình chuẩn bị khởi nghĩa, Hội nghị quyết định lấy Việt Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang, trước hết là Căn cứ Cao Bằng và Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai. Căn cứ Cao Bằng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí trong Tổng bộ Việt Minh trực tiếp phụ trách, Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai do Ban Thường vụ Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo.

Tháng 6/1941, các đồng chí Trường Chinh – (Tổng Bí thư), Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ (Thường vụ Trung ương Đảng) cùng các đồng chí được Trung ương cử về tăng cường cho Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai, từ Cao Bằng về đến Bắc Sơn. Hành trình bị lộ[3],. ngày 30/6/1941, Sở Mật thám Bắc Kỳ đã tập trung lực lượng

---

[1],[2] Văn kiện Đảng (1930 – 1945), Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản 1977 trang 207 và 214.

[3] Nguyên nhân bị lộ là do tên Công nguyên là Xứ uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ đã đầu hàng địch, làm nội gián cho Pháp. Công được đi dự Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, nhưng không được họp Hội nghị. Khi Hội nghị bế mạc, các đại biểu ra về, Công đã theo đường công khai về Hà Nội chỉ điểm cho Pháp đường đi, về của các đại biểu.

lên Bắc Sơn, Võ Nhai, quyết tâm vây bắt bằng được các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng, tiêu diệt Trung đội Cứu quốc quân I và dập tắt phong trào cách mạng ở Bắc Sơn, Võ Nhai. Trọng tâm cuộc khủng bố của địch lúc đầu ở Bắc Sơn, sau đó chuyển dần xuống Võ Nhai. Từ đó, cuộc chiến đấu bền bỉ và anh dũng bảo vệ Trung ương, bảo vệ phong trào cách mạng của Cứu quốc quân và nhân dân Bắc Sơn, Võ Nhai cũng bắt đầu.

Cán bộ và chiến sĩ Trung đội Cứu quốc quân I đã dũng cảm chiến đấu, chặn từng bước các cuộc tiến công của kẻ thù, bảo vệ các đồng chí Thường vụ Trung ương rút xuống Võ Nhai và sau đó về xuôi an toàn. Bị địch khủng bố ác liệt, Cứu quốc quân I rút lên biên giới Việt Trung để bảo tồn lực lượng.

Mất mục tiêu khủng bố ở Bắc Sơn, từ đầu tháng 9/1941, địch chuyển trọng tâm khủng bố xuống Võ Nhai. Bất chấp sự càn quét,bao vây của kẻ thù, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định dừng lại ở cơ quan Căn cứ Võ Nhai tại núi Lều (Tràng Xá), truyền đạt tinh thần, nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám, bồi dưỡng phương pháp công tác và kế hoạch chống khủng bố cho cán bộ Võ Nhai.

Ngày 15/9/1941, tại rừng Khuôn Mánh (Tràng Xá), đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng dự lễ thành lập và công nhận Trung đội Cứu quốc quân 2 là lực lượng võ trang của Đảng, kế

tiếp xứng đáng gương anh hùng bất khuất của Trung đội Cứu quốc quân I [1].

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám, vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm quý báu đã thu được trong cuộc đấu tranh chống địch khủng bố ở Bắc Sơn, được sự che chở, đùm bọc của nhân dân các dân tộc, Trung đội Cứu quốc quân 2 đã mưu trí dũng cảm, gan góc liên tục tiến công kẻ thù, đập tan âm mưu phá tan Căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai, tiêu diệt Cứu quốc quân của đế quốc Pháp, phát triển lực lượng cách mạng, mở rộng căn cứ cách mạng ra các địa phương khác, trong đó có Đại Từ.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, sau khi kiện toàn tổ chức biên chế Trung đội Cứu quốc quân 2, Uỷ ban Quân sự - Chính trị Khu căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai[2] quyết định cử một số tổ công tác đi mở rộng địa bàn hoạt động ngày 19/11/1941, tổ Cứu Quốc quân gồm các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Phương Cương, Chu Viết Phong, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan bí mật vượt vòng vây của địch sang Đại Từ, tìm cách liên lạc với cơ sở Đảng ở La Bằng, rồi mở rộng sang Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang).

---

[1] Trung đội Cứu Quốc quân 1 được thành lập ngày 14/2/1941 tại Bắc Sơn.

[2] Trung tuần tháng 10/1941, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập Uỷ ban Quân sự - Chính trị Bắc Sơn – Võ Nhai thay cho Ban lãnh đạo căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai trước đây, và cử đồng chí Đào Văn Trường, Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ lên làm Chủ nhiệm, các đồng chí Chu Văn Tấn, Nguyễn Cao Đàm làm Phó Chủ nhiệm ủy ban. Ban chỉ huy Cứu quốc quân gồm các đồng chí Đào Văn Trường, Chu Văn Tấn, Lê Dục Tôn, Trần Văn Phấn, do đồng chí Đào Văn Trường làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Cao Đàm làm Chính trị chỉ đạo viên.

Đầu năm 1940 mật thám Pháp ở Lạng Sơn buộc phải trả tự do cho đồng chí Đường Nhất Quý vì không có đủ chứng cớ, khép tội, nhưng chúng bố trí theo dõi mọi hoạt động của đồng chí và các đồng chí đang hoạt động ở cơ sở La Bằng. Ngày 13 /5/1941, bọn mật thám ập đến La Bằng vây bắt các đồng chí Nông Triều Đông, Hoàng Văn Nghiệp, Đường Văn Ngân. Đồng chí Đường Nhất Quý trốn thoát, chúng liền bắt bà Lục Thị Sứng vợ đồng chí Đường Nhất Quý. Không bắt được đồng chí Nhất Quý, một cốt cán của phong trào, kẻ địch tức tối thường xuyên tổ chức các cuộc vây ráp, bắt bớ ở Đại Từ, nhất là ở xã La Bằng. Tháng 7/1941, trên đường sang La Bằng công tác, đồng chí Vũ Hưng, một cán bộ được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách phong trào Định Hoá, có mối liên hệ mật thiết với Đại Từ sa vào tay giặc. Từ đó, Đại Từ đứt liên lạc với Định Hoá, với Căn cứ Bắc Sơn- Võ Nhai và với các đồng chí Xứ uỷ Bắc Kỳ và Trung ương ở dưới xuôi.

Trước tình hình đó, tổ Cứu quốc quân từ căn cứ Võ Nhai sang là nhân tố quan trọng góp phần khôi phục, thúc đẩy phong trào cách mạng ở Đại Từ. Mặc dầu lực lượng không lớn, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, cộng với niềm tin vào thắng lợi của cách mạng và sự ủng hộ, che chở của nhân dân ở các xã vùng phía Bắc huyện Đại Từ, các chiến sĩ Cứu quốc quân đi sâu vào các làng bản hẻo lánh ở các vùng núi Tam Đảo, Núi Hồng, Đèo De, và vào các thung lũng nơi sinh sống của đồng bào Nùng, đồng bào Dao để tuyên truyền, giác ngộ

cách mạng cho đồng bào, nhằm biến vùng rừng, núi hiểm trở này thành căn cứ địa cách mạng mới.

Vận dụng những kinh nghiệm trong quá trình vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng ở Võ Nhai, giờ đây đi đến đâu, bám chắc được vào dân ở thôn bản nào, tổ Cứu quốc quân đều nhanh chóng thành lập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Cứu quốc ở cơ sở, lựa chọn những quần chúng trung kiên thành lập tự vệ Cứu quốc.

Những biện pháp tích cực đó đã làm cho cơ sở cách mạng ở La Bằng mau chóng được củng cố về mọi mặt. Sự xuất hiện của tổ Cứu quốc quân đã đem lại nguồn cổ vũ to lớn cho đông đảo nhân dân các dân tộc ở các xã vùng phía Bắc huyện Đại Từ. Nhiều thanh niên người Nùng, người Dao, người Tày hăng hái xin gia nhập lực lượng tự vệ Cứu quốc. Nhờ vậy, chỉ trong vòng 6 tháng, địa bàn hoạt động của tổ Cứu quốc quân đã lan rộng từ các xã Yên Lãng, Minh Tiến, Na Mao (Đại Từ) sang các xã Bảo Cường, Thanh Định, Trung Hội (Định Hoá) Liễu Sơn (Sơn Dương, Tuyên Quang).

Cuối năm 1942, địa bàn hoạt động của bộ phận Cứu quốc quân ở lại trong nước đã mở rộng, tạo thế đứng vững chắcở nhiều nơi, trong đó, nơi có giá trị chiến lược hơn cả là vùng Bắc Đại Từ – Tây Nam Định Hoá (Thái Nguyên) - Đông Bắc Sơn Dương (Tuyên Quang). Đây là vùng núi hiểm trở có Núi Hồng cao hơn 600 mét, kế đến là Đèo De cao trên 400 mét. Đỉnh Núi Hồng và Đèo De đều là đường phân thuỷ giữa Thái Nguyên và Tuyên Quang. Sườn núi và chân núi phía đông là những cánh rừng già

nguyên thuỷ, nơi sinh sống của nhiều bà con dân tộc Dao, Nùng, Tày, Cao Lan, Sán Chí rất giàu lòng yêu nước, đã được giác ngộ cách mạng, có niềm tin vững chắc vào cách mạng, rất hăng hái tham gia mọi công việc cách mạng giao cho. Hầu hết các làng, bản ở đây đã thành lập Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể, tự vệ Cứu quốc.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, tháng 11/1942, các đồng chí Phương Cương (cán bộ Cứu quốc quân), Đường Nhất Quý (cán bộ cơ sở của Đại Từ) đã tìm đường ra vùng biên giới Việt Trung báo cáo với đồng chí Chu Văn Tấn, đề nghị đưa Cứu quốc quân về nước hoạt động[1].

Đầu năm 1943, đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân từ biên giới Việt – Trung đã trở về Căn cứ Võ Nhai an toàn. Ngay sau khi về đến căn cứ, Ban chỉ huy Cứu quốc quân II đã chia đơn vị thành các tổ tăng cường cho phong trào các địa phương, trong đó một tiểu đội do đồng chí Triệu Khánh Phương chỉ huy sang các xã phía bắc Đại Từ phối hợp với các đồng chí đang hoạt động ở đây củng cố và mở rộng phong trào. Sau khi được tăng cường lực lượng, cuộc vận động xây dựng, phát triển tiềm lực cách mạng về mọi mặt ở Bắc Đại Từ và vùng xung quanh Núi Hồng thuộc Định Hoá (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang) được đẩy mạnh. Riêng 7 xã bắc Đại Từ, phong trào lớn mạnh cả về số

[1] Sau 8 tháng hoạt động du kích chống khủng bố ở Võ Nhai, tháng 3/1942, Cứu quốc quân tạm thời rút ra biên giới Việt – Trung để củng cố lực lượng (xem Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1 xb năm 2003).

lượng và chất lượng, hầu hết các xã đã thành lập Ban Việt Minh xã, nhiều xóm, bản đã 'Việt Minh hoá", nhiều hộ cả gia đình là hội viên của các đoàn thể Cứu quốc; lực lượng tự vệ Cứu quốc không ngừng được mở rộng. Các xã Na Mao, Yên Lãng đã thành lập trung đội tự vệ Cứu quốc làm nhiệm vụ bảo vệ cơ sở Cách mạng, bảo vệ nhân dân. Đầu năm 1944, thực dân Pháp xây dựng ở Đèo Khế một đồn binh nhằm kiểm soát và khống chế con đường liên lạc giữa Đại Từ (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang). Đồn Đèo Khế có khoảng 20 tên lính khố xanh do tên Quản Tri chỉ huy. Sau khi thành lập, Trung đội tự vệ Cứu quốc xã Yên Lãng đã thường xuyên tổ chức quấy rối (đốt rừng, ném đá, lăn đá to từ đỉnh đèo xuống, bắn súng kíp...) làm cho binh lính trong đồn Đèo Khế hoảng sợ, ăn ngủ không yên và không dám vào làng nhũng nhiễu, cướp bóc tài sản của nhân dân. Tháng 9/1944, thực dân Pháp bỏ đồn Đèo Khế, rút binh lính về thị xã Thái Nguyên.

Trên cơ sở những thuận lợi đó, Ban chỉ huy Cứu quốc quân II quyết định lấy vùng Núi Hồng làm căn cứ mới nhằm tích cực và chủ động chuẩn bị đưa ngọn lửa đấu tranh vũ trang cách mạng vượt ra bên ngoài Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai, tạo ra một thế phát triển mới và chuẩn bị điều kiện để đưa cuộc đấu tranh cách mạng ở Đại Từ nói riêng, Thái Nguyên nói chung tiến lên một giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn.

Có thể nói, cùng với Căn cứ địa Cao Bằng và Căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai, sự ra đời và lớn mạnh nhanh chóng của Căn cứ Núi Hồng đã tạo nên một thế đứng

mới – thế chân kiềng - cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tại Việt Bắc (một vùng miền núi rộng lớn, giữ vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của cả nước).

Phong trào cách mạng ở các xã vùng phía Bắc Đại Từ được củng cố, phát triển mạnh mẽ, có thể đứng vững và trở thành Căn cứ địa của Cứu quốc quân. Các đồng chí lãnh đạo phong trào cách mạng ở Đại Từ chủ trương chuyển hướng chỉ đạo vận động cách mạng về các xã vùng phía Đông và phía Nam huyện.

Tháng 2 năm 1944, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Uỷ viên Thường vụ Trung ương Đảng lên Chiến khu Hoàng Hoa Thám kiểm tra tình hình và chỉ đạo hoạt động của Cứu quốc quân. Sau khi nghe báo cáo và kiểm tra thực tế ở các huyện Đại Từ, Đinh Hoá (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang), tại Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang), đồng chí Hoàng Quốc Việt đã triệu tập một Hội nghị cán bộ truyền đạt Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (họp tháng 2/1943). Khi phân tích về tình hình nhiệm vụ mới, đồng chí Hoàng Quốc Việt nhất mạnh: Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đặt nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang là nhiệm vụ quan trọng và cần kíp lúc này của toàn Đảng.

Nhận thấy phong trào cách mạng trên địa bàn hoạt động của Trung đội Cứu quốc quân II (lúc này gọi là Chiến khu Hoàng Hoa Thám) đã được mở rộng, Hội nghị quyết định: Một là, thành lập Trung đội Cứu quốc quân III (gọi tắt là Cứu quốc quân III), cốt cán là những

cán bộ, chiến sĩ của Cứu quốc quân II được cử sang hoạt động ở Đại Từ từ cuối năm 1941 đến đầu năm 1943 và một số chiến sĩ tự vệ Cứu quốc của các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang). Hai là, chia Chiến khu Hoàng Hoa Thám làm hai phân khu: Phân khu A (Phân khu Quang Trung) và Phân khu B (Phân khu Nguyễn Huệ). Phân khu B gồm các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương, Thành phố Thái Nguyên, và các xã vùng phía Bắc thị xã Sông Công ngày nay (Thái Nguyên), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang), Nam Chợ Đồn (Bắc Kạn). Đồng chí Chu Văn Tấn được Trung ương chỉ định làm Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám trực tiếp phụ trách Phân khu B. Vùng Núi Hồng là căn cứ của Chiến khu Hoàng Hoa Thám[1].

Ngày 25 tháng 2 năm 1944, tại rừng Khuổi Kịch (Sơn Dương, Tuyên Quang) lễ thành lập Trung đội Cứu quốc quân III được tổ chức trọng thể. Trung Cứu quốc quân đội III có 24 cán bộ, chiến sĩ [2]. Ban chỉ huy Trung đội gồm các đồng chí Khánh Phương (Trung đội trưởng), Chu Phóng, Phương Cương (Trung đội phó). Thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã công nhận Đội Cứu quốc quân III là đội quân cách mạng nòng cốt của Phân khu Nguyễn Huệ và trao lá cờ đỏ sao vàng cho đơn vị. Đồng chí Hoàng Quốc Việt

[1] Xem Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ tập 1.

[2] Khánh Phương, Chu Phóng, Phương Cương, Hồng Thái, Phúc Quyền, Hồng Hải, Lâm Thơ, Đường Thị Ân, Hoàng Thị Lê, Hồng Long, Vương Văn Nè, Nông Văn Bích, Nông Văn Cún, Cao Văn Nhất, Cao Văn Vạn, Lê Dục Tôn, Thái Long, Long Giang, Nguyễn Minh, Hoàng Thượng, Vũ Yên, Hoàng Xuân, Hoàng Tài, Quang Hiển (xem Tạp chí lịch sử quân sự, số 4/2000).

nói chuyện động viên, giao nhiệm vụ cho cán bộ chiến sĩ đội Cứu quốc quân III phải phát huy truyền thống anh dũng của Cứu quốc quân I, Cứu quốc quân II, ra sức củng cố và mở rộng địa bàn hoạt động, tích cực chuẩn bị mọi mặt để khi thời cơ đến, tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân III là Phân khu B, lấy Núi Hồng làm căn cứ và các xã phía Bắc huyện Đại Từ làm hậu phương trực tiếp của đơn vị.

Những tháng cuối năm 1944, tình hình so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên toàn bộ các xã phía Bắc huyện Đại Từ đã thay đổi, về cơ bản có lợi cho cách mạng.

Quyền làm chủ trên thực tế cả khu vực này thuộc về lực lượng cách mạng. Một thế phát triển mới của cuộc đấu tranh cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền đã được tạo ra.

Trước sự phát triển mạnh mẽ và đều khắp của phong trào Việt Minh, sự xuất hiện của Trung đội Cứu quốc quân 3 và nhiều đơn vị tự vệ cứu quốc ở các xã La Bằng, Minh Tiến, Na Mao, Yên Lãng... với việc đẩy mạnh các hoạt động luyện tập, canh gác bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ nhân dân đã buộc bọn lý dịch, bọn phản động, tay sai không những phải nằm im, tinh thần suy sụp, không dám hoạt động chống phá cách mạng, mà còn tìm đường chạy sang hàng ngũ Việt Minh.

Phong trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ, lan rộng nhanh chóng, nhu cầu cán bộ cho phong trào trở thành cấp bách. Trung ương Đảng chủ trương tổ chức giải

thoát cho các cán bộ, đảng viên đang bị đế quốc giam cầm trong các nhà tù của chúng trở về phụ trách phong trào.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Chỉ thị của Xứ uỷ Bắc Kỳ, ngày 2/10/1944, Chi bộ Nhà tù Chợ Chu (Định Hoá) phối hợp với các đồng chí đảng viên đang hoạt động ở các huyện Đại Từ, Định Hoá tổ chức cho 12 đồng chí đảng viên bị giam trong Nhà tù Chợ Chu vượt ngục thành công.

Sau gần 10 ngày được các đồng chí Lê Dục Tôn và Lộc Văn Tư dẫn đường luồn rừng, leo đèo, lội suối, 12 đảng viên bị địch giam ở Nhà tù Chợ Chu vượt ngục đã về tới tổng Cao Vân thuộc trung tâm Căn cứ Núi Hồng an toàn. Trung tuần tháng 10/1944, tại Khuôn Nanh (xã Yên Lãng), các đồng chí Chu Văn Tấn và Song Hào chủ trì Hội nghị phân công công tác cho 12 đồng chí đảng viên vượt ngục ở Nhà tù Chợ Chu ra. Các đồng chí Song Hào, Lê Hiến Mai, Tạ Xuân Thu, Lê Trung Đình, Nhị Quý, Trần Thế Môn... được phân công về hoạt động tại Phân khu Nguyễn Huệ trong đó, các đồng chí Nhị Quý, Lê Trung Đình, Trần Thế Môn, Tạ Xuân Thu về hoạt động ngay tại Đại Từ. Đồng chí Song Hào được cấp trên chỉ định làm Bí thư Khu uỷ Phân khu Nguyễn Huệ, các đồng chí Tạ Xuân Thu và Lê Hiến Mai làm Khu uỷ viên. Đồng chí Song Hào ở nhà đồng chí Lý Thanh, dân tộc Nùng ở xã Văn Lãng. Gia đình đồng chí Lý Thanh đã giúp đỡ, chở che, coi đồng chí Song Hào như anh em ruột thịt. Tháng 1/1945, đồng chí Song Hào chuyển sang hoạt động ở Sơn Dương (Tuyên Quang).

Với tinh thần cách mạng trong sáng, tư tưởng phấn chấn vừa được giải phóng khỏi nhà tù đế quốc, lạc quan trước phong trào cách mạng của quần chúng đang phát triển và với kinh nghiệm nhiều năm lăn lộn lãnh đạo phong trào, các đảng viên vượt ngục Chợ Chu ra được phân công hoạt động ở Đại Từ đã cùng các cán bộ cơ sở đi sâu vào các tầng lớp nhân dân để giáo dục và tổ chức họ đứng lên tham gia công việc cứu quốc; đã tập hợp được nhiều thanh niên yêu nước và nhiệt tình hoạt động cách mạng gia nhập lực lượng tự vệ và huấn luyện quân sự cho họ, sẵn sàng tổ chức họ đứng lên khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền[1].

Cùng với sự lớn mạnh vượt bậc của phong trào cách mạng ở các xã phía Bắc và Tây Bắc huyện, phong trào cách mạng ở các xã phía Đông và Đông Nam huyện cũng cũng có những bước nhẩy vọt. Đầu năm 1945 phong trào cách mạng đã lan đến các xã Hà Thượng, Phục Linh, Cù Vân. Rút kinh nghiệm quá trình xây dựng, phát triển phong trào cách mạng ở các xã phía Bắc, các đồng chí được cử về hoạt động ở các xã Đông và Đông Nam huyện đã coi trọng việc xây dựng, tổ chức lực lượng tự vệ Cứu quốc đến đâu, huấn luyện đến đó. Ban chỉ huy Phân khu B cử đồng chí Hà Văn Thứ, cán bộ quân sự của Phân khu về làm giáo viên quân sự huấn

---

[1] Tháng 11 năm 1944, tại rừng Tam Ngọc (xã Phú Xuyên), Cứu quốc quân 3 đã mở lớp huấn luyện quân sự cho 30 tự vệ tổng Cao Vân (địa bàn các xã Yên lãng, Phú Xuyên, Na Mao ngày nay).

luyện cho tự vệ các xã Phục Linh, Hà Thượng, Cù Vân[2].

Sau một thời gian công tác ở La Bằng, theo sự phân công của lãnh đạo Phân khu B, đồng chí Lê Trung Đình đến đồn điền Yên Rã xây dựng cơ sở để tiếp tục mở đường xuống Ký Phú, Cát Nê...Công việc gây dựng phong trào đang có nhiều thuận lợi thì tháng 1/1945, đồng chí Lê Trung Đình được trên điều sang huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang) công tác.

*

* *

20 giờ 30 phút ngày 9/3/1945, phát xít Nhật nổ súng đảo chính, lật đổ thực dân Pháp cùng một lúc trên toàn cõi Đông Dương. Cuộc đảo chính đã kết thúc nhanh chóng bằng sự sụp đổ của chính quyền thực dân Pháp. Đây là thời cơ thuận lợi để Đảng ta phát động cao trào chống Nhật, cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Thị xã Thái Nguyên, tuy quân Nhật chưa đánh lên, nhưng nghe tin Nhật nổ súng đánh Pháp, bọn Pháp ở đây đã hoang mang tột độ. Ngày 10/3/1945, chúng vội vã bắt phu khuân vác đồ đạc, vũ khí lên xe ô tô theo Quốc lộ 3 lên Bờ Đậu (Phú Lương), rẽ theo Đường 13A chạy sang Tuyên Quang.

Trước tình hình quân Pháp theo Đường 13A sang Tuyên Quang và nghe tiếng súng đại bác từ xa vọng đến, khẳng định quân Nhật, Pháp đã đánh nhau, tuy

---

[2] Nhân dân gọi đồng chí Hà Văn Thứ là giáo Thứ vì đồng chí là giáo viên quân sự, đồng chí Hà Văn Thứ đã bị bọn phản động sát hại đầu năm 1945.

chưa có chỉ thị của trên, nhưng căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương từ trước, đồng chí Chu Văn Tấn (Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám đang hoạt động ở Căn cứ Núi Hồng) đã chỉ huy một đơn vị Cứu quốc quân ra phục kích địch tại đỉnh Đèo Khế.

Đèo Khế dài khoảng 3 km nằm giữa địa giới 2 tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang. Địa hình Đèo Khế rất hiểm trở, một bên là dốc đứng cheo leo, một bên là vực sâu thăm thẳm, cây rừng rậm rạp, um tùm.

Quân Pháp vừa đến lưng chừng Đèo Khế đã bị Cứu quốc quân nổ súng chặn đánh. Cùng lúc đó ở dưới chân Đèo Khế, nhân dân phao tin quân Nhật đang ở trên đỉnh đèo. Bị chặn đánh bất ngờ, tinh thần quân Pháp hoàn toàn suy sụp, bỏ lại 2 xe ô tô tải chở toàn súng, đạn và lựu đạn. Bọn quan chức dân sự và chỉ huy quân sự vội vã quay đầu xe ô tô, tháo chạy trở lại thị xã Thái Nguyên. Mất chỉ huy, binh lính địch hoảng sợ, vứt súng, đạn, lao vào rừng chạy tháo thân.

Thực hiện lệnh của đồng chí Chu Văn Tấn, Trung đội tự vệ Cứu quốc xã Yên Lãng do đồng chí Lý Thanh chỉ huy đã huy động 32 cán bộ, chiến sĩ tự vệ và nhân dân hai bên Đường 13A ra cùng với Cứu quốc quân và một số người bị quân Pháp bắt đi làm phu khuân vác đồ đạc, vũ khí (có cả 2 lính khố đỏ ở lại tình nguyện theo cách mạng) thu chiến lợi phẩm đưa về Căn cứ.

Số vũ khí thu được rất lớn, có cả tiểu liên, trung liên, đủ trang bị cho hai đại đội. Đây là thắng lợi to lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang Đại Từ. Ngay chiều ngày 10 tháng 3, Ban lãnh đạo Phân khu B đưa ngay số

vũ khí thu được trang bị cho Cứu quốc quân và lực lượng tự vệ cứu quốc ở 7 xã Bắc Đại Từ.

Được cổ vũ bởi trận Đèo Khế thắng lợi, đêm ngày 10 tháng 3, được tin báo có một đại đội quân Pháp đang đóng ở làng Thúc Khê (xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) lập tức đơn vị tự vệ Đại Từ hành quân vượt Đèo Khế sang tập kích. Cũng như đồng bọn ở Thái Nguyên, khi tự vệ Đại Từ nổ súng, binh lính Pháp ở đây cũng hoảng sợ, lợi dụng đêm tối vứt súng, đạn tháo chạy vào rừng. Ta thu thêm một số vũ khí và rút quân an toàn.

Sáng ngày11/3, tự vệ Cứu quốc xã Yên Lãng lấy quần áo thu được của quân Pháp hôm trước, cải trang vào nhà tổng Đoàn thu súng của lính dõng, và đến nhà lý dịch La Bằng tịch thu giấy tờ, bằng triện. Phát huy thắng lợi, tự vệ Cứu quốc Yên Lãng lần lượt đến các xã Hoàng Nông, Na Mao, Phú Xuyên, tịch thu vũ khí, giấy tờ, sổ sách, bằng triện của bọn hào lý. Trước khí thế chiến thắng của cách mạng, nhiều thanh niên có tinh thần yêu nước ở các xã trong huyện đã xin gia nhập tự vệ Cứu quốc. Các xã Yên Lãng, Hoàng Nông, Phú Xuyên, Na Mao, mỗi xã đã thành lập được một đại đội tự vệ, các xã còn lại mỗi xã thành lập được từ một đến hai trung đội, được trang bị bằng vũ khí thu của lính dõng và bằng vũ khí chiến lợi phẩm thu được của địch trong trận đánh ngày 10/3.

Trung tuần tháng 3/1945, Tri huyện Đại Từ đã ra lệnh cho các tổng đoàn, xã đoàn, lính dõng trong toàn huyện phải cất giấu vũ khí, không để lọt vào tay Việt

Minh. Ngày 15/3, Tri huyện Đại Từ lên xã Yên Lãng chỉ huy việc thu súng của lính dõng. Vì trước đó toàn bộ súng, đạn của lính dõng đã bị Việt Minh tịch thu, còn lính dõng thì người theo cách mạng tham gia lực lượng tự vệ, người chạy đi nơi khác làm ăn, bộ máy tay sai ở làng xã đã bị Việt Minh giải tán, nên Tri huyện Đại Từ vội vàng cùng quân lính chạy về huyện lỵ.

Từ cuối tháng 3/1945, phong trào đấu tranh của nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, trong điều kiện phát xít Nhật đã tràn vào Thái Nguyên, chính quyền tay sai của Pháp chuyển sang tay Nhật và đã trở thành chỗ dựa và công cụ đắc lực của phát xít Nhật thì muốn thực hiện triệt để nhiệm vụ kháng Nhật, cứu nước và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giải phóng dân tộc ngay địa phương mình, trước hết lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân Đại Từ phải đánh đổ chính quyền tay sai của phát xít Nhật, giành chính quyền về tay nhân dân trước khi quân Nhật đánh lên Đại Từ.

Trước tình hình đó, ngày 25/3/1945, lãnh đạo Phân khu B (Nguyễn Huệ) quyết định triệu tập một cuộc họp quan trọng tại Yên Lãng. Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Hội nghị quyết định:

- Một là, tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở huyện Đại Từ vào ngày 29/3. Lực lượng khởi nghĩa gồm một đại đội Cứu quốc quân và ba đại đội tự vệ cứu quốc, đặt dưới sự chỉ huy của đồng chí Chu Văn Tấn, Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám.

- Hai là, sau khi khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện thắng lợi, Cứu quốc quân và lực lượng tự vệ làm nòng cốt hỗ trợ quần chúng ở tất cả các xã trong huyện nổi dậy giành chính quyền.

- Ba là, tập hợp đông đảo nhân dân các dân tộc ở 7 xã phía Bắc Đại Từ kéo đến phố Yên Lãng tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng, nhằm phát động toàn dân trong huyện biểu dương lực lượng, gây áp lực buộc kẻ thù phải chuyển giao chính quyền cho cách mạng. Lực lượng tự vệ vừa là người vận động nhân dân các xã đi dự mít tinh, vừa là đơn vị bảo vệ cuộc mít tinh.

Thực hiện chủ trương của lãnh đạo Phân khu B, chiều 25/3, gần một ngàn người đã tập trung về phố Yên Lãng dự mít tinh. Thay mặt Ban lãnh đạo Phân khu B, đồng chí Chu Văn Tấn đã kêu gọi nhân dân các dân tộc trong huyện: Xiết chặt đội ngũ, đoàn kết phối hợp với Cứu quốc quân và lực lượng tự vệ vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Ban lãnh đạo Phân khu B khẳng định với nhân dân các dân tộc Đại Từ: "nhân dân ta sẽ thắng, cách mạng sẽ giành được chính quyền".

Khác với tình hình hồi tháng giêng, tháng hai, lần này phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ lớn mạnh cả về tư tưởng, tổ chức, trang bị; đồng thời được cán bộ thường xuyên giác ngộ, động viên nên đại đa số nhân dân trong huyện đã sẵn sàng nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa.

Ngay sau cuộc mít tinh, tất cả cán bộ toả về các xã, xung quanh huyện lỵ tập hợp, phát động quần chúng sẵn sàng cùng lực lượng vũ trang cách mạng tham gia

giải phóng huyện lỵ; tiến hành công tác binh vận; thống nhất kế hoạch hành động với cơ sở của ta trong binh lính địch, khi quân cách mạng nổ súng tiến công.

Theo kế hoạch tối 29/3/1945, Ban chỉ huy khởi nghĩa lệnh cho 1 đại đội Cứu quốc quân và 3 đại đội tự vệ Đại Từ triển khai lực lượng, bao vây tấn công huyện lỵ. Đại đội Cứu quốc quân, do đồng chí Hồng An chỉ huy chốt giữ cầu Huy Ngạc, sẵn sàng chặn đánh quân Nhật ở thị xã Thái Nguyên lên cứu viện; Đại đội tự vệ do đồng chí Chu Văn Sủi (Tân Sàng) làm Đại đội trưởng, đồng chí Trung Lập làm Đại đội phó bố trí ở Suối Tắm, Bàn Cờ và Suối Mang, mỗi nơi một trung đội đề phòng bọn phản động ở phía Nam đánh lên.

Đại đội tự vệ do đồng chí Lý Thanh làm Đại đội trưởng, đồng chí Cao Sơn làm Đại đội phó được trang bị hoả lực mạnh, làm nhiệm vụ chủ công đánh đồn bảo an và dinh Tri phủ. Đại đội tự vệ do đồng chí Nam Sơn làm Đại đội trưởng, đồng chí Vạn Đại là làm Đại đội phó làm lực lượng dự bị, sẵn sàng tiếp ứng khi đại đội chủ công gặp khó khăn.

Trước khi nổ súng, với lòng nhân đạo và nghĩa khí hào hiệp của quân cách mạng, của người cùng một nước, lãnh đạo, chỉ huy quân khởi nghĩa đã gửi thư khuyên tri phủ Nguyễn Ngọc Đường quay lại với nhân dân, chấp thuận những điều kiện đầu hàng do quân cách mạng đưa ra để tránh sự đổ máu vô ích.

Nhưng thiện chí của lãnh đạo, chỉ huy quân khởi nghĩa đã bị Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường bác bỏ. Sau phát súng lệnh của đồng chí Lý Thanh, các loại súng

trung liên, tiểu liên, súng trường của đại đội tự vệ chủ công đồng loạt nhả đạn vào đồn bảo an và dinh Tri phủ. Bị đánh bất ngờ, bọn địch hoảng sợ, hỗn loạn. Lợi dụng tình trạng nhốn nháo ấy anh em binh lính nhân mối đã mở cổng đồn và reo hò cùng với tiếng thét xung phong của lực lượng tự vệ, làm cho từ quan đến quân mất hết tinh thần, bỏ vị trí, tháo chạy toán loạn. Tri phủ Nguyễn Ngọc Đường lợi dụng trời tối trốn thoát. Đại đội tự vệ do đồng chí Lý Thanh chỉ huy nhanh chóng vận động chiếm đồn Hùng Sơn trên đồi cao. Đại đội tự vệ do đồng chí Nam Sơn chỉ huy xông vào phủ đường. Số đông binh lính không kịp chạy, xin đầu hàng quân cách mạng, ta thu hơn 200 khẩu súng các loại. Cuộc tiến công chớp nhoáng của lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ đã làm tan rã hoàn toàn bộ máy chính quyền tay sai và lực lượng quân sự của địch ở Đại Từ do thực dân Pháp và phát xít Nhật dày công xây dựng trong 59 năm.

Phát huy thắng lợi, sáng ngày 30/3, lực lượng khởi nghĩa chia thành nhiều đơn vị đồng loạt tiến về các xã Tiên Hội, Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Hùng Sơn...phát động quần chúng mít tinh biểu dương lực lượng, tuyên bố xoá bỏ chính quyền tay sai của đế quốc, thành lập chính quyền cách mạng.

Để khuyếch trương thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng của lực lượng vũ trang cách mạng và nhân dân các dân tộc Đại Từ, đồng thời cổ vũ mạnh mẽ tinh thần tiếp tục tiến công quét sạch bộ máy tay sai của thực dân, đế quốc ở tất cả các xã trong huyện, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của bọn phản động;

sẵn sàng giáng trả quân phát xít Nhật, bảo vệ thành quả cách mạng, ngày 31/3/1945, một cuộc mít tinh quần chúng quy mô lớn nhất từ trước đến lúc ấy được tổ chức ngay tại Hùng Sơn, huyện lỵ vừa được giải phóng. Mọi hoạt động trong huyện ngày 31/3 đều dồn cho cuộc mít tinh lịch sử này. Nông dân không ra đồng, người buôn bán tạm nghỉ buổi chợ, công nhân Mỏ than Làng Cẩm tạm ngừng sản xuất... Hàng ngàn quần chúng ở tất cả các xã trong huyện đã nô nức kéo về huyện lỵ dự mít tinh.

Trước khí thế của hàng nghìn quần chúng gồm đủ các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong huyện, đồng chí Chu Văn Tấn, thay mặt Ban lãnh đạo Phân khu Nguyễn Huệ kêu gọi các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Đại Từ phát huy thắng lợi, đoàn kết, sát cánh cùng nhau bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được, sẵn sàng cùng đồng bào trong tỉnh, trong Chiến khu dấy lên cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Tiếp theo cuộc mít tinh đã chuyển thành một cuộc tuần hành biểu dương lực lượng, do các đại đội tự vệ dẫn đầu kéo thẳng đến phá các kho thóc của địch ở Tràng Lương, Tràng Lang, Hùng Sơn... chia cho người nghèo và chuyển về Căn cứ Núi Hồng dự trữ để cung cấp cho tự vệ, Cứu quốc quân và cán bộ hoạt động thoát ly.

Đầu tháng 4/1945, Uỷ ban dân tộc giải phóng và Mặt trận Việt Minh từ huyện xuống các làng, xã ở Đại Từ được thành lập. Từ đây, nhân dân các dân tộc Đại Từ thực sự làm chủ vận mệnh cuộc sống của mình[1].

[1] Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ tập 1, trang 58

*

* *

Bên cạnh lực lượng Cứu quốc quân và tự vệ Cứu quốc, đầu năm 1942, ở Quân Chu xuất hiện một nhóm thanh niên gồm 5 anh em ruột của dòng họ Nguyễn Huy[2] sống ở Tam Đảo thuộc đất tỉnh Vĩnh Yên, (nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc) do bất mãn với chính sách thống trị của thực dân Pháp đã kéo xuống núi xây dựng lán, phá rừng, làm nương và đốt củi lấy than, làm kế sinh nhai, đồng thời tìm cách tham gia phong trào cách mạng, cứu nước. Cái tên "Lán Than" cũng ra đời từ đó.

Để tránh sự sách nhiễu của giới chức cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động yêu nước sau này, Nguyễn Huy Mục làm đơn xin phép chính quyền Thái Nguyên được mở cơ sở làm than củi cung cấp cho những gia đình viên chức người Pháp ở Thái Nguyên và khu nghỉ mát Tam Đảo. Chánh sứ Thái Nguyên Mischelot đồng ý và cấp giấy phép cho Nguyễn Huy Mục làm chủ cơ sở.

Những năm 1940, 1941, anh em gia đình Nguyễn Huy vốn có tấm lòng ái hữu, trong đó Nguyễn Huy Minh đã được cán bộ cách mạng hoạt động ở Vĩnh Yên dìu dắt, giác ngộ, trở thành một thanh niên hăng hái tham gia hoạt động cách mạng.

Năm 1941, cơ sở cách mạng bị khủng bố, Nguyễn Huy Minh bị Pháp bắt giam ở Hoả Lò (Hà Nội). Do không có bằng chứng buộc tội, giặc Pháp phải trả tự do

---

[2] Anh cả Nguyễn Huy Minh (bí danh Thạch Sơn), kế đến Nguyễn Huy Mục (Tam Sơn), Nguyễn Huy Tân (Ngân Sơn), Nguyễn Huy Khoa (Mai Sơn) và Nguyễn Huy Văn (Kim Sơn)

cho Nguyễn Huy Minh. Nhưng từ đó Nguyễn Huy Minh mất liên lạc với tổ chức. Thắng lợi của phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên đã gây tiếng vang lớn trong vùng, thôi thúc năm anh em xuống Quân Chu tìm cách mạng. Do đó, nhân dân các xã Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú rất có thiện cảm với "anh em ở Lán Than". Sau này nhiều gia đình ở các xã Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú đã trở thành cơ sở của Mặt trận Việt Minh, trong đó có cả các gia đình là người các dân tộc Dao, Tày, Nùng. Nhiều thanh niên đã đến Lán Than, để đến với cách mạng.

Từ một khu rừng hoang vu, vắng bóng người, sau một năm khu vực "Lán Than" đã thành mảnh đất sinh lợi, có thóc, gạo, sắn, lợn, gà... Người từ nơi khác vào khu vực Lán Than thu hái lâm sản, nhỡ độ đường đều được giúp đỡ. Vì vậy, Lán Than được nhiều người biết đến và có thiện cảm.

Để săn bắn, phòng chống thú dữ và bảo vệ cơ sở, anh em ở Lán Than đã mua được một số súng săn, súng kíp và giáo mác. Cuối năm 1942 đầu năm 1943, cơ sở Lán Than đã tập hợp được một số thanh niên trong vùng thành lập Đội tự vệ do Thạch Sơn phụ trách. Có thể coi đây là đội tự vệ Cứu quốc đầu tiên của huyện Đại Từ được thành lập (sau đó lấy tên là Đội du kích Tam Đảo – Quân Chu).

Tháng 8/1944, đồng chí Chu Văn Tấn, Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, sau khi nhận được báo cáo đã đến Quân Chu, vào Lán Than kiểm tra tình hình hoạt động của cơ sở này và công nhận đây là tổ chức cách mạng. Đồng chí Chỉ huy trưởng Chiến khu

Hoàng Hoa Thám giao cho Đội du kích Tam Đảo – Quân Chu nhiệm vụ tìm đường bắt liên lạc với An toàn khu 2 (ATK2) của Trung ương ở Hiệp Hoà (Bắc Giang), Phổ Yên, Phú Bình (Thái Nguyên), phát triển lực lượng sang xã Bình Định (thuộc huyện Đồng Hỷ); liên lạc với các đồng chí đang bị địch giam giữ ở Căng Bá Vân[1] .

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), quân Pháp ở nhiều nơi vứt bỏ súng, đạn chạy trốn. Quân Pháp đóng ở đồn Vàng (xã Trung Hà, huyện Hưng Hoá, Phú Thọ) ném súng xuống sông Hồng, nhân dân mò được đem bán, cơ sở Lán Than mua được 3 khẩu và hơn 200 viên đạn. Cùng thời gian này, quân Đồng minh đã thả dù tiếp tế vũ khí cho Pháp. Lo sợ Nhật, quân Pháp đã đưa số vũ khí này cất giấu trong rừng, du kích Lán Than biết được tìm đến lấy được một số súng, đạn, lựu đạn, thuốc nổ, trong đó có một khẩu tiểu liên Sten, trang bị cho đơn vị.

Được tin đêm 29/3 Cứu quốc quân và lực lượng tự vệ Cứu quốc các xã phía Bắc huyện Đại Từ đã đánh chiếm huyện lỵ, giành chính quyền thắng lợi, Đội tự vệ Tam Đảo – Quân Chu đẩy mạnh hoạt động. Cùng lúc đó, đồng chí Trường Sơn được phân công đưa một tổ công tác từ huyện lỵ xuống Cát Nê liên lạc với cơ sở cách mạng do đồng chí Thái Sơn phụ trách; đồng thời liên lạc với anh em du kích Tam Đảo – Quân Chu ở Lán Than.

---

[1] Ngày 4/12/1958, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc cấp giấy chứng nhận số 25/CN, do Chính uỷ Quân khu Thiếu tướng Chu Văn Tấn ký chứng nhận "Đội du kích Phạm Hồng Thái do các đồng chí Vũ Tuân và Thạch Sơn chỉ huy là một đội võ trang do Đảng tổ chức và lãnh đạo trong thời kỳ tiền khởi nghĩa..."

Đầu tháng 4 năm 1945, các đồng chí chỉ huy Đội du kích Tam Đảo – Quân Chu đã họp với các đồng chí trong tổ công tác và cơ sở Cát Nê tại thôn La Vĩnh, quyết định bốn vấn đề quan trọng: Một là, thống nhất ba lực lượng thành một đội du kích, mang tên là Đội du kích Cao Sơn. Hai là, những đội viên trong Đội đều đổi tên và thống nhất lấy tên kép có chữ Sơn phía sau (Thạch Sơn, Trường Sơn, Thái Sơn v.v)[1] . Ba là, cử ra một Ban chỉ huy thống nhất gồm ba đồng chí Trường Sơn (Đội trưởng), Thạch Sơn và Thái Sơn (Đội phó). Bốn là, ngay sau lễ thành lập, Đội triển khai ngay nhiệm vụ mở rộng địa bàn hoạt động ra các xã Vân Yên, Lục Ba, Tân Thái... đi sâu xuống xã Phúc Thuận (Phổ Yên) và mở rộng sang các xã Bình Định, Bá Xuyên...

Trước đó, đầu năm 1944, thực hiện nhiệm vụ do Xứ uỷ Bắc Kỳ giao, các đồng chí Cứu quốc quân đã liên lạc được với các đồng chí ở Chi bộ Căng Bá Vân. Từ đó Chi bộ Căng Bá Vân đã nhận được sự chỉ đạo thường xuyên và trực tiếp của Xứ uỷ, một đường dây liên lạc bí mật của Xứ uỷ ở ATK2 qua Phúc Thuận (Phổ Yên) Quân Chu sang Bình Định, Bá Vân được xây dựng.

---

[1] Hiện nay chúng tôi mới sưu tầm được danh sách Đội du kích Cao Sơn như sau:

1- Trường Sơn - Đội trưởng	7- Ngân Sơn	13- Bình Sơn
2- Thạch Sơn - Đội phó	8- Kim Sơn	14- Điển Sơn
3- Thái Sơn -Đội phó	9- Mai Sơn	15- Thọ Sơn
4- Thanh Sơn	10- Địch Sơn	16- Hải Sơn
5- Hồng Sơn	11- Bảo Sơn	17- Hồ Sơn
6- Tam Sơn	12- Đông Sơn	18- Tây Sơn
		19- Hùng Sơn

Từ tháng 8/1944, khi Cứu quốc quân hoạt động mạnh ở các huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang), nhất là sau cuộc mở đường Nam – Bắc tiến thắng lợi, Căn cứ Núi Hồng hình thành thì đường dây liên lạc từ ATK2 đi Quân Chu đã được nối dài lên Căn cứ Núi Hồng và mở rộng sang các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng và đặt dưới sự chỉ đạo của cả hai cấp Trung ương Đảng và Xứ uỷ Bắc Kỳ. Nhiệm vụ bảo vệ tuyến giao thông bí mật này được đặt ra hết sức quan trọng, bức thiết đối với nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Đại Từ, bởi đây là con đường chính yếu đảm bảo thông tin liên lạc, đưa đón cán bộ, chuyển tài liệu và quan trọng hơn là phục vụ sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh từ Trung tâm Căn cứ địa Cao Bằng với phong trào cách mạng cả nước.

Ngày 21/4/1945, trên đường từ nơi họp Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ về căn cứ, các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn và một số đồng chí khác đã dừng lại căn cứ của Đội du kích Cao Sơn[1] ở Lán Than. Sau khi nghe chỉ huy Đội du kích Cao Sơn báo cáo tình hình, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Uỷ ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ giao nhiệm vụ cho Đội du kích Cao Sơn cùng với Cứu quốc quân và lực lượng tự vệ Cứu

---

[1] Ngày 29 tháng 6 năm 1987, với tư cách là Phó Chủ tịch HĐBT, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chứng nhận: "Tháng 4 năm 1945, trên đường từ Hiệp Hoà (nơi họp Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ) trở về Thái Nguyên, lần đầu tiên tôi gặp đồng chí Thạch Sơn (Nguyễn Huy Minh) và đồng chí Trường Sơn (Đặng Văn Giao) thuộc một đơn vị Cứu quốc quân tại một địa điểm bí mật ở phía tây làng Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"

quốc Đại Từ bảo vệ an toàn đường giao thông cuả Trung ương (Đội du kích Cao Sơn được giao bảo vệ con đường từ Ký Phú xuống đến các xã Tây Nam của huyện Phổ Yên); tích cực chuẩn bị đánh quân Nhật xâm nhập vào vùng giải phóng; mở rộng địa bàn hoạt động sang Vĩnh Yên. Đêm 21/4, đồng chí Nhị Quý chỉ huy một đội tự vệ vũ trang từ Yên Lãng xuống Quân Chu đón và bảo vệ đoàn đồng chí Võ Nguyên Giáp về Căn cứ Núi Hồng. Vài ngày sau, đồng chí Trung Đình được trên giao nhiệm vụ xuống Quân Chu giúp đỡ các đồng chí ở đây tổ chức chỉ đạo phát triển phong trào; bảo vệ đường giao thông của Trung ương theo chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp.

Ngày 24/4/1945, một toán 3 tên hiến binh Nhật từ thị xã Thái Nguyên đến Ký Phú xin gặp đại diện Mặt trận Việt Minh để thương lượng[1]; rao lên thuyết "Đồng văn, đồng chủng", "Người Châu Á không bắn người Châu á". Quán triệt Chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp trước khi rời Quân Chu "phải tiêu diệt bọn hiến binh, Việt gian thân Nhật để bảo vệ căn cứ, giữ bí mật tuyến giao thông quan trọng có ý nghĩa chiến lược của Trung ương lúc này", sau khi khai thác tài liệu, ta đã

---

(1)) Trước đó, ngày 9 /4, qua môi giới của Phó chánh tổng Ngoạn, một nhóm sĩ quan Nhật đã xin gặp Mặt trận Việt Minh. Các đồng chí Thạch Sơn, và Địch Sơn gặp chúng tại nhà Phó chánh tổng Ngoạn ở làng Văn Yên. Bọn Nhật đề nghị phía Mặt trận Việt Minh cho chúng mượn đường hành quân từ tỉnh lỵ Thái Nguyên qua Đại Từ vượt Đèo Khế sang Tuyên Quang, đổi lại, chúng sẽ trả lại huyện lỵ Đại Từ và ủng hộ 7 khẩu súng cho Việt Minh. Ta không đồng ý và yêu cầu chúng trở về vị trí.

- Cùng ngày (21/4/1945), quân Nhật đến khủng bố nhân dân và đốt phá sạch làng La Phác (xã Cát Nê)

đưa cả 3 tên hiến binh Nhật ra sân đình Ký Phú xử tội, có sự chứng kiến của nhân dân[3].

Trưa ngày 21/4, một tổ du kích Cao Sơn đang hoạt động ở Lục Ba thì gặp một tốp lính lệ đưa mật lệnh của Huyện trưởng Đại Từ cho Tổng đoàn Hốc. Qua thư mật và khai thác bọn lính lệ, ta biết Tổng đoàn Hốc là người chỉ điểm cho Nhật khủng bố, đốt nhà ở làng La Phác. Và phát xít Nhật, qua tay Huyện trưởng Đại Từ sử dụng Tổng đoàn Hốc vừa tập hợp bọn lưu manh, phản động tổ chức thành lực lượng vũ trang, sẵn sàng hành động chống phá cách mạng, vừa làm nhiệm vụ gián điệp, khai thác và cung cấp mọi thông tin về sự hoạt động của ta ở các xã vùng Tây Nam huyện Đại Từ cho chúng.

Lo sợ sức mạnh của cách mạng và sự phẫn nộ của nhân dân, Tổng đoàn Hốc trốn vào ở trong Hang Cua – Bời Lời để bí mật hoạt động chống phá cách mạng. Nắm được nơi ẩn náu của Tổng đoàn Hốc, sẵn quần áo của lính lệ, 1 tổ du kích Cao Sơn cải trang thành lính lệ, vào Hang Cua bắt và kết án tử hình Tổng đoàn Hốc theo mệnh lệnh của chính quyền cách mạng.

Phản ứng trước những đòn trừng trị của ta, phát xít Nhật điên cuồng khủng bố, đánh phá phong trào cách mạng của nhân dân ta. Ngày 26/4/1945, chúng huy động 100 quân chia làm hai cánh: Một cánh từ Phúc Thuận (Phổ Yên) đánh lên, một cánh từ Hùng Sơn (Đại Từ) kéo xuống bao vây, càn quét 3 xã Quân Chu, Cát

---

[3] Ba tên bị xử bắn đều là sĩ quan: Hanada,Moruya ma và Nguyễn Thiện Giám.

Nê, Ký Phú. Tại xã Quân Chu, chúng đã bắt một số người, tra khảo rất dã man (chủ yếu là phụ nữ, cụ già, em nhỏ). Đến xã Cát Nê, chúng bắt đi 11 người. Cùng với việc bắt bớ, tra tấn, hãm hiếp, giết hại nhân dân, cướp của cải của nhân dân ta, quân Nhật còn dùng đạn lửa bắn dữ dội vào các xóm làng làm cháy nhiều nhà dân, trong đó xóm Vàng (Quân Chu) bị cháy không còn sót một ngôi nhà nào.

Cuộc tiến công của quân Nhật tuy không nằm ngoài dự đoán của Ban lãnh đạo Căn cứ Núi Hồng và Chỉ huy Đội du kích Cao Sơn, nhưng sớm hơn sự phán đoán của ta. Trong thời gian này, Đội du kích Cao Sơn, cử một bộ phận theo đồng chí Trung Đình trở lại phía Bắc huyện, một bộ phận trở về Căn cứ Lán Than để củng cố và phát triển lực lượng, còn một tiểu đội hoạt động ở Ký Phú. Mắc dù so sánh lực lượng quá chênh lệch lợi thế nghiêng về phía địch, nhưng tiểu đội vẫn tổ chức phục kích đánh địch, diệt 10 tên và làm bị thương một số tên, buộc chúng phải sớm rút quân.

Trước tình hình ngày 26/4 quân Nhật mở các cuộc tiến công vào các xã vùng phía Nam Đại Từ và chúng có thể còn tiếp tục cho quân đột nhập vào khu vực này với quy mô lớn hơn, thì việc xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố vùng giải phóng nhằm bảo vệ, giữ vững đường dây liên lạc đặc biệt giữa Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc với Trung ương ở dưới xuôi được Ban lãnh đạo Uỷ ban quân sự Bắc Kỳ xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và nhiệm vụ ấy trước hết do lực lượng vũ trang Đại Từ làm nòng cốt[1].

---

[1] Đến tháng 5/1945 tất cả các xã của Đại Từ đều đã có Uỷ ban dân tộc giải phóng, nhưng nhiều nơi chưa đủ mạnh, vẫn phải dựa vào lực lượng vũ trang.

Thay mặt Uỷ ban quân sự Bắc Kỳ và Tổng bộ Việt Minh, đồng chí Võ Nguyên Giáp yêu cầu phải củng cố phong trào cách mạng trong dải hành lang từ Tây Bắc xuống Tây Nam và mở rộng sang hướng Đông Nam. Huyện Đại Từ phải trở thành một căn cứ địa vững chắc của cao trào kháng Nhật, cứu nước của Việt Bắc phải tăng cường phát triển lực lượng vũ trang bao gồm cả tự vệ Cứu quốc, du kích tập trung và Cứu quốc quân đang hoạt động trên đất Đại Từ đủ sức chiến đấu chống lại các cuộc càn quét của quân Nhật, bảo vệ căn cứ, bảo vệ giao thông liên lạc.

Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với Đại Từ; vì:

Thứ nhất, trình độ giác ngộ chính trị và đời sống nhân dân trong vùng còn thấp, đòi hỏi phải tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục công phu, kiên trì.

Thứ hai, khu vực từ Đồng Muốn (thuộc xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên) đến Cải Đan (nay thuộc thị xã Sông Công) có bọn cướp đang hoành hành. Chúng tự xưng là "Đồng minh", nhưng đi đến đâu cũng cướp của, giết người, làm cho nhân dân quanh vùng vô cùng khiếp sợ. Hơn nữa, bọn này còn chặn đường bắt cán bộ cách mạng (chúng đã bắt đồng chí Tẩy (tức Lâm) cán bộ giao thông của Xứ uỷ Bắc Kỳ trên đường từ xuôi lên Chiến khu, chúng định giết, nhưng đồng chí đã trốn thoát chạy lên Quân Chu). Muốn củng cố khu căn cứ thì nhất thiết phải quét sạch bọn thổ phỉ này.

Thứ ba, mặc dù ta đã đập tan chính quyền tay sai của quân Pháp, Nhật từ huyện xuống tất cả các làng xã, ở huyện lỵ chỉ còn tên Huyện trưởng và lính bảo an,

nhưng chúng vẫn còn khả năng làm chỗ dựa tổ chức hoạt động gián điệp, thu thập tin tức tình báo, chỉ điểm cho quân Nhật đánh phá Căn cứ địa.

Mặc dù đã bị trừng trị đích đáng mỗi khi tấn công vào vùng giải phóng, nhưng vì mục đích chính trị phản động, nên quân Nhật tiếp tục mở những cuộc hành quân càn quét quy mô lớn vào sâu trong vùng giải phóng . Do đó, lực lượng vũ trang Đại Từ phải thường xuyên nêu cao tình thần cảnh giác, sẵn sàng đánh thắng địch bất cứ lúc nào.

Song dù khó khăn đến đâu, Uỷ ban quân sự Bắc Kỳ và Ban lãnh đạo Phân khu Nguyễn Huệ[1] cũng quyết định chỉ đạo Đại Từ thực hiện cho bằng được kế hoạch củng cố căn cứ về mọi mặt, bởi vì đó là một nhân tố hết sức quan trọng đảm bảo cho những thắng lợi ngày càng to lớn hơn trong cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Trước hết, đồng chí Võ nguyên Giáp chỉ thị cho Đội du kích Cao Sơn tập trung về căn cứ Lán Than (lúc này các đồng chí Trường Sơn, Hồng Sơn, Địch Sơn, Bảo Sơn... đã được điều về hoạt động ở quanh Căn cứ Núi Hồng). Đội du kích Cao Sơn đã được bổ sung thêm lực lượng gồm các đồng chí Vũ Tuân, Văn Lê, Thái Bạch, Hoàng Nguyễn, Khai, Thế, Vinh, Du, Kỉ vừa vượt ngục Hoả Lò ra, một số thanh niên Hà Nội tham gia phong trào Việt Minh được giới thiệu lên, một số thanh niên nông dân ở các xã Quân Chu, Ký Phú, Cát Nê, Vân

---

[1] Phân khu Nguyễn Huệ (Phân khu B) tồn tại đến sau ngày thành lập Khu giải phóng Việt Bắc (4/6/1945).

Yên... và cả lính bảo an được giác ngộ, bỏ hàng ngũ địch trở về với cách mạng.

Sau khi được bổ sung người, chấn chỉnh tổ chức, theo chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp và sau ngày diễn ra Lễ thống nhất Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân ở Định Biên Thượng, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (15/5/1945), cuối tháng 5/1945, Đội du kích Cao Sơn làm lễ đổi tên thành Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái do các đồng chí Thạch Sơn làm Trung đội trưởng, Vũ Tuân làm Chính trị viên và Thạch sơn làm Trung đội phó.

Trung đội Phạm Hồng Thái vẫn lấy Lán Than làm hậu cứ, có lán trại, kho lương thực, nơi chế tạo vũ khí, bãi tập, đất sản xuất. Sự liên lạc giữa Ban chỉ huy Trung đội Phạm Hồng Thái với các tiểu đội trong Trung đội đều qua hệ thống điện thoại nội bộ do cơ sở binh vận của ta ở Tam Đảo cung cấp. Qua thực tế chiến đấu và sự giúp đỡ của anh em binh lính trong hàng ngũ địch trở về với cách mạng, sau một thời gian ngắn luyện tập, kỹ năng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Trung đội Phạm Hồng Thái được nâng lên, tinh thần cách mạng rất hăng hái, tổ chức trong đơn vị chặt chẽ, nền nếp.

Song song với công tác xây dựng đơn vị, Trung đội Phạm Hồng Thái đẩy mạnh hoạt động huấn luyện quân sự cho tự vệ Cứu quốc các xã lân cận, tích cực làm công tác vận động quần chúng và công tác binh vận.

*

* *

Đúng như dự đoán của Trung ương hai tháng 5 và 6 năm 1945, phát xít Nhật liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công, đánh phá vào Khu giải phóng Việt Bắc. Chúng tập trung đánh hướng chủ yếu vào Căn cứ Núi Hồng nằm trên địa bàn ba huyện Đại Từ, Định Hoá (Thái Nguyên) và Sơn Dương (Tuyên Quang).

Ngày 14/5, 300 quân Nhật, có trung đội kỵ binh dẫn đầu từ Hùng Sơn theo Đường 13A hành quân lên Đèo Khế để thăm dò lực lượng của ta. Phát hiện được cuộc hành quân của địch, khoảng 80 cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và tự vệ Cứu quốc do đồng chí Lý chỉ huy tổ chức trận địa phục kích tại Vai Cày (xã Bản Ngoại)[1]. Đây là khu vực có địa hình hiểm yếu, hai bên đường là vách núi cao và rừng nứa ken dày. Bí mật mai phục, sau khi toán quân địch dẫn đầu vượt qua, toán giữa lọt trận địa, quân ta mới đồng loạt nổ súng giết chết 1 tên quan ba, 1 tên lính và 3 con ngựa. Bị sa vào trận địa phục kích của ta trong tình thế bất lợi về địa hình, địa thế, quân Nhật vội vã chuyển hướng rút vào các xóm ven đường đốt nhà dân, thiêu xác hai tên tử trận rồi thu quân về Hùng Sơn.

Sau vài ngày, quân Nhật tập trung khoảng 2000 quân, trang bị đầy đủ vũ khí, có pháo binh và kỵ binh yểm trợ, mở cuộc càn quét quy mô lớn vào Căn cứ Núi Hồng.

---

[1] Đồng chí Lý sau này là chiến sĩ cận vệ, bảo vệ Bác Hồ.

Kế hoạch của chúng là tập trung một lực lượng lớn binh lực, thắt chặt vòng vây xung quanh Căn cứ Núi Hồng; đồng thời mở bốn mũi dùi thọc sâu vào Căn cứ địa: Mũi thứ nhất từ thị xã Bắc Kạn đánh vào Chợ Rã, vòng sang Chợ Đồn, thẳng xuống phía Bắc Căn cứ Núi Hồng. Mũi thứ hai, từ thị xã Tuyên Quang tiến vào Thanh La đánh vào phía Tây Nam Căn cứ. Mũi thứ ba, từ Thị xã Thái Nguyên, quân Nhật chia làm hai cánh, theo hai đường, tiến công vào phía Đông Nam Căn cứ Núi Hồng. Bằng chiến thuật bao vây và đánh thọc sâu, quân Nhật hy vọng chia cắt, cô lập vùng giải phóng để dễ tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận; đánh thẳng vào Trung tâm của Khu căn cứ để tiêu diệt cơ quan đầu não và phá phá tan cơ sở chính trị của Việt Minh trong quần chúng nhân dân.

Dự đoán âm mưu và thủ đoạn của địch, Bộ chỉ huy Quân giải phóng đã hạ quyết tâm và xây dựng kế hoạch chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, sẵn sàng tập tan cuộc tổng tiến công, càn quét của chúng.

Ngay sau Lễ thống nhất các tổ chức vũ trang cách mạng cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân (15/5/1945), Bộ chỉ huy Quân giải phóng cử một số cán bộ, chiến sĩ sang cùng với lực lượng tự vệ Cứu quốc Đại Từ xây dựng kế hoạch phối hợp tác chiến. Trên địa bàn Đại Từ lúc này lực lượng tự vệ Cứu quốc và Quân giải phóng có khoảng hơn 300 tay súng (kể cả súng kíp)[1]

---

[1] Lực lượng vũ trang Đại Từ lúc này có Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái khoảng 40 người, Bộ chỉ huy tăng cường sang một tiểu đội (10 người) còn lại là lực lượng tự vệ Cứu quốc của huyện.

sẵn sàng đương đầu với trên 500 quân Nhật có trang bị vũ khí hiện đại.

Mặc dù quân số không nhiều, nhưng nhờ có sự ủng hộ hết lòng của nhân dân các dân tộc trong huyện và biết lợi dụng triệt để địa hình hiểm yếu ở vùng phía Bắc huyện, các lực lượng vũ trang Đại Từ phân công nhau chiếm lĩnh tất cả các điểm sung yếu, tổ chức trận địa phục kích quân Nhật ở tất cả những nơi chúng có thể đi qua.

Ngày 25/5, quân Nhật tập trung lực lượng mở cuộc tấn công vào Căn cứ Núi Hồng. Ở hướng Đại Từ, quân địch cùng một lúc tiến công vào địa bàn huyện bằng 2 mũi: Mũi thứ nhất, từ Quảng Nạp (Định Hoá) xuống Na Mao để hội quân với mũi thứ hai từ Thị xã Thái Nguyên kéo lên, cùng tấn công lên phía tây Căn cứ Núi Hồng. Lực lượng tự vệ Cứu quốc Đại Từ và Quân giải phóng đã chặn đánh quân Nhật ở Na Mao, diệt 1 tên và bắn 8 tên bị thương. Mũi quân Nhật từ Thị xã Thái Nguyên lên liên tiếp bị ta chặn đánh ở Vai Cày (Bản Ngoại), Phú Minh, Hoàng Nông. Tại Hoàng Nông, ta phục kích, tiêu diệt 9 tên, bắn bị thương nhiều tên khác, buộc quân Nhật phải rút lui về Hùng Sơn, bẻ gẫy cuộc tấn công của chúng, giữ vững Căn cứ Cách mạng.

Tháng 6/1945, Trung đội Phạm Hồng Thái (đang làm nhiệm vụ củng cố phong trào, xây dựng lực lượng tự vệ ở các xã Bình Thuận, Tân Thái, Yên Rã, Mỹ Trạng) được lệnh đi tiêu diệt bọn thổ phỉ, tự xưng là "đồng minh" ở xã Phúc Thuận (Phổ Yên). Bọn này gồm khoảng 50 tên và một số nông dân, tá điền bị lừa gạt theo do tên

đội Đối (đội Khố đỏ đào ngũ sau ngày 9/3/1945) cầm đầu. Tên Đối tự xưng là chánh "đồng minh" kiêm chánh "nguyên soái"; các tên Lý Mười, chánh Hẻn tự xưng là phó "đồng minh"; tên Lân tự xưng làm "phó nguyên soái". Tranh tối, tranh sáng, lợi dụng lúc bộ máy tay sai đế quốc vừa bị nhân dân đánh đổ, chính quyền cách mạng phải tập trung đối phó những cuộc càn quét liên miên của quân Nhật, tình hình chính trị, xã hội ở vùng tranh chấp có những diễn biến phức tạp, bọn "đồng minh" giả trắng trợn, hoạt động cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ, tống tiền, bắt cán bộ, phá rối trật tự, gây nhiều thiệt hại về tính mạng và tài sản cho dân; làm cho nhân dân trong vùng hoang mang, lo sợ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng chí Thạch Sơn (Trung đội phó), chỉ huy một tiểu đội Quân giải phóng đi dẹp bọn "đồng minh" giả ở Phúc Thuận. Đến Phúc Thuận, Quân giải phóng đã bao vây sào huyệt của bọn "đồng minh" giả, ra lệnh cho chúng phải đầu hàng để được khoan hồng, nếu ngoan cố, sẽ bị tiêu diệt. Hoảng sợ trước khí thế tấn công của Quân giải phóng, bọn cầm đầu tháo chạy, hơn 30 tên còn lại xin đầu hàng. Đây là những người lao động kém hiểu biết, bị lừa, hoặc vì nhẹ dạ mà theo chúng, đơn vị tập trung giáo dục rồi thả cho về làm ăn lương thiện[1]. Quân giải phóng tịch thu toàn

[1] Khi được tin cấp báo sào huyệt đã bị quân cách mạng bao vây, tên đội Đối cùng con trai vơ một số lớn của cải mà cả bọn đi cướp được tìm đường tháo chạy. Cha con Lý Nguyên bí mật ra dốc Thanh Lộc (thuộc xã Phúc Thuận) chờ sẵn. Khi cha con Đối chạy trốn đến nơi, cha con Lý Nguyênđã nổ súng giết chết cả hai cha con Đối, cướp lại của cải. Chánh Hẻn sau tìm đường lên Quân Chu gặp Việt Minh tự thú, xin ủng hộ cách mạng một số thóc gạo để

bộ thóc, gạo, trâu, bò, lợn, gà do chúng cướp được đem trả lại cho nhân dân.

Bọn "đồng minh" giả ở Phúc Thuận (Phổ Yên) bị xoá sổ, trật tự trị an một vùng rộng lớn từ Phúc Thuận (Phổ Yên) qua Quân Chu lên Yên Lãng (Đại Từ) được củng cố, đường dây liên lạc giữa Căn cứ Núi Hồng với Trung ương Đảng được giữ vững, đời sống nhân dân từng bước ổn định.

Tam Đảo là khu nghỉ mát do người Pháp xây dựng trên đỉnh núi Tam Đảo, có quy mô một thị trấn với hơn 100 biệt thự, nhà thờ Thiên chúa, khách sạn Métropole nhiều tầng, trường học, bệnh xá, câu lạc bộ, sân vận động...

Để bảo vệ khu nghỉ mát Tam Đảo, thực dân Pháp đã thiết lập tại đây một đồn cảnh sát, một đồn lính khố xanh có một trung đội được trang bị đầy đủ súng, đạn. Cả hai đồn này đều do sĩ quan Pháp chỉ huy. Từ đầu những năm 1940 khi phong trào Việt Minh phát triển mạnh ở Thái Nguyên, Pháp tăng cường lên đây một đại đội lính lê dương. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), đơn vị lính lê dương bỏ chạy, quân Nhật chiếm Tam Đảo, lập đồn trại, nắm quyền chỉ huy lực lượng cảnh sát và lính khố xanh (được đổi tên thành bảo an binh), khống chế người Pháp cư trú ở Tam Đảo, tổ chức mật vụ để nắm tình hình và tăng cường tuần tra canh gác trên tất cả các ngả đường mòn xuống phía tỉnh Thái Nguyên, đề phòng sự tiến công của Việt Minh.

---

chuộc tội và hứa sẽ sống lương thiện. Ta tha tội. Còn các tên Lân, Hạng vẫn ngựa theo đường cũ, cách mạng đã kiên quyết trị tội.

Chấp hành chỉ thị của đồng chí Võ Nguyên Giáp: "Phải mở rộng vùng giải phóng, chuẩn bị lực lượng cho Tổng khởi nghĩa; kiên quyết tiêu diệt đồn Nhật ở Tam Đảo để chiếm lĩnh, án ngữ điểm cao; phải tiến hành binh vận trong bảo an binh, lôi kéo họ trở về với cách mạng, hiệp lực cùng ta đánh Nhật, tranh thủ cả số thường phạm trong nhà tù đế quốc ủng hộ ta. Đối với Pháp kiều và gia đình họ đang bị giam giữ, quản thúc tại đây, cũng cần tranh thủ sử dụng những "đồng minh" tạm thời này". Trung đội Phạm Hồng Thái đẩy mạnh công tác binh vận ở đồn Tam Đảo, xây dựng cơ sở quần chúng xung quanh khu nghỉ mát Tam Đảo. Cán bộ, chiến sĩ Trung đội Phạm Hồng Thái được cử đi làm công tác binh vận không ngại khó khăn, gian khổ, không sợ hy sinh, tìm cách đến gần, đối diện với những người Việt lầm đường đứng vào hàng ngũ kẻ thù, lấy truyền thống yêu nước, lòng tự tôn dân tộc để tuyên truyền giáo dục, chỉ rõ cho họ những sự thật về cách mạng và phản cách mạng đã và đang diễn ra trên đất nước ta. Trên cơ sở đó khơi dậy lòng căm thù giặc đối với họ, làm cho họ hiểu rõ chính sách đúng đắn của Mặt trận Việt Minh đối với anh em binh sĩ quay về với nhân dân.

Kết quả, phần lớn anh em lính bảo an ở đồn Tam Đảo đã ngả theo cách mạng, sẵn sàng làm nội ứng. Trong đó có ông Lê Văn Lân tức Quản Lân chỉ huy đồn bảo an Tam Đảo và các ông Đinh Huy Phan, Đội Đồng, Cai Mùi... vừa là cấp chỉ huy vừa là người có uy tín với binh lính trong đồn.

Kế hoạch đánh đồn Tam Đảo đang được Ban chỉ huy Trung đội Phạm Hồng Thái nghiên cứu và đề nghị cấp trên phê chuẩn thì một tình huống bất ngờ xảy ra[1], Ban chỉ huy Trung đội quyết định hạ đồn vào sáng ngày 16 tháng 7 năm 1945, sớm hơn dự kiến.

Khi quyết định đánh Tam Đảo, Trung đội Phạm Hồng Thái chỉ còn một nửa quân số ở Căn cứ, còn một nửa đơn vị do đồng chí Vũ Tuân chỉ huy đang đi xây dựng cơ sở củng cố con đường Nam tiến. Nếu không kịp thời hành động thì Nhật sẽ tước hết vũ khí của lính bảo an, cơ sở của ta trong bảo an binh và xung quanh khu nghỉ mát Tam Đảo sẽ bị khủng bố; quân Nhật sẽ bố trí lại lực lượng, thay đổi thế trận, ta sẽ gặp khó khăn khi đánh vào.

Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Trung đội quyết định tập hợp tất cả anh em lính bảo an đã được giác ngộ và những thanh niên tích cực trong phong trào, cốt cán của cơ sở cùng với số cán bộ, chiến sĩ có mặt tại đơn vị biên chế thành bốn tiểu đội, mỗi tiểu đội từ ba đến bốn chiến sĩ Quân giải phóng làm nòng cốt. Tiểu đội trưởng là các đồng chí Lê Hồng Tâm, Lê Trung, Thái Bạch và

---

[1] Theo kế hoạch của Ban chỉ huy Khu giải phóng thì trận đánh Tam Đảo nằm trong kế hoạch hoạt động của Quân giải phóng như sau: Quân đồng minh (Mỹ) cho máy bay ném bom xuống Bảo Sơn, Đình Ấm (sát Thị xã Vĩnh Yên) và cầu Việt Trì nơi tập trung quân của Lữ đoàn kỵ binh 62 của Nhật, sau đó Quân giải phóng sẽ tấn công vào thị xã Vĩnh Yên và Tam Đảo. Đồng chí Thạch Sơn đã đưa đồng chí Lê Trung Đình (sau này là Chủ tịch tỉnh Thái Nguyên) bí mật vào Thị xã Vĩnh Yên nghiên cứu thực địa. Trận đánh đang được nghiên cứu thì một tên lính bảo an phản bội đã báo cho Quản Khang lúc đó là Chỉ huy trưởng bảo an binh tỉnh Vĩnh Yên và báo cho hiến binh Nhật. Den-Tha-Chô, Tư lệnh Lữ đoàn 62, ra lệnh sẽ tập trung vũ khí của lính bảo an trong ngày 16 /7/1945.

Ngân Sơn. Chỉ huy trưởng trận đánh là đồng chí Thạch Sơn.

Rạng sáng ngày 16/7, Quân giải phóng bao vây quân Nhật ở Tam Đảo, bố trí lực lượng phục kích tại km 13 trên đường Vĩnh Yên - Tam Đảo, đề phòng quân Nhật từ thị xã Vĩnh Yên lên ứng cứu. Trước khi nổ súng, đồng chí Trịnh Bỉnh Di, người giỏi tiếng Pháp, gặp gỡ những người Pháp kiều ở đây giải thích cho họ biết ta chỉ đánh quân Nhật, không có ý định trả thù họ và sẵn sàng đón nhận họ vào Mặt trận nhân dân Đông Dương chống phát xít, hoặc có thể giúp họ thoát khỏi sự kiểm soát của quân đội Nhật.

Trận đánh diễn ra trong suốt ngày 16/7. Quân ta và quân Nhật bắn nhau dữ dội, một số lính Nhật bị chết và bị thương. Khoảng 18 giờ ngày 16 tháng 7, trời vừa tối và cũng là lúc sương mù buông xuống, ta cho nổ hai quả mìn phá bung một mảng tường và làm sạt mái nhà nơi quân Nhật cố thủ, báo hiệu lệnh tấn công. Tất cả các cỡ súng của Quân giải phóng thi nhau nhả đạn vào trại lính Nhật, đồng thời cả ba mũi đồng loạt xung phong tiến vào đồn. Quân Nhật hoảng sợ trước sự dũng mãnh của Quân giải phóng, bỏ vị trí chiến đấu, tháo chạy tán loạn. Chỉ trong vài phút, ta đã làm chủ trận địa. Ngay sau đó, đơn vị chia thành các tốp nhỏ, thu vũ khí, quân dụng và tìm diệt tàn quân Nhật. Cuộc chiến đấu kết thúc thắng lợi hoàn toàn vào lúc 10 giờ sáng ngày 17/7/1945.

Kết quả trận đánh: ta tiêu diệt hoàn toàn 1 trung đội Nhật, thu toàn bộ vũ khí gồm 1 trung liên, 1 súng

phóng lựu, 2 tiểu liên, 80 súng trường (cả của bảo an binh), nhiều lựu đạn, đạn, quân trang, quân dụng và 6000 đồng tiền Đông Dương, giải thoát cho 20 người Pháp gồm các quan chức, trí thức có uy tín bị Nhật giam lỏng ở đây (sau ngày 9/3). Trong số này có vợ, chồng giáo sư Bécna, gia đình công sứ Vĩnh Yên. Về phía ta, có 4 người hy sinh (đều là tù nhân của Nhật ở trại giam Tam Đảo tình nguyện tham gia chiến đấu cùng Quân giải phóng). Hai đồng chí Thạch Sơn và Hồng Tâm bị thương.

Những người Pháp yêu cầu ta đưa họ về căn cứ địa, thoát khỏi sự kiểm soát của quân Nhật. Trung đội Phạm Hồng Thái cử người dẫn đường và bảo vệ họ đến Tân Trào an toàn. Tại Tân Trào được gặp Ban lãnh đạo Khu giải phóng, Bộ chỉ huy Quân giải phóng, được tiếp đón tử tế, những người Pháp này hiểu rõ : "Việt Minh không phải là kẻ cướp, cũng không phải là người ghét người Pháp, mà chỉ là người ghét chủ nghĩa phát xít và mong muốn giải phóng đất nước họ khỏi ách Nhật Bản. Đó là bộ phận sống động nhất, chân chính nhất của một đất nước đang sôi động và đầy sức mạnh"[1].

Chiến thắng Tam Đảo của quân và dân Đại Từ ở vào thời điểm phong trào cách mạng của nhân dân ta đang tiến tới cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền và

---

[1] Từ Tân Trào, thay mặt cho 20 người Pháp vừa từ Tam Đảo về, giáo sư Béc - na viết "Thư gửi các bạn ở Hà Nội" có đoạn trích như trên. Thư này viết bằng tiếng Pháp được in và bí mật phát tán rộng rãi ở Hà Nội, góp phần thức tỉnh người Pháp. Sau này, khi đã về Pháp, vợ chồng giáo sư Béc-na kịch liệt lên án cuộc chiến tranh bẩn thỉu của Chính phủ Pháp ở Đông Dương, ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

phát xít Nhật ngoan cố chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, không chỉ là chiến công đặc biệt, mà còn là sự cổ vũ mạnh mẽ cao trào kháng Nhật, cứu nước, không chỉ trong Khu giải phóng Việt Bắc mà rộng ra trong toàn quốc. Cuối tháng 7/1945, trong bản tin thời sự, Đài phát thanh Côn Minh (Trung Quốc) đã phát tin chiến thắng của ta ở Tam Đảo, thế giới có thêm hiểu biết đúng đắn về sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta do Việt Minh lãnh đạo.

Trận chiến thắng vang dội của Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái cùng với chiến công của quân và dân Đại Từ bẻ gẫy mũi tiến công của quân Nhật vào phía Tây Căn cứ Núi Hồng là những đòn đánh mạnh vào quân Nhật đang tạm thời chiếm đóng Đại Từ. Sau thất bại ở Tam Đảo, quân Nhật phải co về đồn Hùng Sơn cố thủ, không dám mở các cuộc càn quét, cướp phá như trước.

Từ đây, toàn bộ huyện Đại Từ đã hoàn toàn giải phóng (trừ mảnh đất nhỏ huyện lỵ). Đại Từ từng bước được xây dựng trở thành một Căn cứ địa Cách mạng vững chắc, một vùng đất bất khả xâm phạm của Khu giải phóng Việt Bắc, của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Đại Từ tự hào với chiến công của mình, niềm tin tưởng và tình thần phấn khởi trước thắng lợi của cách mạng phát triển ngày một cao. Trong những ngày cuối tháng 7, đầu tháng 8/1945, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang Đại Từ vinh dự được nhận nhiệm vụ đón tiếp, bảo

vệ và đưa đường 7 đoàn đại biểu ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam từ các địa phương qua Đại Từ lên Tân Trào (Sơn Dương – Tuyên Quang) dự Quốc dân Đại hội và Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng, trong đó có các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Trần Huy Liệu, Hoàng Đạo Thuý, Trần Đức Thịnh, Nguyễn Đình Thi, Dương Đức Hiền, Cù Huy Cận, Hà Huy Giáp.v.v...[1].

Ngày 13/8/1945, Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc ra "Quân lệnh số 1" nêu rõ: "Dưới mệnh lệnh của Uỷ ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kịp đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch, đánh chặn các đường rút lui của chúng, tước hết võ khí của chúng ....Các bạn hãy tiến lên"[2].

Chấp hành Lệnh khởi nghĩa, Quân giải phóng và tự vệ Cứu quốc Đại Từ triển khai lực lượng bao vây huyện lỵ. Trước sức mạnh của cách mạng, Ngô Tuấn Tiếp, Huyện trưởng Đại Từ dẫn 22 lính bảo an mang theo 28 khẩu súng ra đầu hàng. Quân ta tập trung lực lượng bao vây quân Nhật ở đồn Hùng Sơn.

Chiều 16/8/1945, Chi đội Quân giải phóng dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp trên đường từ Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) về giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên đã dừng chân ở Yên Lãng (Đại Từ). Sau khi nghe các đồng Lê Trung Đình, Nhị Quý, (là cán bộ

---

[1] Trần Huy Liệu "Đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào" – Tạp chí nghiên cứu lịch sử Đảng năm 1960 trang 15

[2]) Văn kiện Đảng 1930 – 1945. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản – Hà Nội 1978 – trang 410

chỉ đạo phong trào cách mạng ở Đại Từ) báo cáo, đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ thị: Nhiệm vụ của chúng ta lúc này là phải tập trung tất cả các lực lượng vũ trang cách mạng đang hoạt động trong tỉnh Thái Nguyên, tiến về tỉnh lỵ bao vây, tiêu diệt quân Nhật. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lỵ Thái Nguyên. Thắng lợi ở tỉnh lỵ thì quân Nhật ở Đại Từ và các nơi khác không đánh cũng tan rã...

Thực hiện chủ trương đó, Đại Từ chỉ để lại một bộ phận nhỏ lực lượng tự vệ bao vây quân Nhật ở Hùng Sơn, còn đại bộ phận cùng với 1 phân đội Quân giải phóng đang hoạt động ở phía Nam huyện biên chế thành một đại đội hành quân xuống Phúc Thuận (Phổ Yên), lên Tân Quang, Tích Lương (thuộc Đồng Hỷ) phối hợp với Đại đội tự vệ huyện Phú Bình đánh chiếm Gia Sàng và cùng với Trung đội Quân giải phóng chốt giữ ở đây, sẵn sàng đánh viện binh của Nhật từ Hà Nội lên.

Cuộc bao vây tấn công quân Nhật ở tỉnh lỵ Thái Nguyên của Quân giải phóng sớm ngày 20/8/1945, đã buộc Tỉnh trưởng Thái Nguyên Bùi Huy Lượng phải đầu hàng, giao nộp 600 lính bảo an, 2000 khẩu súng các loại và toàn bộ giấy tờ, hồ sơ của chính quyền cũ. Bộ máy tay sai, công cụ đắc lực của chủ nghĩa phát xít trên đất Thái Nguyên hoàn toàn sụp đổ.

Chiều 20/8/1945, chính quyền cách mạng tỉnh Thái Nguyên được thành lập do đồng chí Lê Trung Đình (một chiến sĩ cách mạng kiên cường, bị đế quốc cầm tù nhiều năm, sau khi thoát khỏi sự giam cầm của kẻ thù tháng

10/1944 trở về ngay với Đại Từ, lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện lập nhiều chiến công xuất sắc) làm Chủ tịch.

Ngày 26/8/1945, Bộ chỉ huy quân Nhật ở Thái Nguyên chấp nhận các điều kiện của cách mạng: không can thiệp vào công việc nội bộ của nhân dân ta; thu quân đang đóng ở các đồn trong tỉnh về tỉnh lỵ, chờ ngày rút về Hà Nội. Đổi lại, nhân dân Thái Nguyên cho phép quân Nhật được ra chợ tỉnh mua lương thực, thực phẩm; được cung cấp điện, nước sinh hoạt.., được đảm bảo an toàn trên đường từ Thái Nguyên rút về Hà Nội.

Ngày 28/8/1945, toàn bộ quân Nhật ở đồn Hùng Sơn, dưới sự giám sát của lực lượng vũ trang Đại Từ đã rút về tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Sau hơn 60 năm trực tiếp sống dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật (1884 – 1945) - lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng Đại Từ cùng với đồng bào cả nước giành được độc lập thật sự cho Tổ quốc.

CHƯƠNG II

QUÂN VÀ DÂN ĐẠI TỪ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (9/1945 – 7/1954)

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Châu á ra đời, mở ra cho nhân dân cả nước nói chung, nhân dân các dân tộc Đại Từ nói riêng một kỷ nguyên mới – kỷ nguyên sống trong độc lập, tự do, từng bước đi tới ấm no, hạnh phúc.

Phấn khởi trước những thành tựu vĩ đại và quyền lợi hết sức to lớn của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 đem lại, Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Đại Từ ra sức xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng chưa được củng cố bao lâu lại phải đối phó với nhiều khó khăn chồng chất, phức tạp. Nhân dân ta đứng trước những thử thách vô cùng nghiêm trọng: Vận mệnh đất nước ở thế "ngàn cân treo sợi tóc". Trận lụt lịch sử tháng 8/1945 làm vỡ đê ở 9 tỉnh Bắc Bộ, gây

cho nhân dân ta nhiều tổn thất nặng nề về người và của. Nguy cơ nạn đói mới xuất hiện, trong khi hậu quả nạn đói khủng khiếp năm 1945 do chính sách "nhổ lúa, trồng đay" và sự bóc lột tàn bạo của phát xít Nhật, đế quốc Pháp làm cho hơn 2 triệu người chết đói chưa được khắc phục. Bên cạnh đó, ở phía nam Vĩ tuyến 16, hơn 1 vạn quân Anh, dưới danh nghĩa đại diện Đồng minh vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, nhưng kỳ thực là giúp thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Ở phía bắc Vĩ tuyến 16, khoảng hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch, cũng với danh nghĩa quân Đồng minh kéo vào giải giáp vũ khí của quân đội Nhật, đã giở trò cướp của, vơ vét thóc, gạo của nhân dân và những nhiễu, phá hoại, nhằm lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ của ta để lập chính quyền tay sai bù nhìn.

Tháng 9 /1945, khoảng 5 vạn quân Tưởng Giới Thạch từ Thị xã Tuyên Quang theo Đường 13A, vượt Đèo Khế qua Đại Từ ra Bờ Đậu, xuôi Quốc lộ 3 về Hà Nội. Trên địa bàn huyện Đại Từ, quân Tưởng dừng lại trú quân ở Vai Cày, Đồng Tranh, Hùng Sơn... Đặc biệt, tại Đồng Tranh có một bãi đất rộng, quân Tưởng sử dụng làm nơi tập kết và chuyển quân, hết đơn vị này đi, lại đơn vị khác đến. Quân Tưởng là một đội quân ô hợp, bê tha và nhếch nhác, quan đi ngựa, quân đi bộ gồng, gánh, mang, vác súng, đạn, lương thực, thực phẩm. Đi đến đâu chúng cũng cướp bóc của cải, tàn phá nhà cửa, hoa màu của nhân dân ta đến đó. Chúng bắt nhân dân ta phải tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" mất giá của

chúng. Có lần mưa to, nước sông Công dâng cao, giao thông qua cầu Huy Ngạc bị tắc nghẽn, quân Tưởng dừng lại ở Hùng Sơn và các nơi khác từ 2 đến 3 ngày liền. Những ngày dừng lại ở Đại Từ, quân Tưởng cướp bóc, phá hoại rất tàn bạo, làm cho nhân dân trong vùng vô cùng cực khổ, sợ hãi.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Nhị Quý – tức Ngô Ngọc Tín– làm Bí thư, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Đại Từ (do đồng chí Nguyễn Việt Hưng làm Chủ tịch) và Huyện bộ Việt Minh Đại Từ (do đồng chí Vi Hồng Minh làm Chủ nhiệm) đã cử đồng chí Triệu Minh Trường và một số cán bộ xuống các xã dọc đường quân Tưởng đi qua, tuyên truyền, giáo dục, vận động và chỉ đạo nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ lâm thời:

1- Bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng không được nổ súng vào quân Tưởng.

2- Phải xử sự và quan hệ tốt với quân Tưởng, tránh gây ra căng thẳng, bất lợi cho ta.

3- Vận động nhân dân trong vùng và nhân dân dọc đường quân Tưởng đi qua bán lương thực, thực phẩm cho chúng, khi chúng yêu cầu.

4- Trên đường quân Tưởng đi qua, phải tạo điều kiện thật tốt cho chúng đi càng nhanh càng tốt.

Bằng nhiều giải pháp khôn khéo, mềm dẻo và kiên quyết, quân và dân Đại Từ đã làm thất bại âm mưu khiêu khích, phá hoại của quân Tưởng và bè lũ tay sai.

Nhân dân Đại Từ đã cất giấu lương thực, thực phẩm và các tài sản khác vào nơi kín đáo, không cho quân Tưởng cướp, phá; tổ chức biểu tình, mít tinh phản đối những yêu sách vô lý của chúng; ngăn chặn kịp thời những hoạt động chống phá của bè lũ tay sai phản động, giữ vững thành quả Cách mạng tháng Tám vừa mới giành được.

Vượt qua được những thử thách, khó khăn, phức tạp ban đầu, nhân dân Đại Từ đã có thêm niềm tin vào cách mạng và những điều kiện thuận lợi để cùng với quân, dân trong tỉnh tập trung tiêu diệt "giặc đói", "giặc dốt" và chuẩn bị lực lượng chống giặc ngoại xâm.

Dưới ách thống trị của đế quốc, phong kiến, cũng như các vùng nông thôn Việt Nam khác, tại Đại Từ, phần lớn ruộng đất (hầu hết là ruộng, đất tốt) đều nằm trong tay các địa chủ người Pháp và người Việt. Riêng đồn điền Gari đã chiếm hầu hết ruộng đất ở hai xã Bình Thuận và Vạn Thọ ngày nay, đồn điền Phạm Bá Nhu chiếm 125 héc ta. Một số ít ruộng đất công ở Đại Từ cũng đều do các kỳ hào, chức dịch sử dụng. Hơn 29 mẫu ruộng công ở xã Hùng Sơn do Phó hội Tuần, Lý trưởng Nông, Chưởng bạ Châu Đoàn Tuyết sử dụng; 17 mẫu ruộng công ở xã Bình Thuận do hương hào Độ và Lý Tạo sử dụng v.v. Ruộng Nhà thờ Xứ An Huy (xã Hùng Sơn) do Nhà thờ sử dụng phát canh, thu tô... Đa số nông dân Đại Từ đều phải lĩnh canh, nộp tô cho địa chủ. Bình quân một mẫu ruộng ở đồn điền Gari, một năm phải nộp tô cho địa chủ 24 thùng thóc (tương

đương 12 nồi, mỗi nồi khoảng 28kg). Tô cao, thuế nặng, mùa màng bị tàn phá do trận lụt lịch sử hồi tháng 8/1945 đã đe doạ đến đời sống của nhân dân trong huyện.

Hưởng ứng chiến dịch tăng gia sản xuất "diệt giặc đói", do Hồ Chủ tịch và Chính phủ phát động, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ lâm thời, các tổ chức cơ sở Đảng ở Đại Từ, do đồng chí Trung Thành (Uỷ viên Tỉnh uỷ lâm thời) phụ trách, đã tập trung lãnh đạo nhân dân giải quyết hậu quả đợt lũ lụt hồi tháng 8; tổ chức cứu đói theo truyền thống "lá lành đùm lá rách", góp phần tạm thời ổn định đời sống nhân dân và phục hồi sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp.

Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "lúc này, chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng"[1], Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Đại từ đã thành lập Ban cứu đói làm nhiệm vụ tổ chức lạc quyên, cứu đói và vận động nhân dân trong huyện lập "hũ gạo tiết kiệm". Những biện pháp này đã thu được một số kết quả đáng kể, góp phần cứu được nhiều đồng bào nghèo khó trong huyện và các nơi khác vượt qua "giặc đói". Tuy nhiên, việc lập "hũ gạo tiết kiệm" và tổ chức lạc quyên cứu đói chỉ là biện pháp cần kíp, nhất thời.

Để giải quyết triệt để nạn đói, các tổ chức cơ sở Đảng và Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời Đại Từ đã

---

[1] – Hồ Chí Minh: Tuyển Tập, tập 1, Nxb Sự thật Hà Nội, 1989, trang 378.

lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các xã tổ chức và vận động nhân dân thực hiện phong trào "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa" theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhân dân các xã trong huyện đã tương trợ giúp nhau giống, vốn, nhân công để đảm bảo cấy, trồng hết diện tích và kịp thời vụ. Tại xã Cù Vân, chính quyền tạm thu 46 mẫu ruộng của 2 chủ đồn điền đã bỏ chạy, chia cho những hộ nông dân không có ruộng hoặc có ít ruộng. Ngoài cấy lúa nước, nông dân Đại Từ còn tích cực phát nương, làm rẫy, mở rộng diện tích gieo lúa nương và trồng sắn, ngô.

Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện, diện tích gieo trồng, năng suất và tổng sản lượng lúa mùa năm 1945 và cả năm 1946 của Đại Từ đều tăng, giải quyết được một phần nhu cầu lương thực của nhân dân trong huyện. Nạn đói ở Đại Từ bước đầu được đẩy lùi. Thắng lợi này chẳng những giúp Đại Từ sớm khôi phục kinh tế, góp phần ổn định tình hình chính trị – xã hội, mà còn tạo ra nguồn dự trữ lương thực cho Đại Từ làm tròn vai trò Căn cứ địa ngay từ những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến.

Để nhanh chóng loại trừ "giặc dốt", ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ, đồng thời phát động phong trào thanh toán nạn mù chữ trong toàn dân. Người chỉ rõ: "Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu hết quyền lợi của

mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ [1].

Thực hiện Sắc lệnh của Chính phủ và hưởng ứng Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Uỷ ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện Đại Từ thành lập Ban bình dân học vụ làm nhiệm vụ chỉ đạo phong trào xoá mù chữ, do đồng chí Phạm Đức Tuệ làm Trưởng ban. Dưới sự chỉ đạo của Ban Bình dân học vụ huyện, nhân dân ở khắp các làng, xã từ Yên Lãng, La Bằng, Bản Ngoại xuống An Khánh, Cù Vân; từ Cát Nê, Ký Phú qua Hùng Sơn lên Minh Tiến...đâu đâu cũng dấy lên phong trào bình dân học vụ sôi nổi, rộng khắp. Theo phương châm người biết chữ dạy người chưa biết chữ, nhiều lớp học bình dân học vụ đã hình thành ngay trong mỗi gia đình, làng, bản, xóm, thôn, với các hình thức phong phú, thiết thực: Ông dạy cháu, bố dạy con, anh dạy em, vợ, chồng dạy cho nhau học. Ban ngày bà con lên nương, xuống đồng, trồng ngô, cấy lúa; ban đêm lại thắp đèn, đốt đuốc rủ nhau đến các lớp học bình dân. Không có dầu hoả, bà con đốt nhựa trám lấy ánh sáng để học. Nhằm thúc đẩy phong trào và quyết tâm thanh toán nạn mù chữ, chính quyền và Ban bình dân học vụ các xã Hùng Sơn, Cù Vân, Phú Minh (nay là xã Phú Thịnh) đã dựng bảng đố chữ ở cổng các chợ Hùng Sơn, Cù Vân, Phú Minh, ai đọc được chữ thì

---

[1] Hồ Chí Minh: Tuyển tập, tập 1, Nxb Sự thật . Hà Nội, 1980, trang 367, 368.

được đi vào chợ bằng cổng chính, ai không đọc được chữ thì phải đi vào chợ bằng cổng khác, gọi là "cổng mù".

Bằng nhiều nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, phong phú của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, cùng với sự nhiệt tình của đông đảo nhân dân trong huyện, chỉ sau một năm thực hiện của cuộc vận động tiêu diệt "giặc dốt", số dân mù chữ trong huyện đã giảm nhanh. "Phần lớn những người từ 8 tuổi đến 45 tuổi đã biết đọc, biết viết[1]. Những cố gắng của nhân dân Đại Từ trong cuộc chiến chống "giặc dốt" trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám thành công đã giúp cho nhân dân Đại Từ có thêm hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của mình, góp phần đóng góp công sức của mình ngày càng hiệu quả hơn vào công cuộc đấu tranh giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi nhân dân ta phải từng bước phát triển giáo dục, nâng cao dân trí. Tháng 9/1945, nhân ngày khai trường năm học đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư căn dặn học sinh "Non sông Việt Nam có được vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần ở công lao học tập của các cháu"[2].

Cũng như ở nhiều nơi khác trong tỉnh, trên địa bàn huyện Đại Từ, nhiều trường tiểu học đã được thành lập,

---

[1] Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, Tập 1, sđd, trang 76.
[2] Hồ chí Minh Tuyển tập – Tập 1, sđd, trang 359.

trong đó các trường tiểu học Cù Vân, Hùng Sơn (có từ trước Cách mạng tháng Tám) được mở thêm các lớp cấp II, thu hút nhiều con, em nhân dân ở các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh... vào học. Từ các trường tiểu học Hùng Sơn, Cù Vân và các xã khác trong huyện, nhiều học sinh đã ra đi theo Đảng làm cách mạng và ngày càng trưởng thành, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc.

Công tác y tế, vệ sinh, phòng, chống các bệnh dịch (tả, đậu mùa, sốt rét) đã được cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Huyện thành lập phòng phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân, do một y tá phụ trách.

Vừa tập trung giải quyết những nhiệm vụ cấp bách nhất của địa phương, nhân dân Đại Từ vừa hăng hái hưởng ứng cuộc vận động "Tuần lễ vàng", "Quỹ độc lập" và phong trào " Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến" do Đảng, Mặt trận Việt Minh và Chính phủ phát động. Tuy cuộc sống còn nhiều gian nan, vất vả, ăn đói, mặc rách, nhưng đồng bào trong huyện, tuỳ theo khả năng, ai ai cũng tích cực ủng hộ vàng, bạc, các loại đồ đồng... cho Chính phủ. Nhiều chị em phụ nữ trong huyện đã mang cả hoa tai, nhẫn cưới, những kỷ vật trong đời tư ủng hộ chính quyền cách mạng. Số vàng, bạc, tiền và các của cải khác của nhân dân Đại Từ đóng góp vào "Tuần lễ vàng" và "Quỹ độc lập" đã góp một phần quý giá cho Đảng và Chính phủ giải quyết những khó khăn về chi tiêu trước mắt và mua sắm thêm vũ khí, trang bị cho lực lượng vũ trang bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ.

Trước tình hình ngày 23/9/1945, đế quốc Anh đồng loã và tiếp tay cho thực dân Pháp nổ súng gây chiến ở Sài Gòn, hưởng ứng Lời kêu gọi của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phải "Hy sinh hết thảy vì kháng chiến. Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam", cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã tổ chức mít tinh, biểu tình, lên án hành động xâm lược của thực dân Pháp. Hàng trăm thanh niên ở các xã trong huyện đã đến các "Phòng Nam Bộ" ghi tên xung phong Nam tiến. Đoàn Thanh niên Cứu quốc các xã Yên Lãng, Lục Ba, Cù Vân... tổ chức diễn kịch, lấy tiền ủng hộ đồng bào Nam Bộ. Phong trào và tinh thần ủng hộ Nam Bộ kháng chiến của nhân dân Đại Từ đã biểu thị ý chí, quyết tâm của nhân dân Đại Từ cùng với nhân dân cả nước bảo vệ nền độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Cùng với phong trào Nam tiến, thanh niên các dân tộc Đại Từ hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang, xây dựng Trung đoàn Bắc Thái.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hầu hết cán bộ, chiến sĩ các đại đội tự vệ chiến đấu của huyện Đại Từ do các đồng chí Lý Thanh, Chu Văn Sủi, Nam Sơn chỉ huy đã được điều động vào các đoàn quân "Nam tiến" hoặc các đơn vị Vệ quốc đoàn. Lực lượng tự vệ ở huyện chỉ còn lại một số cán bộ khung, trang bị vũ khí thô sơ. Thực hiện chủ trương "động viên sức người, sức của của nhân dân để xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ và để bổ sung quân số, trang bị cho Vệ quốc đoàn" của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Đại Từ giao cho đồng chí Triệu Minh Trường và đồng chí Chu Văn Sủi tổ chức

xây dựng và củng cố các đơn vị tự vệ chiến đấu và dân quân du kích trong huyện. Hưởng ứng chủ trương của tỉnh và của huyện, nhiều con em đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chí... trong huyện Đại Từ đã tình nguyện mang dao găm, súng kíp, mã tấu gia nhập lực lượng dân quân, du kích, tự vệ. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng được các tiểu đội, trung đội dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu (trong đó có cả trinh sát, liên lạc, cứu thương...). Các đội du kích "Đại Từ được trang bị tương đối tốt, có tổ chức chỉ huy chặt chẽ" [1].

Song song với các nhiệm vụ "diệt giặc đói", "diệt giặc dốt", xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, tham gia phong trào Nam tiến giết giặc ngoại xâm, Đại Từ tập trung xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Thực hiện Sắc lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước của Chính phủ lâm thời, từ đầu tháng 12/1945, Đại Từ đã tập trung chuẩn bị bầu cử Quốc hội khoá I. Do không nhận được Sắc lệnh ngày 23/12/1945 của Chính phủ hoãn cuộc bầu cử Quốc hội khoá I đến ngày 6/1/1946, nên ngày 25/12/1945 [2], cùng với cử tri ở các huyện, thị khác trong tỉnh, 95% cử tri huyện Đại Từ đã hăng hái, phấn khởi đi bầu cử, góp phần cùng với cử tri toàn tỉnh bầu được 3 đại biểu vào Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà khoá I. Trong số 3 đại biểu đó, có đồng chí Nguyễn Trung Thành (tên thật là Trần Văn Mai, dân tộc Nùng, trú quán ở xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ), Tỉnh uỷ viên Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Thái Nguyên , phụ

---

[1] Bắc Thái lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, xuất bản năm 1990, trang 69.

[2] Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập 1, 1936 – 1965, trang 182

trách huyện Đại Từ, được cử tri tín nhiệm bầu làm đại biểu Quốc hội khoá I.

Sau thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội khoá I, nhân dân các dân tộc Đại Từ tiếp tục thực hiện thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Hội đồng nhân dân 2 cấp đã góp phần đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại và lật đổ chính quyền cách mạng của các thế lực thù địch, nâng cao lòng yêu nước và ý thức làm chủ của các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Tháng 4/1946, Hội đồng nhân dân các xã trong huyện đã bầu ra Uỷ ban hành chính thay thế cho Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời xã . Uỷ ban hành chính tỉnh ra Quyết định thành lập Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ, thay thế Uỷ ban nhân dân lâm thời huyện (thành lập ngày 28/8/1945). Cũng trong những tháng đầu năm 1946, Đảng bộ huyện Đại Từ được thành lập. Đồng chí Đàm Văn ứng được Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Thái Nguyên chỉ định làm Bí thư Huyện uỷ lâm thời huyện Đại Từ

Cùng với nhiệm vụ giải quyết khó khăn về các mặt, từng bước xây dựng cuộc sống mới, nhân dân các dân tộc và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã tích cực chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược.

Với bản chất cực kỳ phản động, hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên xoá bỏ Hiệp định sơ bộ 6/3, Tạm ước 14/9, từng ngày, từng giờ mở rộng chiến tranh xâm lược. Trước tình hình đó, ngày 19/10/1946, dưới sự chủ toạ của đồng chí Trường Chinh – (Tổng Bí thư Đảng), Hội

nghị quân sự toàn quốc của Đảng họp ở Hà Nội đã nhận định "Nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp"[1]. Hội nghị quyết định đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, chú trọng nâng cao chất lượng chính trị. Đây là Hội nghị quân sự lớn nhất của Đảng kể từ sau khi giành được chính quyền.

Đúng như nhận định của Đảng ta, từ ngày 20 đến ngày 27/11/1946, thực dân Pháp tập trung quân đánh, phá thành phố Hải Phòng và Thị xã Lạng Sơn. Hai ngày 17 và 18/12, Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Hà Đông nhận định: "Âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược đã chuyển sang một bước mới, thời kỳ hoà hoãn đã qua, khả năng hoà bình không còn nữa. Hội nghị quyết định phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên quy mô cả nước. Sáng 19/12/1946, Thường vụ Trung ương Đảng điện cho các mặt trận và các chiến khu "Giặc Pháp đã gửi tối hậu thư đòi tước khí giới của quân đội, tự vệ, công an ta. Chính phủ đã bác bỏ tối hậu thư ấy. Như vậy, chỉ trong 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: Tất cả hãy sẵn sàng. Chiều 19 tháng 12, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp hạ mệnh lệnh cho lực lượng vũ trang: "Giờ chiến đấu đã đến".

Đêm 19/12/1946, các lực lượng vũ trang và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã **nổ súng** chiến đấu, mở đầu toàn quốc bước vào cuộc **kháng chiến** chống thực dân Pháp xâm lược. Sáng ngày 20/12/1946, Lời kêu gọi Toàn quốc

---

[1] Văn kiện quân sự của Đảng, Nxb QĐND, Hà Nội 1976, tập 2, trang 64.

kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi trong cả nước: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa.

Không ! chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước..."[1].

Tiếp đó, ngày 22/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến", vạch rõ đường lối chung chỉ đạo toàn bộ cuộc kháng chiến là: "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính".

Cùng với các huyện, thị khác trong tỉnh, Đại Từ có núi, rừng hiểm trở, lại hoàn toàn nằm trong vùng tự do, nên có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, là nơi "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ" (tiến có thể đánh, lui có thể giữ) như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định.

Rừng, núi Đại Từ vừa bạt ngàn, vừa hiểm trở, có thể che mắt và cản trở các hoạt động của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của ta. Đất đai và tài nguyên Đại Từ trên rừng và trong lòng đất đa dạng, phong phú,

---

[1] Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Sự thật, HN, 1984, trang 202

có thể đảm bảo cung cấp tại chỗ một phần rất quan trọng về hậu cần, giúp cho lực lượng kháng chiến tồn tại và phát triển. Nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vốn có truyền thống yêu nước và cách mạng, lại được Đảng và Bác Hồ giáo dục, một lòng gắn bó theo Đảng làm cách mạng và kháng chiến, kiến quốc.

Như vậy, Đại Từ có đủ các yếu tố địa lợi và nhân hoà, được Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn cùng với các huyện Định Hoá, Phú Lương, Võ Nhai (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá (Tuyên Quang) để xây dựng thành An toàn khu (ATK) của Căn cứ địa Việt Bắc, Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Đầu năm 1947, các cơ quan đầu não của Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng (Tôn Đức Thắng, Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng...) đã lần lượt rời Thủ đô Hà Nội lên An toàn khu Việt Bắc để lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc. Nhiều đại biểu Quốc hội, thành viên Hội đồng Chính phủ, nhiều nhà khoa học, nhân sĩ yêu nước đã không ngại gian khổ, hy sinh, ba lô trên vai, trèo đèo, lội suối lên Đại Từ và các huyện khác trong ATK Việt Bắc tham gia kháng chiến.

Vùng đất ATK Đại Từ được chọn làm nơi ở và làm việc của nhiều cơ quan Trung ương, Liên khu và Tỉnh. Trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp nhiều Hội nghị quan trọng của Tỉnh, Liên khu và Trung ương đã được tổ chức trên vùng đất ATK Đại Từ.

Xã Yên Lãng đã là nơi ở và làm việc của Trường Ngoại ngữ; tại xã Phú Minh, tháng 5/1947 Bộ Tổng chỉ huy đã tổ chức Hội nghị bàn về xây dựng bộ đội chủ lực, chuẩn bị cho mùa khô. Hội nghị đã bàn nhiều về vấn đề đường lối, học thuật, trong đó lần đầu tiên khái niệm về chiến dịch đã được phân tích trong đội ngũ cán bộ bộ đội chủ lực của Bộ và Liên khu. Sau Hội nghị quan trọng này, nhiều đơn vị bộ đội chủ lực của quân đội ta ra đời. Xã Lục Ba được chọn làm địa điểm để xây dựng thành Trại an dưỡng số I (nơi nuôi dưỡng thương, bệnh binh). Xã Hùng Sơn là nơi ngày 27/7/1947 Chính phủ tổ chức lễ mít tinh công bố Quyết định của lấy ngày 27/7 hàng năm 1947 là ngày Thương binh – Liệt sĩ. Đình An Mỹ (nay thuộc xã Mỹ Yên) được Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Thái Nguyên chọn làm nơi tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (từ ngày 10 đến ngày 12/8/1947). Tại đây, hơn 100 đại biểu thay mặt cho trên 1000 đảng viên trong Đảng bộ tỉnh đã về dự Đại hội. Đồng chí Việt Hưng, người Bí thư Huyện uỷ Đại Từ đầu tiên được Đại hội tín nhiệm bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá I. Xã La Bằng là nới tháng 8/1947, Bộ Tổng chỉ huy mở lớp bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ trung cấp toàn quân. Tiếp đó, ngày 5/9/1947, tại xóm Bắc Máng, xã Cù Vân, Trường quân chính Chiến khu I thành lập và khai giảng khoá đầu tiên, đào tạo 60 cán bộ tiểu đội trưởng và trung đội trưởng. Tháng 7/1948, tại Đại Từ đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Đảng đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ II.

Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của huyện được Trung ương chọn để xây dựng An toàn khu, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đã đoàn kết một lòng, khắc phục mọi khó khăn, sẵn sàng hy sinh, phấn đấu vì sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Được cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở, nhân dân Đại Từ coi việc phòng gian, giữ bí mật, bảo vệ các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu và Tỉnh đóng trên địa bàn là trách nhiệm của mình. Khẩu hiệu "Không nghe, không nói, không bàn. Toàn dân trong làng thực hiện ba không" được tuyên truyền rộng rãi và được các tầng lớp nhân dân trong huyện tự giác thực hiện. Nhờ nhân dân làm tốt công tác bảo mật, phòng gian, nên đã đảm bảo được an toàn nơi ở và làm việc của các cơ quan Trung ương, Liên khu và Tỉnh. Các hội nghị quan trọng, các lớp huấn luyện quân sự, hoạt động của các đồng chí cán bộ Trung ương diễn ra trên địa bàn huyện đều được bảo vệ an toàn tuyệt đối [1]

Ngoài công tác phòng gian, giữ bí mật, bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương, Liên khu và Tỉnh, nhân dân các dân tộc Đại Từ còn đóng góp nhiều công sức, tiền của, phục vụ và giúp đỡ các cơ quan của Đảng,

---

[1] Theo Báo Nhân dân số 12512 ngày 5 /10/1998: Chiều ngày 5/10/1947, máy bay Pháp ném bom và bắn phá Trường Ngoại ngữ ở xã Yên Lãng đúng lúc đồng chí Trường Chinh (Tổng Bí thư Đảng) đang giảng bài ở đó. Cả giáo viên và học sinh đều qua cửa chính và nhảy qua cửa sổ chạy ra ngoài tránh máy bay. Hai học sinh đã nằm đè lên đồng chí Trường Chinh, lấy thân che bom, đạn cho đồng chí Tổng Bí thư của Đảng và đồng chí Phạm Đức Khang đã anh dũng hy sinh.

Chính phủ và quân đội đóng trên địa bàn xây dựng lán, trại làm nơi ăn, chốn ở và nơi làm việc.

Ngay từ những ngày đầu Toàn quốc kháng chiến, nhân dân Đại Từ đã ủng hộ hàng nghìn cây gỗ, tre, nứa và hàng vạn tầu lá cọ, giúp đỡ hàng trăm ngày công để xây dựng nơi ăn ở, làm việc của các cơ quan kháng chiến và vận chuyển vũ khí, kho tàng cho bộ đội.

Bà Bá Huy ở xã Lục Ba đã ủng hộ Trại an dưỡng số 1 (cơ sở điều trị, nuôi dưỡng thương binh của Bộ Thương binh và Xã hội được thành lập tháng 7/1947 tại xã Lục Ba) 10 gian nhà gỗ, lợp lá cọ và dụng cụ sinh hoạt gồm giường, chiếu, chăn, màn.....đủ dùng cho 50 thương binh. Ngoài ra, Bà còn ủng hộ thương binh 3 tấn thóc, 3 mẫu ruộng, 1 con trâu và một số nông cụ khác để anh em tăng gia, sản xuất, cải thiện cuộc sống. Ngoài ra, Bà còn vận động chị em phụ nữ trong xã đến giặt quần áo, nấu cơm, nấu mước giúp đỡ thương binh. Ngày 27/7/1947, bà Bá Huy được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen là: "Đã hăng hái giúp ruộng, đất, trâu bò, thóc lúa và tiền bạc để lập một trại an dưỡng đường cho thương binh"; "Bà đã hy sinh tiền, của để giúp đỡ anh em thương binh; như thế là Bà đã giúp sức vào công việc giữ gìn Tổ quốc. Tôi thay mặt Chính phủ và anh em thương binh cám ơn Bà và ngợi khen Bà" [1].

---

[1] Hồ Chí Minh : Toàn tập, tập V, 1947 – 1949, Nxb CTQG, Hà Nội 1995, trang 177.

Thực hiện phong trào ủng hộ kháng chiến, nhân dân xã Lục Ba đã ủng hộ Bộ Thương binh 3 con trâu, 6 mẫu ruộng và 100 nồi thóc [2], ủng hộ Quỹ Việt Minh 52 nồi thóc và đóng góp vào Quỹ Nghĩa thương 112 nồi thóc. Bà Nguyễn Thị Đích ủng hộ thương binh 1 con trâu và 2 mẫu ruộng. Nhân dân xã Tràng An (nay là các xã Lục Ba, Vạn Thọ, Phúc Thọ) ủng hộ và bán cho đơn vị bộ đội do đồng chí Vũ Hải chỉ huy 80 nồi thóc.

Nhờ sự giúp đỡ, che chở và đùm bọc của nhân dân Đại Từ, các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu và Tỉnh đóng trên địa bàn huyện đã nhanh chóng ổn định được nơi ăn, chốn ở, tập trung vào nhiệm vụ chính trị trung tâm của mình.

Trong năm đầu Toàn quốc kháng chiến, Đại Từ vẫn hoàn toàn là vùng tự do, an toàn, nên đồng bào từ các tỉnh miền xuôi tản cư lên làm ăn, sinh sống ngày một đông. Chấp hành Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh " Vô luận thế nào, các Uỷ ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ", Huyện uỷ, chính quyền và các đoàn thể Cứu quốc trong huyện đã nhanh chóng triển khai các biện pháp tiếp nhận đồng bào tản cư, phân chia khu vực định cư, ổn định cuộc sống cho đồng bào.

Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện quyết định thành lập Uỷ ban Tiếp cư - Tản cư các cấp huyện và xã làm nhiệm vụ giúp cấp uỷ và chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp cư. Uỷ ban Tiếp cư - Tản cư huyện do

---

[2] Mỗi nồi thóc tương đương 28 kg.

đồng chí Vi Hồng Minh (Chủ nhiệm Việt Minh huyện) phụ trách.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Uỷ ban Tiếp cư - Tản cư các cấp từ huyện xuống các xã, nhân dân Đại Từ đã phát huy truyền thống đoàn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau vốn có từ lâu đời, chia sẻ cho cán bộ, nhân viên các cơ quan Chính phủ, cho đồng bào tản cư từ củ khoai, bát gạo đến ruộng, đất, cày và sức kéo trâu, bò, để đồng bào nhanh chóng ổn định cuộc sống, từng bước tăng gia sản xuất. Sự chăm lo, giúp đỡ của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã góp phần động viên đồng bào tản cư an tâm, phấn khởi, nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống của nhân dân trong huyện. Nhiều đồng bào tản cư đã coi Đại Từ là quê hương thứ hai của mình, tích cực tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc ở địa phương; động viên con em mình hăng hái tham gia lực lượng dân quân, du kích và tự vệ làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự, trị an bảo vệ xóm, làng. Nhiều thanh niên là con em đồng bào miền xuôi tản cư lên Đại Từ đã xung phong tòng quân, giết giặc cứu nước.

Tại xã Cù Vân, lúc đầu Uỷ ban Tiếp cư - Tản cư xã sắp xếp cho đồng bào tản cư ở cùng với gia đình các cán bộ trong xã, sau đó vận động nhân dân ủng hộ tre, nứa, rơm, rạ và công sức, giúp đồng bào làm nhà ở riêng và nhường một phần ruộng, đất, trâu, bò, để đồng bào sản xuất. Nhờ đó, đồng bào tản cư đến Cù Vân đã sớm "an cư, lạc nghiệp", nhanh chóng hoà nhập với nhân dân

trong xã. Mối quan hệ giữa nhân dân Cù Vân với đồng bào tản cư ngày càng thân thiết, gắn bó.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến, Đại Từ tập trung xây dựng và củng cố chính quyền các cấp. Thực hiện Sắc lệnh của Chính phủ, Đại Từ đã nhanh chóng triển khai thành lập Uỷ ban kháng chiến bên cạnh Uỷ ban hành chính các cấp huyện và xã, làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trên địa bàn chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến. Sau khi Uỷ ban kháng chiến huyện (thành phần có đại biểu nhân dân, đại biểu quân sự và đại biểu hành chính), do đồng chí Trần Văn Mai (tức Nguyễn Trung Thành) làm Chủ tịch, được thành lập, Uỷ ban kháng chiến ở 17 xã [1] trong huyện cũng nhanh chóng ra đời.

Sau khi ra đời, Uỷ ban kháng chiến huyện và Uỷ ban kháng chiến các xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng dân quân, du kích ở địa phương khẩn trương làm công tác chuẩn bị kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của Đảng "phá hoại để kháng chiến", nhằm "triệt để làm cho địch đói, khát, què, điếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản" [2], tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân ta tiêu hao, tiêu diệt địch, Đại Từ đã thành lập Ban Phá hoại huyện, do đồng chí

---

[1] Sau Cách mạng tháng Tám 1945, theo chủ trương của Chính phủ, Đại Từ đã sáp nhập các xã nhỏ lại thành một xã, nên từ 42 xã trước Cách mạng tháng Tám, Đại Từ còn 17 xã: Phú Cường, Hùng Sơn, Văn Yên, An Mỹ, Trần Phú, Đức Lương, Hiệp Hoà, Phù Cát, Tân Thành, An Khánh, Phục Linh, Văn Cao, Vinh Quang, Toàn Thắng, Văn Thắng, Cù Vân, Tràng An.

[2] Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 1, Nxb ,trang 290- 291.

Vi Hồng Minh làm Trưởng ban. "Phá hoại để kháng chiến" là một nhiệm vụ hết sức khó khăn, phức tạp, trước hết vì tâm lý "an cư, lạc nghiệp" đã ăn sâu, bám rễ trong nhân dân từ ngàn đời; thành quả lao động được chắt chiu từ bao nhiêu mồ hôi, công sức thành nhà, thành cửa, nay phải phá bỏ, nên không tránh khỏi sự đắn đo, bùi ngùi, luyến tiếc. Xuất phát từ nhận thức đó, Ban Phá hoại huyện cùng với Ban Phá hoại các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng "Thực hiện tốt công tác phá hoại sẽ ngăn trở việc tiếp tế, thông tin liên lạc của địch, đồng thời khiến chúng không thể tận dụng vật liệu của ta để chống lại kháng chiến. Vậy đường sá, cầu, cống, nhà cửa, xe, tàu có lợi cho địch thì ta phải phá".

Được học tập, quán triệt ý nghĩa, mục đích của công tác phá hoại, nhân dân các dân tộc trong huyện tự tay mình phá tất cả nhà cửa, cầu cống, đường giao thông ở các khu vực trọng điểm. Trên mặt Đường 13A, đoạn từ Bờ Đậu đi Đèo Khế và mặt đường từ thị trấn Hùng Sơn xuống xã Phúc Thuận (Phổ Yên), Ban Phá hoại huyện đã huy động nhân dân ra đào các hố chữ chi và dựng các chướng ngại vật nhằm ngăn xe cơ giới và cản bước tiến công của bộ binh địch.

Để có lực lượng dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu đông đảo, vững mạnh, chủ động đối phó với các hoạt động phá hoại, tấn công, chiếm đóng An toàn khu của địch, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và kiện

toàn cơ quan chỉ huy dân quân từ huyện xuống các xã. Sau khi Bộ Quốc phòng ra Thông tư quy định tổ chức và nhiệm vụ của dân quân, tự vệ và du kích (19/2/1947) và Tỉnh đội bộ dân quân tỉnh Thái Nguyên ra đời (15/4/1947), ngày 5/10/1947, Huyện đội bộ dân quân huyện Đại Từ được thành lập. Các đồng chí Triệu Minh Trường (Huyện uỷ viên, Uỷ viên quân sự trong Uỷ ban kháng chiến huyện) được bổ nhiệm làm Huyện đội trưởng: Nguyễn Quang Vinh (tức Nguyễn Bảo Thỉnh) làm Huyện đội phó, Triệu Tuấn (cán bộ Huyện uỷ) làm Chính trị viên. Lúc mới thành lập, cơ quan Huyện đội Đại Từ có khoảng 10 cán bộ. Ngoài 3 cán bộ chỉ huy cơ quan Huyện đội còn có các cán bộ giúp việc Ban chỉ huy về các mặt quân sự, chính trị và văn thư - hành chính.

Huyện đội Đại Từ là cơ quan tham mưu giúp Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện về công tác quân sự địa phương. Nhiệm vụ của Huyện đội Đại Từ lúc này là tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố, phát triển và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu; xây dựng kế hoạch tác chiến, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động tấn công, phá hoại của địch lên Căn cứ địa kháng chiến của địch. Sự ra đời của Huyện đội bộ dân quân là tiền đề, là cơ sở quan trọng để Đại Từ đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu trên địa bàn. Hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng lực lượng dân quân du kích được 1 trung đội đến 1 đại đội; mỗi thôn, xóm đều xây dựng được ít nhất 1 tiểu đội với quân số từ 7 đến 9 cán bộ, chiến sĩ. Xã Cù Vân xây dựng được 1 đại đội dân quân du kích (có 1 trung đội nữ). Hầu hết các xã dọc đường liên tỉnh Thái Nguyên –

Tuyên Quang đều xây dựng được từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội du kích bán thoát ly sản xuất, làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ giao thông, kiểm tra, kiểm soát người lạ mặt đi vào An toàn khu. Nhân dân 2 xã An Mỹ và Văn Yên đóng góp tiền, của mua được 5 khẩu súng ủng hộ dân quân, du kích. Đầu tháng 10/1947, lực lượng bộ đội chủ lực của Bộ và Liên khu I đóng quân trên địa bàn Đại Từ có Trung đoàn 350, Trung đoàn 147, Tiểu đoàn 103 và Tiểu đoàn 19. Các trung đoàn, tiểu đoàn này đã giúp đỡ Đại Từ rất nhiều trong việc xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích các xã.

Cùng với việc chỉ đạo xây dựng, phát triển lực lượng dân quân, du kích và tự vệ rộng khắp, Ban chỉ huy Huyện đội phân công đồng chí Nguyễn Quang Vinh (Huyện đội phó) trực tiếp chỉ huy lực lượng dân quân, du kích làm công tác "tiêu thổ kháng chiến" và vận động nhân dân ở dọc các tuyến giao thông chính thực hiện "vườn không, nhà trống". Công tác chuẩn bị kháng chiến khẩn trương và tích cực đã tạo cho nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ những thuận lợi lớn để chủ động bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ An toàn khu kháng chiến trong Thu - Đông 1947.

Ngày 7/10/1947, giặc Pháp huy động 5 trung đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo, 2 tiểu đoàn công binh, 40 tàu chiến và ca nô, 40 máy bay và khoảng 800 xe cơ giới, với khoảng 12.000 quân, mở một cuộc tấn công lớn lên Căn cứ địa Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, khoá chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn sự liên hệ chặt chẽ giữa ta với

quốc tế, phá hoại kinh tế và khủng bố nhân dân ta ở vùng Căn cứ địa kháng chiến, thúc đẩy thành lập chính quyền bù nhìn toàn quốc. Trong 2 ngày 7 và 8/10/1947, quân Pháp nhảy dù chiếm đóng thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn), mở đầu cho cuộc hành quân Lê-a (bước 1 của Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947). Tiếp đó, ngày 9/10/1947, từ Hà Nội, một binh đoàn thuỷ bộ hỗn hợp của địch ngược sông Hồng lên Việt Trì, theo sông Lô sang Tuyên Quang. Huyện Đại Từ đứng trước nguy cơ bị địch trực tiếp tấn công từ nhiều phía.

Để có lực lượng vũ trang trực tiếp bảo vệ các cơ quan đầu não của huyện, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh đội, Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ nhanh chóng xây dựng Trung đội du kích tập trung. Lúc mới thành lập, Trung đội chỉ có 15, 16 chiến sĩ được lựa chọn từ các đội viên du kích ở các xã. Ban chỉ huy Trung đội du kích tập trung huyện Đại Từ gồm các đồng chí Cao Văn Chuông (Học viên vừa học xong lớp quân sự Đội Cấn do Liên khu mở tại xã Quang Vinh - huyện Đồng Hỷ) làm Trung đội trưởng và Dương Cao Thanh làm Chính trị viên. Sau một tháng thành lập, Ban chỉ huy Huyện đội đã lựa chọn, điều động, kiện toàn Trung đội du kích tập trung của huyện đủ 35 cán bộ, chiến sĩ theo biên chế của Tỉnh đội.

Song song với việc củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích và tự vệ chiến đấu rộng khắp, xây dựng, kiện toàn Trung đội du kích tập trung của huyện và các trung đội, tiểu đội du kích bán tập trung ở các xã,

Đại Từ đẩy mạnh công tác huy động dân quân, du kích và nhân dân thực hiện "tiêu thổ kháng chiến" và "vườn không, nhà trống". Các đồng chí Vi Hồng Minh (Trưởng ban Phá hoại huyện) và Nguyễn Quang Vinh (Huyện đội phó phụ trách công tác phá hoại) đã trực tiếp xuống chỉ đạo các xã dọc các tuyến giao thông chính huy động dân quân và nhân dân ra phá đường sá, cầu, cống và đắp các ụ đất cản xe cơ giới của địch. Cầu Huy Ngạc, trước đây do nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá nên ta chưa phá, sau khi địch mở Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947, Huyện đội huy động dân quân du kích ra phá sập cầu.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ huy kịp thời, chặt chẽ của Huyện uỷ, Uỷ ban và Huyện đội với công tác "phá hoại", "tiêu thổ kháng chiến", nên khi địch tấn công vào Đại Từ, các phương tiện cơ giới của chúng đã bị vô hiệu hoá hoàn toàn. Đi đến đâu, chúng cũng gặp cảnh "đổ nát, hoang tàn", "vườn không, nhà trống", cũng bị lâm vào cảnh "đói, khát, què, mù, câm, điếc" như lời kêu gọi "Tiêu thổ kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Để chống quân địch nhảy dù, Ban chỉ huy Huyện đội vận động nhân dân đóng góp tre, nứa, và huy động lực lượng dân quân, du kích vót hàng vạn chiếc chông nhọn, cao từ 1,5 mét đến 2 mét, cắm khắp các cánh đồng, bãi trống, đồi trọc. Nhân dân trong huyện đã thu nhặt được hàng tấn lưỡi cày, diệp cày hỏng, chảo gang vỡ cung cấp cho xưởng Quân giới của Tỉnh đội (đóng ở khu vực các xã An Khánh và Cù Vân) sản xuất lựu đạn và mìn, kịp thời trang bị cho lực lượng vũ trang của huyện Đại Từ

nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

Sau hơn một tháng đưa quân tấn công lên Việt Bắc, thực dân Pháp không đạt được mục tiêu đề ra và chịu thất bại nặng nề. Cuộc hành quân Lê–a của địch cơ bản đã thất bại.

Phán đoán các cơ quan đầu não của ta đang đóng ở vùng núi đá huyện Võ Nhai, các đơn vị bộ đội chủ lực của ta đang đóng ở các huyện Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai (Thái Nguyên), Yên Thế (Bắc Giang) và lưu vực sông Đáy, Bộ chỉ huy Pháp quyết định: Kết hợp với việc rút lui, các đơn vị đã tham gia cuộc hành quân Lê- a cùng với Trung đoàn bộ binh Ma rốc số 5 và Trung đoàn do Trung tá Côxtơ chỉ huy tiến hành cuộc hành quân Xanhtuya (Xiết chặt) bao vây, càn quét khu tứ giác Tuyên Quang - Thái Nguyên – Việt Trì - Phủ Lạng Thương rộng hơn 8.000 km^2, nhằm tiếp tục "lùng bắt bằng được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bằng được chủ lực Việt Minh, phá nát căn cứ địa". Hướng chính của địch trong cuộc hành quân Xanhtuya (Xiết chặt) này là Thái Nguyên. Đại Từ nằm trong hướng tấn công, càn quét chính của địch trong cuộc hành quân Xanh-tuya này. Nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đứng trước một thử thách vô cùng to lớn và ác liệt.

Ngày 22/11/1947, cuộc hành quân Xanhtuya của địch bắt đầu. Tại Thị xã Tuyên Quang, quân Pháp rút theo hai hướng, một hướng theo đường thuỷ về Bình Ca, một hướng theo đường bộ sang Sơn Dương, nhằm uy hiếp đường liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, hỗ

trợ cho quân của Bôphrê từ phía Bắc rút về. Tại Bắc Kạn, đêm 24/11/1947, 1 trung đoàn địch (khoảng 1.500 tên) từ Thị trấn Chợ Mới bí mật theo Quốc lộ 3 xuống cây số 31 rẽ lên chiếm đóng Phố Ngữ, Quán Vuông (thuộc huyện Định Hoá). Ngày 25/11, từ các khu vực Phố Ngữ và Quán Vuông, quân địch toả ra tấn công, càn quét, cướp tài sản, giết hại dân thường ở các vùng xung quanh.

Nhận được tin địch tấn công, càn quét huyện Định Hoá, Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ khẩn trương cử cán bộ xuống chỉ đạo các xã dọc Đường 13A đôn đốc nhân dân cất giấu thóc, gạo, tài sản và sơ tán sâu vào trong rừng; huy động lực lượng dân quân, du kích và tự vệ vận chuyển các kho tàng của Nhà nước và quân đội đến nơi an toàn.

Ngày 26/11/1947, sau khi cho quân nhảy dù đánh chiếm thị trấn La Hiên và xã Tràng Xá (thuộc huyện Võ Nhai), 15 giờ 45 phút, giặc Pháp huy động 10 máy bay cường kích (Ju 52) và 5 máy bay tải (Dak)[1], đến ném bom, bắn phá ác liệt gần 1 giờ đồng hồ xuống cánh đồng Cù Vân (xã Cù Vân), khu vực Làng Ngò (xã An Khánh) và các khu rừng xung quanh, thả 1 tiểu đoàn (khoảng 400 quân dù) xuống, đánh chiếm các khu vực Làng Ngò (xã An Khánh) và khu Ba Gò (thuộc xã Cù Vân). Sau đó, quân Pháp tập trung một số tiểu đội càn vào các

---

[1] - Theo Lịch sử quân dù Pháp (lưu trữ tại Thư viện Quân đội).

- Theo báo cáo đặc biệt của uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên 1945- 5/1948 thì địch huy động "19 phi cơ (9 phóng pháo và 10 vận tải)".

xóm xung quanh, theo đường dây điện thoại đến trụ sở Ty Ngân khố của tỉnh ở Làng Um, rồi trở ngược lên Sơn Cẩm đốt Trại cứu tế. Chúng dựng trại, đóng quân ở khắp các cánh đồng Làng Ngò, Cù Vân, đặt các vọng gác ở nghè Cù Vân và trường bắn Quan Triều.

Từ ngày 27/11, một cánh quân Pháp thuộc Trung đoàn bộ binh Ghirô từ Cầu Đuống (Hà Nội) lên Phúc Yên, men theo sườn núi Tam Đảo đánh chiếm lên vùng Tây Nam huyện Đại Từ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Đảng bộ, quân và dân huyện Đại Từ đã chuẩn bị đương đầu với cuộc hành quân Xanhtuya của địch. Hầu hết của cải, lương thực, gia súc, gia cầm và nhân dân 2 bên các trục đường giao thông chính ở Đại Từ nói chung, Cù Vân, An Khánh nói riêng đều được vận chuyển, cất giấu và sơ tán vào trong rừng từ trước ngày địch nhảy dù, nên đã hạn chế được tổn thất về người và của. Dân quân du kích xã An Khánh tổ chức phục kích, chặn đánh địch càn vào các khu vực Xưởng Quân giới của Tỉnh đội Thái Nguyên, Trại thương binh của Bộ Thương binh và khu vực nhân dân An Khánh sơ tán gây cho chúng một số thiệt hại. Trong các trận phục kích, đánh địch đó một du kích An Khánh đã hy sinh.

Ngày 29/11, tại đình Cù Vân, 4 du kích xã Cù Vân chặn đánh một toán quân địch từ Làng Ngò qua các xã Cù Vân, Phục Linh lên Hùng Sơn. Tại Quán Ông Già (thuộc xã Phú Minh), Trung đội du kích tập trung huyện Đại Từ phối hợp với một đơn vị bộ đội chủ lực

phục kích quân Pháp từ Quảng Nạp (Định Hoá) xuống Phú Minh (Đại Từ), diệt 15 tên, buộc chúng phải rút về Tảo Dương. Đêm 29/11, du kích An Khánh phối hợp với bộ đội chủ lực tập kích vào các vị trí trú quân của địch ở Làng Ngò.

Ngày 30/11/1947, từ 11 giờ đến 14 giờ, tại xóm Cây Thị (xã Phục Linh), Đại đội Tô Văn(1) đã nổ súng chặn đánh 1 toán quân địch từ Làng Ngò lên Hùng Sơn, diệt 15 tên. Tại thôn Đông Lực (xã Cảnh Thịnh), du kích Đại Từ liên tiếp phục kích, tiến công quân địch từ Tảo Dương xuống Phú Minh bằng mìn, lựu đạn, diệt 7 tên. Tại một địa điểm ở gần Phú Minh, quân Pháp lọt vào ổ phục kích của một đơn vị bộ đội chủ lực (thuộc Trung đoàn 147), thêm một số tên nữa bị chết và bị thương. Tại Cầu Hến, du kích xã An Khánh phục kích bằng mìn 1 toán quân địch từ Làng Ngò lên Cù Vân, diệt 2 tên. Đêm 30/11, một đơn vị bộ đội chủ lực từ Phúc Xuân (Đồng Hỷ) sang phối hợp với du kích xã An Khánh tập kích vào các vị trí trú quân của địch ở Làng Ngò. Vì trời tối, bị lạc, nên bộ đội phải rút, du kích tiếp tục bắn súng kíp, súng trường quấy rối quân địch, làm cho chúng luôn ở trạng thái lo sợ, đối phó, căng thẳng.

Ngày 2/12, 1 trung đội bộ đội chủ lực của ta đang đào công sự tại cánh đồng Cù Vân, do thiếu cảnh giác, không phân công cảnh giới, nên bị địch từ Làng Ngò lên Hùng Sơn bao vây, tấn công, làm một số chiến sĩ bị thương và hy sinh. Đây là một bài học phải trả bằng

(1) Đại đội do đồng chí Tô Văn chỉ huy.

xương, máu không chỉ cho bộ đội chủ lực, mà còn cho cả nhân dân và lực lượng dân quân, du kích huyện Đại Từ.

Cũng trong ngày 2/12, tại Đèo Khế (thuộc xã Yên Lãng), du kích Đại Từ phối hợp với một đại đội bộ đội chủ lực phục kích, chôn 9 quả mìn trên đường liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, chặn 1 trung đoàn địch từ Sơn Dương (Tuyên Quang) sang Văn Lãng (Đại Từ). Khi đội hình hành quân của địch lọt vào giữa trận địa phục kích, bộ đội và du kích giật nổ 3 quả mìn, diệt 30 tên, làm bị thương nhiều tên khác. Sau đó, địch tổ chức bao vây, phản công lại ta. Tuy bộ đội và du kích ta đánh trả quyết liệt, nhưng do quân địch quá đông, nên cuối cùng bộ đội và du kích ta phải rút, 3 chiến sĩ bộ đội chủ lực bị hy sinh. Cùng ngày, tại xã Văn Lãng, một trung đội bộ đội chủ lực khác của ta tập kích bằng mìn vào nơi trú quân của địch, mìn không nổ, bị địch bao vây, phản công lại, 3 chiến sĩ hy sinh. Trong hai ngày 3 và 4/12, đại đội bộ đội chủ lực do các đồng chí Khánh Mỹ và Lê Văn Duyên chỉ huy phối hợp với dân quân du kích Đại Từ tấn công quân địch ở Làng Ngò, diệt 2 tên Việt gian đơn vị bộ đội chủ lực do đồng chí Việt Hổ chỉ huy phối hợp với một tiểu đội du kích địa phương chặn đánh địch từ Quảng Nạp xuống Phú Minh tại Quán ông Già, diệt 5 tên. Một đơn vị bộ đội thuộc Trung đoàn 147 đã đánh bật một toán quân địch từ Phú Minh càn vào Hạ Lung.

Ngày 5/12, từ Hùng Sơn, quân Pháp chia làm 2 mũi càn quét vào các vùng Khôi Kỳ, Bình Thuận, Bình Khang. Tại một địa điểm gần đình Khôi Kỳ, bộ đội chủ lực của ta đã chặn đánh ác liệt một mũi tấn công của

địch từ Hùng Sơn càn xuống, diệt 25 tên; về phía ta, 1 chiến sĩ bị thương. Từ Khôi Kỳ, địch càn sang Bình Khang. Tại Bình Khang quân địch từ Khôi Kỳ sang và địch từ Hùng Sơn xuống lọt vào trận địa phục kích bằng mìn của bộ đội ta; mìn nổ, 25 tên bị tiêu diệt.

Cùng ngày (5/12) Đại đội 10 (thuộcTrung đoàn 350) bắn moócchiê vào sân tập của địch ở Hùng Sơn, diệt 10 tên. Như vậy, trong ngày 5/12, quân và dân Đại Từ đã tiêu diệt 60 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác. Đây là ngày quân và dân Đại Từ đạt hiệu suất chiến đấu cao nhất trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Chiến thắng giòn giã này đã khích lệ quân và dân Đại Từ hăng hái tiến lên và làm cho quân Pháp hoang mang, lo sợ. Bị tổn thất nặng nề, quân Pháp phải điều 6 máy bay (có 4 máy bay vận tải) hạ cánh xuống sân bay dã chiến ở Hùng Sơn để chở những tên bị chết và bị thương về Hà Nội.

Ngày 6/12, địch từ Hùng Sơn càn xuống các xã Lục Ba, Văn Yên, An Mỹ, bị du kích Đại Từ và đại đội Tô Văn chặn đánh, diệt và làm bị thương 9 tên. Tại Làng Ngò, du kích ném lựu đạn vào một toán quân địch đang tuần tiễu trong khu vực đóng quân, diệt 2 tên. Hôm sau (7/12), tại Ba Giăng (xã Bản Ngoại), bộ đội ta đã phục kích, chặn đánh suốt 5 giờ liền một toán 200 tên địch từ Hùng Sơn lên Yên Lãng, diệt 5 tên. Ngày 8/12, du kích Đại Từ dẫn đường cho bộ đội chủ lực tập kích vào vị trí đóng quân của địch ở thị trấn Hùng Sơn. Ngày 9/12, tại Dốc Phánh và cây đa Thùng Rượu (xã Phục Linh), Đại đội 1 (Trung đoàn 147) bộ đội chủ lực chặn đánh một

đại đội địch từ Hùng Sơn về Làng Ngò (xã An Khánh), diệt 20 tên. Trong các ngày 10 và 12/12, từ các vị trí đóng quân ở Làng Ngò và Hùng Sơn, địch tiếp tục hành quân, càn quét ra các vùng lân cận. Đi đến đâu, chúng cũng bị bộ đội chủ lực và du kích Đại Từ chặn đánh, nhiều tên bị chết và bị thương.

Sau hơn nửa tháng thực hiện cuộc hành quân Xanhtuya, không lùng bắt được cơ quan đầu não kháng chiến, không tiêu diệt được bộ đội chủ lực của Việt Minh, lại còn bị quân và dân ta chặn đánh mạnh ở khắp nơi, bị nhiều tổn thất nặng, quân Pháp quyết định bỏ dở cuộc hành quân Xanhtuya. Từ các vị trí đóng quân ở Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, địch tập trung về Làng Ngò và Hùng Sơn (Đại Từ) để chuẩn bị vừa càn quét, vừa rút quân về xuôi. Ngày 13 /12, từ Hùng Sơn, khoảng 600 tên địch vừa càn quét, vừa rút theo đường Ký Phú, Cát Nê xuống Phúc Thuận (Phổ Yên). Tại Lục Ba, chúng bị du kích Lục Ba chặn đánh, phải bỏ lại 2 xe mô tô để chạy thoát thân. Du kích Lục Ba thu được 2 xe mô tô, nhưng vì không biết lái nên phải phá huỷ. Rút xuống Ký Phú, quân Pháp lại bị Đại đội 10 (Trung đoàn 147) bộ đội chủ lực chặn đánh quyết liệt, buộc chúng phải huy động gấp 2 máy bay lên yểm trợ. Có máy bay yểm trợ, quân địch tổ chức lực lượng phản công. Bộ đội ta vừa đánh địch phản công vừa rút vào chân núi Tam Đảo. Trong trận này, bộ đội ta đã tiêu diệt và bắn bị thương một số tên địch; về phía ta , 3 chiến sĩ hy sinh và 1 chiến sĩ bị thương.

Ngày 14/12, từ Ký Phú, địch cho 1 trung đội càn xuống Cát Nê và 1tiểu đội càn sang Tràng Lang. Cả hai mũi càn quét này của địch đều bị du kích Đại Từ chặn đánh, phải quay lại Ký Phú.

Ngày 15/12, toàn bộ quân địch ở Ký Phú rút xuống Cát Nê, đến Ba Gò bị bộ đội ta phục kích bằng mìn, 1 tên chết. Từ Ba Gò, quân địch rút thẳng xuống Thượng Kết (xã Phúc thuận, huyện Phổ Yên).

Ngày 17/12, từ Làng Ngò (xã An Khánh), 50 tên địch càn vào Làng Hà, bị du kích chặn đánh, buộc phải rút.

Ngày 18/12, toàn bộ quân Pháp ở Làng Ngò (xã An Khánh) rút về Thị xã Thái Nguyên. Trên đường rút, chúng bị bộ đội và du kích ta liên tiếp chặn đánh ở Mỏ Bạch, đồi Yên Ngựa và đồi Đội Cấn. Từ thị xã Thái Nguyên, quân Pháp chia làm hai mũi vừa càn, vừa rút về xuôi: Một mũi càn qua Thịnh Đán, Đức Thịnh xuống Phi Đơn, về Phổ Yên; một mũi rút theo Quốc lộ 3 về Phổ Yên.

Ngày 21/12, toàn bộ quân Pháp ở Phổ Yên rút qua cầu Đa Phúc, theo Quốc lộ 3 về Hà Nội.

Trải qua gần một tháng trực tiếp đương đầu với cuộc hành quân Xanhtuya của địch, nhân dân và lực lượng dân quân, du kích, tự vệ Đại Từ đã nêu cao tinh thần yêu nước và truyền thống cách mạng, vừa độc lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực đánh 41 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt 252 tên địch [1], làm bị thương nhiều tên khác. Ngoài ra, quân và dân Đại Từ còn làm tốt công tác

---

[1] Báo cáo đặc biệt của Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên từ 1945 – 5/1948. (Lưu trữ tại Văn phòng Chính phủ)

phòng gian, giữ bí mật, góp phần bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và quân đội đóng trên địa bàn. Qua trực tiếp chiến đấu, lực lượng dân quân, du kích và tự vệ Đại Từ không ngừng trưởng thành, đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện chiến đấu và trinh sát nắm địch, trong công tác hiệp đồng tác chiến với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn.

Trong chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947 của quân và dân Việt Bắc nói chung, đặc biệt là trong chiến công trực tiếp đánh bại cuộc hành quân Xanhtuya (Xiết chặt) của địch, đã có sự đóng góp xứng đáng của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng dân quân du kích và tự vệ Đại Từ .

Bên cạnh những thắng lợi to lớn đã giành được, nhân dân các dân tộc Đại Từ cũng không tránh khỏi tổn thất, mất mát do cuộc tấn công, càn quét của địch trong Thu Đông 1947 gây ra. Chỉ riêng nhân dân xã An Khánh đã bị địch bắn chết 70 con trâu, bò, đốt 800 nồi thóc, trừ 15 ngôi nhà do dân quân, du kích An Khánh tự đốt phá để "tiêu thổ kháng chiến", còn lại toàn bộ nhà, cửa của khoảng 200 hộ dân trong xã đều bị địch đốt, phá. Nhân dân xã Cù Vân cũng bị địch bắn chết 8 người, giết hại 60 con trâu, bò và đốt phá nhiều nhà cửa. Nhân dân xã Lục Ba bị địch đốt 200 nồi thóc và phá huỷ một số nhà, cửa.

Những tổn thất đó đã gây cho nhân dân Đại Từ rất nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống, đòi hỏi cấp

uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết.

Ngay sau khi địch rút khỏi Đại Từ, thực hiện Quyết định ngày 15/1 năm 1948 của Uỷ ban Kháng chiến. Hành chính tỉnh, Đại Từ đã thành lập Ban Cứu tế các cấp từ huyện xuống các xã làm nhiệm vụ giúp cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện điều tra, nắm tình hình thiệt hại của nhân dân trong thời kỳ giặc Pháp tấn công, càn quét, phát tiền trợ cấp cho nạn nhân và các gia đình nạn nhân chiến tranh gặp khó khăn.

Trong số kinh phí 400.000 đồng của Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh chi cho công cuộc cứu tế toàn tỉnh, Ban Cứu tế huyện Đại Từ đã tiếp nhận và cấp phát cho nạn nhân và các gia đình nạn nhân chiến tranh gặp khó khăn 75.000 đồng. Ngoài ra, Ban Cứu tế huyện còn tiếp nhận ở Ban Canh nông tỉnh 10 tấn thóc giống, 16 con trâu để cấp cho các xã bị nhiều tổn thất trong cuộc tấn công, càn quét của địch.

Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã nhanh chóng khắc phục được khó khăn, ổn định tư tưởng và đời sống, tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, tích cực tham gia vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục chọn một số xã của Đại Từ làm An toàn khu (ATK)

kháng chiến. Nhiều cơ quan đầu não của Trung ương, Liên khu Việt Bắc và tỉnh Thái Nguyên tiếp tục đến ở và làm việc tại huyện Đại Từ. Nhiều hội nghị quan trọng của các cấp từ Trung ương xuống Liên khu và Tỉnh được tiếp tục tổ chức trên địa bàn huyện. Từ ngày 15 đến ngày 22/6/1948, tai xã Yên Mỹ, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II, với sự có mặt của 147 đại biểu chính thức, 26 đại biểu dự thính, đại diện cho 2.849 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Tại Đại hội này, đồng chí Nguyễn Văn Mô (tức Cương), Bí thư Huyện uỷ Đại Từ đã được bầu làm Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã phân tích, chỉ rõ "tình trạng mất đoàn kết nội bộ giữa cán bộ các Huyện uỷ Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hoá, Phổ Yên, đặc biệt là ở Đại Từ và Đồng Hỷ, làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt, mất tác dụng, ảnh hưởng xấu tới phong trào"[1] . Đại hội đã đề ra phương hướng sửa chữa, khắc phục các khuyết điểm của các huyện ủy trong đó có Đại Từ.

*
* *

Được Trung ương tiếp tục chọn một số xã trong huyện làm An toàn khu, nên việc xây dựng, củng cố Đại Từ vững mạnh cả về chính trị, kinh tế, an ninh và quốc

---

[1] Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên , tập I (1936 - 1965), trang 239, 240

phòng ... là nhiệm vụ hết sức khẩn trương và cấp bách của quân và dân trong huyện.

Thực hiện Sắc lệnh tháng 10/1947 của Chính phủ, cuối tháng 1, đầu tháng 2/1948, Uỷ ban Kháng chiến và Uỷ ban Hành chính các cấp trong huyện được sáp nhập thành Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các cấp. Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện gồm 7 uỷ viên (3 uỷ viên hành chính, 3 uỷ viên nhân dân và 1 uỷ viên quân sự) do đồng chí Nguyễn Trung Thành làm Chủ tịch, đồng chí Triệu Minh Trường (Huyện đội trưởng) làm Uỷ viên quân sự. Các Uỷ viên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện "đều chịu khó làm việc, tận tâm với nhiệm vụ[1]. Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ cùng với Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Định Hoá được Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên đánh giá là "những Uỷ ban khá". Đối với Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính các xã trong huyện, sau 2 năm cung cách làm việc đã có tiến bộ hơn trước nhiều Mặc dù xã không có ngân sách, không được trợ cấp, lại thiếu người có năng lực, nhưng các Uỷ viên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính xã vẫn có tinh thần hy sinh, tận tuỵ thi hành những mệnh lệnh của Chính phủ và của cấp trên[2]. Tuy nhiên, nhiều uỷ viên, vẫn còn bỡ ngỡ vì ít được huấn luyện. Phần nhiều trong Uỷ ban xã chỉ được một ông

---

(1) Báo cáo đặc biệt của Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên từ 1945 đến 5/1948.

(2) Báo cáo công tác quý 3/1948 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên – Tài liệu lưu tại Phông 43, Hồ sơ 218 – Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

Chủ tịch hay thêm ông Phó Chủ tịch hoặc thêm một ông Uỷ viên nữa là cùng là có năng lực.

Vì trình độ văn hoá thấp, nên các Uỷ ban xã thường làm sai và chậm chạp các công việc hành chính. Trong huyện vẫn còn có những Uỷ ban Kháng chiến Hành chính xã hoạt động kém hiệu quả, trong đó Uỷ ban Kháng chiến Hành chính xã Cù Vân hoạt động kém hiệu quả kéo dài, đã bị Phái đoàn của Chính phủ đã ra lệnh giải tán để thành lập lại.

Thực hiện cuộc vận động "chấn chỉnh cấp xã" do Liên khu Việt Bắc phát động theo Chỉ thị của Trung ương, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện Đại Từ đã điều động một số cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các xã hoạt động. Với khẩu hiệu "chuyển trọng tâm công tác xuống xã", một số cán bộ Huyện uỷ Đại Từ đã trực tiếp xuống làm Bí thư chi bộ các xã. Nhờ đó, cuộc vận động : "chấn chỉnh cấp xã " ở Đại Từ đã đạt kết quả tốt, chất lượng các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng ở xã được nâng cao Hội Nông dân Cứu quốc các xã An Khánh, Trần Phú được tỉnh đánh giá hoạt động tốt. Bộ máy chính quyền xã được củng cố, các đối tượng là địa chủ, cường hào; là cán bộ, đảng viên kém ý chí phấn đấu trong Hội đồng nhân dân và Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính các xã từng bước được thay thế kịp thời. Tại xã Cù Vân, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt gồm Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Hành chính xã, do ý chí phấn đấu kém, để bộ máy chính quyền hoạt động kém hiệu qủa kéo dài,

đều bị thi hành kỷ luật cách chức, hoặc khai trừ ra khỏi Đảng. Huyện uỷ điều một đồng chí cán bộ cơ quan Huyện uỷ xuống trực tiếp làm Bí thư Chi bộ xã Cù Vân.

Để đáp ứng được yêu cầu xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền và các đoàn thể Cứu quốc trong huyện, Huyện uỷ Đại Từ chú trọng công tác lãnh đạo, xây dựng, củng cố tổ chức Đảng và phát triển đảng viên mới.

Thực hiện Nghị quyết ngày 29 /4/1948 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ Đại Từ họp kiểm điểm "tình trạng mất đoàn kết nội bộ ..., làm cho tổ chức Đảng bị tê liệt, mất tác dụng, ảnh hưởng xấu tới phong trào"[1]. Hội nghị Huyện uỷ Đại Từ đã đề cao tự phê bình và phê bình, chỉ rõ nguyên nhân của sự mất đoàn kết nội bộ và đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục. Tháng 9/1948, Huyện uỷ Đại Từ triệu tập Đại biểu Hội nghị cán bộ Đảng toàn huyện[2] để bầu Huyện uỷ mới. Do "Các đại biểu đến chậm và không đủ, việc sửa soạn Đại biểu Hội nghị vội vàng, không đúng nguyên tắc và tính chất của Đại biểu Hội nghị, các chi bộ không có ý thức, nên không thành. Đại biểu Hội nghị biến thành Hội nghị giữa Huyện uỷ và cán bộ các chi bộ để thảo luận công tác thi đua. Hội nghị không bầu được Ban Huyện uỷ mới"[3].

---

[1] Báo cáo công tác quý 3/1948 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên – Tài liệu lưu tại Phông 43, Hồ sơ 218 – Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

[2] Đại biểu Hội nghị cán bộ Đảng toàn huyện nay là Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện.

[3] Báo cáo công tác quý 3/1948 của Tỉnh ủy Thái Nguyên, Tài liệu đã dẫn.

Trước tình hình đó, tại cuộc họp hai ngày 6 và 7 tháng 10/1948, Tỉnh uỷ Thái Nguyên quyết định chỉ định Huyện uỷ Đại Từ gồm 5 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết, Ban Thường vụ gồm các đồng chí Nguyễn Bá Cương (Bí thư), Nguyễn Đạt tức Vũ (Phó Bí thư), Thái Sơn (Uỷ viên).

Sau khi được Tỉnh uỷ chỉ định, Ban Huyện uỷ Đại Từ mở 2 lớp huấn luyện cho bí thư chi bộ và đảng viên về công tác chi bộ; nhiệm vụ và tư cách của người đảngviên. Qua huấn luyên, tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của các bí thư chi bộ và đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ đã được nâng lên một bước rõ rệt.

Về công tác phát triển Đảng, để khắc phục tình trạng "có chi bộ ở Đại Từ, 8 tháng không phát triển được đảng viên mới nào"[1], sau khi địch rút, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ công tác phát triển Đảng. Các chi bộ đã lựa chọn những người có ý chí, quyết tâm và tinh thần chiến đấu tốt trong thời kỳ địch tấn công, càn quét Thu Đông 1947 để xem xét kết nạp vào Đảng.

Số lượng đảng viên của Đảng bộ Đại Từ không ngừng tăng lên từ 795 đồng chí (đầu năm 1948), lên 908 đồng chí (cuối năm 1948), 1.085 đồng chí (tháng 9/1949) và 1.139 đồng chí (tháng 12/1948)

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong các công tác xây Đảng, xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng các cấp trong huyện, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến-Hành chính huyện Đại Từ đẩy

---

[1] Báo cáo công tác quý 3/1948 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Tài liệu đã dẫn

mạnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương.

Sau hội nghị rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy chiến đấu Thu Đông 1947 do Tỉnh đội tổ chức (từ ngày 3 đến ngày 7/1/1948), Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ họp, nghe các Ban chỉ huy Xã đội trong huyện báo cáo kết quả chiến đấu của dân quân du kích. Hội nghị thảo luận, thống nhất các vấn đề về tập trung du kích, tổ chức, chỉ huy du kích tuần tra, canh gác và phá hoại, củng cố và phát triển du kích khi có chiến sự; sự phối hợp của dân quân du kích với bộ đội chủ lực; phương pháp làm việc của chỉ huy các cấp khi tác chiến và việc tổ chức các đội du kích thoát ly.

Tiếp theo, Ban chỉ huy Huyện đội mở lớp huấn luyện được 75 cán bộ tiểu đội, 12 cán bộ trung đội và 18 cán bộ đại đội dân quân du kích và tự vệ. Đến tháng 6/1948, Đại Từ trở thành một trong hai huyện có phong trào du kích khá nhất tỉnh.

Trong thời gian này, Trung đoàn 121 (Thái Nguyên - Phúc Yên) đã đưa Đại đội độc lập 912 chuyển về hoạt động trên địa bàn 2 huyên Đại Từ và Phú Lương. Đại đội 912 đưa 1 trung đội về Đại Từ vừa làm nhiệm vụ bảo vệ địa bàn, vừa giúp huyện xây dựng, huấn luyện và dìu dắt lực lượng dân quân du kích.

Để đối phó với hoạt động của địch trong Thu Đông 1948 và hưởng ứng đợt "Thi đua phá hoại" do Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh phát động, từ ngày 20 tháng 8 đến ngày 1/9/1948, Đại Từ huy động lực lượng dân quân du kích ra phá hoại triệt để Đường 13A (đoạn

Đèo Khế - Cù Vân), đường thị trấn Đại Từ - Quân Chu, đường thị trấn Đại Từ - Phú Minh - Minh Tiến.

Do được lần lượt thay phiên nhau đi dự các lớp bồi dưỡng, huấn luyện quân sự và chính trị ngắn ngày do Tỉnh đội Thái Nguyên và Liên khu Việt Bắc tổ chức, nên năng lực lãnh đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ chỉ huy dân quân du kích các cấp trong huyện từng bước được nâng lên. Cán bộ, chiến sĩ Trung đội bộ đội chủ lực thuộc Đại đội độc lập 912 (Trung đoàn 121) có nhiều cố gắng giúp huyện xây dựng và huấn luyện dân quân du kích. Lực lượng du kích Đại Từ tăng từ 705 cán bộ, chiến sĩ (tháng 6/1948), lên 847 cán bộ, chiến sĩ (tháng 9/1949). Tháng 9/1949, lực lượng du kích Đại Từ được trang bị 360 súng kíp, 41 súng trường, 1 súng máy và 1.046 quả lựu đạn.

Ngày 7/7/1949, Bộ Quốc phòng ra Nghị định số 103/NĐ chỉ rõ: Lực lượng dân quân tự vệ nay được gọi là dân quân (bỏ danh từ tự vệ); những đội gương mẫu được gọi là đội du kích (du kích nằm trong dân quân và sinh hoạt trong tổ chức dân quân); những đội du kích thoát ly tập trung thành những đơn vị du kích tập trung tại huyện hoặc tỉnh, hoạt động chiến đấu trong phạm vi địa phương, nay gọi là bộ đội địa phương. Trang bị và cấp dưỡng của bộ đội địa phương do Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính các cấp tỉnh và huyện đảm nhiệm theo nguyên tắc địa phương tự túc, Chính phủ tạm thời trợ cấp một phần.

Về cơ quan chỉ đạo, Nghị định 103 của Bộ Quốc phòng cũng qui định rõ: ở thôn có Thôn đội trưởng chỉ

huy dân quân thôn, ở xã có Ban chỉ huy Xã đội gồm 1 Xã đội trưởng, 1 Chính trị viên, 1 Xã đội phó phụ trách dân quân và 1 Xã đội phó kiêm Trung đội trưởng du kích tập trung. Ban chỉ huy Xã đội do nhân dân bầu ra (Xã đội trưởng hoặc Chính trị viên Xã đội là Uỷ viên Quân sự trong Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính xã). ở huyện có Huyện đội (một cơ quan trong Uỷ ban Kháng chiến-Hành chính huyện). Ban chỉ huy Huyện đội gồm 1 Huyện đội trưởng, 1 Huyện đội phó, 1 Chính trị viên làm nhiệm vụ chỉ huy bộ đội địa phương và lãnh đạo dân quân trong huyên. Huyện đội bộ gồm Ban chỉ huy Huyện đội và các ban Văn thư, Quân sự, Chính trị và Kiểm tra.

Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính các cấp lãnh đạo bộ đội địa phương qua các_Ban chỉ huy Xã đội, Huyện đội.

Thực hiện Nghị định 103 của Bộ Quốc phòng, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện Đại Từ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, kiện toàn Ban chỉ huy Huyện đội và các Ban chỉ huy Xã đội. Huyện đội có 7 người, gồm 3 cán bộ chỉ huy là các đồng chí Triệu Minh Trường (Huyện đội trưởng)[1] Nguyễn Quang Vinh (tức Nguyễn Bảo Thỉnh-Huyện đội phó), Triệu Tuấn (Chính trị viên) và 1 văn thư, 3 cán bộ phái viên Quân sự, Chính trị, Kiểm tra.

Trên cơ sở Trung đội du kích tập trung của huyện (quân số 35 cán bộ, chiến sĩ, trang bị 17 súng trường, 38

[1] Cuối năm 1949, đồng chí Triệu Minh Trường được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội Thái Nguyên. Đầu năm 1950, đồng chí Triệu Minh Tân được bổ nhiệm làm Huyện đội trưởng huyện đội Đại Từ.

lựu đạn và 3 quả mìn), tháng 11/1949, Ban chỉ huy Huyện đội Đại từ đã tổ chức thành lập Đại đội 226 bộ đội địa phương gồm 3 trung đội, biên chế 126 cán bộ, chiến sĩ, do các đồng chí Huyện đội trưởng trực tiếp làm Đại đội trưởng, Nguyễn Tam Sơn làm Chính trị viên và đồng chí Sinh làm Đại đội phó. Các đồng chí: Cao Văn Chuông, Mạc Trung Bình, Hứa Viết Lãng, Nguyễn Huy Oánh...là cán bộ trung đội.

Lúc mới thành lập, do Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện phải cấp dưỡng và trang bị vũ khí, lại đúng vào dịp giáp hạt, nên đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Với mức sinh hoạt phí chỉ có 180 đồng cho 1 người, 1 tháng (không đủ để mua gạo ăn), nên có lúc đơn vị phải phân tán vào dân, nhờ dân nuôi dưỡng, hoặc có lúc đơn vị phải ăn rau, ăn cháo hàng tuần lễ. Để khắc phục khó khăn, từng bước đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ phát động phong trào nhân dân đóng góp, ủng hộ, giúp đỡ bộ đôi địa phương; chỉ đạo các xã đẩy mạnh hoạt động của "Hội mẹ chiến sĩ", vận động chị em phụ nữ quyên góp, may, vá quần, áo, chăn, màn ủng hộ bộ đội, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ. Kết quả, đến tháng 5/1950, các tầng lớp nhân dân trong huyện đã đóng góp và ủng hộ bộ đội được 43.003 kg thóc, 1.103.700 đồng. Nhờ đó, mức sinh hoạt phí của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 được nâng từ 180 đồng lên 240 đồng 1 người, 1 tháng. Những khó

khăn thiếu thốn ban đầu của Đại đội 226 từng bước được giải quyết, sức khoẻ của cán bộ, chiến sĩ được ổn định. Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 tập trung huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và phấn khởi xây dựng đơn vị ngày một trưởng thành. Sáu tháng đầu năm 1950, Đại Từ là một trong 3 huyện của tỉnh Thái Nguyên tổ chức huấn luyện dân quân du kích đạt loại khá.

Thực hiện Sắc lệnh Tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân để tiến tới Tổng phản công do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 12/2/1950, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện cử cán bộ xuống các xã tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ nội dung của Sắc lệnh là tất cả nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân đặt dưới chế độ pháp luật đặc biệt trong thời kỳ chiến tranh; vận động, động viên nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống và đóng góp cho kháng chiến. Đến tháng 8/1950, nhân dân trong huyện đã đóng góp được 128.802kg thóc thuế điền thổ, 91.355 kg thóc công lương và 46.152 kg thóc luỹ tiến. Hưởng ứng phong trào "Bán gạo khao quân" do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động, năm 1950, các tầng lớp nhân dân Đại Từ đã bán cho Chính phủ gần 305 tấn thóc (riêng nhân dân 6 xã Phục Linh , An Mỹ, Đức Lương, Vân Yên, Hiệp Hoà, Cù Vân trong 4 tháng đầu năm 1950 đã bán được 12.700 kg thóc).

Được nhân dân các dân tộc trong huyện ủng hộ, nhiệt tình đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi dưỡng,

nên đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 bộ đội địa phương và dân quân du kích Đại Từ từng bước được cải thiện. Lực lượng dân quân du kích phát triển nhanh, trung bình mỗi xã trong huyện có từ 1 trung đội đến 1 đại đội du kích. Đại đội 226 qua hơn một năm xây dựng, đã trưởng thành hẳn lên.

Về phía địch, từ đầu năm 1950, chúng mở nhiều cuộc tấn công lên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ngày 29/3/1950, khoảng 300 tên địch từ Vĩnh Yên vượt Tam Đảo tấn công lên các xã vùng Tây Nam huyện Đại Từ . Lực lượng dân quân du kích các xã vùng Tây Nam huyện Đại Từ phối hợp với Đại đội 339 (bộ đội chủ lực đang đóng quân ở đây) chặn đánh chúng, diệt 10 tên, làm bị thương 6 tên khác, buộc chúng phải rút lui. Tiếp đó, ngày 9/4/1950, Đại đội 339 lại chặn đánh 1 đại đội địch từ Vĩnh Yên càn lên Tam Đảo, diệt 17 tên và bắn bị thương 13 tên.

Bằng những cố gắng vượt bậc của mình, quân và dân Đại Từ đã chặn đánh từ xa tất cả các cuộc tấn công của địch lên địa bàn huyện, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía Nam Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới. Quán triệt Chỉ thị ngày 21/7 /1950, của Tỉnh uỷ Thái Nguyên: "Trước sự chuẩn bị ráo riết của ta để chuẩn bị chuyển mạnh sang Tổng phản công, địch có thể đánh mạnh vào hậu phương của ta mà trung tâm là Thái Nguyên, nhằm phá và cản trở công cuộc chuẩn bị chuyển mạnh sang Tổng phản công của ta. Bởi vậy công cuộc chuẩn bị của

ta lúc này cũng phải tích cực, ráo riết hơn lúc nào hết", ngày 23/7/1950, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện Đại Từ ra Chỉ thị (số 2053/QS), chỉ rõ: "Có thể địch sẽ mở một cuộc tấn công, càn quét Đại Từ. Nếu địch tấn công, càn quét, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính các xã phải sơ tán dân ở các xóm gần đường hoặc ở các khu vực địch tấn công đến các vùng lân cận. Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính các xã có dân đến sơ tán phải tổ chức và vận động nhân dân bán lương thực, thực phẩm, tạo công ăn, việc làm thích hợp cho người đến sơ tán; phải huy động dân quân tuần tra, canh gác, bảo vệ tài sản cho nhân dân; thẳng tay trừng trị bọn lưu manh lợi dụng dân đi sơ tán để ăn cắp, quản lý chặt chẽ những kẻ lừng chừng, phản động, khi chiến sự lan tới các xã thì bắt những tên quan trọng, đầu sỏ giải lên huyện, những tên bình thường gọi lên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính xã cảnh cáo, các xã phải làm tốt công tác tư tưởng" .

Tiếp đó, Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện quyết định thành lập Ban chỉ huy tác chiến huyện và tổ chức xây dựng kế hoạch đối phó với địch khi có chiến sự xẩy ra. Theo kế hoạch này, khi có chiến sự xẩy ra, địa bàn huyện sẽ được chia làm 4 miền:

Miền 1: gồm các xã Văn Cao, Phú Cường, Đức Lương, Vinh Quang do đồng chí Hoàng Gia Dũng phụ trách.

Miền 2: gồm các xã Hiệp Hoà, Hoành Sơn, An Mỹ, Trần Phú, Toàn Thắng do đồng chí Dương Đức Thanh phụ trách.

Miền 3: gồm các xã Phù Cát, Tân Thành, Tràng An, Văn Thắng do đồng chí Bùi Văn Tình phụ trách.

Miền 4: gồm các xã Phù Linh, An Khánh, Cù Vân do đồng chí Nguyễn Văn Dân phụ trách.

Sau khi xây dựng xong kế hoạch, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện họp với lãnh đạo các ban, ngành chuyên môn, các đoàn thể và lãnh đạo các xã để quán triệt và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ sở. Nhờ đó, hoạt động của Uỷ ban Kháng chiến-Hành chính và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện nhịp nhàng, tiến bộ. Các ngành của huyện hoạt động đều, trong đó Ngành Bưu điện đã được chấn chỉnh lại, quản lý chặt chẽ đội ngũ giao thông viên, làm cho việc giao thông, liên lạc được kịp thời, thông suốt và nhanh gọn.

Để đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ Chiến dịch Biên giới, thực hiện Nghị quyết mở "Chiến dịch sửa chữa cầu đường" của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ quyết định thành lập Ban huy động dân công huyện do một đồng chí Thường vụ Huyện uỷ phụ trách. Trong đợt huy động dân công đầu tiên đi làm nhiệm vụ vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ Chiến dịch Biên Giới, trong 3 tháng, Đại Từ huy động được 64 dân công (có 20 đảng viên), hoàn thành 100% chỉ tiêu tỉnh giao. Để hoàn thành việc khôi phục Đường 13A, đoạn từ Bờ Đậu đến Đèo Khế, Đại Từ đã huy động hàng ngàn lượt người từ 16 tuổi đến 55 tuổi đi dân công, làm nhiệm vụ san, lấp các hố phá hoại, sửa chữa mặt đường, đảm bảo xe cơ giới nhỏ và các loại xe thô sơ đi lại, vận chuyển dễ

dàng, thuận tiện. Đường 13 A được hồi sinh, ngày, đêm rộn rã tiếng chân người, tiếng xe cơ giới nhỏ và tiếng xe thô sơ.... vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí lên Biên giới Việt – Trung, nơi mặt trận lớn sắp mở màn.

Hưởng ứng Chiến dịch Biên giới và thực hiện phong trào thi đua "Tuần lễ giết giặc lập công" do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương. Đồng chí Nguyễn Bảo Thỉnh (Huyện đội phó) được Huyện uỷ quyết định bổ sung vào Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện làm Uỷ viên quân sự. Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện cử cán bộ xuống trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh, Tân Thành, Phù Cát, Văn Yên, Văn Thắng, Hoành Sơn, Trần Phú, Văn Cao, Tràng An phát triển lực lượng dân quân du kích và xây dựng kế hoạch chiến đấu, bảo vệ mùa màng; chỉ đạo xã An Mỹ xây dựng điển hình tiên tiến về mọi mặt. Số lượng dân quân du kích tăng gần 60% so với năm trước, lực lượng dân quân tham gia tiếp tế, vận tải, sửa đường, làm nhà cơ quan đạt nhiều kết quả, được Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh đánh giá là một trong hai huyện khá nhất tỉnh. Đặc biệt, lực lượng dân quân du kích và Đại đội 226 bộ đội địa phương của huyện đã tham gia cuộc diễn tập đánh địch tấn công vào địa bàn tỉnh, đạt kết quả tốt. Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức thành lập 37 trạm gác của dân quân du kích trên các tuyến đường vào

ATK, làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát người lạ mặt, bảo vệ Căn cứ địa Kháng chiến Việt Bắc.

Để đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, trong "Tuần lễ thi đua giết giặc lập công", nhân dân và các lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương Đại Từ đào hàng trăm hố tác chiến, hàng trăm mét giao thông hào và tham gia hàng trăm ngày công rào làng chiến đấu. Dân quân du kích các xã Toàn Thắng, Cù Vân, An Khánh, Phục Linh, Phù Cát, Tân Thành, Trần Phú đã sửa lại toàn bộ hầm hố, giao thông hào. Các xã trong huyện tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban phá hoại, sẵn sàng huy động lực lượng đi tiêu thổ kháng chiến.

*

* *

Về phía địch, sau khi quân Pháp ở Đông Khê bị tiêu diệt, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cắt đường ứng cứu, lâm vào tình trạng bị cô lập, có nguy cơ bị tiêu diệt, Bộ chỉ huy Pháp quyết định đồng thời với việc rút quân khỏi Cao Bằng về tăng cường phòng thủ khu vực phía bắc Hà Nội, sẽ cho quân đánh chiếm Thị xã Thái Nguyên .

Huy động các tiểu đoàn dự bị chiến lược ở đồng bằng Bắc Bộ, mở cuộc hành quân "Phoque" (Chó biển) tấn công lên thị xã Thái Nguyên, uy hiếp Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Bộ chỉ huy Pháp ở Đông Dương hy vọng sẽ kéo được chủ lực của ta từ biên giới Việt - Trung về Thái Nguyên, cứu nguy cho các binh đoàn của chúng đang bị đe doạ tiêu diệt ở Biên giới. Bằng cách đó, chúng còn hy vọng có thể che giấu được thất bại ở mặt

trận Biên giới, trấn an được dư luận ở Pháp, phá được ta về kinh tế.

Ngày 29/9/1950, địch huy động 4 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh, 1 đại đội dù, với khoảng 3.000 quân, có máy bay và tàu chiến yểm trợ, chia làm 3 mũi tấn công lên Thị xã Thái Nguyên. Mũi thứ nhất từ Đa Phúc (Vĩnh Phúc) , theo Quốc lộ 3 qua Phổ Yên lên đánh chiếm Thị xã Thái Nguyên. Mũi thứ hai (có 3 ca nô và 10 tàu chiến) theo sông Cầu lên Hà Châu (Phú Bình), theo Đường 19 lên thị xã Thái Nguyên. Mũi thứ ba từ Phúc Yên, theo sườn Tam Đảo, vượt đèo Nhe sang Phúc Thuận (Phổ Yên) qua Thịnh Đức, Thịnh Đán (Đồng Hỷ) lên đánh chiếm Thị xã Thái Nguyên.

Tiếp đó, chiều ngày 1/10/1950, địch huy động 27 máy bay lên bắn phá và thả 200 quân dù xuống đánh chiếm sân bay Đồng Bẩm (Đồng Hỷ). Ngày 2 tháng 10, từ sân bay Đồng Bẩm, quân Pháp tràn qua cầu Gia Bẩy và ngầm Bến Tượng, phối hợp với 3 cánh quân từ Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ lên cùng đánh chiếm Thị xã Thái Nguyên. Chiếm được thị xã Thái Nguyên quân Pháp huyênh hoang truyên bố "đã chiếm được Thủ đô quân sự và Chính trị của Việt Minh". Từ thị xã Thái Nguyên quân Pháp và toả ra càn quét các vùng xung quanh.

Ngày 3/10/1950, từ thị xã Thái Nguyên, buổi sáng quân Pháp mở cuộc tiến công lên chiếm đóng Quan Triều. 11 giờ trưa, từ Quan Triều, quân Pháp chia làm ba mũi: Một mũi càn lên Bá Sơn, Bờ Đậu (Phú Lương), một mũi càn vào Làng Um, Làng Ngò (xã An Khánh), một mũi càn lên Cù Vân. Tại Cù Vân, quân Pháp đã bắt

người và cướp một số gà, vịt, quần áo của nhân dân. Mũi quân Pháp càn vào Làng Um, Làng Ngò vấp phải mìn của ta, hàng chục tên bị tiêu diệt.

Ngay sau khi quân Pháp mở cuộc hành quân "Phoque" (Chó biển) tấn công lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ đã họp với các ngành quân, dân, chính, Đảng trong huyện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, đề ra chủ trương đối phó với địch. Lực lượng dân quân du kích các xã vùng phía nam Đại Từ tổ chức tuần tra, canh gác suốt ngày đêm, các xã còn lại đều tổ chức mỗi xã 1 tiểu đội du kích, thường xuyên tuần tra, canh gác bảo vệ các làng, bản.

Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện "mời " Linh mục nhà Thờ Xứ An Huy sơ tán đến xã Văn Cao; "điều" Chánh Dô (Nguyễn Văn Dô) ở xã Cù Vân đến "công tác" ở xã Văn Mỹ ... Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện trong thời gian địch chiếm đóng Thị xã Thái Nguyên và càn quét lên các xã An Khánh, Cù Vân được giữ vững.

Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các xã Cù Vân, An Khánh, Phục Linh nhanh chóng chuyển sang chế độ làm việc thời chiến, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo dân quân du kích đánh địch, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân. Chỉ trong 3 ngày, kể từ khi địch mở cuộc tấn công, càn quét lên Thị xã Thái Nguyên, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính xã Phục Linh đã huy động nhân dân vận chuyển được hơn 100 tấn thóc đưa đi cất giấu ở nơi an toàn.

Từ ngày 3/10/1950, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện chuyển đến nơi sơ tán và làm việc theo chế độ thời chiến. Ban chỉ huy Huyện đội điều Đại đội 226, (gồm 134 cán bộ, chiến sĩ, trang bị 1 đại liên, 1 trung liên, 1 moócchiê, 105 súng trường và 1.719 viên đạn), xuống phối hợp với dân quân du kích các xã Cù Vân , An Khánh đánh địch. Khi địch tấn công, càn quét vào địa bàn "Du kích Cù Vân phối hợp với bộ đôi địa phương tiêu diệt 6 tên địch, bắn bị thương nặng 1 tên quan một; du kích An Khánh tiêu diệt 4 tên, bắn bị thương 2 tên" [1]" Hàng ngày, du kích 2 xã Cù Vân, An Khánh thay phiên nhau canh gác bảo vệ nhân dân và dân quân gặt được 70% diện tích lúa, đồng thời tổ chức lực lượng gặt đêm ở những cánh đồng gần nơi địch chiếm đóng.

Cán bộ, chiến sĩ Đại đội 226 bộ đội địa phương huyện "đều có tinh thần chiến đấu, tỏ ra gan dạ trong giao chiến với giặc, anh em đã dự những trận đánh tại Cù Vân, An Khánh, Mỏ Bạch, phối hợp với các đơn vị khác đuổi giặc ra khỏi thị xã Thái Nguyên"[2]. Trong thời gian trực tiếp chiến đấu chống lại cuộc hành quân "Chó biển" của địch, nhân dân Đại Từ đã ủng hộ dân quân du kích và bộ đội đia phương nhiều thóc gạo và tiền (trong đó nhân dân xã Văn Thắng ủng hộ 2 nồi gạo và 23.900 đồng, nhân dân xã Trần Phú ủng hộ 1 nồi gạo và nhân dân xã Toàn Thắng ủng hộ 56.000 đồng).

---

[1].[2] - Báo cáo tháng 10/1950 của Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện Đại Từ - Lưu trữ Uỷ ban nhân dân Tỉnh Thái Nguyên.

*

* *

Về phía địch, sau khi toàn bộ Ban tham mưu của 2 binh đoàn Sáctông và Lơpagiơ bị ta bắt sống (ngày 7 và 8 /10/1950), cánh quân của Đơlabôm lên ứng cứu thất bại phải tháo chạy, quân Pháp lần lượt rút hết khỏi các khu vực Thất Khê, Đồng Đăng, Na Sầm, thị xã Lạng Sơn, Đình Lập, Lộc Bình, An Châu. Toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch trên Đường số 4 bị đập tan.

Tại Thái Nguyên, quân Pháp bị quân và dân Thái Nguyên phối hợp với bộ đội chủ lực đánh trên 60 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 872 tên, bắn rơi 1 máy bay , bắn hỏng nặng 3 ca nô, thu 160 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng khác. Âm mưu của Bộ chỉ huy Pháp ở Đông Dương đánh lên Thái Nguyên nhằm thu hút bộ đội chủ lực của ta để đỡ đòn cho đồng bọn ở mặt trận Biên giới bị thất bại. Ngày 11/10/1950, Bộ chỉ huy Pháp buộc phải cho quân rút khỏi thị xã Thái Nguyên. Chiều ngày 12/10/1950, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược.

Cùng với quân và dân trong tỉnh đập tan cuộc hành quân " Chó biển" tấn công lên Thị xã Thái Nguyên của thực dân Pháp, nhân dân và các lực lượng vũ trang Đại Từ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, làm tròn nhiệm vụ bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía Nam của ATK Trung ương.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện đã tổ chức

hội nghị rút kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong những ngày có chiến sự. Báo cáo của Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện tại hội nghị khẳng định "trong thời gian có chiến sự, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện luôn bám sát Ban chỉ huy Huyện đội và Đại đội 226, nên đã lãnh đạo, chỉ đạo, điều động lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu kịp thời hợp lý" [1], "Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các xã tuy phải đối phó với địch, hoặc phải thi hành những công tác chuẩn bị giết giặc, nhưng guồng máy chính quyền xã vẫn được chạy đều, đặc biệt là Uỷ ban xã biết đi sát với dân chúng, nên giữ vững được tinh thần của dân chúng. Cán bộ các xã đều tỏ ra có tinh thần trong những ngày tình hình chiến sự gắt gao"[2].

"Lực lượng dân quân du kích trong huyện hoạt động mạnh, đã bổ sung cho bộ đội địa phương tỉnh, huyện 29 chiến sĩ. Ngoài các nhiệm vụ canh gác và đánh giặc, lực lượng dân quân du kích trong huyện còn vận chuyển dụng cụ cho các cơ quan, chuyển thóc đến nơi an toàn, giúp dân gặt lúa nhanh chóng và bảo vệ mùa màng"[3]

Thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta trong chiến dịch Biên giới và chiến công đập tan cuộc hành quân "Phoque" (Chó biển) của thực dân Pháp đánh lên Thái Nguyên (tháng 10 - 1950) của quân và dân Thái Nguyên đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của nhân dân, lực lượng dân quân du kích và cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Đại Từ. Cán bộ

---

[1] [2][3]Báo cáo tháng 10/1950 của Uỷ ban Kháng chiến - Hành chính huyện Đại Từ - Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên .

chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ phấn khởi, tin tưởng bước sang một chặng đường mới - chặng đường xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, tiếp tục chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến.

Sau thất bại nặng nề trong Chiến dịch Biên giới và Chiến dịch "Chó biển", địch nhanh chóng tăng cường lực lượng để phòng thủ vùng trung du. Trên địa bàn các tỉnh tiếp giáp với Thái Nguyên, chúng bố trí các binh đoàn cơ động số 3 ở Vĩnh Yên, số 5 ở Bắc Giang, số 1 ở Bắc Ninh và NA ở Phủ Lỗ. Từ hệ thống chiếm đóng đó, chúng thường xuyên mở các cuộc hành quân tấn công lên Thái Nguyên để thăm dò lực lượng, phá hoại công cuộc kháng chiến của ta. Trên địa bàn huyên Đại Từ, chúng tăng cường cho máy bay đến ném bom, băn phá, gây cho nhân dân trong huyện nhiều khó khăn, tổn thất. Ngày 8/11/1950, địch cho 4 máy bay đến ném 16 quả bom phá, bắn 36 loạt đạn 20 ly xuống xã Cù Vân, làm chết 2 người dân và cháy 5 nóc nhà. Trong tháng 12 năm 1950, máy bay địch ném bom, bắn phá 10 lần xuống các xã Phục Linh, An Khánh, Cù Vân, Ký Phú, Văn Lãng..., làm chết và bị thương nhiều người, phá huỷ nhiều nhà cửa và tài sản của nhân dân.

Trước tình hình đó, việc xây dựng, củng cố tổ chức Đảng và chính quyền các cấp trong huyện vững mạnh, đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân phát triển kinh tế, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang địa phương đủ sức đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch

là nhiệm vụ hết sức khẩn trương và cấp bách của quân và dân trong huyện.

Sau khi địch rút khỏi Thái Nguyên (ngày 12/10/1950), Phòng Thông tin huyện cử cán bộ trực tiếp xuống các xã Cù Vân, Phục Linh, Văn Cao, Vinh Quang, Đức Lương, Hiệp Hoà, Toàn Thắng, Văn Thắng nói chuyện thời sự, tuyên truyền tin chiến thắng cho 48.320 lượt người nghe, tổ chức 13 cuộc mít tinh, 16 đêm liên hoan lửa trại mừng chiến thắng, thu hút trên 5.500 lượt người tham gia. Các hoạt động thông tin truyên truyền của Phòng Thông tin huyện đã góp phần củng cố lòng tin cho nhân dân, động viên nhân dân phấn khởi, hăng hái tham gia hoạt động sản xuất, tích cực đóng góp cho kháng chiến.

Về công tác xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, đầu năm 1951, sau khi trên điều các đồng chí Nguyễn Trung Thành (Chủ tịch) và Bùi Văn Tình (Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện) đi nhận nhiệm vụ khác, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện kịp thời tìm người thay thế, đề nghị Tỉnh và Liên khu ra quyết định kiện toàn đủ 7 Uỷ viên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện.

Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc chấn chỉnh lại Uỷ ban Kháng chiến Hành chính 2 xã Văn Cao và Phù Cát, củng cố xong Uỷ ban Kháng chiến Hành chính 2 xã Hùng Sơn và Vinh Hoa, Các uỷ viên Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các xã đều có sự phân công công tác cụ thể, tỷ mỷ.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ xã, từ ngày 13 đến ngày 18/3/1951, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho 25 cán bộ là Uỷ viên và Thư ký Văn phòng Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các xã, 80% số học viên học tập đạt kết quả khá. Sau đợt học tập này, 11 trong tổng số 18 xã trong huyện đã kiện toàn đủ cán bộ làm công tác Văn phòng Uỷ ban. Hội đồng nhân dân các xã trong huyện cũng được củng cố, bổ sung thêm 36 uỷ viên. Hoạt động của Hội đồng nhân dân xã tương đối đồng đều, khá hơn cả là Hội đồng nhân dân các xã An Mỹ, Đức Lương, Vinh Hoa, Hùng Sơn, Văn Yên.

Trong những tháng đầu năm 1951, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các xã Văn Cao, An Mỹ, Hùng Sơn, Vinh Hoa tổ chức chấn chỉnh xong các ngành chuyên môn. Hiện tượng khoán trắng công việc cho uỷ nhiệm thôn của Uỷ ban Kháng chiến Hành chính các xã An Khánh và Phục Linh đã được chấm dứt; 16 trên tổng số 18 xã trong huyện đã thành lập Ban học tập nâng cao năng lực cán bộ, mỗi ban có 5 uỷ viên, trong đó các Ban học tập các xã : Hùng Sơn, Vinh Hoa, Cù Vân, Đức Lương, Tràng An, An Mỹ hoạt động tốt.

Cùng với việc xây dựng, củng cố chính quyền các cấp trong huyện, việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ đủ sức đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, đáp ứng kịp thời yêu cầu bổ sung lực lượng cho bộ đội chủ lực là nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong huyện.

Đầu năm 1951, lực lượng vũ trang địa phương của huyện có cơ quan Huyện đội, Đại đội 226 và trung bình mỗi xã có từ 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân du kích. Qua chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thời kỳ địch tấn công lên Việt Bắc (Thu Đông 1947) và thời kỳ địch tấn công lên Thái Nguyên (tháng 10 - 1950), trình độ tổ chức, chỉ huy của cán bộ và trình độ kỹ, chiến thuật của chiến sĩ lực lượng vũ trang Đại Từ từng bước được nâng lên.

Thực hiện các Chỉ thị của Bộ và Liên khu Việt Bắc, đầu năm 1951, tỉnh Thái Nguyên tổ chức xây dựng Tiểu đoàn 426 bộ đội địa phương (biên chế 3 đại đội bộ binh, 1 đại đội trợ chiến và cơ quan Tiểu đoàn bộ). Thi hành Quyết định của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Huyện đội Đại Từ điều 2 trung đội, với hơn nửa quân số Đại đội 226 bổ sung cho Tỉnh đội xây dựng Tiểu đoàn 426. Sau đó, Ban chỉ huy Huyện đội điều dân quân du kích ở các xã lên bổ sung, kiện toàn đủ quân số cho Đại đội 226. Sáu tháng cuối năm 1951, Huyện đội Đại Từ cử 1 trung đội thuộc Đại đội 226 sang đánh địch ở vùng địch hậu Tân Dương (Vĩnh Phúc). Qua chiến đấu, tinh thần bộ đội địa phương rất dũng cảm kiên cường, nhiều lúc thiếu thốn, đói, rét mà anh em vẫn có tinh thần xung phong giết gặc. Kết qủa Trung đội thuộc Đại đội 226 Đại Từ góp phần cùng với Trung đội Phú Lương và Trung đội Võ Nhai tiêu diệt được 178 tên địch, giải thoát cho 3 cán bộ của ta bị địch bắt, thu 3 súng trường Mỹ.

Nhằm củng cố phong trào dân quân du kích, kịp thời đáp ứng nhu cầu xây dựng lực lượng hậu bị và giúp chỉ huy các cấp Tỉnh đội, Huyện đội nắm chắc thực lực về số lượng và chất lượng dân quân du kích, thực hiện Quyết định ngày 15/1/1952 của Ban chỉ huy tỉnh đội, Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ đã thành lập bộ phận Quân lực trong Ban chỉ huy Huyện đội, làm nhiệm vụ theo dõi cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích các xã. Bộ phận Quân lực Huyện đội có 3 cán bộ, trình độ tương đương Chi uỷ viên hoặc cán bộ Xã đội khá, hưởng chế độ bộ đội địa phương.

Cũng theo Quyết định ngày 15/1/1952 của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Huyện đội Đại Từ tổ chức giải tán Ban chỉ huy trung đội du kích tập trung của các xã và kiện toàn lại mỗi Ban chỉ huy Xã đội gồm 4 cán bộ, 1 Xã đội trưởng kiêm Trung đội trưởng du kích tập trung, 1 Xã đội phó kiêm Trung đội phó du kích tập trung, 1 Xã đội phó phụ trách dân quân và 1 Chính trị viên Xã đội kiêm Chính trị viên trung đội du kích tập trung.

Tiếp đó, Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ tổ chức xây dựng, kiện toàn lại lực lượng bộ đội địa phương theo Thông tri (số 25/TM-QL, ngày 18/1/1952) của Ban chỉ huy Tỉnh đội. Huyện đội được kiện toàn đủ 22 cán bộ, chiến sĩ, gồm 3 cán bộ Ban chỉ huy (1 Huyện đội trưởng, 1 Huyện đội phó, 1 Chính trị viên) và 19 cán bộ, chiến sĩ (trong đó về cán bộ có 2 cán bộ chính trị, 1 cán bộ tác huấn, 3 cán bộ dân quân, 1 cán bộ quân báo, 1 cán bộ thư ký).

Đại đội 226 cũng được chấn chỉnh tổ chức theo biên chế mới, gồm Đại đội bộ biên chế 21 cán bộ, chiến sĩ; 1 trung đội súng máy, biên chế 41 cán bộ, chiến sĩ, (trang bị 16 súng trường, 1 trung liên, 3 tiểu liên và 8 mác); 1 trung đội súng trường, biên chế 43 cán bộ, chiến sĩ (trang bị 24 súng trường, 3 tiểu liện, 111 lựu đạn, 12 mác và 6 cuốc, 12 xẻng). Sức chiến đấu của Đại đội 226 được nâng lên một bước mới.

Vừa bổ sung quân số theo biên chế mới, Đại đội 226 được lệnh bổ sung 50% quân số cho Tiểu đoàn 68 (Tiểu đoàn 426 đổi phân hiệu) bộ đội chủ lực của tỉnh; tuyển thêm tân binh để tổ chức lại thành 1 đại đội đối không gồm 2 trung đội. Ngay sau khi thành lập lại, Đại đội 226 đã tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ huấn luyện bắn máy bay địch bằng súng bộ binh và tổ chức thao diễn bắn mục tiêu trên không.

Những tháng cuối năm 1952, thực hiện Quyết định (số 310/QL - TĐ) của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ điều Đại đội 226 về trực thuộc Tỉnh đội. Huyện đội cũng được tổ chức biên chế rút gọn lại còn 1 Huyện đội trưởng, 4 cán sự dân quân, 1 thư ký và 1 liên lạc, làm nhiệm vụ phụ trách phong trào dân quân du kích . Sau khi Huyện đội giảm quân số từ 22 xuống còn 7, nhiều vấn đề đặt ra không được giải quyết kịp thời. Do thiếu cán bộ theo dõi, chỉ đạo, nên phong trào dân quân du kích của huyện giảm sút. Một số dân quân, du kích cho rằng nhiệm vụ chiến đấu đã kết thúc, vào dân quân du kích lại phải đi huấn luyện, vận chuyển vũ khí, xây dựng doanh trại, canh gác, áp giải

tù nhân, phạm nhân, nên không còn thời gian tham gia sản xuất, gia đình thiếu đói, vì vậy, muốn xin nghỉ, thậm chí một số người tỏ ra chây lười, vô kỷ luật để sớm được rút khỏi du kích. Trước tình hình đó, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện đã không phát hiện được kịp thời để đặt vấn đề lãnh đạo, chỉ đạo, giáo dục, chấn chỉnh một cách tích cực. Huyện đội chỉ chỉ đạo chuyên môn một cách đơn thuần, ít quan tâm đến việc xây dựng củng cố lực lượng dân quân, du kích. Giữa lúc phong trào dân quân, du kích trong huyện có nhiều giảm sút, thì ở các xã Phù Cát, An Mỹ, Văn Cao, Văn Yên, Cù Vân, Phú Cường, Tràng An, Vinh Hoa có 11 người đào, bỏ ngũ về gia đình, gây thêm cho địa phương khó khăn trong việc xây dựng lực lượng vũ trang và vận động thanh niên tòng quân, giết giặc.

Nhận thức rõ những thiếu sót đó, đầu năm 1953, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên chỉ đạo các huyện trong đó có Đại Từ tập trung xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Quân số Huyện đội được tăng từ 7 lên 13 người (gồm 1 Huyện đội trưởng, 1 Chính trị viên, 6 cán bộ tổ chức động viên, 2 cán bộ huấn luyện trị an và 3 cán bộ công tác chính trị).

Nắm vững phương châm xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, du kích phải phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của từng nơi, từng lúc theo nguyên tắc cá nhân tự nguyện, nhân dân bình nghị, cấp uỷ chuẩn y, Đại Từ đã cụ thể hoá các tiêu chuẩn, qui định

dân quân du kích phải là những người thuộc thành phần cơ bản, chính trị trong sạch, trong độ tuổi từ 18 đến 45; đối với phụ nữ và những người dưới 18 tuổi hoặc trên 45 tuổi, đủ các điều kiện trên, nếu tự nguyện, cũng được xét kết nạp vào dân quân du kích.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện, nhân dân Đại Từ đã tích cực ủng hộ giúp đỡ, và hăng hái tham gia xây dựng lực lượng dân quân du kích. Nhân dân xã; An Khánh góp tiền, góp của mua được 30 khẩu súng kíp và 15 thanh kiếm trang bị cho dân quân du kích xã; ủng hộ dân quân du kích xã 100 nồi thóc; nhân dân xã Lục Ba cũng đóng góp gây quỹ, ủng hộ dân quân du kích được 112 nồi thóc. Phong trào dân quân du kích trong huyện từng bước được khôi phục.

Thực hiện chủ trương "Phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức, chuẩn bị cho cải cách ruộng đất" của Trung ương Đảng, từ ngày 14/4 đến ngày 22/7/1953, xã Hùng Sơn (Đại Từ) cùng với các xã Đức Liên, Nhã Lộng (Phú Bình), Đồng Bẩm, Dân Chủ, Phúc Xuân (Đồng Hỷ) được Trung ương chọn làm nơi thí điểm triệt để giảm tô. Đợt thí điểm triệt để giảm tô này, do Trung ương trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Đội cán bộ chỉ đạo thí điểm triệt để giảm tô của Trung ương về xã Hùng Sơn có 9 người (trong đó có 1 đội trưởng và 1 đội phó) đã tích cực tuyên truyền chủ trương, chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ; tiến hành thăm hỏi người nghèo, tuyên truyền, phát động quần chúng và triệu tập Đại hội nông dân đấu tranh. Sau hơn 3 tháng,

đợt thí điểm triệt để giảm tô ở xã Hùng Sơn (Đại Từ) cũng như 5 xã khác ở hai huyện Phú Bình và Đồng Hỷ thu được một số kết quả. Phạm vi bóc lột của giai cấp địa chủ bị thu hẹp, nông dân trong xã được hưởng nhiều quyền lợi; tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở xã được chỉnh đốn và củng cố; Ban chỉ huy Xã đội và các Thôn đội dân quân cũng được củng cố. Tuy nhiên, đợt thí điểm triệt để giảm tô ở xã Hùng Sơn (Đại Từ) và 5 xã khác ở hai huyện Phú Bình và Đồng Hỷ cũng bộc lộ một số khuyết điểm:

1- Do nóng vội, thiếu kiên nhẫn giáo dục quần chúng, một số cán bộ đã bao biện làm thay và mệnh lệnh đối với quần chúng.

2- Diện đấu tranh quá rộng và không phân hoá được địa chủ, nên chưa tập trung đánh mạnh vào những tên đầu sỏ.

3- Việc thanh toán và chia những tài sản thu được đối với một số đối tượng chưa đúng chính sách, có biểu hiện tự tư, tự lợi...

Từ một số khuyết điểm trong đợt thí điểm triệt để giảm tô, tháng 8/1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng qui định 5 bước thực hiện phát động quần chúng giảm tô:

1- Tuyên truyền, giáo dục, bắt rễ.

2- Tổ chức học tập cho bần, cố nông.

3- Tổ chức xâu chuỗi, sơ bộ chấn chỉnh tổ chức ở xã.

4- Đấu ngã cường hào và chia những thứ đấu tranh được.

5- Chỉnh đốn các tổ chức, giáo dục quần chúng, tổng kết kinh nghiệm.

Thực hiện chủ trương cải cách ruộng đất, đến cuối tháng 12/1953, huyện Đại Từ đã được Trung ương Đảng chọn 6 xã: Hùng Sơn, An Mỹ (nay là Mỹ Yên), Bình Thuận, Trần Phú (nay là Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc Lập (nay là Tiên Hội) làm thí điểm cải cách ruộng đất theo Sắc lệnh về chính sách ruộng đất do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký (ngày 12/4/1953) và Luật cải cách ruộng đất do Quốc hội thông qua (tháng 12/1953). Đây là sáu xã đã qua phát động quần chúng đấu tranh thực hiện triệt để giảm tô đợt I và đợt II, trình độ chính trị của nông dân đã được nâng lên, đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở đã được thử thách. Sáu xã này có diện tích trên 54 mẫu ruộng đất, dân số 10.792 người (người Kinh chiếm 95%, Tày 2,05%, Sán Dìu 1,29%, Hoa 1,32%).

Cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở sáu xã của Đại Từ có ý nghĩa rất quan trọng, vì đó là sự thể nghiệm chủ trương, chính sách ruộng đất của Đảng, thông qua đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng ruộng đất ra cả nước. Chính vì vậy, Trung ương Đảng đã trực tiếp lãnh đạo cuộc thí điểm và cử 140 cán bộ trực tiếp xuống các xã triển khai thực hiện.

Sau 15 ngày học tập chính sách cải cách ruộng đất của Đảng và nghiên cứu sơ lược tình hình các xã, ngày 21/12/1953, cán bộ các Đội cải cách ruộng đất của Trung ương bắt đầu xuống các xã làm việc, thực hiện "ba cùng" (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với nông dân, tích cực tuyên truyền chính sách cải cách ruộng đất của Đảng, phát

động nông dân đấu tranh vạch tội ác của giai cấp địa chủ và nguồn gốc khổ cực của mình. Bên cạnh các cán bộ Đội cải cách ruộng đất xã An Mỹ làm tốt khâu "bắt rễ", lựa chọn, bồi dưỡng được "rễ" tốt, trong các Đội cải cách cũng còn có những cán bộ ngại khó, ngại khổ, không nắm vững chính sách ruộng đất của Đảng, trong quá trình tuyên truyền, vận động quần chúng tỏ ra lúng túng, không bắt được "rễ", phong trào phát triển chậm. Sau khụ "bắt rễ", các Đội công tác mở rộng đội ngũ cốt cán, đi sâu phát động tư tưởng từng người, tuyên truyền, vận động từng gia đình. Tiếp đó, các Đội đã tổ chức cho quần chúng học tập, phân định thành phần giai cấp.

Sau 5 tháng thí điểm cải cách ruộng đất, với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ và sự ủng hộ tích cực của nhân dân, toàn bộ 97 địa chủ ở sáu xã đã bị đưa ra đấu tố, vạch tội ác bóc lột nông dân (trong 97 địa chủ có 38 địa chủ qui thời kỳ giảm tô và 59 địa chủ qui trong thời kỳ thí điểm cải cách ruộng đất). Trong số 97 địa chủ, có 15 địa chủ là Việt gian, phản động, cường hào gian ác.

Giai cấp địa chủ ở sáu xã thí điểm cải cách ruộng đất đã bị đánh bại hoàn toàn; chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ ở 6 xã trên hoàn toàn bị xoá bỏ. Toàn bộ 2.609, 7 mẫu ruộng đất, 350 con trâu, bò, 1.062 cày, bừa và nhiều nông cụ khác, cùng với 33 ngôi nhà, 2.479 kg thóc do địa chủ sáu xã chiếm đoạt của nông dân đã bị tịch thu, trưng thu, trưng mua, chia cho các hộ nông dân không có ruộng hoặc có ít ruộng. Sau đợt thí điểm cải cách ruộng đất, mức chiếm hữu ruộng đất

bình quân 1 khẩu của địa chủ giảm từ 3 mẫu 2 sào 9 thước xuống còn 2 sào 3 thước; của phú nông giảm từ 1 mẫu 1 sào 13 thước xuống còn 8 sào 2 thước; trung nông tăng từ 4 sào 4 thước lên 6 sào 1 thước; bần nông tăng từ 1 sào 7 thước lên 4 sào 11 thước; cố nông tăng từ 5 thước lên 4 sào 7 thước.

Tuy số ruộng đất của các hộ nông dân lao động không nhiều, nhưng với sản lượng bình quân thu được 3 tạ thóc một hộ trong mỗi năm, nên đời sống của nông dân được cải thiện một bước rất căn bản.

Về mặt tổ chức, trong số 242 đảng viên sinh hoạt tại 6 chi bộ ở 6 xã trên có 115 đảng viên bị xử trí; trong đó, có 11 đảng viên thuộc thành phần địa chủ, 19 đảng viên thuộc thành phần phú nông và 5 đảng viên thuộc các thành phần bóc lột khác đã bị đưa ra khỏi Đảng; các Ban Chi uỷ được củng cố, kiện toàn. Tỷ lệ số hội viên nông dân Cứu quốc so với dân số ở 6 xã tăng từ 18 % (thời kỳ giảm tô) lên 40 %; ý thức giác ngộ cách mạng, giác ngộ giai cấp của quần chúng nông dân được nâng cao hơn. Người nông dân đã hiểu rõ giai cấp địa chủ là thủ phạm đẩy họ vào con đường bần cùng, không lối thoát và chỉ có con đường theo Đảng và Bác Hồ tiến hành kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp và đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến mới thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, mới giành lại được cơm no, áo ấm cho bản thân và gia đình mình.

Ngày 20/3/1954, cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã của Đại Từ kết thúc. Bên cạnh những kết quả to lớn đạt được, các Đội cải cách ruộng đất đã phạm một số sai

lầm về quy định thành phần giai cấp, dẫn đến đấu tố tràn lan, tỷ lệ quy sai địa chủ, cường hào, gian ác lên tới 40,9%; quy sai địa chủ thường lên tới 55,4%; trong số 115 đảng viên bị xử trí (chiếm 47,5% số đảng viên) thì đa số là đảng viên tốt, được kết nạp vào Đảng từ năm 1946. Những sai lầm và khuyết điểm đó đã không được kịp thời phát hiện, uốn nắn, sửa chữa, mà vẫn diễn ra với mức độ nghiêm trọng hơn trong đợt cải cách ruộng đất tiếp theo ở 10 xã: An Khánh, Cù Vân, Hà Thượng, Phục Linh, Bình Dân, Ký Phú, Văn Yên, Phúc Thọ, Lục Ba, Vạn Thọ của Đại Từ (bắt đầu từ ngày 25/4/1954). Qua hai đợt thực hiện cải cách ruộng đất ở 16 xã của Đại Từ, trong số 251 đảng viên bị xử trí, chỉ có 23,5% xử trí đúng, còn lại tới 76,5% bị xử trí sai; trong số 176 hộ bị quy là địa chủ, chỉ có 45 hộ quy đúng, còn lại 131 hộ quy sai (chiếm tỷ lệ 74,43%).

Tuy có một số sai lầm, khuyết điểm, hạn chế, nhưng cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã và đợt I cải cách ruộng đất ở 10 xã đã đập tan thế lực kinh tế và chính trị của giai cấp địa chủ ở 16 xã thuộc huyện Đại Từ; giai cấp nông dân thực sự trở thành người làm chủ nông thôn, làm chủ ruộng đồng, phấn khởi sản xuất, xây dựng cuộc sống mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi về thăm nhân dân các xã thí điểm cải cách ruộng đất đã nói (đại ý): Đồng bào các xã được cải cách ruộng đất sớm nhất trong cả nước, đó là một vinh dự lớn. Dân cày có ruộng, đó là một thắng lợi to lớn, từ mấy nghìn năm nay chưa từng có. Trước kia bị địa chủ bóc lột, nông dân phải cúi

đầu. Nay ta đập tan thế lực kinh tế, chính trị của giai cấp địa chủ, nông dân làm chủ nông thôn.

Thông qua đợt thí điểm và đợt I cải cách ruộng đất ở 16 xã, Đại Từ đã đóng góp cho Đảng và Chính phủ nhiều bài học quý. Trung ương Đảng hiểu được tình hình phức tạp, cụ thể của nông thôn, nhận thức chính xác hơn về mâu thuẫn và phát động quần chúng đấu tranh. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước đã xây dựng được một số chính sách cụ thể về phân định thành phần giai cấp, về vấn đề chiếm hữu ruộng đất và thời gian để xem xét mức sống của các thành phần giai cấp; quy định rõ ranh giới giữa Việt gian, phản động, cường hào gian ác, nhân sĩ dân chủ, địa chủ kháng chiến, địa chủ thường; giữa người có ít ruộng đất phát canh thu tô và địa chủ; quy định rõ điều kiện và thời gian thay đổi thành phần của địa chủ và con cái địa chủ tham gia cách mạng.

Thông qua chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất ở 16 xã thuộc huyện Đại Từ, Đảng và Nhà nước ta cũng rút ra được những kinh nghiệm cụ thể về các chính sách tịch thu, trưng thu, trưng mua; về chỉnh đốn tổ chức, bồi dưỡng và rèn luyện cán bộ.

Thắng lợi của đợt thí điểm và đợt cải cách ruộng đất ở Đại Từ đã nhanh chóng vang dội khắp nơi, góp phần cổ vũ các tầng lớp nhân dân lao động cả nước hăng hái sản xuất, đóng góp nhiều sức người, sức của cho kháng chiến; cổ vũ cán bộ, chiến sĩ bộ đội ta ở ngoài mặt trận hăng hái tiến lên giết giặc, lập công.

Cùng với việc thực hiện thí điểm triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất, nhân dân các dân tộc Đại Từ đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất lương thực, thực phẩm để đảm bảo đời sống và đóng góp cho kháng chiến. Trong ba tháng 7, 8 và 9/1953, Đại Từ đã đào mới 60 con mương, sửa chữa được 255 mương, phai và làm mới được 50 cọn nước, đảm bảo đủ nước để cấy vượt chỉ tiêu diện tích khoảng 500 mẫu lúa. Hùng Sơn là xã dẫn đầu các xã trong huyện về phong trào làm thuỷ lợi đưa 300 mẫu ruộng từ cấy 1 vụ lúa, sang cấy 2 vụ lúa.

Sản xuất nông nghiệp phát triển, nhân dân các dân tộc Đại Từ đã đóng góp đầy đủ các chỉ tiêu trên giao về thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, mua công trái kháng chiến. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân Đại Từ đã đóng góp vượt mức chỉ tiêu lương thực, thực phẩm trên giao, trong đó nhân dân các xã Lục Ba bán vượt chỉ tiêu 2 con trâu, An Khánh cung cấp cho chiến dịch 9 con trâu, xã Tân Thái mua hơn 1 vạn đồng tiền công trái kháng chiến.

*

* *

Khi quân và dân ta trong cả nước bước sang thời kỳ tiến công, tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, mở rộng và củng cố vùng tự do, trên địa bàn huyện Đại Từ, giặc Pháp huy động không quân đánh phá ác liệt các trọng điểm giao thông trên Đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế). Phà Huy Ngạc và Đèo Khế là 2 trọng điểm bị địch đánh phá ác liệt nhất, gây cho ta khó khăn trong việc đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ các chiến dịch. Tại

Đèo Khế, ban đêm máy bay địch thả pháo sáng, bắn cháy ô tô vận tải của ta. Tại phà Huy Ngạc, máy bay địch nhiều lần ném bom, làm đắm 2 phà (mỗi phà trị giá 6 triệu đồng).

Nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến cho cán bộ các cấp trong huyện, những tháng đầu năm 1953, Đại Từ mở Hội nghị quán triệt nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến cho cán bộ các ban, ngành ở huyện, cán bộ các xã và cán bộ các đại đội dân công.

Thực hiện Quyết định ngày 23/4/1953 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến Hành chính huyện Đại Từ đã thành lập Ban bảo vệ cầu đường huyện và Ban bảo vệ cầu đường các xã dọc các tuyến giao thông Bờ Đậu - Đèo Khế, Hùng Sơn - Ký Phú - Cát Nê, Phú Minh (Đại Từ) - Bình Thành (Định Hoá), làm nhiệm vụ tổ chức tuần tra, canh gác ở các trọng điểm giao thông và các nơi xung yếu. Huyện đội phối hợp với Công an huyện tổ chức các Trạm kiểm soát, các Tổ tuần tiễu dọc các tuyến đường giao thông quan trọng.

Để có lực lượng cơ động, đảm bảo giao thông vận tải khi bị địch đánh phá ở những nơi trọng điểm, xung yếu, thực hiện Quyết định của Tỉnh uỷ, Đại Từ thành lập Đại đội 212 thanh niên xung phong chủ lực cầu đường, gồm 149 cán bộ, chiến sĩ (có 20 nữ), chia thành 3 trung đội do đồng chí Thành làm Đại đội trưởng, đồng chí Hiện làm Chính trị viên và đồng chí Cao Thanh làm Đại đội phó. Cán bộ các trung đội thuộc Đại đội 212 là đồng chí Tiến (Trung đội trưởng Trung đội 1), đồng chí Đôi

(Trung đội trưởng Trung đội 2) và đồng chí Mao (Trung đội trưởng Trung đội 3). Đại đội 212 có 8 đảng viên, thành lập 1 chi bộ, do đồng chí Hiện làm Bí thư và có 45 đoàn viên, thành lập 1 chi đoàn.

Tuy mới thành lập, điều kiện ăn ở còn nhiều khó khăn, thiếu thốn (hơn một chục đồng chí thiếu màn, một số đồng chí thiếu quần, áo), nhưng cán bộ, chiến sĩ Đại đội 212 có nhiều cố gắng, vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo quân số làm việc đạt tỷ lệ trên 85%, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông, vận tải ở các trọng điểm phà Huy Ngạc, Dốc Điệp, Đèo Khế.

Năm 1953 nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, sửa chữa kịp thời Đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế); đường vòng Dốc Dinh - Dốc Điệp - Đèo Khế với khối lượng đào đắp hàng chục nghìn mét khối đất, đá.

Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ các chiến dịch Tây Bắc và Điện Biên Phủ, 6 tháng đầu năm 1954, Đại Từ đã huy động 1.932 dân công đi san lấp hố phá hoại, sửa chữa Đường 13A, (có 31 thợ mộc đi sửa chữa cầu và 52 xe đạp thồ vận chuyển hàng hoá). Đồng chí Nguyễn Tam Sơn, chính trị viên huyện đội phụ trách Đội xe đạp thồ của tỉnh Thái Nguyên phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Ngoài huy động dân công sửa chữa cầu, đường, Đại Từ còn huy động hàng nghìn lượt dân công đi phục vụ các chiến dịch Trung Du, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên

Phủ. Trong đợt huy động dân công phục vụ chiến dịch Hoà Bình, 30 dân công xã An Khánh đã lập thành tích xuất sắc, được tặng giấy khen.

Tuy nhiên, trong công tác huy động dân công, Đại Từ cũng còn thiếu sót, khuyết điểm. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, các xã còn nặng nề về chỉ thị, mệnh lệnh, coi nhẹ công tác động viên, giáo dục, thuyết phục. "Xã Tân Thái còn bắt cả ông già, bà cả, những người chửa 4,5 tháng và người mắc bệnh truyền nhiễm đi dân công".[1]

Cùng với việc củng cố, xây dựng phát triển lực lượng vũ trang địa phương, từ năm 1951 đến năm 1954, Đại Từ triển khai thực hiện Sắc lệnh (số 226/SL ngày 4/11/1949) của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thông tư (số 124/HĐQP ngày 5/11/1949) của Hội đồng Quốc phòng tối cao về Chế độ Nghĩa vụ Quân sự và cấp thẻ quân vụ cho nam dân công từ 18 đến 45 tuổi. Huyện uỷ Đại Từ tập trung lãnh đạo, tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung Sắc lệnh 226 về Chế độ nghĩa vụ quân sự cho các tầng lớp cán bộ và nhân dân trong huyện; chỉ đạo các ngành, các giới phối hợp chặt chẽ với Huyện đội làm công tác tuyển quân. Đầu năm 1952, được trên hỗ trợ kinh phí, Huyện đội Đại Từ thành lập 1 trung đội huấn luyện quân dự bị bổ sung cho bộ đội chủ lực. Trong các đợt tuyển quân bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực, Đại Từ đều đạt và vượt mức chỉ tiêu giao.

---

[1] - Báo cáo công tác sửa sai của Chi bộ xã Tân Thái - Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), Đại Từ đã có 323 người lên đường tòng quân giết giặc [1]. Đối với Đại Từ, một huyện miền núi đất rộng, người thưa thì đó là một sự cố gắng lớn của nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện. Con em nhân dân các dân tộc Đại Từ lên đường giết giặc đã có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường và tham gia nhiều chiến dịch lớn, góp phần quan trọng cùng quân, dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm trường kỳ và anh dũng của dân tộc, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đã góp phần quan trọng cùng với quân và dân trong tỉnh đánh thắng 2 cuộc tấn công quy mô lớn của địch (Thu Đông 1947 và Chó biển 1950), bảo vệ an toàn các cơ quan, đầu não kháng chiến của Đảng, Chính phủ và quân đội đóng trên địa bàn; đã thực hiện thắng lợi các cuộc thí điểm giảm tô và cải cách ruộng đất, giúp Trung ương rút được nhiều bài học kinh nghiệm về lãnh

---

[1] Theo tài liệu lưu trữ tai Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên số người tòng quân giết giặc các xã: (Bình dân 11 người, Tân Thành 1 người, Tân Thái 10 người, Phú Lạc 8 người, Khôi Kỳ 13 người, Mỹ Yên 10 người, Cù Vân 10 người, Vạn Thọ 6 người, Đoàn Kết 4 người, Phú Xuyên 15 người, An Khánh 13 người, Hà Thượng 9 người , Yên Lãng 13 người, Phúc Lương 4 người, Kỳ Phú 19 người, Phú Cường 15 người, Phú Thịnh 10 người, Văn Yên 20 người, Lục Ba 18 người, thị trấn Đại Từ 12 người, Minh Tiến 10 người, La Bằng 9 người, Đức Quang 9 người, Bình Thuận 14 người, Hùng Cường 12 người, Thắng Lợi 9 người, Phú Thọ 5 người, Hùng Sơn 17 người, Độc Lập 7 người, Phục Linh 10 người).

đạo, chỉ đạo để triển khai ra các tỉnh, thành khác miền Bắc ; đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, đóng góp nhiều sức người, sức của cho công cuộc xây dựng và bảo vệ An toàn khu_kháng chiến Việt Bắc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải thời chiến.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc đó, Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ, Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân các xã Cù Vân, Yên Lãng, Hùng Sơn, Mỹ Yên, La Bằng, Lục Ba đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và Quốc hội tặng thưởng danh hiệu cao quí "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Ngoài ra, Đại Từ còn có 10 xã đã được công nhận là xã ATK (An toàn khu).

Những thành tích đặc biệt xuất sắc của quân và dân Đại Từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp là cơ sở và tiền đề quan trọng để nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ phấn đấu, vươn lên, tiếp tục xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau này.

CHƯƠNG III

QUÂN VÀ DÂN ĐẠI TỪ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (8/1954 – 5/1975)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ " lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" của quân và dân ta, ngày 21/7 /1954 "Hiệp định Giơ ne vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương" đã được ký kết, kết thúc thắng lợi vẻ vang cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp trường kỳ và gian khổ của dân tộc ta. Để chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, từ tháng 8 đến đầu tháng 10/1954, Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch chuyển địa điểm ở và làm việc về các xã An toàn khu (ATK) thuộc huyện Đại Từ. Hồ Chủ tịch chuyển về ở và làm việc tại đồi Thành Trúc, xóm Đầm Mu (nay là xóm Đầm Mua), xã Bản Ngoại[1]. Tại xóm Vai Cày, xã Bản Ngoại, tối ngày 5/9/1954, Hồ Chủ tịch đã đến thăm, nói chuyện, căn dặn cán bộ, chiến sĩ các đơn vị bộ đội, thanh

---

[1] Theo cuốn "Cảnh vệ Công an nhân dân Việt Nam – Lịch sử biên niên (1941 – 1954" do NXB Công an nhân dân, Hà Nội 1995, trang 153 thì "Từ tháng 7 đến tháng 9/1954 Bác Hồ và cơ quan Trung ương chuyển về Thôn Vai Cây, xã Văn Lăng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên".

niên xung phong và các cơ quan 11, 12 trước khi về tiếp quản Thủ đô phải giữ gìn đạo đức và nhân cách của mình. Có nhiều người khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn địch không chịu khuất phục, nhưng khi về thành thị lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi. Cho nên, bom đạn địch không nguy hiểm bằng "Viên đạn bọc đường" vì "nó hại mình mà mình không thấy". Muốn giữ vững nhân cách cán bộ, chiến sĩ phải luôn luôn "làm gương mẫu trong mọi việc", phải luôn luôn thực hành "Cần, Kiệm, Liêm, Chính". Tiếp theo, ngày 15/9/1954, tại xã La Bằng huyện Đại Từ (nơi ở và làm việc của Bộ Tổng Tư lệnh và Bộ Tổng Tham mưu), Hồ Chủ tịch đã căn dặn cán bộ dự Hội nghị cấp cao Bộ Tổng Tham mưu một số việc phải làm trước khi về tiếp quản Thủ đô và nhiệm vụ của quân đội khi vào Thủ đô tiếp quản.

Cũng trong thời gian ở ATK Đại Từ, Hồ Chủ Tịch đã về thăm Đền Hùng (Phú Thọ). Tại Đền Hùng, Hồ Chủ tịch đã gặp gỡ, nói chuyện, căn dặn cán bộ các cấp thuộc Đại đoàn Quân Tiên phong (tức Sư đoàn 308): "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Ngày 12/10/1954, Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ bắt đầu rời ATK Đại Từ về Hà Nội.

Việc Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch chuyển nơi ở và làm việc về các xã An toàn khu (ATK) thuộc huyện Đại Từ trước ngày về tiếp quản Thủ đô Hà Nội đã một lần nữa khẳng định niềm tin của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch đối với Đại Từ

và vị trí quan trọng của Đại Từ trong An toàn khu kháng chiến Việt Bắc.

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, nước ta tạm thời bị chia làm 2 miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Cùng với quân dân trong tỉnh, quân, dân Đại Từ phấn khởi bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Đại Từ là một huyện nằm trong Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954), Đại Từ là vùng đất thuộc An toàn khu (ATK) Trung ương. Vì vậy, Đại Từ có điều kiện thuận lợi để xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh. Đó là những nhân tố rất căn bản giúp cho nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Sau kháng chiến gian khổ, được sống trong hoà bình, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ phấn khởi bắt tay vào công cuộc lao động, cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Trong những năm đầu sau ngày hoà bình lập lại, Đại Từ gặp không ít khó khăn do kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp lạc hậu, mang tính chất tự cung, tự cấp; phần lớn đồng bào tản cư và nhiều cơ quan Trung ương, đơn vị quân đội chuyển về xuôi; nhiều tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội (mê tín, dị đoan, ma to, cưới lớn ...) tuy đã được khắc phục một bước trong kháng chiến,

nhưng vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi...Trong khi đó, một số phần tử phản động đội lốt các chức sắc tôn giáo từ các nơi khác đến cấu kết với những tên tay sai cũ của Pháp và phản động ở địa phương tuyên truyền, dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào Nam. Lợi dụng vào đức tin của giáo dân, chúng phao tin: " Chúa đã vào Nam, con chiên phải theo chúa, nếu ở lại khi chết sẽ không được cứu rỗi linh hồn ". Chúng còn đe doạ: " Sau khi kết thúc thời hạn di cư, Mỹ sẽ dùng bom nguyên tử ném xuống miền Bắc ", làm cho đồng bào hoang mang, lo sợ. Một số người nhẹ dạ, cả tin đã vội vã bỏ lại anh, em, họ hàng, nhà cửa, ruộng, vườn di cư vào Nam.

Tháng 3/1955, tại xã Yên Lãng, Nguyễn Phi Ký (tức trùm Mùa) tuyên truyền, dụ dỗ, vận động, cưỡng ép 18 gia đình giáo dân ở xóm Mon Đen di cư vào Nam. Tại xã Hùng Sơn, tên Tuân (ở dưới xuôi lên) tuyên truyền " dưới xuôi dễ làm ăn " để dụ dỗ, lừa gạt đồng bào giáo dân trong vùng về xuôi sinh sống, sau đó cưỡng ép họ di cư vào Nam. Cũng tại xã Hùng Sơn, tên Già So đã nhận trợ cấp quần, áo, tiền bạc từ dưới xuôi gửi lên để hoạt động lôi kéo, mua chuộc giáo dân, ngấm ngầm tuyên truyền, lừa phỉnh, kích động giáo dân đấu tranh đòi chính quyền xã phải trả lại ruộng đất nhà chung mà trước đây ta đã đem chia cho nông dân trong cải cách ruộng đất...

Ngoài ra, tại xã Độc Lập, một số người Hoa trong tổ chức Nam Dương Hoa Kiều hiệp hội đã trở lại hoạt động chống phá. Chúng về Đại sứ quán Trung Quốc ở Hà Nội vu cáo chính quyền ta bắt thanh niên người Hoa đi lính.

Chúng tự ý mở lớp dạy học riêng cho học sinh người Hoa.

Các thế lực phản động còn lợi dụng những sai lầm của ta trong các cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất để kích động, chia rẽ trong nội bộ nhân dân, gây cho cấp uỷ Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang Đại Từ rất nhiều khó khăn trong công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Sáu tháng cuối năm 1955, trên địa bàn huyện Đại Từ, các hoạt động phá hoại của địch diễn ra khá phức tạp. Chúng xúi dục kẻ xấu ném đá vào doanh trại bộ đội đóng ở hai xã Hùng Sơn và Tiến Bộ; cướp súng của bộ đội đang gác ở xã Tiến Bộ. Tháng 10/1955, cầu Văn Lãng bị kẻ xấu tháo đinh ốc nối các nhịp cầu và tháo ván ở mặt cầu v.v.

Trước tình hình trên, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện kịp thời triển khai công tác lãnh đạo, chỉ đạo chống cưỡng ép, di cư và đề ra biện pháp đối phó với những hoạt động chống phá của địch. Huyện uỷ phát động phong trào chống Mỹ, yêu nước; tổ chức cho nhân dân học tập tự do tín ngưỡng, tự do đi lại; lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng dân quân, du kích và công an truy bắt những kẻ có hành động dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư trái phép vào Nam.

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức lực lượng dân quân, du kích và tự vệ phối hợp với các lực lượng công an nhân dân phát hiện và trấn áp kịp

thời các bọn phản động, đảm bảo giữ vững sự ổn định về an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo mật, phòng gian, kịp thời phát hiện những hoạt động chống phá của địch. Một số tên phản động bị bắt giữ, hoàn tất hồ sơ, đưa ra Toà án xét xử công khai trước nhân dân.

Huyện uỷ tập trung lãnh đạo, củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng dân quân, du kích và tự vệ – một lực lượng không chỉ đóng vai trò chủ yếu trong công tác bảo vệ trật tự, trị an xã hội, mà còn là lực lượng nòng cốt trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội ở địa phương. Huyện uỷ ra Nghị quyết chỉ rõ phải đẩy mạnh xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ của huyện ngày càng vững mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu trấn áp các tổ chức phản động và bọn đội lốt công giáo hoạt động phá hoại gây mất ổn định an ninh, chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Năm 1955, Huyện uỷ cử cán bộ đi học Nghị quyết về chương trình, kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ và lực lượng bộ đội địa phương do Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức. Ban chỉ huy Huyện đội mở lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho cán bộ xã đội và cán bộ tự vệ.

Qua các cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất, lực lượng dân quân, du kích và tự vệ Đại Từ đã được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức, những người

không đủ điều kiện về chính trị đã bị thanh thải ra khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương.

Những biểu hiện lệch lạc, sai trái trong nhận thức cũng như trong việc điều động lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ trật tự, trị an từng bước được khắc phục. Lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác đã được điều chỉnh nâng trợ cấp từ 1,2 kg gạo lên 1,8 kg gạo một người, một ngày. Nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ huy của đội ngũ cán bộ dân quân, du kích, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo bồi dưỡng mọi mặt cho cán bộ quân sự và cán bộ chính trị. Sáu tháng đầu năm 1961, Huyện uỷ lãnh đạo, chỉ đạo, Huyện đội mở hai lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ xã đội và cán bộ trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ.

Phong trào huấn luyện dân quân, du kích và tự vệ đã có bước phát triển mới. Số xã luyện tập báo động dân quân tập trung nhanh, làm nhiệm vụ quân sự đã nâng từ 1 xã (năm 1960), lên 3 xã (năm 1961); 23 trên tổng số 30 xã, thị trấn hoàn thành chương trình huấn luyện dân quân, du kích và tự vệ.

Lực lượng dân quân, du kích và tự vệ Đại Từ làm tốt công tác giữ gìn trật tự, trị an, hạn chế được nhiều các hoạt động phá hoại của các phần tử xấu. Các vụ trộm cắp, đánh bạc, buôn lậu trên địa bàn huyện từng bước được đẩy lùi.

Năm 1962, trong toàn huyện số cán bộ xã đội tăng 20 người, số cán bộ trung đội tăng 55 người so với năm 1961. Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức tập huấn nâng cao

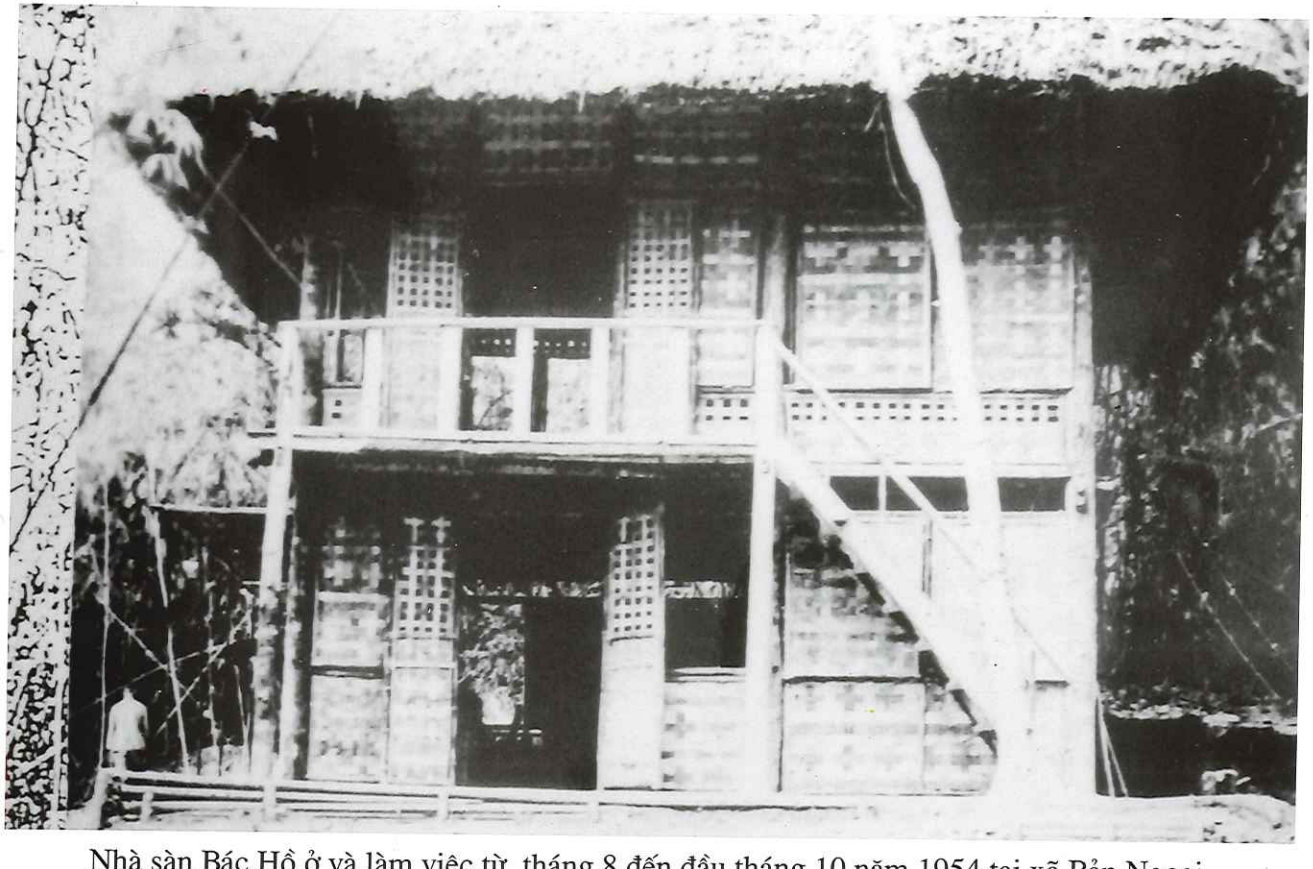

Nhà sàn Bác Hồ ở và làm việc từ tháng 8 đến đầu tháng 10 năm 1954 tại xã Bản Ngoại.

năng lực lãnh đạo, chỉ huy và trình độ kỹ, chiến thuật cho 243 cán bộ (có 41 cán bộ xã đội và 87 cán bộ trung đội). Toàn huyện có 2.731 trên tổng số 3.955 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích và tự vệ ở 100% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành chương trình học tập chính trị và huấn luyện quân sự. Kiểm tra huấn luyện 2 môn bắn súng và ném lựu đạn, toàn huyện có 691 người đạt khá, giỏi; 1.568 người đạt yêu cầu. Toàn huyện có 21 trên 30 xã, thị trấn đảm bảo thời gian huấn luyện từ 10 ngày đến 15 ngày, các xã còn lại đảm bảo từ 7 ngày đến 8 ngày.

Thực hiện Chỉ thị 39 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên về chính sách dân tộc, năm 1963 đội ngũ cán bộ dân quân, du kích, tự vệ của huyện đã được cấp uỷ Đảng và chính quyền sắp xếp, bố trí xen kẽ giữa cán bộ là người dân tộc thiểu số vsf cán bộ là người Kinh, đảm bảo mối quan hệ đoàn kết, nhất trí trong nội bộ các Ban chỉ huy xã đội tự vệ. Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, việc xây dựng và củng cố tổ chức dân quân ở các xã đã phù hợp với qui mô tổ chức hợp tác xã; cán bộ dân quân đồng thời cũng là cán bộ hợp tác xã để thuận lợi cho việc kết hợp giữa lao động sản xuất và huấn luyện quân sự. Tại xã Đoàn Kết (một xã miền núi của huyện), 11 tiểu đội trưởng dân quân đồng thời cũng là 11 đội trưởng sản xuất. Nhờ sắp xếp, bố trí cán bộ dân quân và cán bộ hợp tác xã hợp lý, nên công tác xây dựng lực lượng và huấn luyện các đối tượng dân quân I và dân quân II của xã Đoàn Kết năm 1963 vượt 41,3% kế hoạch; lực lượng dân quân

trong xã làm tốt công tác giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Thực hiện Nghị quyết ngày 10/3/1964 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên: "Phải tiếp tục xây dựng các lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ vững mạnh cả về ba mặt tinh thần, tổ chức và trình độ kỹ, chiến thuật cũng như về tinh thần lao động sản xuất, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trước mắt và lâu dài; nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ chính trị, tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng hậu bị và toàn dân; kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất ", Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ liên tiếp mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quân sự cho các cán bộ xã đội, trung đội, tiểu đội.

Năm 1964, so với chỉ tiêu, kết quả huấn luyện cán bộ xã đội vượt 60%, cán bộ trung đội vượt 69%, cán bộ tiểu đội vượt 7,39%. Quý I/ 1964, 100% số xã trong huyện đã triển khai huấn luyện dân quân, quân số tham gia huấn luyện đạt 81%. Xã Cù Vân đạt khá nhất, với tỷ lệ quân số tham gia huấn luyện đạt 87,8%, huấn luyện dự bị đạt 100%, huấn luyện dân quân I đạt 94%, huấn luyện dân quân II đạt 90%.

Để đảm bảo công tác nắm địch, năm 1964, Huyện đội Đại Từ tổ chức mạng lưới trinh sát, quân báo đến 19 trên tổng số 30 xã. Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức 1 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho 49 quân báo viên. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với lực lượng dân quân, tự vệ, cuối năm 1964, 100% cơ

sở dân quân, tự vệ trong huyện đã có cấp uỷ viên phụ trách.

Đầu năm 1965, thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ, Đại Từ tổ chức tốt cuộc vận động thống nhất lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị. Trung bình mỗi xã trong huyện đã xây dựng được 1 trung đội dân quân loại I, biên chế thành các tiểu đội, trung đội theo liên xóm hoặc từng xóm. Lực lượng dân quân, tự vệ của huyện được đã được xây dựng rộng rãi và từng bước trưởng thành, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của địch trên địa bàn.

*

* *

Sau ngày hoà bình lập lại, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ là tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Để giải quyết khó khăn về lương thực, thực phẩm, cuối năm 1954, Huyện uỷ Đại Từ phát động phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, cứu đói, yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân tập trung trồng các loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày (rau, đậu, khoai lang, bí, ngô) và chăn nuôi các loại gia cầm, gia súc; động viên các tầng lớp nhân dân trong huyện tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Thực hiện sự lãnh đạo của Huyện uỷ, từ ngày 15/8 đến ngày 15/9/1955, các tầng lớp nhân dân trong huyện đã ủng hộ các gia đình bị đói 3.054 kg thóc, 384 kg gạo, 213 kg

khoai, 148 kg bí và 3.800 đồng tiền mặt. Phong trào khai hoang, phục hoá mở rộng diện tích gieo trồng do Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện phát động cũng được nhân dân các dân tộc trong huyện nhiệt tình hưởng ứng. Từ năm 1955 đến năm 1957, nhân dân trong huyện đã khai hoang, phục hoá được hàng trăm héc ta ruộng cấy 2 vụ lúa. Năm 1957 so với năm 1955, diện tích cấy lúa chiêm và Nam Ninh tăng 86 ha; diện tích cấy lúa mùa tăng 514 ha.

Để đảm bảo sức kéo cho sản xuất nông nghiệp, vụ mùa năm 1956, Ngân hàng huyện đã cho nông dân vay tiền với lãi suất thấp, mua được 77 con trâu cày, kéo. Uỷ ban hành chính huyện chỉ đạo điều 213 con trâu cày từ nơi thừa, hộ thừa sang nơi thiếu, hộ thiếu sức kéo; Phòng Nông nghiệp huyện xuất kho 3.800 kg thóc giống cho nông dân vay để gieo đủ mạ đảm bảo cấy hết diện tích[1] . Do Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nên vụ mùa năm 1956, nhân dân trong huyện đã cấy được 185.899 mẫu lúa, trồng được 83 mẫu hoa màu. Các xã vùng phía Bắc đã sử dụng triệt để nguồn phân chuồng, các xã vùng phía Nam sử dụng hết nguồn phân chuồng, và khai thác thêm phân xanh, phân bắc, phân hoá học để bón ruộng. Bình quân 1 sào ruộng cấy lúa, nhân dân Đại Từ đã bón lót 10 gánh phân các loại (tăng 3 gánh so với bình quân của cả tỉnh). Các biện pháp kỹ thuật (làm cỏ sục bùn, bón đón đòng, phòng trừ sâu bệnh) được nhân dân Đại Từ thực hiện tốt. Nhân dân các xã Cù

---

[1] Báo cáo Tổng kết quí III/1956 của UBHC huyện Đại Từ .

Vân, Yên Lãng đã có sáng kiến làm bàn chải bằng tre có răng như lược để bắt sâu, mang lại hiệu quả cao, được nhân dân các xã khác trong huyện học tập. Với 1.381 chiếc lược bắt sâu và 65.000 công lao động, nhân dân các xã trong huyện đã bắt được 13.268 kg sâu, bọ các loại, cứu được 5.317 mẫu lúa.

Phong trào thi đua cải tiến nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng được các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Trong 2 năm 1960, 1961, nhân dân Đại Từ đã sản xuất được 1.100 cày cải tiến, 492 cày 51, 4.219 bừa sắt, 532 bừa đôi, 78 xe quệt, 4 xe cút kít... Nhờ có nông cụ cải tiến, việc làm đất, vận chuyển, thu hoạch lúa và hoa màu được tiến hành nhanh, kịp thời vụ.

Nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965), Huyện uỷ Đại Từ lãnh đạo quân và dân trong huyện tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua: " Phất cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện "; "Phất cao cờ hồng đông xuân 10 giỏi, chiến thắng nghèo nàn, đẩy lùi lạc hậu ". Năm 1962, nhân dân trong huyện cấy được 12.035 mẫu lúa chiêm, trồng được 4.572 mẫu các loại cây hoa màu; sản lượng lúa hơn 7.739 tấn thóc (vượt chỉ tiêu 0,44%), sản lượng màu đạt hơn 7.283 tấn, vượt 8,76% kế hoạch Lực lượng dân quân xã Văn Yên tổ chức lao động gây quỹ được 1.745 kg thóc và 325 đồng tiền mặt.

Trong công tác thuỷ lợi, nhân dân Đại Từ tích cực tu sửa mương, máng, làm cọn, tận dụng các khe suối, đắp đập trữ nước. Nhân dân các xã đã đóng góp hàng ngàn

ngày công đắp đập An Mỹ. Năm 1961, lực lượng dân quân trong huyện đã tham gia đắp được 168 mét khối đập giữ nước và 79.632 công sửa chữa mương, phai. Năm 1962, lực lượng dân quân trong huyện đã đóng góp 29.193 công, cùng với nhân dân đắp được 1 đập trung thuỷ nông và 3 đập tiểu thuỷ nông (trong đó có công trình thuỷ lợi đập Rừng Chùa được khởi công năm 1962, hoàn thành năm 1963, cung cấp nước tưới cho 185 ha lúa). Ngoài ra, năm 1962, nhân dân Đại Từ còn sửa chữa 75 cọn nước, 236 mương, 436 phai, làm mới 49 cọn đảm bảo đủ nước tưới cho 3.754 mẫu lúa (trong đó có 122 mẫu từ cấy một vụ sang cấy được 2 vụ lúa).

Phong trào khai hoang, phục hoá cũng được cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Lực lượng dân quân các xã tham gia hàng nghìn ngày công khai hoang, phục hoá, góp phần đưa diện tích cấy lúa năm 1964 so với năm 1960 ở các xã Lục Ba tăng 60 mẫu, Phục Linh tăng 59 mẫu; Cù Vân, An Khánh mỗi xã tăng 15 mẫu... Diện tích cây trồng hàng năm của toàn huyện cũng tăng nhanh từ 9.664 ha (năm 1960), lên 11.357 ha (năm 1964). Lực lượng dân quân trong huyện tích cực tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp. Riêng năm 1961, lực lượng dân quân đã đóng góp 855 ngày công, trồng được 441.989 hốc sắn và bắt được 237 kg sâu, bọ. Ngoài ra, lực lượng dân quân các xã còn làm được 24 tấn phân xanh.

Nhờ có sự tham gia và đóng góp tích cực của lực lượng dân quân, du kích ở các xã, nên mặc dù trong những năm từ 1960 đến 1965, thời tiết khắc nhiệt, nạn

hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh phá hoại tràn lan, nhưng cả về diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng của Đại Từ đều tăng và cao hơn năng suất bình quân chung của toàn tỉnh. Năng suất lúa bình quân cả năm tăng từ 16,49 tạ/ha (năm 1960), lên 19,46 tạ/ha (năm 1965); sản lượng lương thực tăng từ 15.941 tấn (năm 1960), lên 23.256 tấn (năm 1965).

Sản xuất phát triển, năng suất và sản lượng lương thực tăng, đời sống được cải thiện, nhân dân Đại Từ hăng hái làm đầy đủ nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Năm 1960, Đại Từ đóng góp 3.423 tấn lương thực cho Nhà nước năm 1965 tăng lên 5.131 tấn.

Ngành chăn nuôi trong huyện cũng đạt kết quả khá: Đàn trâu tăng từ 4.464 con (năm 1956), lên 9.877 con (năm 1960) và 12.166 con (năm 1965). Do được quan tâm và đầu tư cả về giống, vốn, kỹ thuật chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh, nên đàn lợn của huyện đã tăng từ 3.508 con, có 223 lợn nái (năm 1956), lên 16.068 con, có 1.312 lợn nái (năm 1960) và 20.400 con (năm 1965). Chăn nuôi gia cầm (chủ yếu là gà, vịt, ngan), bình quân mỗi gia đình nuôi được từ 20 đến 30 con, có nhiều gia đình nuôi tới hàng trăm con.

*

* *

Sau hoà bình lập lại, từ ngày 21/10/1954, Đại Từ bước vào thực hiện cải cách ruộng đất đợt II trong điều

kiện hoà bình đã được lập lại trên miền Bắc, có nhiều thuận lợi, song cũng có không ít những khó khăn, thách thức. Khó khăn nhất là giai cấp địa chủ có kinh nghiệm chống đối từ trước, nên lần này chúng tìm mọi cách để phân tán tài sản, đe doạ và mua chuộc nông dân. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện, cộng với sự tham gia tích cực của cán bộ và nhân dân, Đại Từ đã hoàn thành nhiệm vụ cải cách ruộng đất đợt II ở 7 xã, tịch thu, trưng thu, trưng mua được nhiều ruộng đất, trâu, bò, chia cho các hộ nông dân nghèo. Ở các xã còn lại (chủ yếu là các xã vùng cao), do sự phân hoá giai cấp chưa thật sâu sắc, nên Đại Từ không thực hiện cải cách ruộng đất, mà thực hiện cải cách dân chủ trong quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

Trong quá trình thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất, cũng như ở một số địa phương khác, do cán bộ các Đoàn, Đội cải cách ruộng đất ở Đại Từ nhận thức sai lệch, không nắm chắc quy định thành phần giai cấp, tác phong quan liêu mệnh lệnh, độc đoán, phương pháp thực hiện chủ quan, giáo điều, nên đã dẫn đến những sai lầm, khuyết điểm: Tổ chức cho nhân dân đấu tố, tràn lan; quy nhầm một số trung nông và phú nông lớp trên thành địa chủ, đánh nhầm vào cả nội bộ Đảng ở địa phương; xử lý cán bộ sai nguyên tắc, không đúng với đường lối cán bộ và sự chỉ đạo của Đảng.

Sau khi phát hiện được sai lầm, khuyết điểm, Trung ương Đảng đã kịp thời và kiên quyết đề ra những chủ trương, biện pháp sửa sai. Tháng 9/1956, Hội nghị

Trung ương Đảng lần thứ 10 (mở rộng) đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, khuyết điểm trong công tác cải cách ruộng đất; ra Nghị quyết về công tác sửa sai- nhấn mạnh: " Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được. Trong thực hiện nhiệm vụ đó phải dựa vào đường lối nông thôn của Đảng, dựa trên tinh thần tin tưởng và truyền thống đoàn kết của Đảng và nhân dân ta; thi hành chính sách cụ thể, sửa chữa sai lầm, nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác cải cách ruộng đất và trên cơ sở đó đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà".

Về nội dung sửa chữa sai lầm, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 chỉ rõ:

- Đối với chi bộ bị giải tán, nay tuyên bố xoá bỏ các quyết định ấy. Tất cả đảng viên bị xử lý sai, kể cả người thuộc thành phần địa chủ, phú nông, xét thấy đủ tiêu chuẩn, được trả lại Đảng tịch.

- Đối với những đảng viên và cán bộ đã từ trần vì bị xử trí oan, phải hủy án cũ, trả lại danh dự và Đảng tịch. Chính quyền và đoàn thể phải đặc biệt chú trọng an ủi, giúp đỡ gia đình họ.

- Cán bộ và những người bị xử trí sai đều được sửa lại: Về chính trị, được khôi phục quyền công dân, danh dự, công tác; những người bị bắt oan đều được trả lại tự do. Về kinh tế, được đền bù thích đáng, được giúp đỡ

sinh sống. Tất cả những huân chương, bằng khen, huy hiệu đã bị tước đều được trả lại.

- Sửa thành phần cho những người bị quy nhầm là địa chủ, phú nông hoặc người có ít ruộng đất bị quy nhầm là phát canh, thu tô. Các địa phương "Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ quan trọng, đột xuất trong thời gian trước mắt".

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ Đại Từ đã tổ chức cho cán bộ các cấp huyện và xã học tập chính sách sửa sai.

Trước khi học tập chính sách sửa sai, tình hình ở các xã đã cải cách ruộng đất hết sức phức tạp "Số cán bộ bị xử trí sai thì mong chờ, một số cốt cán được đào tạo trong phong trào cải cách ruộng đất thì hoang mang, lo sợ, đi họp mang theo súng lục, dao găm hoặc là tránh mặt về xuôi... làm cho tình hình nông thôn hết sức căng thẳng, một mặt thì nghi ngờ chính sách của Đảng (cốt cán) cho là bắt con bỏ chợ, một đằng cho là cải cách ruộng đất là sai hết (cán bộ cũ). Mâu thuẫn dẫn tới những người bị đấu tố sai đã đả kích, đe doạ đánh những người đã tham gia các đội cải cách và những người đấu tố sai; nhiều cán bộ, đảng viên hoang mang dao động, một số nằm im không hoạt động, một số xin nghỉ công tác hoặc xin thoát ly khỏi địa phương... dẫn đến tình trạng tổ chức Đảng và chính quyền ở nhiều nơi trong huyện yếu, kém"[1]

---

[1] Báo cao Tổng kết sửa sai huyện Đại Từ.

Quán triệt phương châm sửa sai " Kiên quyết, khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc", Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo và được nhân dân đồng tình ủng hộ, công tác sửa sai ở Đại Từ đã thu được nhiều kết quả tốt.

Từ ngày 4 đến ngày 7 /11/1957, Huyện uỷ Đại Từ tổ chức Hội nghị Tổng kết sửa sai. 88 đại biểu gồm lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, lãnh đạo các cơ quan Dân, Chính, Đảng các xã và đại biểu các ban, ngành của huyện đã tham dự Hội nghị. Đồng chí Trần Văn Phúc, Bí thư Huyện uỷ, trực tiếp chủ trì Hội nghị. Báo cáo Tổng kết sửa sai của Huyện uỷ Đại Từ tại Hội nghị khẳng định: Thông qua sửa sai ở 26 trên tổng số 29 xã trong huyện, Đại Từ đã có 181 gia đình bị qui sai là địa chủ (trong đó 29 gia đình bị qui sai là địa chủ cường hào), 233 gia đình bị qui sai là phú nông. Trong 13 xã thực hiện triệt để giảm tô, qua sửa sai ở 10 xã (3 xã không phải sửa sai), tỷ lệ qui sai là 82,7%. Trong số 16 xã cải cách ruộng đất đã qui 255 địa chủ, 201 phú nông, qua sửa sai còn 93 địa chủ (qui sai tới 63,53%); các xã Bình Dân qui sai tới 100%, An Mỹ qui sai tới 99%; xã qui sai ít nhất là Hùng Sơn: qui 30 địa chủ, sai 7 (23,3%); Độc Lập qui 15 địa chủ, sai 3 (20%).

Thông qua sửa sai, Đại Từ đã trả lại tự do cho 27 người bị bắt oan trong cải cách ruộng đất (có 8 đảng viên); trả lại Đảng tịch cho 47 đảng viên bị xử lý sai trong giảm tô và 159 đảng viên bị xử lý sai trong cải cách ruộng đất; phục hồi cho 38 người là cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích bị qui sai trong giảm tô và cải cách

ruộng đất (có 9 người được bổ sung ngay vào các Ban chỉ huy xã đội); phục hồi chức vụ cho 27 cán bộ chính quyền, 2 cán bộ phụ nữ, 8 cán bộ Đoàn Thanh niên. Đã khôi phục chức vụ cho 1 đồng chí và bổ sung thêm 3 đồng chí vào Huyện uỷ; khôi phục chức vụ cho 1 đồng chí cán bộ Uỷ ban huyện và bổ sung 1 đồng chí Huyện uỷ viên sang làm Chủ tịch huyện. Các Ban Chi uỷ xã được bổ sung thêm 52 đảng viên ưu tú; các Uỷ ban xã được bổ sung thêm 36 đảng viên; Nông hội xã bổ sung thêm 20 đảng viên.

Do tiến hành khẩn trương việc minh oan và phục hồi cho cán bộ, đảng viên bị xử trí sai trong cải cách ruộng đất, nên nội bộ nhân dân Đại Từ đoàn kết, ổn định; tình hình nông thôn bớt căng thẳng; đa số đảng viên và các gia đình bị qui sai đều phấn khởi, tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, việc đền bù, trả lại tài sản cho những người bị oan, sai là khâu khó khăn và phức tạp, vì nhiều ruộng, đất, trâu, bò và nông cụ của những gia đình được chia trong cải cách ruộng đất đã bị phân tán do mua, bán, chuyển nhượng qua tay người khác, người được chia không còn khả năng trả lại.

Trước tình hình ở các xã thực hiện giảm tô một số người bị qui sai thành phần đòi lại ruộng đất, trâu, bò... làm cho sự đoàn kết trong nhân dân giảm sút, một số người hoang mang lo lắng, ngày 23/12/1957, Uỷ ban hành chính huyện đã họp với Bí thư chi bộ và Chủ tịch các xã để bàn biện pháp giải quyết. Sau Hội nghị này,

việc đền bù, trả lại tài sản cho những người bị oan, sai từng bước được giải quyết.

*
* *

Song song với việc sửa sai, Đại Từ từng bước xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đưa nông dân đi dần vào con đường làm ăn tập thể.

Từ năm 1954, Đại Từ đã triển khai xây dựng tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1955, toàn huyện có 857 tổ đổi công, (có 21 tổ đổi công thường xuyên). Từ các tổ đổi công hoạt động có hiệu quả trong lao động sản xuất năm 1955, Đại Từ đã được Trung ương chọn làm nơi chỉ đạo thí điểm xây dựng 3 hợp tác xã nông nghiệp: Cầu Thành, Sơn Tập và Xóm Gò thuộc xã Hùng Sơn. Đây là các hợp tác xã đầu tiên của huyện Đại Từ, đồng thời cũng là các hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên.

Đầu năm 1956, Đại Từ lại được tỉnh chỉ đạo xây dựng thí điểm thêm 2 hợp tác xã nông nghiệp ở xã Tiên Hội và tiếp tục củng cố, phát triển tổ đổi công. Sáu tháng đầu năm 1956, Đại Từ xây dựng được 868 tổ đổi công; trong đó có 43 tổ đổi công bình công chấm điểm, 229 tổ đổi công thường xuyên, 240 tổ đổi công từng việc, 298 tổ đổi công từng vụ. Do xây dựng được các hợp tác xã nông nghiệp và củng cố, xây dựng được 868 tổ đổi công hoạt động có hiệu quả tốt, nên Đại Từ đã đẩy mạnh được phong trào thi đua chống hạn, trừ sâu. Nhân dân các xã đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau sản xuất,

xây dựng nhà cửa, mối quan hệ giữa nhân dân và cán bộ ngày càng được tăng cường, gắn bó hơn.

Tuy nhiên, do cán bộ và xã viên các hợp tác xã chưa có kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã, nên còn lúng túng trong việc quản lý lao động, bình công chấm điểm, điều hành sản xuất và phân phối sản phẩm. Những khó khăn đó cộng với những sai lầm trong cải cách ruộng đất chưa được khắc phục đã dẫn đến tình trạng một số tổ đổi công tan vỡ, hoặc chỉ tồn tại một cách hình thức; 3 trong số 5 hợp tác xã được xây dựng thí điểm ở Hùng Sơn và Tiên Hội hoạt động cầm chừng, 2 hợp tác xã ngừng hoạt động và đến năm 1957 thì 1 trong số 5 hợp tác xã đã bị tan vỡ.

Với quyết tâm thực hiện đường lối phát triển nông thôn của Đảng, kiên quyết đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, Huyện uỷ Đại Từ phối hợp với một số cán bộ tăng cường của tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, xây dựng và phát triển hợp tác xã và tổ đổi công.

Ngày 2/3/1958, Đại Từ vinh dự được đón Hồ Chủ tịch đến thăm và làm việc. Một số cán bộ Khu, Tỉnh, Huyện và cán bộ, xã viên 4 hợp tác xã thuộc 2 xã Hùng Sơn và Tiên Hội đã được Hồ Chủ tịch căn dặn: "...phải hăng hái tham gia xây dựng tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc".

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch, rút kinh nghiệm công tác xây dựng hợp tác xã và tổ đổi công năm 1956,

cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Đại Từ tích cực phấn đấu, nên phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp của huyện dần dần được khôi phục.

Cuối năm 1958, toàn huyện đã xây dựng được 11 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút hàng trăm hộ gia đình xã viên tham gia. Riêng xã Hùng Sơn, đến ngày 24/9/1959, đã xây dựng được 6 hợp tác xã nông nghiệp và 1 hợp tác xã tín dụng.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965), Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xã vừa củng cố, vừa xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp.

Năm 1961, toàn huyện xây dựng được 165 hợp tác xã, với 6.621 hộ gia đình xã viên thu hút 80,8% số hộ nông dân trong toàn huyện (có 5 hợp tác xã cấp cao, với 562 hộ). Trong số 165 hợp tác xã, có 25 hợp tác xã tiên tiến.

Để củng cố xây dựng hợp tác xã, Đại Từ đã mở 5 lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và kế toán cho 244 cán bộ các hợp tác xã. Ngoài ra, năm 1961, Đại Từ còn xây dựng được 6 hợp tác xã thủ công với các ngành nghề may, ren, mộc, bánh kẹo, đậu, mỳ, tôn thiếc (trong đó Hợp tác xã May mặc đã làm gia công được hàng vạn quần, áo cho Cửa hàng Bách hoá và bán ra thị trường tự do, tăng mức thu nhập bình quân 1 xã viên từ 30 đồng lên 70 đồng/tháng), Hợp tác xã Mộc đã sản xuất được 30 máy cấy, 32 lược chải bắt sâu cho lúa.

Tuy nhiên, do năng lực quản lý và điều hành của cán bộ các hợp tác xã còn yếu, nên khi xây dựng hợp tác xã cấp cao thì hiệu quả lao động chưa cao, đời sống xã viên thấp, 253 hộ xã viên các hợp tác xã Phú Thịnh, Tân Quang, Xóm Quẹo (xã Phục Linh) làm đơn xin ra hợp tác xã. Nhiều hợp tác xã bắt đầu xuất hiện hiện tượng xã viên ra cày, cấy và thu hoạch riêng. Đến cuối năm 1961, có thêm 24 hộ xã viên ở 5 hợp tác xã thuộc các xã Hùng Cường, Phú Thịnh, Văn Yên, Tiến Bộ, Độc Lập đồng loạt làm đơn xin ra hợp tác xã. Tình trạng này đã gây nên ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân, du kích trong huyện.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng tan vỡ trong các hợp tác xã chủ yếu là do công tác giáo dục, tuyên truyền còn ít; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành các hợp tác xã còn kém, trình độ văn hoá trong một bộ phận nhân dân các dân tộc còn thấp, cuộc sống có nhiều khó khăn, lại bị các thế lực thù địch tuyên truyền, phá hoại...

Cùng với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán trong huyện cũng được chú ý phát triển. Năm 1961, Đại Từ đã có 9 cửa hàng hợp tác xã mua bán, với 11 cơ sở bán hàng, đạt chỉ tiêu bán ra 93% chỉ tiêu mua vào 100% (trong đó mặt hàng được bán ra nhiều nhất là những mặt hàng thiết yếu dùng hàng ngày của cán bộ và nhân dân như vải, muối, dầu thắp sáng).

*
* *

Giữa lúc nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đang cùng quân, dân trong tỉnh và miền Bắc ra sức phấn đấu khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội để từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ đã huy động máy bay, tàu chiến ném bom, bắn phá một số nơi thuộc các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên địa bàn.

Ngày 30/7/1964, Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra Chỉ thị (số 18/CT-Thái Nguyên) "Về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và đánh phá miền Bắc" chỉ rõ: "Phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích và tổ chức bảo vệ chặt chẽ các cơ quan quốc phòng và các công trình xây dựng kinh tế địa phương; các cơ quan, xí nghiệp phải tăng cường công tác phòng không nhân dân. Các cấp uỷ Đảng phải nắm vững lực lượng quân sự địa phương, phải củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân, tự vệ; giáo dục cho anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu, và dũng cảm chiến đấu truy lùng và tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa

phương; lãnh đạo chặt chẽ kế hoạch phối hợp với công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an lúc bình thường cũng như khi có tình hình đột xuất xẩy ra".

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ Đảng, chính quyền Đại Từ nhanh chóng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ và nhân dân đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân. Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã, các cơ quan, đơn vị xây dựng các tổ, tiểu đội, trung đội dân quân, du kích, tự vệ làm các nhiệm vụ bắn máy bay địch bay thấp, cứu thương, tải thương, tiếp đạn.v.v...

Huyện đội phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực tổ chức xây dựng các trạm quân báo, trinh sát, phát hiện máy bay địch bằng khí tài quang học hoặc mắt thường, xây dựng kế hoạch báo động, huy động lực lượng dân quân, tự vệ khi địch thả gián điệp, biệt kích hoặc phi công nhẩy dù xuống địa bàn. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức diễn tập phòng không nhân dân ở các khu vực trọng điểm mà máy bay địch có thể ném bom, bắn phá.

Tháng 5/1965, máy bay địch tăng cường hoạt động trinh sát trên vùng trời các huyện Đại Từ, Phổ Yên, Phú Lương và Thành phố Thái Nguyên. Chỉ trong 2 tháng 6 và 7 năm 1965, máy bay địch hoạt động trên vùng trời Thái Nguyên và Bắc Kạn tới 62 lần/chiếc.

Để chủ động đối phó với tình huống bị máy bay địch ném bom, bắn phá, theo Quyết định của Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ thành lập Ban phòng không nhân dân huyện và Ban phòng không nhân dân các xã làm nhiệm

vụ chỉ đạo, chỉ huy công tác phòng tránh và đánh địch trên địa bàn. Ban phòng không nhân dân huyện do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện làm Trưởng ban, đồng chí Trưởng Công an huyện làm Phó ban và đồng chí Huyện đội trưởng làm Tham mưu trưởng.

Theo Chỉ thị ngày 8/7/1965 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, địa bàn huyện Đại Từ nằm trong trạng thái phòng thủ, nên "yêu cầu chung là đảm bảo hầm, hố trú ẩn đầy đủ, vững chắc, đảm bảo sản xuất, công tác và sinh hoạt bình thường", phải "tổ chức đón tiếp, giúp đỡ đồng bào sơ tán để đồng bào yên tâm sản xuất".

Tuy nằm trong trạng thái phòng thủ, nhưng Đại Từ có Đường 13A, một mạch máu giao thông quan trọng nối liền Thái Nguyên với Tuyên Quang và các tỉnh vùng Tây Bắc của Tổ quốc; có các kho xăng dầu, lương thực, vũ khí của Nhà nước và quân đội xây dựng trên địa bàn, nên Đại Từ cũng là địa bàn có nhiều mục tiêu đánh phá của địch.

Đầu tháng 10/1965, máy bay Mỹ tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời Thái Nguyên. Từ hướng Tuyên Quang, các máy bay trinh sát của Mỹ đã bay qua vùng trời Đại Từ vào trinh sát Thành phố Thái Nguyên và các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Phú Bình. Ngày 17/10/1965, nhiều tốp máy bay Mỹ bay vượt qua dãy núi Tam Đảo, qua vùng trời Đại Từ vào ném bom, đánh phá ác liệt cầu Gia Bẩy (Thành phố Thái Nguyên), mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của chúng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trước tình hình hoạt động trinh sát của máy bay địch ngày càng ráo riết và hoạt động đánh phá của máy bay địch, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy Huyện đội xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống và bắn máy bay địch. Ban phòng không nhân dân huyện tổ chức và phân công cán bộ thường trực 24/24 giờ trong ngày. Thành phần kíp trực gồm 1 cán bộ chỉ huy Huyện đội, 1 cán bộ thường trực Uỷ ban hành chính huyện (trực Chủ nhiệm phòng không) và từ 2 đến 3 cán bộ nội chính giúp việc.

Ban chỉ huy Huyện đội củng cố và xây dựng được 10 trận địa, 130 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến bắn máy bay địch bay thấp. Do việc cấp dưỡng cho dân quân, tự vệ làm nhiệm vụ trực chiến thuộc ngân sách của huyện trong điều kiện ngân sách của huyện rất khó khăn, nên thường xuyên trên địa bàn huyện chỉ có từ 2 đến 3 trận địa phòng không có lực lượng dân quân tự vệ trực chiến 24/24 giờ.

Đối với nhiệm vụ phòng tránh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân Đại Từ đã đào được 50.000 mét giao thông hào, 7.560 hầm, hố trú ẩn (khối lượng đào, đắp giao thông hào của Đại Từ chỉ đứng thứ hai, sau Thành phố Thái Nguyên, trong số 9 huyện, thành trong tỉnh). Tuy nhiên, qua kiểm tra của Tỉnh, Đại Từ còn nhiều hầm, hố phòng không chưa có nắp đậy; giao thông hào còn bị sụt, lở nhiều.

Trong công tác cấp cứu phòng không, Ban Y tế phòng không huyện được củng cố, kiện toàn. Rút kinh nghiệm trận máy bay Mỹ đánh cầu Gia Bẩy ngày

17/10/1965, Ban Y tế phòng không nhân dân huyện đã mở lớp tập huấn ngắn ngày, bồi dưỡng kỹ thuật băng bó, cấp cứu vết thương cho cán bộ y tế xã và các đội cấp cứu phòng không của dân quân, du kích ở các hợp tác xã; vận động nhân dân tự mua túi thuốc phòng không, làm thêm cáng, nẹp trang bị cho các Đội Y tế phòng không tuyến I.

Sau trận đánh phá cầu Gia Bẩy (17/10/1965), đế quốc Mỹ liên tiếp cho máy bay vào đánh phá ác liệt Khu công nghiệp Thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Võ Nhai, Phú Lương, gây cho nhân dân ta nhiều tổn thất về người và của.

Để phát hiện máy bay địch từ xa, chủ động đối phó với các hoạt động đánh phá của chúng, Trung đoàn phòng không 210 bảo vệ Thành phố Thái Nguyên đã tổ chức các Trạm Trinh sát phát hiện máy bay địch ở Đèo Khế và núi Pháo (Đại Từ) . Nhân dân và các lực lượng dân quân, tự vệ Đại Từ đã bảo vệ và tạo điều kiện thuận lợi cho các Trạm Trinh sát của Trung đoàn 210 hoàn thành nhiệm vụ.

15 giờ 7 phút ngày 29/4/1966, Trạm Trinh sát Đèo Khế (Đại Từ) đã kịp thời phát hiện báo về Sở chỉ huy Trung đoàn 210 có máy bay địch bay thấp hoạt động ở vùng Đông và Đông Bắc Thái Nguyên. Còi báo động phòng không Thành phố Thái Nguyên rú lên từng hồi liên tiếp hệ thống loa phóng thanh của Thành phố liên tục thông báo tình hình hoạt động của máy bay địch. Các phân đội phòng không của Trung đoàn 210, các tổ chiến đấu và phục vụ chiến đấu của dân quân, du kích

và tự vệ Thành phố nhanh chóng có mặt ở các vị trí chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Nhờ Trạm Trinh sát Đèo Khế sớm phát hiện được máy bay địch, thông báo kịp thời cho lãnh đạo và chỉ huy Trung đoàn 210 và Ban phòng không nhân dân tỉnh, nên chiều 29/4/1966, mặc dù giặc Mỹ huy động tới 15 máy bay phản lực các loại hiện đại gồm F105 (Thần sấm), F4 (Con ma) và máy bay trinh sát RF101 vào đánh Thành phố Thái Nguyên với các thủ đoạn chiến thuật nham hiểm (bay nhiều tầng, nhiều hướng, vừa nghi binh, vừa trinh sát và đánh phá mục tiêu), nhưng chúng vẫn bị quân và dân Thái Nguyên bắn bị thương 1 chiếc và bắn rơi 2 chiếc, trong đó có chiếc máy bay Mỹ thứ 1000 bị bắn rơi trên miền Bắc. Đó là chiếc máy bay F105 của giặc Mỹ bị Đại đội 101 pháo cao xạ 100mm (thuộc Trung đoàn 210) ở trận địa đồi Tân Lập (Gia Sàng) bắn trúng lúc 15 giờ 22 phút, đã bùng cháy như một bó đuốc lớn, lao xuống cánh đồng làng Chùa (xã Tức Tranh, huyện Phú Lương).

Trước tình hình máy bay địch thường xuyên từ phía Tây và Tây Bắc theo trục Đường 13A Tuyên Quang – Thái Nguyên và dọc theo thung lũng sông Công vào đánh phá Thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Võ Nhai, Phú Lương..., đầu năm 1966, sau khi Tỉnh đội bổ sung thêm vũ khí, Huyện đội Đại Từ tổ chức và xây dựng thêm 3 trận địa phục kích bắn máy bay địch bay thấp của dân quân, 3 xã Hùng Sơn, An Khánh và Yên Lãng. Mỗi trận địa có một tổ trực chiến liên tục hàng ngày từ 6 giờ đến 18 giờ, những

ngày cao điểm, đột xuất có thể trực tới 21 giờ. Trận địa An Khánh được trang bị 2 trung liên, 3 súng trường, trận địa ở xã Hùng Sơn được trang bị 2 trung liên, 4 súng trường, trận địa Yên Lãng được trang bị 5 súng trường. Ngoài 3 trận địa trực chiến thường xuyên, lực lượng trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ Thị trấn Đại Từ và các xã Văn Yên, Trần Phú, Độc Lập, Bình Thuận, Hà Thượng, Cù Vân, Mỏ than làng Cẩm cũng sẵn sàng lên trận địa bắn máy bay địch khi có báo động phòng không.

Trên các trận địa trực chiến phòng không, dân quân, tự vệ đã trồng được 3.561 cây chuối để nguỵ trang, chống máy bay trinh sát của địch phát hiện. Để sẵn sàng xử lý kịp thời hậu quả đánh phá của máy bay địch, ngoài các đội: Cứu thương, tải thương, đào bới cứu sập hầm ở các xã, Huyện đội Đại Từ còn tổ chức 1 đội cứu hoả, 1 đội thương, tải thương, 1 đội đào bới sập hầm phục vụ công tác phòng không cho các cơ quan huyện và nhân dân ở khu vực Thị trấn Đại Từ. Đội cứu hoả gồm 40 người, được tổ chức ở xã Hùng Sơn. Đội cứu thương, tải thương cũng gồm 40 người, tổ chức ở xã Bình Thuận. Đội đào bới sập hầm gồm 150 người, tổ chức ở 3 xã Độc Lập, Trần Phú, Thị trấn Đại Từ (mỗi xã, thị trấn 50 người).

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, kịp thời, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, nên nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ bình tĩnh, tự tin bước vào các trận thử lửa ác liệt với máy bay và bom đạn hiện đại của đế quốc Mỹ.

Ngày 21/6/1966, giặc Mỹ huy động 15 lần tốp máy bay các loại đánh phá Thành phố Thái Nguyên và huyện Đại Từ. Tại huyện Đại Từ, máy bay Mỹ ném 6 quả bom phá và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống kho xăng T72 và Công trường xây dựng đập Phượng Hoàng (nằm trên địa bàn xã Cù Vân), làm chết 3 người, bị thương 1 người, đổ một ngôi nhà.

Ngay sau khi nhận được báo cáo máy bay Mỹ ném bom, bắn phá kho xăng T72 và Công trường xây dựng đập Phượng Hoàng ở Cù Vân, các đồng chí Đỗ Khắc Tởi (Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện), Nguyễn Văn Cường (cán bộ Công an huyện), Dương Văn Minh (cán bộ Huyện đội) và Lưu Sĩ Tư (Y sĩ điều trị Ban Y tế phòng không huyện) đã nhanh chóng xuống tận hiện trường để chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền cơ sở giải quyết hậu quả; đồng thời kiểm tra việc thực hiện các phương án xử lý tình huống khi máy bay địch đánh phá.

Trong các ngày 29, 30/6 và các ngày 2,3 và 4/7/1966, máy bay địch liên tục vào hoạt động trinh sát trên vùng trời Thái Nguyên. Trước tình hình đó, sáng ngày 6/7/1966, đồng chí Nguyễn Tâm (Chính trị viên Tỉnh đội) trực tiếp báo cáo với Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh: "Trong những ngày tới địch sẽ đánh vào Bắc Thái. Mục tiêu đánh phá chủ yếu của chúng là các trọng điểm giao thông và Khu công nghiệp Thái Nguyên, khả năng địch sẽ đánh nhiều trận, nhiều mục tiêu kết hợp và ác liệt hơn. Đề nghị Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các ngành, các huyện, thành chuẩn bị, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và phòng không sơ tán".

Đúng như nhận định của Ban chỉ huy Tỉnh đội, tháng 7/1966, đế quốc Mỹ thực hiện một bước leo thang chiến tranh phá hoại mới đối với Thái Nguyên. Chỉ trong 13 ngày, chúng tiến hành hoạt động trinh sát và đánh phá Thái Nguyên 60 lần. Trong số 60 lần hoạt động của máy bay địch trên vùng trời Thái Nguyên, có 25 lần hoạt động đánh phá (11 lần đánh phá các mục tiêu kinh tế, 8 lần đánh phá mục tiêu giao thông, 4 lần đánh phá mục tiêu dân sự, 2 lần đánh phá mục tiêu quân sự). Địa bàn đánh phá của địch mở rộng ra khắp các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đại Từ và Thành phố Thái Nguyên.

Tại Đại Từ, 15 giờ 16 phút ngày 7/7/1966, 2 máy bay F105 của giặc Mỹ ném bom bừa bãi xuống khu vực Núi Pháo (xã Cù Vân). Tiếp đó, các ngày 20, 21, 25 và 27/7/1966, máy bay Mỹ ném 24 quả bom phá và bắn nhiều loạt đạn tên lửa xuống địa bàn 2 xã Bình Thuận và Cù Vân.

Các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong huyện, nhất là Ban Chi uỷ và Ủy ban hành chính 2 xã Bình Thuận và xã Cù Vân lãnh đạo và chỉ đạo tốt công tác phòng không, sơ tán; nhân dân và các lực lượng vũ trang Đại Từ làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu nên thiệt hại về người và của do máy bay địch đánh phá gây ra là không đáng kể..

Ngày 14/7/1966, 1 biên đội máy bay của ta cất cánh phối hợp với quân và dân Thái Nguyên đánh 4 tốp 15 chiếc máy bay F105 và F4 của giặc Mỹ trên vùng trời Đại Từ. Do máy bay địch ở thế đông áp đảo, nên 2 máy

bay của ta đã bị máy bay địch bắn cháy, 1 chiếc rơi xuống xã Phúc Thuận (Phổ Yên), 1 chiếc rơi xuống xã Phúc Thọ (Đại Từ). Ban chỉ huy Xã đội Phúc Thọ đã kịp thời tổ chức, chỉ huy dân quân, du kích tuần tra, canh gác bảo vệ hiện trường. Đồng chí phi công lái máy bay bị hy sinh đã được cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích và nhân dân Phúc Thọ tắm rửa, khâm liệm và tổ chức mai táng chu đáo.

Công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang và nhân dân Đại Từ tháng 7 năm 1966 đã góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh bắn rơi 18 máy bay Mỹ. Tháng 7/1996 là tháng máy bay Mỹ bị bắn rơi nhiều nhất trên vùng trời Thái Nguyên trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh " Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm , 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"[1], lực lượng dân quân, và tự vệ Đại Từ đã tổ chức triển khai nhiều trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp.

Tại xã Hà Thượng, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chi uỷ và Uỷ ban hành chính xã, Ban chỉ

[1] Hồ Chí Minh: Vì độc lập, vì tự do, vì chủ nghĩa xã hội – Nxb Hà Nội 1970, trang 282.

huy Xã đội do đồng chí Ngô Văn Ơn làm Xã đội trưởng và đồng chí Phùng Văn Lương (Bí thư Chi bộ) làm Chính trị viên đã tổ chức xây dựng được 1 đại đội dân quân, do đồng chí Xã đội trưởng làm Đại đội trưởng, đồng chí Chính trị viên Xã đội trực tiếp làm Chính trị viên. Sau ngày giặc Mỹ huy động máy bay ném bom cầu Gia Bẩy (17/10/1965), Ban chỉ huy Đại đội dân quân xã Hà Thượng thành lập 1 trung đội trực chiến phòng không, gồm 17 cán bộ, chiến sĩ, do các đồng chí Nguyễn Văn Đệ làm Trung đội trưởng và Nguyễn Hùng Xuân làm Chính trị viên. Mọi chế độ cấp dưỡng, đài thọ cho cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội trực chiến do các hợp tác xã trả công điểm, đảm bảo theo mức thu nhập bình quân cao nhất của xã viên hợp tác xã.

Nghiên cứu nắm được qui luật hoạt động của máy bay địch thường từ phía Tây – Tây Bắc vượt dãy núi Tam Đảo, hạ xuống độ cao rất thấp, rồi bay theo trục Đường 13A (Đèo Khế – Bờ Đậu), đến khu vực Núi Pháo vọt lên tăng độ cao vào trinh sát hoặc đánh phá Thành phố Thái Nguyên và các vùng phụ cận, Trung đội dân quân trực chiến phòng không xã Hà Thượng đã xây dựng 3 trận địa ở dọc 2 bên Đường 13A: 1 trận địa ở gần Núi Pháo, 1 trận địa ở khu vực Uỷ ban xã và 1 trận địa ở trên Đồi 100 (bên phải và cách Đường 13A Bờ Đậu - Đèo Khế khoảng 100 mét). Từ ngày thành lập đến cuối tháng 7/1966, tuy cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội đã trực tiếp chiến đấu với máy bay địch 7 trận, nhưng chưa bắn rơi được máy bay Mỹ. Với quyết tâm bắn rơi máy

bay bay thấp của địch bằng súng bộ binh, cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội kiên cường bám trận địa, chờ thời cơ.

Sau bữa cơm trưa ngày 1/8/1966, cán bộ, chiến sĩ nghỉ trưa tại lán trực chiến trên Đồi 100, đồng chí Phạm Văn Phúc được phân công làm nhiệm vụ cảnh giới máy bay địch. Vào lúc 12 giờ 15 phút, vừa nghe tiếng kẻng báo động phòng không, đồng chí Phúc lập tức gõ kẻng báo động. Các đồng chí Nguyễn Văn Đệ (Trung đội trưởng), Nguyễn Hùng Xuân (Chính trị viên) và 3 chiến sĩ: Đỗ Thanh Duật, Đới Văn Ban, Nguyễn Xuân Đài bật dậy lao ra vị trí chiến đấu. Trong gây lát, tổ trực chiến do Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ chỉ huy gồm 5 người với 2 khẩu súng máy và 3 khẩu súng trường đã lăm lăm hướng về phía Tây – Tây Bắc sẵn sàng chờ máy bay địch. Từ hướng Tuyên Quang, 1 tốp 2 máy bay trinh sát RF4C của giặc Mỹ bay ở độ cao khoảng 200 mét, theo trục Đường 13A lao vào hướng trận địa. Bỏ qua chiếc thứ nhất bay hơi chếch về phía bên trái, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ ra lệnh cho đơn vị tập trung hoả lực nhằm vào chiếc thứ hai đang bay thẳng vào trận địa. Khi máy bay địch bay vào tầm bắn có hiệu quả, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Đệ hạ lệnh nổ súng. Lá cờ đuôi nheo vừa phật xuống, một loạt 18 viên đạn súng máy, súng trường nổ đanh, gọn, tập trung vào chiếc máy bay Mỹ thứ hai đang lao thẳng vào trận địa. Chiếc máy bay Mỹ bị trúng đạn, khựng lại, chệnh choạng bay vòng lại phía sau định thoát thân, nhưng cũng chỉ bay được đến khu vực xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá thì bị rơi, 2 tên giặc lái máy bay nhẩy

dù xuống đất, 1 tên bị chết, 1 tên bị quân và dân địa phương bắt sống. Trung đội dân quân trực chiến phòng không xã Hà Thượng là đơn vị dân quân tự vệ đầu tiên của huyện Đại Từ và cũng là đơn vị dân quân, tự vệ đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên bắn rơi máy bay phản lực Mỹ. Với thành tích xuất sắc này, nhân dân và lực lượng dân quân, Hà Thượng đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Chiến công bắn rơi máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh của cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân trực chiến xã Hà Thượng ngày 1/8/1966 đã khẳng định lực lượng dân quân, tự vệ Đại Từ nói riêng, Thái Nguyên nói chung hoàn toàn có đủ khả năng bắn rơi máy bay phản lực hiện đại của đế quốc Mỹ bằng súng bộ binh và khẳng định chủ trương tổ chức các trận địa phòng không của lực lượng dân quân, du kích, tự vệ làm nhiệm vụ phục kích, đón lõng bắn máy bay bay thấp của địch bằng súng bộ binh của Ban chỉ huy Tỉnh đội Bắc Thái và Huyện đội Đại Từ là hoàn toàn đúng đắn và có hiệu quả.

Ngay sau khi Trung đội dân quân xã Hà Thượng bắn rơi máy bay phản lực RF4C của đế quốc Mỹ bằng súng bộ binh, các đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng), Ma Văn Viên (Tỉnh đôi phó) trực tiếp xuống xã Hà Thượng nghiên cứu cách tổ chức, bố trí trận địa phục kích, đón lõng bắn máy bay địch để chỉ đạo phổ biến nhân rộng ra lực lượng dân quân, tự vệ toàn tỉnh.

Cùng ngày 1/8/1966, từ 13 giờ 20 phút đến 17 giờ 30, giặc Mỹ cho máy bay vào đánh phá ác liệt Thành phố

Thái Nguyên. Với quyết tâm bảo vệ thành phố và Khu công nghiệp luyện kim đầu tiên của Tổ quốc, một đơn vị tên lửa bảo vệ Thành phố đã phóng đạn kịp thời, bắn trúng 1 chiếc máy bay F105 của giặc Mỹ, làm nó bốc cháy, lao xuống xã Bình Dân (huyện Đại Từ). Tên trung uý lái máy bay Mỹ nhảy dù xuống, bị nhân dân địa phương bắt sống. Do bị thương quá nặng, tên giặc lái máy bay Mỹ này đã bị chết trên đường đưa về Hà Nội.

Ngày 7/8/1966, máy bay Mỹ ném 8 quả bom phá xuống xóm Liên Giới (xã Hùng Sơn), làm chết 1 người. Ngày 12/8/1966, 9 lần tốp, 25 lần chiếc máy bay Mỹ các loại F105, FR101 vào đánh phá và trinh sát nhiều mục tiêu nằm trên địa bàn Thái Nguyên. Tại Đại Từ, máy bay Mỹ ném 2 quả bom phá và 2 quả bom bi mẹ xuống Kho xăng, dầu Cù Vân.

Trừng trị bọn cướp trời Mỹ, các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã đánh trả quyết liệt, bắn rơi 2 máy bay Mỹ có 1 chiếc rơi xuống xã Văn Yên. Tại xã Văn Yên, nữ dân quân Phạm Thị Ngồng (vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam, mới sinh con trai được 7 tháng) đang vác cào cỏ ra đồng, thì trông thấy máy bay Mỹ bị bốc cháy, tên giặc lái máy bay Mỹ nhảy dù đang rơi về phía xóm Bầu. Không chần chừ, chỉ với chiếc cào cỏ lúa trên tay, chị Phạm Thị Ngồng đã nhanh chóng lao về phía chiếc dù đang rơi xuống. Đến bãi sắn, cách nhà khoảng 1 km, thì cũng vừa lúc chân tên phi công chạm đất. Hắn chưa kịp tháo dù, ngay lập tức chị đã chĩa chiếc cào cỏ lúa sát ngực tên phi công, hô lớn: "Giơ tay lên". Không biết tiếng Việt, nhưng thấy

động tác sử dụng vũ khí dứt khoát của chị, tên phi công hốt hoảng giơ hai tay lên trời. Đúng lúc đó, lực lượng dân quân trong xã cũng kịp thời ập đến, cùng chị tước súng ngắn, tài liệu và trói tên phi công Mỹ giải lên Huyện đội.

Chỉ với chiếc cào cỏ lúa trên tay, Phạm Thị Ngồng đã dũng cảm lao vào bắt sống phi công Mỹ góp phần tô thắm thêm chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam ghi đậm thêm truyền thống đấu kiên cường, bất khuất của nhân dân các dân tộc Đại Từ.

Cũng tại xã Văn Yên, trong số 6 quả bom phá do máy bay Mỹ ném xuống cánh đồng Đầm Chấm, chiều 14/8/1966, có một quả chưa nổ, làm cho nhân dân trong xã không dám ra đồng cày cấy. Trước tình hình trên, Ban chỉ huy Xã đội Văn Yên chủ trương cho 1 dân quân ra ngồi trên quả bom chưa nổ để nhân dân noi gương ra đồng cày, cấy. Chủ trương của Ban Xã đội xã Văn Yên đã được nữ dân quân Lý Thị Dầu (21 tuổi vợ bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường xa), xung phong thực hiện. Trước Ban chỉ huy Xã đội, nữ dân quân Lý Thị Dầu dõng dạc hứa: " Tôi sẽ làm tròn nhiệm vụ của tôi. Nếu tôi có chết, Ban chỉ huy Xã đội và bạn bè nhớ truy điệu tôi như một người lính trên chiến trường". Hành động dũng cảm của nữ dân quân Lý Thị Dầu khiến mọi người khâm phục. Nhân dân xã Văn Yên yên tâm ra đồng Đầm Chấm cày, cấy hết diện tích.

Trước tình hình giặc Mỹ leo thang đánh phá địa bàn tỉnh ngày càng ác liệt, ngày 20/8/1966, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái ra Chỉ thị số 27 "Về việc đẩy mạnh

công tác phòng không sơ tán". Theo Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đoàn cán bộ kiểm tra công tác phòng không sơ tán của tỉnh xuống kiểm tra các xã và đơn vị dọc theo trục đường từ ngã ba Bờ Đậu (huyện Phú Lương) đến thị trấn Hùng Sơn. Qua kiểm tra, Đoàn cán bộ của tỉnh kết luận: Các xã và cơ quan, đơn vị trong huyện đều quán triệt tốt Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến cán bộ và nhân dân; nhận thức của các cấp chính quyền, đoàn thể và nhân dân về công tác phòng không sơ tán được nâng lên; hầm, hố trú ẩn và giao thông hào được thường xuyên tu sửa và làm mới; các kho tàng đã được phân tán hàng hoá và nguỵ trang. Tại xã An Khánh, nhân dân đã đào rất nhiều hầm, hố, phòng tránh cá nhân ở trong làng, xóm và ngoài các cánh đồng, dọc hai bên đường từ An Khánh đến Cù Vân, có nhiều hộ gia đình đã đào tới 2, 3 hầm, hố để phòng, tránh.

Đoàn kiểm tra của tỉnh cũng thẳng thắn chỉ rõ: Thị trấn Hùng Sơn là một nơi tập trung đông dân, nhưng hầm, hào trú ẩn cũng không đảm bảo chất lượng; gia đình đồng chí Chủ tịch Thị trấn và gia đình một đồng chí Công an huyện không có hầm trú ẩn; ở các cửa hàng nông sản, thực phẩm, hầm, hố phòng không sụt lở, xuống cấp không được sửa chữa lại; bệnh viện không có hầm trú ẩn cho bệnh nhân; Trạm xá Thị trấn Hùng Sơn cũng không có hầm, hố trú ẩn cho cán bộ và nhân viên.

Sau khi được Đoàn kiểm tra chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm đó, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ đã kịp thời đề ra nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ

đạo khắc phục, góp phần hạn chế được tổn thất trong các đợt đánh phá rất ác liệt tiếp theo của máy bay địch.

Tháng 9/1966, giặc Mỹ huy động nhiều máy bay đánh phá địa bàn Đại Từ 4 trận, ném 64 quả bom phá và bom bi mẹ, bắn nhiều loạt đạn tên lửa và rốc két xuống các khu vực Cù Vân, Đèo Khế, Mỏ than Làng Cẩm.

Ngày 2/11/1966, giặc Mỹ cho 3 tốp gồm 12 máy bay ném 21 quả bom phá, 2 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống các khu vực đập Phượng Hoàng, núi Mỏ Sắt, kho thóc, cửa hàng bách hoá (thuộc xã Cù Vân) và xóm Tân Phú (thuộc xã Bình Dân). Bom đạn Mỹ đã làm chết 8 người, bị thương 13 người, phá hỏng 40 mét Đường 13A, làm cháy 11 gian nhà kho lương thực của huyện đang chứa 60 tấn gạo và 140 tấn thóc; kho của hợp tác xã Tân Phú (xã Bình Dân) bị cháy, hỏng 3 tấn thóc giống và 30 kg hạt giống rau các loại.

Ngay sau khi tiếng bom, đạn Mỹ vừa dứt, khói bom, đạn còn bay mù mịt, mùi thuốc bom, thuốc đạn cháy khét lẹt, tại xã Cù Vân, 320 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ và nhân dân Đại Từ, cùng với 60 học sinh Trường trung cấp Công nghiệp của tỉnh đã kịp thời dập lửa, cứu kho, vận chuyển hết số thóc, gạo chưa bị cháy ở trong kho đến nơi an toàn; san lấp hố bom, đảm bảo cho đoạn Đường 13A qua địa bàn huyện được kịp thời thông suốt. Tại xã Bình Dân, nhân dân trong xã đã kịp thời vận chuyển 10 tấn thóc giống trong kho của hợp tác xã đến nơi an toàn.

Ngày 7/11/1966, máy bay Mỹ ném tiếp 8 quả bom phá, 4 quả bom bi mẹ xuống các xã Tân Thái, Phúc Thọ, Bình Dân, Tân Thành, làm chết 1 người, 2 người mất tích, 2 người bị thương, phá hỏng 2 nhà và làm bị thương 6 con trâu.

13 ngày đầu tháng 12/1966, máy bay Mỹ đã đánh phá địa bàn Đại Từ 7 trận, ném 24 quả bom phá, 6 thùng bom bi mẹ và bắn 4 loạt đạn tên lửa xuống các xã Tân Thành, Bình Thuận, Trần Phú, An Khánh, Độc Lập, Bình Dân (xã Tân Thành bị máy bay địch đánh phá 2 trận). Chiều 2/12/1966, đơn vị tên lửa bảo vệ Đại Từ và Thành phố Thái Nguyên đã bắn 1 máy bay địch rơi xuống xóm Thái Hoà (xã Tân Thái); 2 tên giặc lái máy bay nhảy dù, 1 tên rơi xuống sườn đồi thuộc xóm Đồng Hồng, còn 1 tên rơi xuống Đầm Thụt thuộc xóm Thác Vàng.

Ngay sau khi phát hiện được máy bay Mỹ bị tên lửa ta bắn cháy, giặc lái máy bay Mỹ nhảy dù xuống địa bàn xã, đồng chí Ngô Trung Liên Xã đội trưởng xã Tân Thái sau khi đánh kẻng báo động, huy động dân quân và nhân dân trong xã ra bao vây, truy bắt giặc lái. Với chiếc gậy gẩy rơm trên tay, Xã đội trưởng Ngô Trung Liên đã cùng với đồng chí Tào chiến sĩ dân quân lao nhanh về phía chiếc dù và tên giặc lái Mỹ đang từ từ rơi xuống sườn đồi xóm Đồng Hồng. Khi hai chân tên giặc lái máy bay Mỹ vừa chạm đất, Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và đồng chí Tào dân quân cũng vừa kịp tới nơi. Chĩa thẳng chiếc gậy gẩy rơm vào người tên giặc lái máy bay Mỹ, Xã đội trưởng Ngô Trung Liên hô lớn: "Giơ

tay lên". Tên giặc lái máy bay Mỹ vội giơ hai tay lên đầu. Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và đồng chí Tào xông vào tước súng ngắn, tài liệu và trói tên giặc lái máy bay Mỹ giải về giao cho huyện.

Phát hiện còn 1 tên giặc lái máy bay Mỹ nữa nhảy dù, chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài với chiếc đòn càn (đòn bằng tre vót nhọn 2 đầu) trong tay đã chạy thẳng về phía đầm lầy thuộc xóm Thác Vàng, nơi tên giặc lái máy bay Mỹ cùng với chiếc dù đang từ từ rơi xuống. Ngay khi tên giặc lái máy bay Mỹ vừa rơi xuống đầm lầy, chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài đã lao tới phang chiếc đòn càn vào thẳng tay tên giặc xông tới tước vũ khí, thu tài liệu và cùng với một số chiến sĩ dân quân khác vừa tới, trói hắn lại. Hành động dũng cảm dùng gậy gẩy rơm và đòn càn xông vào bắt sống giặc lái máy bay Mỹ của Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài một lần nữa làm sáng ngời phẩm chất anh hùng của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc xã Tân Thái nói riêng, huyện Đại Từ nói chung[1].

---

[1] – Hành động dũng cảm đó của Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và chiến sĩ dân quân Lê Văn Tài đã được đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã Tân Thái Phùng Văn Hoè tức cảnh thành thơ:

"Sáu sáu vào cuối mùa thu.
Hai tên giặc lái nhảy dù xuống đây.
"Cò leo", "đòn ống" bủa vây.
Bắt sống giặc lái tớ thầy leo thang.
Phản lực tên lửa cắt ngang.
Rơi xuống hồ Cốc cát vàng phủ lên.
Chiến công lịch sử ghi tên..."

Trong gần bẩy tháng cuối năm 1966 ngày đầu tiên đánh phá Đại Từ (21/6/1966), máy bay Mỹ đã trút xuống Đại Từ 255 quả bom phá, 12 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống địa bàn 13 xã trong huyện.

Vượt lên trên đạn, bom ác liệt của giặc Mỹ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Đại Từ quen dần với nếp sống quân sự hoá, kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giữ vững và phát triển sản xuất, bảo đảm mạch máu giao thông vận tải trên địa bàn huyện luôn luôn thông suốt.

Tuy nhiên, do địch tập trung máy bay và bom đạn đánh phá ác liệt, và do sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện có lúc, có nơi còn chưa thật kiên quyết, cụ thể và sâu sát, nên tổn thất về người và của của nhân dân Đại Từ năm 1966 là không thể tránh khỏi.

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam ngày càng quyết liệt. Ngày 24/1/1967, giới chóp bu Mỹ và nguỵ quyền Sài Gòn họp ở Hônôlulu quyết định đẩy mạnh đánh phá bằng không quân, làm tê liệt hệ thống giao thông vận tải miền Bắc, nhằm triệt đường viện trợ từ ngoài vào Bắc Việt Nam; cắt đường tiếp tế vật chất và người từ Bắc Việt Nam vào miền Nam. Tập đoàn không quân số 7 của Mỹ được quyền đánh phá vào toàn bộ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng, kho nhiên liệu, giao thông vận tải... ở Bắc Việt Nam.

Tại Thái Nguyên, quí I/1967, địch phát hiện được bộ đội phòng không Trung Quốc mới sang bảo vệ Thành phố Thái Nguyên chưa có kinh nghiệm chiến đấu. Chúng tập trung máy bay và bom, đạn đánh phá quyết liệt Khu công nghiệp Thái Nguyên và hệ thống công sự, trận địa phòng không của ta.

Trước tình hình đánh phá ác liệt của máy bay địch, thực hiện Chỉ thị ngày 25/6/1967 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Một tháng đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân" (từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 4/1967) và kế hoạch 'Một tháng làm hầm, hào" của Ban chỉ huy Tỉnh đội, Đoàn cán bộ của tỉnh xuống kiểm tra tình hình ở huyện Đại Từ. Qua kiểm tra, Đoàn cán bộ của tỉnh đã phát hiện Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ chưa có kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cho các xã. Đoàn đã kịp thời chỉ đạo Uỷ ban hành chính huyện triển khai sửa chữa, khắc phục.

Đầu tháng 5/1967, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ ra Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân, chỉ rõ các chợ Thị trấn Hùng Sơn, Cù Vân, Yên lãng, Phú Minh không được hợp trước 5 giờ chiều; chợ nào chưa có đủ hầm, hào, hoặc có nhưng chưa đảm bảo chất lượng, không được họp; các xã nằm trên các trục đường từ thị trấn Hùng Sơn đi Ký Phú, An Mỹ, Phú Minh, Minh Tiến, Cù Vân đi An Khánh phải tiếp tục đào thêm hầm, hố phòng không hai bên đường cho người qua lại.

Về phía địch, 4 tháng đầu năm 1967, máy bay Mỹ chỉ đánh Đại Từ 1 trận ngày 23/4/1967, ném 2 quả bom

bi mẹ xuống xã Bình Dân. Tháng 5 năm 1967 liên tiếp trong 3 ngày: 3, 4 và 5, máy bay Mỹ ném 18 quả bom phá và bom bi xuống các xã Tân Thái, Hà Thượng, An Mỹ, Hùng Sơn, Phú Xuyên, làm chết 5 người, bị thương 19 người, cháy đổ 17 ngôi nhà. Trong các ngày 10, 14 và 20/5/1967, máy bay Mỹ tiếp tục ném 22 quả bom phá xuống các xã Phú Xuyên, Yên Lãng, An Mỹ. Tại xã Phú Xuyên, máy bay Mỹ ném xuống 14 bom phá, nhưng do nhân dân thực hiện tốt công tác phòng không, sơ tán, nên chỉ có 2 người bị thương nhẹ.

Sáu tháng cuối năm 1967, máy bay địch đánh phá Đại Từ 24 trận, ném 126 quả bom phá, 21 quả bom bi, 31 quả bom bị mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống các xã Vinh Quang, Cù Vân, Độc Lập, Hùng Cường, Phú Xuyên, Trần Phú, An Mỹ, Đoàn Kết, Yên Lãng, Hùng Sơn, Văn Yên, Tân Thành, làm chết 20 người, bị thương 35 người. Trong đó, trận máy bay Mỹ ném 48 quả bom phá xuống xã Cù Vân ngày 17/10/1967 làm chết 5 người, bị thương 5 người, phá huỷ 3 ngôi nhà, chết 4 con trâu, bò, lợn... Các trận ngày 18 và ngày 24/10, máy bay Mỹ ném 10 quả bom phá, 4 quả bom bi mẹ xuống các xã Văn Yên, Yên Lãng, làm chết 6 người, bị thương 7 người, chết 11 con trâu, bò.

Trên chiến trường miền Nam, đúng vào đêm giao thừa Tết Mậu Thân 1968, quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, đồng loạt tiến công vào 4 trên 6 thành phố, 37 trên 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ, thị trấn. Ở vùng nông thôn nhân dân nổi dậy giành chính quyền làm chủ nhiều vùng rộng lớn.

Hoà chung với khí thế Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân miền Nam, thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh. Đại Từ đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng tránh và đánh địch. Công tác phòng không sơ tán được quân và dân trong huyện đặt lên hàng đầu, do đó đã hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay Mỹ đánh phá gây ra.

Ngày 5/1/1968, máy bay Mỹ ném 4 bom bi mẹ và 2 bom phá xuống 3 xã Vinh Quang, Đức Lương, Thắng Lợi, làm chết 3 người và bị thương 10 người. Đặc biệt ngày 18/1/1968, giặc Mỹ tập trung máy bay ồ ạt vào ném 29 quả bom phá, 10 quả bom bi mẹ xuống địa bàn 7 xã: Hùng Sơn, Hà Thượng, Vinh Quang, An Mỹ, Đoàn Kết, Tiến Bộ, Phục Linh, làm chết 1 người, bị thương 24 người, cháy 1 tấn thóc và chết 2 con trâu, 2 con lợn.

Ngày 6/3/1968, máy bay Mỹ tiếp tục ném 4 quả bom xuống xóm Đồng Tiến (xã Tân Thái) và xóm Tiên Phong (xã Lục Ba), làm chết 1 người, bị thương 9 người và chết 6 con trâu.

Trong bom, đạn ác liệt của quân thù, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ vẫn hoàn thành tốt công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần cùng quân và dân Thái Nguyên bắn rơi 2 máy bay Mỹ, đưa số máy bay Mỹ bị quân, dân miền Bắc bắn rơi trong quí I/1968 lên 73 chiếc.

Bị thất bại nặng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam, cộng với sự thiệt hại nặng về số lượng máy bay bị bắn rơi trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống

Mỹ Giônxơn buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ Vĩ tuyến 20 trở ra và không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ II vào tháng 11/1968; chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta tại Hội nghị hai bên ở Pari (Pháp).

Trải qua gần 1 năm 9 tháng leo thang đánh phá Đại Từ (kể từ trận đầu tiên máy bay Mỹ ném bom kho xăng Cù Vân ngày 21/6/1966 đến trận cuối cùng máy bay Mỹ ném bom xuống 2 xã Lục Ba, Tân Thái ngày 6/3/1968), đế quốc Mỹ đã huy động hàng trăm lần chiếc máy bay, ném xuống địa bàn 24 xã trên tổng số 30 xã[1] trong huyện 407 quả bom phá, 21 quả bom hơi, 69 bom bi mẹ, làm chết 53 người, bị thương 154 người, phá huỷ 57 ngôi nhà, giết hại 41 con trâu, bò, phá huỷ hơn 11 tấn thóc...

Nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đã chiến đấu và phục vụ chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bắn rơi 1 chiếc máy bay trinh sát phản lực RF4c của giặc Mỹ bằng súng bộ binh, bắt sống 3 tên giặc lái máy bay Mỹ bằng những chiếc cào cỏ lúa, đòn càn và "cò leo" (gậy gẩy rơm).

Trong chiến tranh ác liệt, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ vừa đảm bảo chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt, vừa đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, huy động sức người, sức của chi viện chiến trường.

---

[1] 24 xã: Cù Vân, Bình Thuận, Bình Dân, Tân Thái, , Phúc Thọ, Tân Thành, Trần Phú, An Khánh, Độc Lập, Hà Thượng, An Mỹ, Hùng Sơn, Phú Xuyên, Lục Ba, Yên Lãng, Phục Linh, Quân Chu, Vinh Quang, Hùng Cường, Đoàn Kết, Văn Yên, Đức Lương, Thắng Lợi, Tiến Bộ.

Từ giữa năm 1966 trở đi, mặc dù máy bay Mỹ ném bom, bắn phá Đại Từ ác liệt; hạn hán, lũ lụt, sâu bệnh... diễn biến khá phức tạp, nhưng sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn được giữ vững và phát triển. Phong trào áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh. Tính đến tháng 2/1967, diện tích bèo hoa dâu đã tăng hơn 168 mẫu so với vụ Đông – Xuân năm 1965 – 1966; 27/30 xã trong huyện có phong trào cấy lúa thẳng hàng và làm ruộng tăng sản. Vụ mùa 1967, bình quân mỗi ha ruộng, nhân dân Đại Từ đã bón được 6 tấn phân chuồng, 80 kg vôi bột, 60 kg phốt phát.

Sau hội nghị sơ kết công tác thuỷ lợi do tỉnh tổ chức, phong trào làm thuỷ lợi ở Đại Từ có bước chuyển biến mạnh. Các hợp tác xã đều tổ chức các đội thuỷ lợi; phân công cán bộ chuyên trách, quản lý và điều hành hệ thống mương, máng dẫn nước tưới, tiêu cho đồng ruộng.

Tháng 8/1967, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện phát động phong trào thi đua làm thuỷ lợi "Rực lửa đêm đông, kiến thiết ruộng đồng, lập công dâng Đảng, đánh Mỹ, cứu nước". Hưởng ứng phong trào thi đua do Huyện uỷ và Uỷ ban huyện phát động các xã, hợp tác xã có ngày đã huy động được hàng vạn xã viên ra đồng làm thuỷ lợi; 17 trên 30 xã xây dựng xong bờ vùng, bờ thửa và hệ thống tưới, tiêu đảm bảo cung cấp đủ nước cho đồng ruộng. Kết thúc năm 1967, toàn huyện đào, đắp được 124.763 mét khối đất, đá; xây dựng được 18 công trình thuỷ lợi lớn nhỏ; tu sửa và làm mới được hàng trăm km mương, máng tưới, tiêu; khai hoang, phục hoá

và kiến thiết được 1.310 ha ruộng có bờ vùng, bờ thửa. Do làm tốt công tác thuỷ lợi, nên cả diện tích gieo trồng, sản lượng và năng suất lúa đều tăng. Năm 1967, diện tích gieo, trồng của huyện tăng lên 1.000 mẫu, Đại Từ không những tự cân đối được lương thực trong huyện, mà còn làm nghĩa vụ đối với Nhà nước được 6.500 tấn lương thực (vượt 2.100 tấn so với năm 1966).

Do làm tốt công tác thuỷ lợi, nên sản xuất của huyện Đại Từ đạt kết quả cao. Năm 1967, huyện Đại Từ đã được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Ba; hai hợp tác xã thành Công và Đông Quan được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; xã Hà Thượng được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Ngoài thuỷ lợi nhỏ, Đại Từ tập trung xây dựng 2 công trình thuỷ nông lớn là đập Phượng Hoàng và đập Rừng Chùa (riêng đập Phượng Hoàng có trữ lượng 6 triệu mét khối nước, đảm bảo tưới cho 1.000 mấu ruộng. Trong thời gian từ tháng 10/1965 đến tháng 3/1968, nhân dân trong huyện đã đóng góp 809.279 ngày công, đào, đắp 149.934 mét khối đất, đá, khai thác và vận chuyển được 130.029 mét khối đá hộc để xây dựng 16 công trình thuỷ lợi loại lớn, vừa, 70 công trình loại nhỏ[1].

Năm 1968, toàn huyện đã có 40% diện tích cấy lúa được phủ bèo hoa dâu; 9 giống lúa mới có năng suất cao được huyện chỉ đạo đưa vào cấy thay dần cho giống lúa địa phương có năng suất thấp, kháng bệnh kém. Vụ

---

[1] Báo cáo thành tích sản xuất của Huyện uỷ Đại Từ ngày 2/1/1970, Hồ sơ 233, lưu tại Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

xuân 1968, Đại Từ đã cấy thêm được 77 ha lúa ngoài kế hoạch. Hai xã Phú Thịnh, Yên Lãng trồng được hàng chục ngàn cây ăn quả và cây lấy gỗ. Khoảng 50% diện tích lúa chiêm của huyện được cấy đúng kỹ thuật, làm cỏ sục bùn, phòng trừ sau bệnh, bón thúc kịp thời vụ, nên năng suất và sản lượng đều đạt từ 44 tạ/ha trở lên; đặc biệt có 5 xã và 23 hợp tác xã đạt năng suất từ 50 tạ đến 64 tạ/ha lúa chiêm. Các hợp tác xã trong huyện thành lập được 73 tổ khoa học kỹ thuật làm nhiệm vụ hướng dẫn xã viên các hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Kết quả sản xuất nông nghiệp của Đại Từ từ năm 1965 đến năm 1968 đã được Tỉnh uỷ Bắc Thái đánh giá: "Huyện Đại Từ đã kiên trì chỉ đạo cấy giống lúa mới ngay từ những năm chiến tranh phá hoại lần I. Đại Từ không những tạo được sự nhất trí cao trong các cấp, các ngành mà còn có tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm". Tổng sản lượng lúa của huyện trong năm 1967 đạt 26.397 tấn; so với năm 1966, năng suất tăng 4%, sản lượng tăng 8%. Tỷ trọng hoa màu tăng từ 1,6% (năm 1966), lên 1,93% (năm 1967).

Ngoài ra, Đại Từ còn chú trọng phát triển cây công nghiệp lâu năm. Đầu năm 1968, Đại Từ đã có 20 cơ sở ở các xã Yên Lãng, Hà Thượng, Lục Ba, Bình Thuận, Phú Xuyên, Minh Tiến, Thắng Lợi, với 495 hộ gia đình trồng cây công nghiệp. Cây chè là đặc sản của huyện, nên được nhân dân trồng với diện tích lớn hơn nhiều so với các loại cây khác. Diện tích cây chè tăng từ 153 ha (năm 1965), lên 368 ha (năm 1967), tăng 137,8%; sản lượng

chè cũng tăng từ 24.553 kg (năm 1965), lên 25.835 kg (năm 1967) và 32.644 kg (năm 1968)[1] .

Phong trào củng cố và xây dựng hợp tác xã được Huyện uỷ đã đặc biệt quan tâm lãnh đạo. Số hộ vào hợp tác xã trong huyện tăng 81% (năm 1965), lên 90% (năm 1968); chỉ còn 10 % gia đình sống rải rác ở các vùng sâu, vùng xa chưa vào hợp tác xã. Số hợp tác xã bậc cao của huyện cũng tăng từ 10% (năm 1965), lên 90% (năm 1968). Tuy nhiên, sự hoạt động của các hợp tác xã không đều, tỷ lệ hợp tác xã trung bình và kém còn chiếm tới 50%.

Về chăn nuôi, năm 1967, Đại Từ có 16 trại chăn nuôi lợn tập thể của các hợp tác xã, với 443 đầu lợn, tăng 11,6% so với năm 1965. Ngoài các trại chăn nuôi lợn của các hợp tác xã, Đại Từ còn mở rộng chăn nuôi xuống các đội sản xuất. Các hợp tác xã Thành Công, Đoàn Kết đã qui hoạch, điều chỉnh lại quĩ ruộng đất, dành một số ruộng đất tốt để thành lập Trại sản xuất thức ăn gia súc. Ban quản trị Hợp tác xã Thành Công vận động các gia đình xã viên dùng đất 5% trồng rau, trồng màu làm thức ăn chăn nuôi và giao cho mỗi hộ xã viên trồng từ 500 đến 1000 gốc sắn để làm thức ăn cho lợn, gà, vịt, ngan.v.v; ưu tiên bán vôi, gạch cho các hộ xã viên nâng cấp chuồng, trại chăn nuôi. Nhờ đó, trung bình mỗi hộ xã viên Hợp tác xã Thành Công nuôi từ 2,4 con (năm 1965) lên 3,1 con lợn (năm 1967), đảm bảo 1 ha gieo trồng có 4 con lợn.

---

[1] Báo cáo Tổng kết hợp tác hoá nông nghiệp 10 năm của huyện Đại Từ. Hồ sơ số 92 Lưu trữ tại Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

Đàn trâu của huyện năm 1967 tăng 8,8% so với năm 1965.

Sản xuất lương thực, thực phẩm phát triển, đời sống nhân dân trong huyện cũng được cải thiện. Thu nhập bình quân lương thực đầu người mỗi tháng từ 17kg thóc (1965), lên 20kg thóc (năm 1967). Ở các hợp tác xã điển hình tiên tiến, 95% số hộ gia đình xã viên đã xây dựng được nhà gỗ kiên cố, 60% số hộ có xe đạp làm phương tiện đi lại, 60% số hộ gia đình có máy thu thanh. Riêng Hợp tác xã Thành Công đạt thu nhập bình quân lương thực đầu người mỗi tháng 24,5 kg thóc (cao nhất các hợp tác xã trong huyện). Hợp tác xã Thành Công còn xây dựng được một trường cấp I, bốn nhà trẻ, một lớp mẫu giáo và hệ thống loa truyền thanh phục vụ bà con xã viên nghe tin tức hàng ngày.

Công tác đảm bảo giao thông vận tải thời chiến được các cấp lãnh đạo trong huyện coi trọng. Huyện đã thành lập Ban đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, do đồng chí Dương Đức Thành, uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện làm Trưởng ban; các đồng chí Dương Văn Ngư cán bộ Huyện đội và Lâm Văn Quang, Trưởng phòng giao thông làm Phó ban.

Đến tháng 9/1966, Đại Từ đã huy động nhân dân và lực lượng dân quân làm được 10 km đường vòng Đèo Khế sang Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang), sửa chữa 8 km đường từ Cù Vân đi ga Quan Triều, 12 km đường từ Quán Ông Già (Phú Minh) qua Phúc Lương, ra Hợp Thành (Phú Lương) và làm mới đường từ Lục Ba qua

Phúc Thọ, sang Phú Xuyên dài 18 km. Lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện đã trồng hàng ngàn cây chuối dọc hai bên đường 13A, đoạn từ Cù Vân đi Yên Lãng và đường từ Đại Từ đi Ký Phú để nguỵ trang chống máy bay địch phát hiện, ném bom, bắn phá.

Ngoài ra, huyện còn chuẩn bị dự phòng cho Cầu Trà 200 mét khối đá hộc và 100 tấm ván; dự phòng vá đường vòng cầu Huy Ngạc 1.500 lưới sắt, 300 giọ đá và chuẩn bị sẵn 300 bó đuốc ở Hợp tác xã Trung Na (xã Độc Lập), sẵn sàng phục vụ cho lực lượng dân quân và các đội ứng cứu giao thông sửa chữa đường vào ban đêm. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên khi bị máy bay địch đánh phá giao thông vận tải thời chiến trên địa bàn huyện Đại Từ vẫn luôn đảm bảo thông suốt.

Tiếp tục phát huy truyền thống của ông cha thời kỳ kháng chiến chống Pháp, trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lớp lớp con em nhân dân các dân tộc Đại Từ hăng hái tòng quân ra mặt trận chiến đấu chống quân xâm lược. Năm 1966, nhân dân Đại Từ đã tiễn đưa 874 con, em ưu tú của mình lên đường đánh Mỹ, vượt chỉ tiêu trên giao 5% (vượt 44 người). Trong số 874 con em của Đại Từ lên đường đánh Mỹ năm 1966, có 37 người là đảng viên, 463 người là đoàn viên, 816 người là dân quân, tự vệ. Năm 1967, Đại Từ tiếp tục hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân cả năm. Trong số 220 thanh niên Đại Từ lên đường nhập ngũ năm 1967, có nhiều thanh niên được tuyển vào xây dựng Tiểu đoàn 68 – Tiểu đoàn quân tăng cường cho chiến trường miền Nam của tỉnh Thái Nguyên. Nhân dân các dân tộc Đại

Từ và trực tiếp là nhân dân xã Vạn Thọ đã đóng góp nhiều công, của để xây dựng nơi ăn, chốn ở cho cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68, góp phần đảm bảo cho 633 cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 68 huấn luyện tốt, rèn luyện sức khoẻ dẻo dai, đủ sức "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước".

*

* *

Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy 1968 của quân và dân miền Nam, "sức của ta đã hao mòn và giảm sút đi nhiều, cơ sở chính trị bộc lộ và bị tan rã, căn cứ đóng quân của ta ở các vùng nông thôn bị lỏng"[1], ta bị "... tổn thất, mất đất, mất dân, thương vong nhiều, ảnh hưởng kéo dài nhiều đến những năm sau"[2].

Tình hình đó đòi hỏi hậu phương lớn miền Bắc phải khẩn trương chi viện số lượng lớn sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 của Đại Từ tăng gấp 2,85 lần năm 1965, 1,41 lần năm 1966 và 5,64 lần năm 1967.

Công tác động viên tuyển quân trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác quân sự địa phương năm 1968 của huyện Đại Từ. Huyện ủy, ủy ban hành chính huyện Đại Từ lãnh đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyển quân năm 1968 trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn mới. Một là, qua các đợt tuyển quân 2 năm 1966, 1967, lực lượng dự bị của huyện ngày

---

(1),(2) - Tổng kết Bộ Tổng tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, NXBQĐND, Hà nội 1997, trang 125.

hành chính sách hậu phương quân đội" do ngành Thương binh - Xã hội tỉnh phát động, Đại Từ đẩy mạnh việc giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có con em đang ở bộ đội gặp khó khăn; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhiều chị vợ bộ đội, vợ liệt sỹ để đề bạt thành cán bộ, trong huyện đã có 3 chị vợ bộ đội được bầu vào Hội đồng nhân dân, 2 chị được bầu làm Uỷ viên Uỷ ban hành chính xã.

Nhờ làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, nên các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình bộ đội ở Đại Từ đã giữ được cuộc sống sinh hoạt bình thường. Nhân dân các dân tộc trong huyện phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, hăng hái động viên con em mình lên đường đánh Mỹ. Ở xã Quang Vinh, vợ chồng ông Trần Văn Sơn đã cùng ký vào đơn, tha thiết đề nghị cho con trai mình là Trần Văn Bột (chưa đủ 18 tuổi) tình nguyện nhập ngũ. Bà Dương Thị Liên dẫn cả hai con trai lên xin huyện cho cả hai cùng nhập ngũ. ở xã Cù Vân, cụ Ma Văn San (73 tuổi), rất ít khi ra khỏi nhà, trong đợt tuyển quân này, đã bảo cháu dẫn đến tận nhà động viên từng anh em sắp nhập.

Khi tân binh lên huyện tập trung, chuẩn bị giao quân, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tổ chức thêu tặng cho anh em lên đường nhập ngũ lá cờ truyền thống của quê hương mang dòng chữ "Đèo Khế anh dũng", và tặng mỗi chiến sĩ mới một chiếc lược làm bằng xác chiếc máy bay RF4C của giặc Mỹ bị dân quân xã Hà Thượng bắn rơi ngày 1/8/1966, được khắc dòng chữ "1-8 con em Đại Từ ra đi là chiến

thắng". Nhờ làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, động viên, tuyên truyền, giáo dục, nên tuyển quân đợt III năm 1968, Đại Từ đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 0,72%. Cả năm 1968, Đại Từ đã tuyển được 1.240 người vào bộ đội, vượt 0,5% chỉ tiêu trên giao.

Với thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân năm 1968, huyện Đại Từ vinh dự được Uỷ ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc tặng bằng khen.

Tính từ năm 1965 đến cuối năm 1968. Đại Từ có tỷ lệ người nhập ngũ so với số dân là 4,5%, trong đó xã Đức Lương đạt cao nhất huyện (6%).

Bên cạnh những thành tích nêu trên, công tác tuyển quân chi viện chiến trường của Đại Từ năm 1968 cũng còn nhiều điểm yếu. Do chiến tranh ngày càng ác liệt và kéo dài, số thương binh từ chiến trường trở về hậu phương ngày càng nhiều, con số báo tử của huyện cũng ngày một tăng, nên đã có tác động xấu đến tư tưởng quần chúng. Các hiện tượng ngại gian khổ, sợ hy sinh xuất hiện. Trong khi đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân từ huyện xuống cơ sở thiếu nhạy bén, việc động viên, tuyên truyền chính sách tuyển quân chưa thật sâu, rộng trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên. Do đó hiện tượng trốn lệnh khám tuyển và chống lệnh gọi nhập ngũ trong thanh niên xuất hiện và có chiều hướng gia tăng [1] . Hiện tượng

---

[1] - Dương Văn Chính ở xã Yên Mỹ nói "tội gì đi chết thay cho nó, đi thì lại trốn về thôi". Các thanh niên đào ngũ về địa phương: Nguyễn Văn Phúc, Phạm Văn Sửu, Lưu Quang Trấn, Nông Văn Hạ khi được vận động trở lại quân đội đã nói "tôi làm đạt nghĩa vụ rồi, giờ tôi không đi nữa, nếu có bỏ tù thì sau khi ra tù tôi vẫn ở nhà."

ngăn cản con em nhập ngũ và giữ không cho con đi bộ đội xuất hiện[2].

Để khắc phục yếu kém, khuyết điểm trên và thực hiện Chỉ thị ngày 20/5/1969 của Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái "Phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1969", Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ đã đặt công tác tuyển quân bổ sung cho chiến trường lên hàng đầu, làm tốt công việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục, động viên tư tưởng và triển khai thống kê nắm chắc thực lực, thực hiện tuyển quân. Năm 1969, Đại Từ tiến hành 2 đợt, tuyển được 250 người vào bộ đội, đạt 99,2% chỉ tiêu (trong đó đợt I tuyển đạt 98% chỉ tiêu, đợt II vượt 1,2% chỉ tiêu). Trong 3 năm tiếp theo (1970, 1971, 1972), Đại Từ tuyển được 1.574 người vào bộ đội (năm 1970 tuyển được 253 người đạt 93,6%, năm 1971 tuyển được 520 người, năm 1972 tuyển được 801 người đạt 97%).

*

* *

Song song với nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường, sau khi giặc Mỹ ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc, tranh thủ điều kiện hoà bình, Đại Từ đẩy mạnh phát triển sản xuất, trong đó chú trọng đến việc củng cố

---

[2] Bà mẹ Lưu Văn Vay ở xã Quang Vinh ngăn cản không cho con nhận lệch nhập ngũ, Bà nói với con "nếu mày ký vào lệnh thì tao sẽ chặt tay mày" (Báo cáo công tác tuyển quân năm 1968 của BCHQS tỉnh Bắc Thái - Lưu tại UBND tỉnh Thái Nguyên).

phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Thực hiện Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, sau khi chỉ đạo 2 xã Phú Thịnh và Hà Thượng làm thí điểm, thực hiện cuộc động viên chính trị "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", Huyện uỷ Đại Từ quyết định triển khai cuộc vận động ra toàn huyện. Qua sơ kết bước 1 cuộc vận động, chỉ tính riêng 15 xã, nhân dân đã bán thóc tiết kiệm chống Mỹ cho Nhà nước được 40 tấn và bán thực phẩm được 78 con lợn, bằng 3.320 kg và 825 kg gà thịt. Các cụ phụ lão người Dao ở Hợp tác xã Tân Tiến (xã Đoàn kết) đã ủng hộ đồng bào miền Nam 111 đồng. Năm 1969, Đại Từ có 95,4% số hộ gia đình đã vào hợp tác xã. Các hợp tác xã của đồng bào miền xuôi lên khai hoang, xây dựng và phát triển kinh tế miền núi ở Đại Từ đã được sáp nhập vào các hợp tác xã sở tại; số hợp tác xã bậc cao chiếm tới 92% tổng số hợp tác xã trong huyện. Các hợp tác xã đã huy động hàng vạn ngày công của lực lượng dân quân và nhân dân làm thuỷ lợi và khai hoang, phục hoá đồng ruộng. Nhờ làm tốt công tác thuỷ lợi, hợp tác xã Tiến Thành đã đưa diện tích cấy lúa từ 87 ha 1968, lên 170 ha năm 1972; từ 1 vụ lên 2 vụ ăn chắc. Hợp tác xã Thành Công đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, sản xuất ra nhiều của cải, không những ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, mà đầu năm 1972, còn tích luỹ được 249.000 đồng tiền vốn cố định, lượng tài sản cố định tăng bình quân hàng năm 10.000 đồng. Với thành tích đó. Hợp tác xã Thành Công được tỉnh công nhận là hợp tác xã tiên tiến,

được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng Hai, đồng chí Trương Văn Nho Chủ nhiệm hợp tác xã được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động".

Tuy nhiên, vẫn còn một số hợp tác xã do cán bộ quản lý kém, sản xuất không phát triển, đời sống xã viên khó khăn nên đã dẫn đến nguy cơ tan vỡ. Trước tình hình đó, Huyện chủ trương tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho xã viên, động viên lực lượng dân quân làm nòng cốt trong việc xây dựng và củng cố các hợp tác xã .

Song song với nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, Đại Từ tích cực chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân của đế quốc Mỹ. Trong tháng 12/1970, huyện đã hoàn thành tốt việc tiếp nhận vũ khí do tỉnh cấp, gồm 5 khẩu tiểu liên, 2 khẩu trung liên, 10 khẩu súng trường và trên 20.000 viên đạn các loại để trang bị cho lực lượng dân quân, du kích và tự vệ ở các xã Hùng Sơn, Quân Chu và khối cơ quan huyện.

Năm 1971, huyện tổ chức huấn luyện cho các cán bộ tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ về chiến thuật bao vây, lùng sục, phục kích, truy bắt biệt kích; tiểu đội, trung đội tập kích vận động tiến công kết hợp chốt; phục kích bắn máy bay bay thấp bằng các loại vũ khí, khí tài đã được trang bị.

Sau đòn giáng mạnh của quân và dân miền Nam trong cuộc tiến công chiếc lược xuân - hè (từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 5/1972), đế quốc Mỹ đã điều sang Đông Dương 337 máy bay chiến thuật, 50 máy bay ném bom

chiến lược B52, nâng số máy bay của chúng ở Đông Dương lên 1.071 chiếc các loại (có 140 máy bay chiến lược B52). Chỉ trong 2 tháng 4 và 5/1972, giặc Mỹ đã tăng cường số tàu chiến ở Vịnh Bắc Bộ lên 66 chiếc (chiếm 60% tổng số tàu chiến và đổ bộ của Hạm đội 7).

Trước tình hình đó, Bộ Tổng tham mưu chỉ thị cho các lực lượng vũ trang miền Bắc sẵn sàng đánh trả nếu địch dùng không quân và hải quân đánh phá trở lại miền Bắc.

Để sẵn sàng đối phó với tình huống đế quốc Mỹ huy động máy bay đánh phá trở lại địa bàn huyện, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái[1] , quý I/1972, Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ xây dựng phương án tổ chức và bố trí lại lực lượng dân quân, tự vệ trên địa bàn huyện, gồm: 1 trung đội cơ động của huyện, 2 trung đội cơ động vùng, 8 trung đội và 19 tiểu đội cơ động xã, 1 đại đội (gồm 8 tổ) công binh được bố trí ở các xã dọc Đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế) và dọc đường từ thị trấn Đại Từ đi Ký Phú – Cát Nê, 1 tiểu đội cối 82 bố trí ở Cù Vân, 6 khẩu đội cao xạ 12,7 mm và 14,5mm ở 2 xã Yên Lãng và Hùng Sơn.

Tháng 4/1972, lực lượng vũ trang Đại Từ hoàn thành tốt việc thí điểm xây dựng phương án tác chiến bảo vệ khu vực, tổ chức 8 xã diễn tập đánh địch tập kết đường không và thả biệt kích bằng máy bay trực thăng xuống đánh phá các vùng xung yếu.

---

(1) - Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quân sự địa phương từ tháng 8/1971, Ban chỉ huy Tỉnh đội các tỉnh được đổi thành Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

Ngày 6/4/1972, giặc Mỹ huy động trên 100 lần chiếc máy bay chiến thuật và một số tàu chiến đánh phá nhiều mục tiêu thuộc địa bàn Quân khu 4. Tiếp đó, chúng dùng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm ở Vinh- Nghệ an (10/4), Thanh Hoá (13/4).

Ngày 16/4/1972, đế quốc Mỹ đã huy động 270 lần chiếc máy bay các loại (có 9 lần chiếc B52), ồ ạt vào đánh phá ác liệt và ném bom rải thảm xuống thành phố Hải Phòng. Cùng ngày, giặc Mỹ huy động 60 máy bay chiến thuật khác từ Thái Lan sang ồ ạt ném bom Thủ đô Hà Nội. Hàng nghìn người ở Hải Phòng và Hà Nội đã bị chết và bị thương, 12 bể xăng và 7.000 phi dầu ở kho Đức Giang (Gia Lâm - Hà Nội) bị phá huỷ hoàn toàn.

Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ ồ ạt ngay từ đầu (kể cả dùng máy bay chiến lược B52 ném bom rải thảm). Bằng cách đó, chúng huy vọng có thể xoay chuyển được tình thế, ép ta chấp nhận những điều kiện do chúng đưa ra tại Hội nghị Pari.

Thủ đoạn đánh phá ồ ạt và gây nhiễu điện tử mạnh của địch đã làm cho các lực lượng phòng không của ta lúng túng, bộ đội cao xạ và bộ đội tên lửa của ta bắn rất nhiều đạn nhưng không rơi được máy bay địch.

Hưởng ứng lời kêu gọi ngày 16/4/1972 của Trung ương Đảng và Chính phủ "... mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mỹ, cứu nước. Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, đường phố phải là một chiến hào, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mỹ và tay sai" và thực hiện Chỉ thị

ngày 19/4/1972 của Uỷ ban hành chính tỉnh "Tăng cường công tác sẵn sàng chiếu đấu và phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay", các lực lượng vũ trang, nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ đã tập trung khẩn trương làm tốt việc sửa chữa, làm mới hầm, hố phòng tránh máy bay địch đánh phá và hầm hào, công sự chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

10 giờ 45 phút ngày 24/5/1972, hai tốp gồm 5 máy bay Mỹ bất ngờ lao tới ném 12 quả bom "tinh khôn" (bom có điều khiển bằng la de) và bắn một loạt đạn rốc két xuống Nhà máy điện Thái Nguyên, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Bom đạn Mỹ đã làm Nhà máy điện Thái Nguyên bị tổn thất nặng, phải ngừng sản xuất, tháo dỡ vật tư thiết bị đưa đi sơ tán. Tổn thất ở Nhà máy điện Thái Nguyên do máy bay địch bắn phá ngày 24/5/1972 chứng tỏ công tác chuẩn bị phòng tránh và đánh địch của quân và dân Thái Nguyên còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm, chưa đáp ứng kịp thời với quy mô và tính chất quyết liệt, dồn dập của cuộc chiến tranh phá hoại lần này của địch. Sau tổn thất ở Nhà máy điện Thái Nguyên, quân và dân Đại Từ đã kịp thời nghiên cứu, rút kinh nghiệm, tăng cường công tác phòng tránh và đánh địch.

Để kịp thời phát hiện máy bay bay thấp của địch, Đại Từ xây dựng hai đài quan sát máy bay địch của dân quân, tự vệ và giúp Trung đoàn cao xạ 256 xây dựng hai trạm trinh sát máy bay địch ở Đèo Khế và Núi Pháo. Lực lượng trinh sát, quân báo của dân quân, tự vệ ở các

xã, cơ quan, đơn vị được củng cố, gồm 87 cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ trinh sát phát hiện máy bay địch và thông báo, báo động phòng không cho nhân dân.

Nhằm tăng cường lực lượng đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn huyện khi máy bay địch đánh phá, tháng 6/1972, Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng công binh của dân quân, tự vệ, chủ yếu là tập huấn cho các tổ, đội công binh ở các xã dọc các tuyến giao thông chính (Đường 13A, đường thị trấn đi Ký Phú - Cát Nê). Nhằm tăng cường hoả lực phòng không tầm thấp làm nhiệm vụ cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp, Ban chỉ huy Huyện đội điều chỉnh, bố trí lại lực lượng phòng không của huyện gồm 3 khẩu đội đại liên, 10 khẩu đội súng máy cao xạ 12,7mm, 14,5mm thành 3 cụm trận địa ở 3 xã Yên Lãng, Ký Phú, Văn Yên, do một đồng chí Huyện đội phó trực tiếp chỉ huy, đồng thời chỉ đạo các xã, cơ quan, xí nghiệp xây dựng được 20 trận địa phòng không "tay cày, tay súng", "tay búa, tay súng", sẵn sàng lên trận địa chiến đấu khi có máy bay địch.

Dưới sự chỉ đạo của Ban phòng không nhân dân huyện, Ban Y tế phòng không huyện được kiện toàn, Bệnh viện huyện được trang bị thêm dụng cụ y tế và thuốc chữa bệnh làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến II, trạm xá các xã cũng được trang bị thêm cáng, bông, băng... làm nhiệm vụ cấp cứu phòng không tuyến I. Huyện xây dựng được 1 đội cứu thương cơ động gồm 30 người.

Từ tháng 6/1972, máy bay Mỹ liên tục vào ném bom bắn phá ác liệt xuống nhiều điểm trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Đồng Hỷ, Định Hoá... Chỉ tính riêng tháng 10/1972, máy bay Mỹ đã đánh phá Thái Nguyên 46 trận (có 32 trận đánh đêm), ném 738 quả bom các loại và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, làm chết 85 người, bị thương 117 người.

Thực hiện Chỉ thị ngày 20/10/1972 về "Công tác phòng không nhân dân" của Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Đại Từ duy trì chặt chẽ chế độ thường trực chiến đấu, tỉnh táo, cảnh giác, chủ động đánh địch không kể ngày, đêm, tổ chức thêm các trận địa cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp.

Quán triệt nhiệm vụ "Vừa xây dựng, củng cố lực lượng, vừa sơ tán để đánh thắng, sẵn sàng chi viện cho những nơi trọng điểm, vừa làm nhiệm vụ hậu phương với tiền tuyến" do Ban Thường vụ Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao cho tỉnh, thực hiện nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu, theo Quyết định ngày 5/12/1972 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Huyện đội Đại Từ đã thành lập Đại đội 75 dân quân du kích huyện, trang bị súng máy cao xạ 12,7mm và 14,5mm, làm nhiệm vụ cơ động, phục kích, đón lõng bắn máy bay địch bay thấp.

Sau hơn 2 tháng tạm ngừng đánh phá miền Bắc, ngày 17/12/1972, giặc Mỹ cho máy bay ném bom trở lại tỉnh Thái Bình, thả thuỷ lôi và bắn tên lửa xuống cảng và Thành phố Hải Phòng.

Từ ngày 18 đến hết ngày 29/12/1972, đế quốc Mỹ đã huy động 4.000 lần chiếc máy bay chiến thuật, gần 700 lần chiếc máy bay chiến lược B52, mở cuộc tập kích đường không chiến lược qui mô lớn vào Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hải Phòng và các tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn .v.v gây nhiều tội ác "trời không dung, đất không tha" đối với nhân dân ta. Tại Đại Từ, 22 giờ 30 phút ngày 26/12/1972, máy bay B52 và F 111 của giặc Mỹ đã ném bom rải thảm xuống xã Phú Xuyên, làm chết 36 người, bị thương 1 người, phá huỷ nhiều nhà cửa, tài sản, hoa mầu của nhân dân.

Ngay sau khi nhận được tin máy bay địch ném bom rải thảm xuống xã Phú Xuyên, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban, Công an, Huyên đội đã nhanh chóng xuống hiện trường để lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hậu quả.

Cùng với nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, năm 1972, nhân dân Đại Từ đã làm tốt công tác đóng góp lương thực, thực phẩm hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đến tháng 11/1972, nhân dân Đại Từ đã nhập kho Nhà nước được 393 tấn thóc (có 223 tấn thóc nghĩa vụ và 170 tấn thóc bán giá cao). Xã Bình Thuận là đơn vị dẫn đầu các xã trong huyện về hoàn thành nghĩa vụ lương thực và đóng thuế năm 1972. Nhân dân trong huyện còn giao cho Nhà nước 169.930kg thịt lợn hơi theo nghĩa vụ (tăng 1,4% so với năm 1971), 22.504 kg thịt lợn giá cao, 41.890kg thịt trâu, 2.370 kg gà, vịt và 268 tấn rau. Ngoài ra, nhân dân Đại Từ còn bán cho

Nhà nước 673,5 kg chè búp khô (vượt 11% so với năm 1971).

Công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường tiếp tục được Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của nhân dân. Cán bộ chủ chốt của các ban, ngành được cử xuống các xã làm nhiệm vụ vận động, đôn đốc, kiểm tra công tác tuyển quân. Huyện Đoàn thanh niên phát động phong tào "Trần Quốc Toản ra quân", Huyện Hội Phụ nữ phát động phong trào "Trưng Trắc phất cờ", Hội Phụ lão huyện tổ chức "Hội nghị Diên Hồng chống Mỹ, cứu nước". Những việc làm đó đã góp phần động viên lực lượng thanh niên Đại Từ hăng hái lên đường đánh Mỹ. Kết quả trong năm 1972, Đại Từ đã tuyển được 801 người vào bộ đội, đạt 97% chỉ tiêu trên giao. Nguyên nhân chưa hoàn thành được 100% chỉ tiêu tuyển quân, là do: công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm chưa mạnh mẽ và sâu sắc, công tác thống kê tuyển quân làm chưa chặt chẽ, chưa thành nền nếp, các xã Phú Thịnh, Phúc Thọ, Phục Linh, La Bằng, Na Mao, Cát Nê... chưa nắm chắc lực lượng dự bị, nên khi công tác tuyển quân gặp khó khăn, phức tạp thì bị động, lúng túng. Mặt khác, lãnh đạo huyện và xã còn tỏ ra hữu khuynh với số quân nhân đào ngũ về địa phương và số thanh niên trốn lệnh, chống lệnh gọi nhập ngũ; công tác khen thưởng gia đình quân nhân cũng chưa được lãnh đạo, chỉ đạo trong huyện quan tâm giải quyết kịp thời.

Các thiếu sót, khuyết điểm trong công tác động viên tuyển quân năm 1972 của huyện đã được Ban chỉ huy Huyện đội phân tích, chỉ rõ nguyên nhân và đề ra phương hướng khắc phục.

*

* *

Sau khi bị thất bại nặng nề trong cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 ném bom xuống Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hải Phòng ... (cuối tháng 12/1972), ngày 15/1/1973, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt ném bom bắn phá trên toàn lãnh thổ miền Bắc nước ta. Đồng thời, chúng phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam (27/1/1973), cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải cam kết rút hết quân viễn chinh, quân chư hầu, các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ về nước ...

Cùng với quân và dân trong tỉnh, quân và dân Đại Từ tập trung đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, tiếp tục huy động sức người, sức của chi viện cho miền Nam đánh Mỹ.

Để đảm bảo an toàn cho nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp đẩy mạnh sản xuất, công tác rà, phá, thu nhặt bom, đạn của địch chưa nổ trở thành một nhiệm vụ hết sức cấp bách.

Đầu năm 1973, một số cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ của huyện sau khi đi tập huấn cách lập hồ sơ và

cách rà phá, tháo, gỡ bọm, đạn chưa nổ ở tỉnh về, đã triển khai việc điều tra, phát hiện và tháo gỡ bom chưa nổ nằm trên địa bàn huyện. Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh "đào, phá mỗi quả bom được coi như là một trận đánh". Ban chỉ huy Huyện đội trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ việc huy động nhân lực và phương tiện đào, phá từng qủa bom. Kết quả sau hai năm 1973, 1974, lực lượng dân quân, tự vệ đã đào, phá được 20 qủa bom do máy bay Mỹ ném xuống chưa nổ. Nhờ đó, nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp trong huyện an tâm tư tưởng, khẩn trương bắt tay khôi phục và phát triển sản xuất.

Trong vụ Đông Xuân 1972 – 1973, Đại Từ triển khai cấy các giống lúa mới có năng suất cao (Nông nghiệp 8, Chân châu lùn, Đài bắc 8) trên 50% diện tích, kết hợp với các biện pháp thâm canh tăng năng suất, nên năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt trên 20 tạ/ha 1 vụ; Hợp tác xã Thành Công đạt 32 tạ/ ha 1 vụ.

Thực hiện Nghị quyết 26 của Tỉnh uỷ, năm 1973, Đại Từ tập trung đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, chủ yếu phát triển cây lúa, cây chè, con lợn nhằm tăng nhanh tổng sản lượng lương thực, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm cho huyện và đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Năm 1974, các hợp tác xã nông nghiệp ở Đại Từ tiếp tục củng cố và phát triển, nên đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp. Đầu năm, tuy rét đậm, lúa chiêm phát triển chậm, nhiều nơi ở vung núi phía Bắc huyện lúa còn bị chết lụi, nhưng do các hợp tác xã đã

biết đẩy mạnh sản xuất lúa xuân giống mới có năng suất cao, trên diện rộng, cộng với đẩy mạnh các phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, nên nhiều hợp tác xã trong huyện vẫn đạt năng suất bình quân 5 tấn thóc trên 1 ha cả năm.

Trong sản xuất nông nghiệp, lực lượng dân quân đã nêu cao vai trò nòng cốt trong "Phong trào nâng cao năng suất, sản lượng lúa", Hội Phụ nữ nêu cao tinh thần "Ba đảm đang", đi đầu trong công tác làm phân bón, làm thuỷ lợi và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp . Nữ dân quân Bàn Thị Hồng là người dân tộc Dao Đỏ đã lặn lội về các tỉnh miền xuôi tìm hiểu, học tập các điển hình tiên tiến, mạnh dạn đưa giống lúa mới, có năng suất cao vào sản xuất, góp phần đưa huyện Đại Từ trở thành một trong hai huyện của tỉnh Bắc Thái (cũ) đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 héc ta.

Về chăn nuôi, đàn lợn của huyện không ngừng tăng: từ 28.487 con (năm 1973) lên 32.865 con (năm 1975), bình quân mỗi hộ gia đình xã viên nuôi 2,5 con. Đàn trâu của huyện cũng không ngừng tăng hàng năm, đến năm 1975, toàn huyện có 15.053 con trâu.

Sau Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết, thực hiện Chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái : "xây dựng dân quân, tự vệ vững mạnh toàn diện, đi vào nền nếp, có chất lượng, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu làm nòng cốt

xung kích cho mọi công tác ở địa phương"[1], Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ tổ chức Hội nghị quán triệt tình hình, nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cho các xã đội, cán bộ tự vệ các cơ quan, ban, ngành của huyện. Ban chỉ huy Huyện đội và các Ban chỉ huy Xã đội đã xem xét đưa các đồng chí có năng lực, trình độ khá vào các cương vị chỉ huy từ tiểu đội, trung đội đến đại đội dân quân và đại đội tự vệ, kiên quyết đưa 15 cán bộ thiếu trách nhiệm, sa sút về phẩm chất đạo đức ra khỏi cương vị lãnh đạo, chỉ huy. Đại đội 75 súng máy cao xạ của dân quân, tự vệ tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Thực hiện Quyết định của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, đầu tháng 11/1974, Ban chỉ huy Huyện đội đã tiến hành nâng qui mô tổ chức tự vệ Nông trường chè Quân Chu từ trung đội lên đại đội và tổ chức thành lập đơn vị tự vệ Công trường xây dựng hồ Núi Cốc.

Ban chỉ huy Huyện đội thường xuyên tổ chức huấn luyện dân quân, tự vệ nắm chắc phương án tác chiến. Kết quả huấn luyện dân quân, tự vệ hàng năm của huyện đạt trung bình 98% khá, giỏi. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố, xây dựng vững mạnh và huấn luyện tốt chính là nhân tố quan trọng góp phần đảm bảo công tác tuần tra, canh gác, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Tháng 8/1974, lực lượng dân quân, tự vệ cơ động của huyện phối hợp với công an huyện và cán bộ, nhân viên phòng thuế, giải toả kịp thời 10 tên giả danh bộ đội và thương

---

[1] - Báo cáo sơ kết củng cố tổ chức dân quân, tự vệ 6 tháng đầu năm 1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

binh đến gây rối Phòng Tài chính huyện, bắt 4 tên buôn lậu.

Cùng với việc xây dựng củng cố lực lượng dân quân, tự vệ vững mạnh, làm tốt công tác bảo vệ trật tự trị an cơ sở, Đại Từ đã làm tốt công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường trong những năm 1973, 1974 và đầu năm 1975.

Thực hiện "Chỉ thị tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1973" của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Đại Từ quán triệt sâu sắc và xác định tốt nhiệm vụ phát huy thành tích công tác tuyển quân năm 1972, bất kỳ tình huống nào Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đại Từ cũng kiên quyết hoàn thành tốt công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân đúng thời gian, góp phần chi viện tiền tuyến với tinh thần tích cực, khẩn trương và đầy đủ nhất. Các cấp uỷ Đảng trong huyện đã quan tâm đúng mức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho nhân dân, đặc biệt là cho đối tượng thanh niên, nhằm giúp họ hiểu rõ và thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Các xã, hợp tác xã thực hiện tốt chính sách điều hoà lương thực và tổ chức giúp đỡ gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ, tử sĩ.

Tuyển quân đợt I năm 1973, huyện Đại Từ cùng với huyện Phú Lương (hai huyện được tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân đợt I /1973) tuyển chọn được 394 thanh niên ở các xã yếu, vùng yếu vào bộ đội.

Tháng 8/1973, Đại Từ tiếp tục triển khai tuyển quân đợt II, trong điều kiện thời gian chuẩn bị ngắn, từ khi

nhận nhiệm vụ đến khi giao quân chỉ có 1 tuần. Với tinh thần và quyết tâm "Phất cao ngọn cờ tháng Tám, giao quân vượt mức kế hoạch", "Vì đồng bào miền Nam ruột thịt", Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tuyển chọn được 470 thanh niên vào bộ đội, đảm bảo chất lượng tốt, đa số ở độ tuổi từ 18 đến 25, có sức khỏe tốt.

Năm 1974, Đại Từ tiến hành 2 đợt tuyển quân. Đợt I, tuyển được 139 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 9 người). Đợt II, huyện được giao chỉ tiêu tuyển 150 tân binh, là một trong số hai huyện được tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân cao nhất. Quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên tuyển quân, các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch trực tiếp xuống các xã để chỉ đạo công tác tuyển quân. Cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo; các ban, ngành, đoàn thể trong huyện phối hợp chặt chẽ, nên huyện đã tuyển chọn được 165 tân binh, vượt chỉ tiêu tỉnh giao 15 tân binh. Cả năm 1974, Đại Từ tuyển chọn được 304 người vào bộ đội, đạt 108% chỉ tiêu. Ngoài ra, huyện còn tuyển được 20 nữ thanh niên vào bộ đội, đạt 100% chỉ tiêu.

Bước sang năm 1975, cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam đã giành được những thắng lợi to lớn, tạo thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kéo dài 20 năm. Vì vậy, việc chi viện sức người, sức của cho miền Nam lúc này là nhiệm vụ hàng đầu, là tình cảm thiêng liêng của nhân dân miền Bắc nói chung, Thái

Nguyên cũng như Đại Từ nói riêng. Do tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh chóng, nên yêu cầu chi viện của hậu phương miền Bắc phải hết sức khẩn trương.

Thực hiện nhiệm vụ Quân khu và Tỉnh giao, Đại Từ cùng với các huyện, thành khác trong tỉnh phải hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đợt I năm 1975 trong hai tháng 2, hoàn thành tuyển quân đợt II vào ngày 15/3 và hoàn thành tuyển quân đợt III vào ngày 15 tháng 4.

Nhận rõ trách nhiệm to lớn đối với chiến trường, Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Qua 2 đợt tuyển quân (I và II), Đại Từ tuyển được 591 thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao 5,53%. Trong đó, đợt I tuyển được 136 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 16 tân binh), đợt II tuyển được 455 tân binh (vượt chỉ tiêu trên giao 15 tân binh). Ngoài ra, năm 1975 Đại Từ còn tuyển được 17 tân binh nữ (vượt chỉ tiêu trên giao 4 người).

Sự chi viện lực lượng kịp thời của hậu phương miền Bắc, trong đó có 608 con, em ưu tú của nhân dân các dân tộc Đại Từ lên đường đánh Mỹ trong những tháng đầu năm 1975, đã góp phần cùng với quân và dân cả nước đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta nhanh chóng đi đến kết thúc thắng lợi.

Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Ngày 2/5/1975 miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối. Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Đại Từ đã có phần đóng góp vào thắng lợi vĩ đại đó của dân tộc .

Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đại Từ đã có 7.068 người là con em nhân dân các dân tộc Đại Từ lên đường đánh Mỹ[1], có mặt chiến đấu trên khắp các chiến trường ba nước Đông Dương. Trong số đó, có 920 người đã ngã xuống vì Tổ quốc được công nhận là liệt sĩ, 711 người đã để lại một phần xương máu trên các chiến trường được công nhận là thương binh, 259 người giảm sút sức khoẻ được xác nhận là bệnh binh. Toàn huyện có hàng trăm gia đình có từ 2 con trở lên nhập ngũ, có gần 100 gia đình có con độc nhất hoặc từ 2 con đến 3 con là liệt sĩ.

Đó là sự cống hiến to lớn của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Đại Từ vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.

Trong 10 năm trực tiếp chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975), Đại Từ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hậu phương; lực lượng dân quân, tự vệ Đại Từ đã trực tiếp chiến đấu bắn rơi máy bay phản lực và bắt sống nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay. Nhân dân các dân tộc Đại Từ đã "thắt lưng, buộc bụng" dành tiền, dành của, dành lương thực, thực phẩm chi viện chiến trường, thực hiện thắng lợi các khẩu hiệu "Tất cả vì miền Nam ruột thịt", "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược",

---

(1) - Các xã tuyển được: Bình Dân 129, Tân Thành 160 Tân Thái 360, Phú Lạc 323, Khôi Kỳ 294, Mỹ Yên 173, Cù Vân 337, Vạn Thọ 270, Đoàn Kết 170, Phú Xuyên 308, An Khánh 293, Hà Thượng 192, Yên Lãng 354, Phúc Lương 156, Ký Phú 287, Phú Cường 170, Phú Thịnh 167, Văn Yên 428, Lục Ba 292, Thị trấn Đại Từ 165, Minh Tiến 167, La Bằng 169, Đức Lương 148, Bình Thuận 270, Hùng Cường 289, Thắng lợi 157, Phúc Thọ 150, Hùng Sơn 386, Độc Lập 194, Phục Linh 254

"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người".

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã đi vào lịch sử, nhưng những đóng góp của nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc mãi mãi là niềm vinh dự và tự hào của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện. Đó cũng chính là nguồn sức mạnh giúp các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ vững vàng bước sang thời kỳ mới, với những nhiệm vụ nặng nề và phức tạp hơn.

CHƯƠNG IV

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ XÂY DỰNG KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT (5/1975 – 12/1985)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam đất nước thống nhất. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới. Nhiệm vụ quân sự nói chung, công tác quân sự địa phương nói riêng cũng có chuyển biến tích cực, đáp ứng tình hình nhiệm vụ cách mạng.

Để kịp thời lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, ngày 19 và ngày 23/5/1975, Đảng uỷ Tỉnh đội họp, đánh giá tình hình lực lượng vũ trang địa phương và ra Nghị quyết số 176/NQ-ĐU xác định nội dung, phương hướng, nhiệm vụ công tác trước mắt. Tiếp đó, ngày 4/7/1975, Đảng uỷ Tỉnh đội ra Nghị quyết số

230/NQ-ĐU về phương hướng lãnh đạo công tác 6 tháng cuối năm 1975.

Nghị quyết số 176 và Nghị quyết 230 của Đảng uỷ Tỉnh đội đã đi sâu phân tích tình hình cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh: "Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, trong lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh, đa số cán bộ, chiến sĩ phấn khởi, tự hào với thắng lợi vĩ đại của dân tộc, ra sức phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ cán bộ chiến sĩ đã và đang xuất hiện tư tưởng dừng lại, tự do tuỳ tiện, tính toán tiền đồ cá nhân (nghỉ ngơi, chuyển vùng, nghỉ hưu, phục viên...) ảnh hưởng xấu đến hiệu suất và chất lượng công tác".

Để khắc phục tình trạng đó, Nghị quyết 176 và Nghị quyết 230 của Đảng uỷ Tỉnh đội đã xác định rõ nội dung, phương hướng, nhiệm vụ công tác lãnh đạo của Đảng bộ là:

1- Tăng cường công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng. Trước mắt, mở một đợt giáo dục chính trị, tư tưởng sâu rộng trong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, làm cho mỗi đồng chí thấy được ý nghĩa to lớn và thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Trên cơ sở đó giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của trên, phê phán, đấu tranh với các tư tưởng, nhận thức lệch lạc, ngăn chặn những biểu hiện tự do, tuỳ tiện, hoà bình, nghỉ ngơi, giảm sút ý chí chiến đấu; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng

viên luôn vững vàng, kiên định, đề cao trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác; ý thức tổ chức, kỷ luật cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ của Đảng phân công.

2- Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ ở cơ sở sau các đợt tuyển quân, tuyển lao động và bầu cử Hội đồng nhân dân. Chú trọng kiện toàn các tổ chức tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ cơ động. Duy trì chặt chẽ các chế độ sinh hoạt, đưa mọi hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ đi vào nền nếp thường xuyên.

3- Nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan và đơn vị bộ đội địa phương.

4- Tập trung lãnh đạo đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, chú ý đội ngũ cán bộ chính trị và cán bộ ở các cơ sở yếu.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng uỷ Tỉnh đội, cấp uỷ Đảng và chỉ huy cơ quan quân sự các cấp trong huyện đã chủ động tiến hành liên tục các đợt sinh hoạt chính trị, quán triệt tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cho cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ và các tầng lớp nhân dân trong huyện; nâng cao niềm tự hào và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, chính quyền các cấp, sự chỉ

đạo của cơ quan quân sự cấp trên, nhân dân và lực lượng vũ trang Đại Từ đã phấn đấu, chuyển biến kịp thời, trước hết về nhận thức đối với tình hình và nhiệm vụ mới; không ngừng nâng cao cảnh giác, củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt; gắn việc xây dựng lực lượng vũ trang với phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, góp phần cùng quân và dân cả nước xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đất nước được hoàn toàn giải phóng, nhưng đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch quốc tế chưa chịu từ bỏ âm mưu phá hoại đất nước ta. Vì vậy, nhiệm vụ quân sự vẫn không thể coi nhẹ. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về công tác quân sự của trên, đội ngũ cán bộ quân sự các cấp của Đại Từ được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang vẫn được tăng cường. Tính đến đầu năm 1976, 100%cán bộ xã đội cấp trưởng, 62% cấp phó là đảng viên. Trong đó, 46% Bí thư Đảng uỷ, 47% Thường vụ Đảng uỷ xã trực tiếp làm chính trị viên xã đội; 70% cấp uỷ viên là cán bộ quân sự, chính trị các cấp ở cơ sở. 90% số đảng viên tham gia lực lượng dân quân.100% các đơn vị dân quân, tự vệ được củng cố về tổ chức và đội ngũ cán bộ. Mỗi xã có ít nhất một tiểu đội dân quân cơ động. Ngoài ra, Đại Từ còn xây dựng được một đại đội hoả lực.

Công tác huấn luyện được duy trì đều và có chất lượng. 100% số xã và các đơn vị, cơ quan, xí nghiệp, nông, lâm trường triển khai chương trình nội dung

huấn luyện đạt kết quả cao. Lực lượng dân quân, tự vệ các xã Mỹ Yên, Phú Xuyên, Yên Lãng, Hùng Sơn và Nông trường Tân Việt Hoa được xếp loại đơn vị huấn luyện giỏi. Các xã Văn Yên, Phú Thịnh, Bản Ngoại, Đức Lương, Ký Phú, Tân Thái, Bình Thuận, Cù Vân đạt đơn vị huấn luyện khá.

Lực lượng dân quân, tự vệ nêu cao tinh thần cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, kết hợp chặt chẽ với công an đập tan mọi âm mưu phá hoại, gây rối của các thế lực thù địch; thường xuyên tuần tra, canh gác nhất là trong những ngày lễ, tết; làm tốt công tác trị an xã hội, ngăn chặn có hiệu quả tệ nạn cờ bạc, buôn gian, bán lận ở địa phương.

Phát huy truyền thống vừa chiến đấu, vừa sản xuất trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước, dân quân, tự vệ Đại Từ đã thực sự là lực lượng xung kích trên lĩnh vực phát triển kinh tế, làm ra nhiều của cải cho xã hội; kết hợp huấn luyện quân sự với tham gia các chiến dịch làm thuỷ lợi, làm phân bón, cải tạo đồng ruộng mang lại hiệu quả cao, vừa hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, vừa tham gia xây dựng kinh tế. Các xã Hùng Sơn, Cù Vân, Yên Lãng, Bản Ngoại, Hoàng Nông, Bình Thuận, thị trấn Đại Từ đạt năng suất từ 5 đến 6 tấn thóc trên 1 héc ta lúa 2 vụ. Tự vệ các nông, lâm trường, xí nghiệp chủ động đăng ký thi đua xây dựng "Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa", quyết tâm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Ngày 1/4/1976, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Thi đua Quyết thắng năm 1975. Đánh giá thành tích của lực lượng vũ trang địa phương đã đạt được trong năm, Hội nghị khẳng định. "Các đơn vị có nhiều tiến bộ rõ rệt, khí thế thi đua sôi nổi ở từng địa phương, cơ quan, xí nghiệp, nhìn chung chất lượng phong trào thi đua quyết thắng ngày càng được nâng cao. Nhiều đơn vị từ trung bình trở thành đơn vị khá, toàn huyện không còn đơn vị kém". Hội nghị cũng chỉ ra những thiếu sót, tồn tại và đề ra phương hướng khắc phục; được nghe những kinh nghiệm tốt, cách làm hay trong báo cáo điển hình của lực lượng dân quân, du kích xã Mỹ Yên, Trung đội tự vệ hành chính Đoàn địa chất 12, chiến sĩ thi đua Hà Sĩ Bao (Xã đội trưởng xã Hùng Sơn), chiến sĩ dân quân Đinh Thị Ninh ở Trung đội 31 xã Hùng Sơn. Đó là những đơn vị, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào Thi đua Quyết thắng năm 1975.

Đến dự và chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Bùi Xuân San, Phó Chính uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã nhiệt liệt khen ngợi thành tích của lực lượng vũ trang toàn huyện; biểu dương 5 đơn vị Quyết thắng, 18 chiến sĩThi đua và trân trọng trao cờ thi đua "Đơn vị khá nhất trong phong trào thi đua Quyết thắng năm 1975" của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc cho Ban chỉ huy quân sự Đại Từ.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết 45 của Tỉnh uỷ Bắc Thái: "Kết hợp giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao

giác ngộ giai cấp, ý thức cảnh giác với rèn luyện nâng cao tính tổ chức kỷ luật và hiệu suất chiến đấu của quân đội, nhằm thực hiện tốt chế độ nghĩa vụ quân sự cũng như huấn luyện chính trị, quân sự trong các lực lượng vũ trang...", ngay từ đầu năm 1976, Ban chỉ huy quân sự huyện đã mở hội nghị triển khai nhiệm vụ theo phương hướng, chỉ tiêu do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đề ra là: "Xây dựng lực lượng thường trực vững mạnh toàn diện, bao gồm cơ quan quân sự các cấp và bộ đội địa phương, xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tự vệ rộng khắp bảo đảm theo đúng tỷ lệ dân số; có lực lượng cơ động nòng cốt trên khắp các địa bàn trọng điểm xung yếu..." [1].

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quân sự địa phương, đầu năm 1976, Bộ Tổng tham mưu ban hành biểu biên chế xây dựng cơ quan quân sự huyện, thành (tương đương với cấp trung đoàn) gồm 3 ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần. Thực hiện biểu biên chế của Bộ, sau khi Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung của việc xây dựng 3 ban ở cơ quan quân sự cấp huyện cho cán bộ chỉ huy cơ quan đơn vị trực thuộc (tháng 4/1976), theo sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ thực hiện làm thí điểm công tác xây dựng cơ quan quân sự huyện theo cơ cấu 3 ban để rút kinh nghiệm triển khai trong toàn tỉnh. Được sự chỉ đạo

---

[1] - Báo cáo tổng kết công tác quân sự của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh năm 1976 - lưu trữ UBND tỉnh - C179- HS 1944- trang 15.

chặt chẽ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, đến tháng 6/1976, Ban chỉ huy quân sự huyện đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng 3 ban, tạo đà quan trọng, vững chắc cho lực lượng vũ trang địa phương của huyện hoàn thành nhiệm vụ trong những năm sau. Cũng trong thời gian này, công tác huấn luyện quân sự, chính trị cho dân quân, tự vệ được triển khai nhanh gọn. 6 tháng đầu năm 1976, 100% các đơn vị tự vệ khối cơ quan, 80% các đơn vị dân quân, du kích xã đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện cả năm. Tuy vậy, việc chỉ đạo củng cố tổ chức dân quân ở các xã chưa chặt chẽ, nên phong trào hoạt động chưa đều. "Đáng chú ý là những đơn vị được coi là chủ lực thì nền nếp chế độ sinh hoạt và chấp hành kỷ luật lại yếu. Do tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác, nên việc phối, kết hợp giữa dân quân du kích với công an làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội chưa đồng bộ, nạn trộm cắp, lừa đảo tài sản của Nhà nước và nhân dân, buôn lậu, phá hoại sản xuất do thù oán cá nhân xẩy ra ở nhiều nơi" [1].

Thực hiện Chỉ thị số 223 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chính sách hậu phương quân đội, được sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quân sự huyện cùng các ban ngành đoàn thể, các cấp uỷ Đảng, chính quyền xã, hợp tác xã đã giải quyết tốt việc điều hoà lương thực, sắp xếp công việc phù hợp cho thương binh, gia đình liệt sĩ; giải quyết đầy đủ các chế độ ưu đãi cho các đối tượng

---

[1] - Báo cáo 6 tháng đầu năm 1976 của UBND huyện Đại Từ - Lưu trữ UBND tỉnh - C178 - HS 1939.

chính sách. Tuy vậy, toàn huyện cũng còn 7 xã khó khăn, thiếu 6.667kg lương thực để điều hoà cho 91 hộ thuộc các đối tượng chính sách trong kỳ giáp hạt tháng 3/1976; toàn huyện còn 58 liệt sĩ tuy đã báo tử hơn 1 năm, nhưng gia đình vẫn chưa được nhận tiền tuất; 39 bố mẹ, 5 con liệt sĩ, 4 thương binh chưa được điều chỉnh chế độ phụ cấp kịp thời. Những tồn tại trên đã hạn chế đến kết quả công tác hậu phương quân đội và tuyển quân của huyện, gây ảnh hưởng không tốt trong nhân dân. Ban chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho Uỷ ban nhân dân huyện giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc đó trong 6 tháng cuối năm 1976.

Để làm tốt công tác động viên tuyển quân, ngay từ đầu năm 1976, huyện Đại Từ đã "mở hội đăng ký quân dự bị ở 100% số xã thị trấn", thu hút tất cả thanh niên từ 18 đến 35 tuổi đến đăng ký và khám sức khoẻ. Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Phòng y tế huyện chia làm 3 cụm khám tuyển: cụm 1 gồm các xã: Vạn Thọ, Ký Phú, Lục Ba, Cát Nê, Văn Yên, Quân Chu, Phúc Thọ; cụm 2 gồm các xã Phú Xuyên, Yên Lãng, Bản Ngoại, Phú Thịnh, Na Mao, La Bằng, Minh Tiến; cụm 3 gồm các xã còn lại. Phát huy truyền thống "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thanh niên các xã trong huyện đã nô nức đến khám tuyển, nhiều xã số người đến khám tuyển vượt xa chỉ tiêu được giao.

Kết quả khám tuyển ở 3 cụm đã chọn lựa được hàng nghìn thanh niên nam, nữ đủ tiêu chuẩn về chính trị, sức khoẻ, sẵn sàng lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí Đại uý Trần Thi, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ phấn khởi biểu dương tinh thần "lớp tuổi trẻ hăng hái, khoẻ mạnh, vui tươi, sẵn sàng nhập ngũ ở tất cả các xã trong huyện".

Do làm tốt các công tác tuyên truyền, giáo dục và đăng ký, quản lý, khám tuyển, nên ngày 29/8/1976, toàn huyện có 331 thanh niên (có 71 nữ) phấn khởi lên đường làm nghĩa vụ quân sự, vượt 2% chỉ tiêu trên giao. Công tác quân sự địa phương năm 1976 của huyện Đại Từ tiếp tục đạt kết quả tốt, 7 đơn vị đạt danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, hơn 100 đơn vị khác được tặng bằng khen, giấy khen.

Năm 1977, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976) và các chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ và chỉ huy cơ quan quân sự cấp trên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Đại Từ, Ban chỉ huy quân sự huyện tích cực chuyển hướng nội dung, phương pháp lãnh đạo, chỉ huy cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, theo phương hướng chung là xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Ban chỉ huy quân sự huyện tăng cường chỉ đạo xây dựng lực lượng bộ đội địa phương vững mạnh, lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp, mạnh mẽ, vững chắc; làm tốt công tác giữ gìn trật tự trị an,

giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn; phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng kinh tế, tăng gia tự túc một phần lương thực, thực phẩm, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương. Trong năm 1977, Đại Từ lấy củng cố, nâng cao chất lượng, chính trị, trình độ kỹ, chiến thuật của lực lượng vũ trang địa phương là chính, đồng thời bổ sung thêm quân số để đảm bảo số lượng.

Công tác huấn luyện dân quân tự vệ thường xuyên được duy trì và bảo đảm chất lượng. Đối tượng huấn luyện chủ yếu là cán bộ cơ sở, lực lượng dân quân, du kích, tự vệ cơ động chiến đấu. Đối với lực lượng dân quân, tự vệ rộng rãi chủ yếu là giáo dục chính trị, phổ cập kiến thức quân sự phổ thông.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, lực lượng vũ trang Đại Từ đã thực sự đi đầu trong các phong trào thi đua lao động sản xuất trên đồng ruộng, trong nhà máy, xí nghiệp; đồng thời là lực lượng xung kích trong việc xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi trọng điểm của tỉnh và huyện.

Đầu năm 1977, thực hiện "Chiến dịch ra quân thi công hệ thống kênh mương núi Cốc, mở đầu cho phong trào thuỷ lợi năm 1977" do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ đã phối hợp với các ngành chức năng huy động hơn 800 dân quân, tự vệ, biên chế thành một trung đoàn, gồm 3 tiểu đoàn; từ 1 đến 2 xã biên chế thành đại đội, mỗi xóm biên chế thành 1 trung đội hoặc tiểu đội. Cán bộ, chiến

sĩ trong trung đoàn thực hiện nếp sống quân sự hoá cả trong lao động, sinh hoạt[1]. Sau 2 tháng tham gia đợt I chiến dịch (19/3 đến 19/5/1977), lực lượng vũ trang Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu được giao. Đợt I ra quân, Đại đội dân quân xã Hà Thượng huy động quân số gấp 3 lần chỉ tiêu và chỉ làm trong 1 tháng đã hoàn thành nhiệm vụ. Trong suốt chiến dịch đại đội dân quân xã Văn Yên duy trì quân số và năng suất lao động cao, được công nhận là đơn vị lá cờ đầu.

Từ ngày 15/9 đến 31/12/1977, theo sự chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh huy động lực lượng dân quân, tự vệ của 7 huyện phía Nam tiến hành đợt II Chiến dịch thuỷ lợi xây dựng hệ thống kênh mương núi Cốc. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ huy động hàng ngàn lượt dân quân, tự vệ lên công trường. Sau 3 tháng lao động, lực lượng vũ trang Đại Từ tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ, tiêu biểu là Đại đội dân quân xã Hà Thượng có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, bố trí lao động hợp lý, năng suất lao động vượt 100% chỉ tiêu .

Tổng kết chiến dịch ra quân làm thuỷ lợi năm 1977 của tỉnh, hàng trăm đơn vị, hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã lập thành tích xuất sắc, được Uỷ ban nhân dân và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tặng bằng khen, giấy khen. Trung đoàn dân quân, tự vệ huyện Đại Từ được tặng bằng khen trong đợt 2. Trong cả hai đợt của chiến dịch, Đại Từ có 5 đại đội, 8 trung đội, 16 tiểu đội

---

[1] - Báo Bắc Thái ra ngày 4/5/1977.

và 83 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được khen thưởng.

Cùng với việc tham gia chiến dịch xây dựng hệ thống kênh mương núi Cốc của tỉnh dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, từ tháng 12/1976, lực lượng vũ trang Đại Từ tập trung khởi công xây dựng hệ thống kênh mương hồ Phượng Hoàng dẫn nước tưới diện tích lúa của hai xã Cù Vân, An Khánh. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về vật tư và phương tiện, nhất là nhân lực trong dịp thời vụ đông - xuân, nhưng huyện vẫn quyết tâm huy động liên tục trong 3 tháng thường xuyên có mặt từ 150 đến 200 người lao động trện công trường, lúc cao điểm có tới gần 400 người. Trong 10 ngày giáp tết Nguyên Đán, huyện còn huy động gần 200 tự vệ là cán bộ, công nhân viên các cơ quan huyện tham gia chiến dịch. Sau 3 tháng phát động, lực lượng dân quân, tự vệ Đại Từ đã đóng góp 13.500 ngày công, khai thông 10 tuyến kênh mương chính với khối lượng đào, đắp trên 10 ngàn mét khối đất,đá; khai thác gần 500 mét khối đá, cát ,sỏi dùng cho xây đập, xây cống của công trình; đồng thời mở một tuyến đường dài trên 1000 mét để vận chuyển vật liệu.

Đầu tháng 3 năm 1977, cùng với 800 cán bộ, chiến sĩ bộ đội và dân quân, du kích tham gia chiến dịch xây dựng kênh mương Núi Cốc đợt 2, Đại Từ tiếp tục huy động 800 cán bộ chiến sĩ dân quân, du kích hai xã Cù Vân, An Khánh và tự vệ cơ quan huyện lên công trường, quyết tâm xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh mương

hồ Phượng Hoàng, lập thành tích chào mừng ngày sinh Bác Hồ (19/5).

Cùng với chiến dịch thuỷ lợi, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, lực lượng dân quân, du kích Đại Từ đã tích cực tham gia phong trào phát triển giao thông. Hằng năm, phần lớn các xã đều huy động hàng ngàn ngày công làm đường và sửa chữa cầu cống. Để khắc phục hậu quả trận lụt năm 1978, huyện đã huy động hơn 45000 ngày công lao động của lực lượng dân quân, du kích, đào đắp 38.000 mét khối đất, đá khôi phục lại 84 công trình. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cũng làm", lực lượng dân quân, du kích còn tham gia mở các tuyến đường vào các thôn bản vùng sâu, vùng kinh tế mới ở các xã Phục Linh, Lục Ba, Cát Nê, Phú Lạc, Hà Thượng... Đến cuối năm 1978, ngoài 6 tuyến đường chính của huyện, 100% số xã đã có đường ô tô vào đến trung tâm xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế của địa phương.

Nhận rõ vị trí cây sắn là một trong những cây lương thực quan trọng ở miền núi, đầu năm 1977, cùng với việc tăng cường chăm sóc lúa chiêm xuân và đưa cây ngô trồng xuống ruộng, hưởng ứng chiến dịch trồng sắn do Tỉnh uỷ phát động, lực lượng dân quân, du kích ở 60 hợp tác xã trong huyện đã ra quân trồng được 1.280 ha sắn, trong đó có 1200 ha sắn trồng tập thể. Riêng lực lượng tự vệ khối Huyện uỷ đã trồng 13.500 gốc, bình quân đầu người đạt 450 gốc, vượt 150 gốc so với chỉ tiêu.

Năng suất sắn thu hoạch bình quân toàn huyện đạt 70tạ/ha. Việc mở rộng diện tích cây ngô, sắn đã nâng cao tổng sản lượng lương thực toàn huyện, góp phần quan trọng vào việc bình ổn lương thực trên địa bàn.

*

* *

Giữa lúc quân và dân Đại Từ đang từng bước tập trung xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, từ giữa năm 1978, tình hình an ninh chính trị trên biên giới Việt - Trung bắt đầu diễn biến theo chiều hướng ngày càng xấu.

Trên địa bàn huyện Đại Từ, tháng 5/1978, do nhẹ dạ, cả tin khi nghe một số phần tử xấu trong cộng đồng người Hoa tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với người Hoa, kích động, lôi kéo người Việt gốc Hoa về nước, nên nhiều người Hoa đang sinh sống trên địa bàn huyện đã bán đồ đạc, nhà cửa, bỏ về Trung Quốc một cách trái phép. Tình hình biên giới phía Bắc ngày càng diễn biến phức tạp và căng thẳng.

Trước những diễn biến phức tạp nói trên, chấp hành Quyết định số 21 ngày 17/6/1978 của Bộ Chính trị về việc củng cố, kiện toàn cơ quan chỉ huy quân sự các cấp, sau khi Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh ra đời (tháng 7/1978), cuối tháng 8/1978, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện Đại Từ được thành lập do đồng chí

Phạm Khánh Vân (Bí thư Huyện uỷ) làm Chính uỷ, đồng chí Trần Thi (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Chỉ huy trưởng và các đồng chí Huyện trưởng Công an làm Chỉ huy phó, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện làm Phó chính uỷ. Đến cuối tháng 9/1978, Ban chỉ huy quân sự thống nhất của tất cả các xã, thị trấn trong huyện cũng được thành lập và đi vào hoạt động.

Ngay từ đầu năm 1978, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức quán triệt nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới cho cán bộ, đảng viên cơ quan quân sự huyện và cán bộ quân sự, cán bộ chính trị các cấp xã đội, trung đội dân quân, tự vệ. Công tác bồi dưỡng cán bộ hậu bị trong dân quân, du kích, tự vệ được tiến hành tích cực bằng nhiều biện pháp.

Cùng với việc hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, bồi dưỡng, lực lượng vũ trang huyện Đại Từ còn tham gia phát triển kinh tế. Trong hai năm 1977 -1978, hưởng ứng chiến dịch làm đường phía Bắc Chợ Rã, Đại Từ huy động hơn 500 lượt dân quân, du kích tham gia cùng 12 huyện, thành, thị trong tỉnh đào, đắp trên 40 vạn mét khối đất đá, mở tuyến đường 15km, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng ở khu vực này.

Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận cho chiến tranh nhân dân như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV đã đề ra, sau khi có Chỉ thị 38 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Đề án số 172 của Thường trực Quân uỷ Trung ương , ngày 2/7/1978, Tỉnh uỷ Bắc Thái

Khẩu đội súng máy cao xạ 12 ly 7 của tự vệ Mỏ than Núi Hồng, đơn vị đạt kết quả cao trong Hội thao Quốc phòng năm 1986.

Con em nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ hăng hái lên đường nhập ngũ, bảo vệ Tổ quốc.

ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ và những chủ trương lớn của công tác quân sự địa phương 3 năm 1978 – 1980. Nghị quyết xác định rõ nội dung, nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng mỗi huyện thành một pháo đài quân sự vững mạnh, chuẩn bị mọi mặt cho chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược trên địa bàn. Tỉnh uỷ quyết định lấy huyện Đại Từ làm đơn vị thí điểm xây dựng pháo đài quân sự huyện để rút kinh nghiệm lãnh đạo triển khai ra toàn tỉnh.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện Đại Từ đã gấp rút triển khai xây dựng các phương án phòng chống bạo loạn và tác chiến phòng thủ. Cuối tháng 8/1978, các phương án trên đã được Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh phê chuẩn. Trên cơ sở phương án tác chiến phòng thủ của huyện, Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã xây dựng phương án phòng thủ xã mình và tổ chức luyện tập, chuẩn bị sẵn sàng cho đợt diễn tập làng chiến đấu, cụm chiến đấu liên hoàn, cụm chốt phòng thủ của tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ vót chông chi viện cho các tỉnh phía trước rào Biên giới, trên địa bàn huyện Đại Từ, phong trào toàn dân vót chông đã diễn ra sôi nổi. Với tinh thần tự giác, mong muốn được góp sức mình vào nhiệm vụ bảo vệ biên cương của Tổ quốc, tất cả các đơn vị trong huyện đều tham gia vót chông hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, đúng thời hạn, kịp thời giao nộp cho Bộ chỉ

huy quân sự tỉnh vận chuyển lên cho các tỉnh biên giới phía Bắc.

Sau đợt diễn tập phương án phòng chống bạo loạn và tác chiến phòng thủ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, những tháng cuối năm 1978 và đầu năm 1979, công tác quân sự của huyện được củng cố thêm một bước. Trước những diễn biến ngày càng phức tạp và căng thẳng trên biên giới phía Bắc, ngày 12/1/1979, uỷ ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị 01/CT giao nhiệm vụ cho các huyện, thành trong tỉnh chuẩn bị sẵn sàng triển khai kế hoạch phòng chống bạo loạn, phòng tránh, đánh địch trên địa bàn. Thực hiện Chỉ thị của Uỷ ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch hoạt động của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, trên cơ sở kết quả đợt diễn tập do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, Ban chỉ huy quân sự huyện bổ sung hoàn chỉnh phương án tác chiến; Ban chỉ huy quân sự thống nhất từ huyện xuống xã được kiện toàn nâng cao chất lượng. Tất cả các cơ quan, xí nghiệp, nông, lâm trường, làng, xã đều có lực lượng chiến đấu rộng rãi, lực lượng cơ động sẵn sàng chi viện, tiếp ứng những nơi khó khăn, lực lượng chiến đấu tại chỗ gắn với nhiệm vụ lao động sản xuất.

Ngày 17/2/1979, phía Trung Quốc huy động 32 sư đoàn bộ binh (khoảng 60 vạn quân) cùng với 500 xe tăng, tấn công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta. Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu I, ngay chiều 17/2, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh quyết định

chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang trong tỉnh vào chiến đấu và chỉ thị cho mỗi huyện, thành phố chuẩn bị 1 tiểu đoàn dân quân, tự vệ sẵn sàng cơ động lên chiến đấu ở phía trước. Thực hiện chỉ thị của tỉnh, để làm tốt công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, trong những ngày cuối tháng 2 và tháng 3/1979, Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện ban hành nhiều quyết định, chỉ thị phục vụ nhiệm vụ quân sự. Ngày 21/2/1979, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện chỉ thị cho Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã, đơn vị tự vệ triển khai phương án sẵn sàng chiến đấu đánh địch tấn công vào địa phương và chi viện phía trước. Thực hiện chỉ thị của Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện, các xã rà soát, nắm chắc các đơn vị cơ động sẵn sàng đánh địch đổ bộ đường không; tổ chức các trận địa bắn máy bay; mỗi xã tổ chức 1 trung đội dân quân, quân số từ 25 đến 30 cán bộ, chiến sĩ bao gồm 3 bộ phận (bộ phận hoả lực, bộ phận gói mìn chống tăng, bộ phận làm vật cản) [1] làm nhiệm vụ đánh xe tăng địch; các xã, các đơn vị tổ chức đào hầm, hào và xây dựng kế hoạch phòng tránh máy bay địch đánh phá... Đối với nhiệm vụ chi viện phía trước, tất cả các đơn vị cơ động các xã luôn sẵn sàng lên đường khi có lệnh. Ngày 26/2/1979, Huyện uỷ Đại Từ ra Quyết định số 13/QĐ, thành lập các ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần trực thuộc Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện.

---

[1] - Chỉ thị của Ban chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ ngày 21/2/1979 - Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Bộ tư lệnh QK I

1. Ban Tham mưu gồm 7 cán bộ, chiến sĩ, do các đồng chí: Nguyễn Văn Học - Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện - làm Trưởng ban, Trần Nghị - Phó Công an huyện - làm Phó ban.

2. Ban Chính trị gồm 7 cán bộ, chiến sĩ, do các đồng chí: Lâm Trung Phương – Trưởng ban Tuyên huấn Huyện uỷ - làm Trưởng ban, La Văn Nga – Bí thư huyện Đoàn - làm phó ban.

3. Ban Hậu cần gồm 10 cán bộ, chiến sĩ, do các đồng chí: Chu Sỹ Lương-Chủ tịch UBND huyện - làm Trưởng ban, Đỗ Đình Tô - Phó Chủ tịch UBND huyện làm Phó ban, Lương Văn Vân - Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện - làm Phó ban.

Cùng ngày (26/3), Huyện uỷ Đại Từ ra Quyết định số 14/QĐ thành lập Tiểu đoàn dân quân, du kích tập trung huyện Đại Từ lấy phiên hiệu là Tiểu đoàn 1. Quyết định của Huyện uỷ chỉ rõ: "Cán bộ chiến sĩ trong tiểu đoàn thoát ly gia đình, tổ chức theo hình thức quân sự hoá hoàn toàn, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, do chính quyền và nhân dân trong huyện nuôi dưỡng theo chế độ Nhà nước quy định đối với dân quân du kích tập trung. Nhiệm vụ trước mắt của tiểu đoàn là luyện tập quân sự, sẵn sàng nhận lệnh của trên đi chiến đấu ở các chiến trường; tổ chức tăng gia tự túc theo khả năng của đơn vị".

Về tổ chức, Tiểu đoàn gồm 368 cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích ở 12 xã trong huyện[1] , được biên chế

---

[1] - Trong đó:

thành 4 đại đội (từ Đại đội 1 đến Đại đội 4), mỗi đại đội có 3 trung đội. Ban chỉ huy Tiểu đoàn do Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ định gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nạp (Phó ban Thương nghiệp đời sống huyện) làm Tiểu đoàn phó, Đặng Văn Chính (Phó Bí thư Thường trực Đảng uỷ xã Khôi Kỳ) làm Tiểu đoàn phó, Nguyễn Văn Ban - Huyện uỷ viên, Phó chủ nhiệm Công ty Vật tư huyện) làm Chính trị viên.

Một thời gian sau, Huyện uỷ Đại Từ ra quyết định thành lập tiếp 1 tiểu đoàn dân quân, du kích tập trung, mang phiên hiệu Tiểu đoàn 2. Tiểu đoàn 2 được biên chế 416 cán bộ, chiến sĩ, chia thành 4 đại đội. Ngay sau khi thành lập, cả hai tiểu đoàn đã nhanh chóng lên đường xây dựng phòng tuyến, phục vụ chiến đấu tại các cao điểm trên đỉnh đèo Côlia (địa phận xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng). Sau một tháng lao

---

Đại đội 1:
- Xã Phục Linh: 1 trung đội, 1 đại đội trưởng, 2 cán bộ trung đội
- Xã Cù Vân: 1 trung đội, 1 chính trị viên đại đội, 2 cán bộ trung đội
- Xã An Khánh: 1 trung đội, 1 đại đội phó, 2 cán bộ trung đội

Đại đội 2:
- Xã Hùng Sơn: 1 trung đội, 1 đại đội trưởng, 2 cán bộ trung đội
- Xã Hà Thượng: 1 trung đội, 1 chính trị viên đại đội, 2 cán bộ trung đội
- Xã Bình Thuận: 1 trung đội, 1 đại đội phó, 2 cán bộ trung đội

Đại đội 3:
- Xã Khôi Kỳ: 1 trung đội, 1 đại đội trưởng, 2 cán bộ trung đội
- Xã Mỹ Yên: 1 trung đội, 1 chính trị viên đại đội, 2 cán bộ trung đội
- Xã Tiên Hội: 1 trung đội, 1 đại đội phó, 2 cán bộ trung đội

Đại đội 4:
- Xã Vân Yên: 1 trung đội, 1 đại đội trưởng, 2 cán bộ trung đội
- Xã Phú Lạc: 1 trung đội, 1 chính trị viên đại đội, 2 cán bộ trung đội
- Ký Phú: 1 trung đội, 1 đại đội phó, 2 cán bộ trung đội.

động khẩn trương, với tinh thần tất cả để chiến thắng quân xâm lược, cả hai tiểu đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đến 15/4, hai tiểu đoàn trở về địa phương tham gia sản xuất và tiếp tục làm nòng cốt trong các đơn vị dân quân, du kích, sẵn sàng lên đường làm nhiệm vụ khi có lệnh[1] . Cùng với 2 tiểu đoàn đi xây dựng tuyến phòng thủ ở phía trước, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện còn quyết định thành lập 4 đại đội phục vụ chiến đấu tại chỗ là: Đại đội Vận tải (do Phòng Giao thông đảm nhiệm), Đại đội Thông tin (do Bưu điện huyện phụ trách), Đại đội Quân y (do Phòng y tế phụ trách), Đại đội trinh sát (chọn lọc mỗi xã 1 tổ).

Quán triệt đường lối quân sự của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, căn cứ vào nhiệm vụ chiến đấu, đặc điểm địa hình và phân bố dân cư, 6 tháng đầu năm 1979, Đại Từ đã xác định và xây dựng hoàn chỉnh 6 cụm chiến đấu liên hoàn trong toàn huyện. Đồng chí Thượng uý Chu Văn Viên, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện được chỉ định làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Quyết, Huyện uỷ viên, Chủ nhiệm Công ty Cung ứng Vật tư Nông nghiệp làm Chính trị viên. Ở mỗi cụm chiến đấu đều có một đồng chí cán bộ Ban chỉ huy quân sự huyện làm Chỉ huy trưởng, một đồng chí Thường vụ Huyện uỷ

---

[1] Báo cáo số 238/BC ngày 5/7/1979 sơ kết công tác quân sự 6 tháng đầu năm 1979 của Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

hoặc Huyện uỷ viên phụ trách địa bàn làm Chính trị viên.

Cụm 1: gồm các xã, đơn vị vùng Đông và Đông Nam huyện nằm ven trục đường 13A từ Bờ Đậu lên (Cù Vân, An Khánh, Hà Thượng, Phục Linh, Tân Thái, Tự vệ Cơ khí mỏ Việt Bắc, Liên đoàn địa chất 12, Công ty xây lắp số 5, Trại cá Cù Vân, Trạm giống An Khánh và Hồ Núi Cốc).

Cụm 2: gồm các xã vùng Tây Bắc huyện án ngữ trục đường 13A từ Đèo Khế xuống Bản Ngoại là (Yên Lãng, Na Mao, Phú Xuyên, Phú Thịnh, La Bằng, Bản Ngoại).

Cụm 3: các xã Minh Tiến, Phú Lương, Đức Lương, Phú Lạc, Phú Cường nằm ở vùng Bắc và Đông Bắc huyện, bố trí thành thế trận liên hoàn án ngữ con đường từ ngã ba Khuôn Ngàn đi Định Hoá.

Cụm 4: gồm các xã Hùng Sơn, Tiên Hội, Bình Thuận, Lục Ba, Thị trấn Đại Từ, Nhà máy chè Đại Từ và Nông trường Tân Việt Hoa, được bố trí thành thế trận liên hoàn bảo vệ khu trung tâm huyện.

Cụm 5: gồm các xã Yên Mỹ, Hoàng Nông, Văn Yên, Khôi Kỳ nằm ở sườn phía Đông dãy núi Tam Đảo, được bố trí thành cụm trận địa bảo vệ vùng phía Tây Nam huyện.

Cụm 6: gồm các xã Cát Nê, Quân Chu, Ký Phú, Vạn Thọ, Nông trường Quân Chu, Nhà máy chè đen, Xí nghiệp phốt phát Núi Văn bố trí thành cụm trận địa bảo vệ tuyến đường Đại Từ đi Phổ Yên.

Lực lượng cơ động chiến đấu của huyện có khoảng 1000 cán bộ, chiến sĩ gồm 1 tiểu đoàn dân quân, du kích tập trung do đồng chí Trung uý Bùi Tiến Chức làm Tiểu đoàn trưởng và 1 tiểu đoàn quân dự nhiệm. Mỗi xã trong huyện đều có 1 đại đội dân quân, du kích cơ động chiến đấu và từ 1 đến 2 đại đội dân quân chiến đấu tại chỗ, có các đội bắn tỉa, trinh sát, công binh. Các xã nằm ven đường số 13A tổ chức các đội đánh xe cơ giới địch; các trận địa bắn máy bay (được trang bị các loại súng trung liên, đại liên, 12,7 ly) bảo vệ các cụm chiến đấu trên trục đường 13, đặc biệt là cụm trung tâm. Toàn huyện tổ chức được 5 đài quan sát bố trí ở các điểm cao của 5 cụm trận địa (trừ cụm trung tâm huyện) để kết hợp với các đài quan sát của các xã kịp thời phát hiện mọi hoạt động của địch và góp phần đảm bảo thông tin chỉ huy chiến đấu. Các lực lượng bảo đảm giao thông vận tải, lương thực, thực phẩm, phòng không sơ tán và cứu chữa thương binh, được bố trí vào một thế trận liên hoàn, toàn dân, toàn diện vững chắc. Với tổng số 16.543 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ (bằng 17% dân số), trong đó có 8.342 nữ, 2.402 đảng viên, 4.042 đoàn viên, 1.617 quân nhân phục viên, có thể khẳng định đây là một trong những thời điểm Đại Từ động viên được số người tham gia lực lượng bán vũ trang địa phương đông nhất, tinh thần, khí thế chiến đấu và phục vụ chiến đấu cao nhất.

Để nâng cao khả năng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, chấp hành chỉ thị huấn luyện của Bộ chỉ huy quân

sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện xây dựng kế hoạch, nội dung huấn luyện sát với tình hình chiến đấu. Trong năm, huyện đã mở được 3 lớp huấn luyện quân sự cho đội ngũ cán bộ dân quân xã và cán bộ tự vệ các cơ quan, xí nghiệp, nông trường làm cơ sở tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp với các nội dung kỹ thuật, chiến thuật, phương pháp chỉ huy chiến đấu (tính năng, tác dụng, cách sử dụng các loai súng bộ binh: AK, CKC, K63, AR15, RBĐ, B40, B41,cối 60 ly; các loại mìn gài, mìn vướng nổ..., kỹ, chiến thuật tiểu đội, trung đội vận động tấn công kết hợp chốt giữ, tập kích, phục kích...) Ngoài ra, huyện cũng mở được 3 lớp bồi dưỡng đường lối chiến tranh nhân dân, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân cho 341đồng chí là Xã đội trưởng, Bí thư đảng uỷ, Chủ tịch xã, Xã đội phó, cán bộ đại đội, trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ. Sau các đợt học tập của cán bộ, 100% các đơn vị dân quân tự vệ triển khai chương trình học tập, huấn luyện cho chiến sĩ, đạt kết quả khá. Riêng nội dung huấn luyện bắn súng, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức kiểm tra 42/45 đơn vị, trong đó có 11 đơn vị đạt loại giỏi gồm 8 xã (An Khánh, Cù Vân, Phục Linh, Ký Phú, Phúc Lương, Phúc Thọ, Đức Lương, Quân Chu) và 3 đơn vị tự vệ (Thị trấn Đại Từ, Công ty xây lắp số 5, Hồ cá Núi Cốc).

Kết hợp huấn luyện với xây dựng hệ thống công sự chiến đấu tại các cụm chiến đấu, công sự chiến đấu và hầm, hào phòng tránh ở những nơi công cộng, toàn

huyện đã đào 63.983 mét hào giao thông, 1.602 hố bắn, 138 hầm ẩn nấp, 8 hầm để đạn, 8 công sự súng đại liên, 4 trận địa cối 82 ly...

Để làm tốt công tác hậu cần tại chỗ, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện thường xuyên quán triệt chủ trương của Đảng về chiến tranh nhân dân tự lực, tự cường; động viên và phát huy được vai trò, trách nhiệm làm chủ của các đoàn thể quần chúng nhân dân trong huyện đối với nhiệm vụ xây dựng quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến; chuẩn bị thế trận hậu cần nhân dân, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống chiến tranh xảy ra, đáp ứng yêu cầu chiến đấu lâu dài. Cùng với việc xây dựng các kho tàng thuận lợi cho việc cấp phát khi có lệnh, hậu cần nhân dân được tổ chức có chiều sâu, chỉ đạo dự trữ lương thực, thực phẩm cần thiết chuẩn bị cho tác chiến ở từng gia đình.

Năm 1979, nhân dân, cán bộ công nhân viên chức trong huyện đã bán lương thực, thực phẩm ngoài nghĩa vụ cho Nhà nước được 21.177kg thóc, 18.000kg sắn tươi 17.408kg lợn hơi, 1.540kg trâu hơi, 218kg gia cầm và 2.000kg cá, đồng thời ủng hộ lương thực, thực phẩm cho các lực lượng vũ trang được 3.915kg thóc, 5.269kg gạo, 729kg sắn khô, 315kg ngô và bột mỳ cùng 6.460 đồng tiền mặt. Ngoài chỉ tiêu chung toàn huyện, các đoàn thể Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện còn quyên góp 250kg gạo nếp, 6.932kg rau xanh, 26kg chè

búp, 154 đồng để ủng hộ và tổ chức thăm hỏi các đồng chí thương binh, bệnh binh về điều trị, an dưỡng ở Đoàn 159 đóng tại xã Lục Ba.

Với nhiệm vụ chi viện cơ sở vật chất cho phía trước, Đại Từ đã huy động hơn 1 vạn tầu lá cọ đưa lên đèo Côlia (Nguyên Bình, Cao Bằng) để làm lán cho tiểu đoàn dân quân tập trung của huyện. Nhân dân các dân tộc Đại Từ gửi 1.000kg thóc giống, 2 con trâu, 3.214 đồng và hơn 12 ngàn mét phiếu vải lên tỉnh Cao Bằng giúp đồng bào khắc phục hậu quả chiến tranh.

Kết quả trên thể hiện tấm lòng và sự cố gắng to lớn của Đảng bộ và quân dân Đại Từ đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Ban chỉ huy quân sự huyện thường xuyên giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan nhận thức đúng đắn tình hình cách mạng, xác định tốt tư tưởng và quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ theo 5 tiêu chuẩn của người đảng viên và 5 mục tiêu của cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân" do Ban Bí thư Trung ương Đảng phát động tháng 11/1978. Vì vậy, mặc dù đội ngũ cán bộ cơ quan quân sự huyện thiếu tới 8 đồng chí so với biên chế[1], nhưng Ban chỉ huy quân sự huyện vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

---

[1] - Theo báo cáo tình hình biên chế của Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ ngày 10/6/1979:

Ban Tham mưu	biên chế 12	thiếu 4
Ban Chính trị	5	thiếu 2
Ban Hậu cần	11	thiếu 2.

Chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của trên về tăng gia sản xuất tự túc một phần lương thực, thực phẩm, được sự giúp đỡ của nhân dân và chính quyền xã Khôi Kỳ, cơ quan quân sự huyện đã tổ chức cấy lúa, thu hoạch 3.200kg thóc, trồng 3.000 gốc sắn, 4.000 cây bạch đàn. Tận dụng đất xung quanh doanh trại, cán bộ, chiến sĩ vỡ hoang trồng cây ăn quả và rau xanh, nuôi lợn, gà, đào ao thả cá... Do đó, tuy gặp rất nhiều khó khăn trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm của Nhà nước, song đời sống, sức khoẻ của bộ đội vẫn được đảm bảo và ổn định.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác quân sự địa phương năm 1979 là công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường. Cấp uỷ, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống xã, thị trấn lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao công tác quản lý và đăng ký nghĩa vụ quân sự, nắm chắc lực lượng dự bị. Trước hành động xâm lược trắng trợn của kẻ thù, ý thức được trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, lại được tuyên truyền, giáo dục kịp thời của các cấp, các ngành, ngay trong những tháng đầu năm 1979, hàng ngàn thanh niên nam, nữ trong huyện đã nô nức tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Để được lên đường cầm súng bảo vệ Tổ quốc, 75 đoàn viên, thanh niên trong huyện đã gửi đơn xin tình nguyện nhập ngũ đến cơ quan quân sự huyện. Các đoàn viên Phạm Văn Bảo (xã Hoàng Nông), Đỗ Thị Tươi (Chi đoàn Lâm nghiệp) đã ký đơn xin tình nguyện nhập ngũ bằng máu; 10

đoàn viên thanh niên Chi đoàn Lâm nghiệp chích máu viết chung một lá đơn tình nguyện nhập ngũ gửi lên Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện... Nhờ đó năm 1979, với 4 đợt tuyển quân số lượng lớn, thời gian gấp rút, trong điều kiện phải chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu cả ở địa phương và trên biên giới, Đại Từ vẫn hoàn thành tốt công tác động viên tuyển quân, giao quân vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo tốt chất lượng, đúng chính sách, đúng thời gian [1] . Toàn huyện có 1.279 người lên đường nhập ngũ. Các xã Cù Vân, An Khánh, Phú Xuyên, Hùng Sơn, Yên Lãng, Na Mao, các đơn vị Liên đoàn địa chất 12, Trạm Kiểm lâm, Trạm Lâm nghiệp là những đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân năm 1979. Ngoài 1.279 thanh niên nhập ngũ, năm 1979 Đại Từ còn động viên 48 hạ sĩ quan tái ngũ vào các đơn vị kỹ thuật lái xe, thông tin, công binh, pháo binh; giáo dục động viên 46 quân nhân đào, lạc ngũ trở về đơn vị; đưa 34 quân nhân, đào lạc ngũ khác đi lao động cải tạo.

Thành tích động viên tuyển quân có sự đóng góp tích cực của các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc. Cùng với việc tổ chức cho đoàn viên thanh niên học tập về đường lối chiến tranh nhân dân; trách nhiệm, nghĩa vụ của thanh niên trước nhiệm vụ bảo vệ

---

[1] - Số lượng tuyển quân trong năm 1979
Đợt 1 chỉ tiêu 500 thực hiện 501
Đợt 2 chỉ tiêu 400 thực hiện 408
Đợt 3 chỉ tiêu 220 thực hiện 220
Đợt 4 chỉ tiêu 150 thực hiện 150

Tổ quốc, các cấp bộ Đoàn từ huyện xuống các xã, xóm đã chuẩn bị chu đáo, đầy đủ giấy chuyển sinh hoạt cho đoàn viên đến đơn vị mới. Hội Phụ nữ và Mặt trận Tổ quốc tổ chức thăm hỏi từng gia đình có con em nhập ngũ, giúp giải quyết khó khăn, vướng mắc của mỗi gia đình, động viên khích lệ tinh thần từng thanh niên lên đường nhập ngũ. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và đoàn thể, nên năm 1979, Đại Từ động viên được số lượng thanh niên lên đường nhập ngũ cao hơn cả năm cao nhất (năm 1968) trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975)[1].

*

* *

Từ năm 1980 đến năm 1985, Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Đại Từ luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự trong điều kiện cả nước vẫn ở trong tình trạng vừa có hoà bình vừa có thể xảy ra chiến tranh với rất nhiều khó khăn chồng chất. Đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn, nhất là về lương thực, có lúc thiếu thốn nghiêm trọng. Trong khi đó, cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù diễn ra ngày càng phức tạp.

Để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến đấu và chiến đấu khi có chiến tranh xảy ra, chấp hành Chỉ lệnh số 47 của Bộ Quốc phòng và chỉ thị triển khai 4 trạng thái sẵn sàng chiến đấu của Bộ chỉ huy quân sự

---

[1] Năm 1968, Đại Từ có 1.242 thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

tỉnh, năm 1980, cơ quan quân sự huyện đã làm tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt rộng rãi 4 nội dung sẵn sàng chiến đấu tới tất cả cán bộ, chiến sĩ các đơn vị dân quân, tự vệ.

Từ năm 1981, tình hình biên giới phía Bắc tiếp tục diễn ra căng thẳng, phức tạp. Trên dọc tuyến biên giới, địch thường xuyên gây ra nhiều vụ xâm canh, xâm cư, lấn chiếm đất đai; tung thám báo, biệt kích vào sâu trong đất ta để dò la tin tức, bắt cóc cán bộ, bắn giết bộ đội và nhân dân ta ở vùng sát biên.

Trước tình hình đó, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng chi viện cho các tỉnh biên giới đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch vừa là nhiệm vụ thường xuyên lâu dài, vừa là nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo chỉ huy chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung chỉ đạo củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng cơ quan quân sự các cấp. Ngày 13/5/1981, Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh họp phiên bất thường, thảo luận đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ quân sự từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay. Đảng uỷ ra Nghị quyết nhấn mạnh: "phải tăng cường xây dựng, giáo dục, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, coi đó là nhiệm vụ trung tâm, thường xuyên của cấp uỷ và chỉ huy các cấp."

Ngày 13/10/1981, Tỉnh uỷ Bắc Thái ra Chỉ thị số 11 về tiến hành xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững chắc. Chỉ thị nêu rõ: "Xây dựng huyện thành pháo đài quân sự là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay, là góp phần thiết thực thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". Thực hiện Chỉ thị 11 của Tỉnh uỷ, các làng, xã, nông, lâm trường, cơ quan, đơn vị trong huyện đã thường xuyên củng cố, sửa chữa các trận địa, cụm trận địa được xây dựng từ năm 1979; các phương án chiến đấu được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ sản xuất của từng xã, từng đơn vị.

Về xây dựng lực lượng, căn cứ vào sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Huyện uỷ lãnh đạo củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác của cơ quan quân sự các cấp huyện và xã, bảo đảm đủ sức làm tham mưu cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương trong mọi tình huống. Cơ quan quân sự huyện được kiện toàn theo hướng đủ về số lượng, tăng cường cán bộ có năng lực giỏi và nhiệt tình cách mạng cao. Cán bộ chỉ huy quân sự huyện có khả năng chỉ huy chiến đấu các trận tập trung quy mô đến cấp trung đoàn, chỉ đạo tác chiến rộng khắp trên địa bàn toàn huyện; trong thời bình biết tổ chức lực lượng tham gia xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương. Biên chế của cơ quan quân sự huyện tăng từ 20 cán bộ, chiến sỹ (năm 1979) lên 33 cán

bộ, chiến sỹ (năm 1982). Năm 1982, cơ quan quân sự huyện có 25 sĩ quan, 6 hạ sĩ quan và 2 quân nhân chuyên nghiệp. Chi bộ và Ban chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo duy trì chặt chẽ, thành nền nếp thường xuyên các chế độ giao ban, trực chỉ huy, trực chiến bảo đảm đủ quân số sẵn sàng chiến đấu. Công tác đấu tranh phê bình và tự phê bình được đẩy mạnh. Nhờ đó những tư tưởng tiêu cực mới nẩy sinh được giải quyết, ngăn chặn kịp thời; những nhân tố tích cực được động viên tạo điều kiện phát triển.

Việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ được tiến hành theo đúng tinh thần Nghị định 83/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 5/3/1979 "về việc thực hiện quân sự hoá toàn dân và vũ trang nhân dân". Khi chưa xẩy ra chiến tranh, lực lượng vũ trang Đại Từ coi nhiệm vụ sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội là chính; khi xẩy ra chiến tranh, tổ chức chiến đấu và phục vụ chiến đấu tốt. Xây dựng lực lượng dự bị động viên và đăng ký nghĩa vụ quân sự đã đi vào nền nếp; hằng năm, các đơn vị tổ chức đăng ký lần đầu cho số thanh niên đủ 17 tuổi và kiểm tra thực tế số thanh niên trong diện gọi nhập ngũ từ 18 đến 25 tuổi, từ năm 1982, theo Luật Nghĩa vụ Quân sự mới, tuổi gọi nhập ngũ được qui định từ 18 đến 27 tuổi. Cơ quan quân sự huyện kết hợp với các ngành Thống kê, Kế hoạch, Công an hộ khẩu để rà soát danh sách đăng ký, bảo đảm nắm chắc số quân dự bị và thanh niên trong diện gọi nhập ngũ. Do nắm chắc nguồn gọi nhập ngũ, nên công tác gọi

thanh niên nhập ngũ năm 1980 của Đại Từ đạt kết quả cao. Giao quân đợt 1 năm 1980, toàn huyện đã có 506 thanh niên (trong đó có 20 nữ) lên đường nhập ngũ.

Thực hiện Nghị quyết ngày 25/5/1980 của Thường vụ Quân uỷ Trung ương, cùng với các đơn vị khác trong tỉnh, từ ngày 1/10/1980, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ thực hiện chế độ một người chỉ huy (giúp việc chỉ huy trưởng có các chỉ huy phó về Tham mưu, Chính trị). Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ lúc này có 31 cán bộ, chiến sĩ, được biên chế thành 3 ban: Tham mưu, Chính trị, Động viên - Tuyển quân do đồng chí Lý Công Khoa làm Chỉ huy trưởng.

Bước sang năm 1981, ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 "Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp". Thay đổi hình thức từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán tập thể sang khoán theo nhóm và người lao động, thực chất là khoán theo hộ gia đình. Hộ nông dân từng bước trở thành đơn vị tự chủ trong sản xuất nông nghiệp. Do vậy, vấn đề nhân lực lao động trong từng hộ nông dân trở nên bức thiết. Tình hình đó dẫn tới việc giải quyết triệt để tình trạng quân nhân đào, bỏ ngũ về làm kinh tế gia đình có những khó khăn mới; thêm vào đó, một số cán bộ tại ngũ xin phục viên, xin nghỉ theo chế độ mất sức để trở về làm kinh tế gia đình. Tình hình trên đã tác động xấu đến công tác tuyển quân. Sáu tháng đầu năm 1982, công tác tuyển

quân của huyện tuy có tiến bộ hơn so với 6 tháng đầu năm 1981, nhưng cũng chỉ đạt 1/3 kế hoạch cả năm" [1] ..

Trước tình hình trên, để hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên tuyển quân 6 tháng cuối năm 1982, cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, duy trì chặt chẽ công tác đăng ký, quản lý lực lượng thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, Huyện uỷ lãnh đạo tất cả các xã kiểm tra, giải quyết đầy đủ các chế độ cho những gia đình chính sách theo qui định của Nhà nước; ưu tiên ruộng tốt, ruộng gần cho những gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có con tại ngũ; Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung cán bộ tổ chức cải tạo lao động tại chỗ đối với 202 quân nhân đào ngũ còn lại. Những trường hợp chống đối đều bị xử lý nghiêm khắc, trong đó 1 trường hợp đã xử lý bằng pháp luật.

Nhờ kết hợp nhiều biện pháp tích cực, sự giúp sức của nhiều ngành và tổ chức quần chúng, công tác tuyển quân đã dần dần đạt kết quả tốt hơn. Năm 1982, toàn huyện tuyển được 584 thanh niên vào bộ đội. Liên tiếp trong 3 năm, từ 1983 đến 1985, Đại Từ đăng ký với Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh thực hiện giao quân mỗi năm 1 đợt cho chỉ tiêu cả năm. Được Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh chấp nhận, 3 năm (1983 – 1985), Đại Từ đã tiến hành 3 đợt giao quân (mỗi năm 1 đợt), tuyển được 2.080 thanh niên vào bộ đội, đảm bảo 100% các chỉ

---

[1] - Báo cáo 6 tháng đầu năm 1982 của Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ ngày 20/7/1982 - Trung tâm tư liệu Quân Khu I.

đầu tạo được hiệu quả kinh tế thiết thực. Kết quả đợt động viên quân dự bị huấn luyện quân sự kết hợp với lao động sản xuất từ ngày 7 đến ngày 12/12/1985 đã nâng số công của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ tham gia xây dựng kinh tế địa phương trong năm 1985 lên 4.700 công, đạt giá trị kinh tế gần 46.200 đồng.

Cùng với nhiệm vụ xây dựng pháo đài quân sự huyện, nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân, tự vệ Đại Từ tiếp tục giữ vững vai trò xung kích trong lao động sản xuất trên đồng ruộng cũng như trong các nhà máy, xí nghiệp. Trong sản xuất nông nghiệp, từ khi thực hiện Chỉ thị 100 CT/TW của Ban Bí thư về "Cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp", trên cơ sở quy hoạch vùng kinh tế của huyện, lực lượng dân quân, du kích các xã Khôi Kỳ, Hùng Sơn, Tiên Hội, Bình Thuận, Văn Yên, Ký Phú, Vạn Thọ, Cát Nê đã tập trung đầu tư thâm canh lúa. Các biện pháp kỹ thuật gieo cấy được áp dụng tương đối đồng bộ, nhất là khâu giống. Nhiều giống lúa mới có năng suất cao (Bao thai lùn, Nông nghiệp 8, K3) được đưa vào gieo cấy đại trà. Nhiều biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa trước đây bị coi nhẹ thì nay đã được chú trọng, vì vậy năng suất, sản lượng lúa mỗi năm một tăng. Năm 1984, tổng diện tích lúa toàn huyện đạt 10.747 ha, năng suất bình quân đạt 50,5 tạ/ha, tổng sản lượng thóc đạt 27.678 tấn, bằng 81,6% kế hoạch. Đến

năm 1985, năng suất 2 vụ lúa bình quân toàn huyện đạt 110,33% kế hoạch, sản lượng đạt 119,64% kế hoạch.

Sản suất lương thực tăng nhanh nên công tác bảo đảm hậu cần, nhất là vấn đề dự trữ lương thực, thực phẩm cho chiến tranh có nhiều thuận lợi. Ngoài lượng lương thực huy động đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao (năm 1985 toàn huyện huy động vượt mức 595 tấn thóc), mỗi năm Đại Từ còn dành số lương thực dự trữ đủ dùng trong 3 tháng.

Lực lượng dân quân, du kích đóng vai trò nòng cốt trong việc củng cố, hoàn thiện cơ chế khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp, công nghiệp theo tinh thần chỉ thị của Tỉnh uỷ và các nghị quyết của Huyện uỷ. Đến 1985 có thêm 220 nông hộ vào làm ăn tập thể, đưa tổng số nông dân trong các hợp tác xã, lên 1.7246 hộ, bằng 96,5% tổng số hộ nông dân toàn huyện.

Về lâm nghiệp, dân quân, du kích các xã cùng với tự vệ lâm nghiệp mỗi năm trồng gần 100 ha rừng tập trung, khai thác trên 1.000 mét khối gỗ tròn và 1.000 xít te củi. Đến năm 1984, huyện đã giao 4.153 ha đất rừng ở 7 xã Lục Ba, Hùng Sơn, Hà Thượng, Cù Vân, Phú Lạc, Phú Lương, Đức Lương cho nhân dân các xã trồng và chăm sóc.

Liên tiếp trong 3 năm 1983 - 1985, kết hợp huấn luyện quân sự với phát triển kinh tế, lực lượng dân quân, du kích và tự vệ toàn huyện đóng góp hàng chục ngàn ngày công sửa chữa bảo dưỡng các tuyến đường chính trong huyện: Đại Từ- Ký Phú - Cát Nê, Đại Từ -

Mỹ Yên, Phú Thịnh - Phú Cường - Minh Tiến, Cù Vân - An Khánh và các tuyến đường liên xã, liên thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và phát triển kinh tế, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa.

Cùng với giao thông, trong thời gian này, lực lượng dân quân còn tập trung sửa chữa các đập Cầu Thành(xã Hùng Sơn) đập Thắng Lợi (xã Tiên Hội), đập tràn Đông Quan (xã Yên Lãng), đập Vai Bành (xã Phú Xuyên); làm mới và làm tiếp đập Đường Phố (xã Phú Lạc) Vai Đu (xã Vạn Thọ)... phục vụ thiết thực cho sản xuất nông nghiệp.

Cơ quan quân sự các cấp tiếp tục làm tham mưu cho các cấp uỷ chỉ đạo và xây dựng phong trào toàn dân thực hiện chính sách hậu phương quân đội, thực hiện cuộc vận động "Quân với dân một ý chí", xây dựng "Người công dân kiểu mẫu" và "Gia đình cách mạng gương mẫu". Cơ quan quân sự cùng với Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể tích cực vận động, tổ chức thực hiện bảo đảm chi trả đúng, đủ các chế độ trợ cấp vật chất, các chính sách ưu tiên, đãi ngộ cho các gia đình chính sách; sắp xếp việc làm cho phù hợp cho các đồng chí thương binh, bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành. Vào các dịp lễ, tết hằng năm, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân đều tổ chức quyên góp tặng quà các đơn vị bộ đội, viếng nghĩa trang liệt sỹ, thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ. Một số đơn vị dân quân, các tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh kết nghĩa với các đơn vị bộ đội đóng

quân trên địa bàn tổ chức tu sửa nhà cửa cho các gia đình chính sách, xây dựng nghĩa trang, làm nhà truyền thống... góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững mạnh.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện trong mười năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quân và dân Đại Từ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đây là thời kỳ hết sức phức tạp, cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế được đặt lên hàng đầu. Khi chiến tranh biên giới (tháng 2/1979) nổ ra, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu lại trở thành nhiệm vụ số một. Sau khi chiến tranh Biên giới kết thúc, "đất nước ta ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có thể xẩy ra chiến tranh". Tình hình đó tác động rất lớn đến tư tưởng, tình cảm cán bộ, đảng viên và nhân dân nói chung, lực lượng vũ trang nói riêng. Nhưng Đảng bộ Đại Từ luôn chủ động trong công tác tuyên truyền cho nhân dân các dân tộc trong huyện, nhất là lực lượng thanh niên, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch; giáo dục đường lối chiến tranh nhân dân, quyền và nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động đối phó với những diễn

biến phức tạp của tình hình, ngay cả khi chiến tranh xẩy ra.

Nhờ nắm vững quan điểm đường lối chiến tranh nhân dân, Đại Từ đã huy động được sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân, của các ngành, các cấp vào việc xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh, làm tròn nhiệm vụ của tỉnh hậu phương, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện cho các tỉnh biên giới bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc.

Kết hợp kinh tế với quốc phòng, lực lượng vũ trang Đại Từ luôn đi đầu trong lao động sản xuất; là lực lượng xung kích trong xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi trọng điểm...phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế.

Dù còn nhiều khó khăn, thiếu sót, khuyết điểm, nhưng những kết quả xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất trong 10 năm đầu cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã chứng tỏ sự trưởng thành, lớn mạnh của lực lượng vũ trang Đại Từ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

CHƯƠNG V

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC (1/1986- 12/2000)

Năm 1986, cùng cả nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Đại Từ bước vào thời kỳ mới, thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới toàn diện (cả về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội) do Đảng đề ra, nhằm đưa đất nước ta thoát khỏi tình trạng khó khăn, khủng hoảng, tiếp tục vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và bác Hồ đã lựa chọn.

Quán triệt Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm 1986 – 1990 và các chỉ thị, nghị quyết của Quân khu và tỉnh, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ xác định tốt nhiệm vụ "Ra sức củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh. Nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân chính qui, ngày càng hiện đại ..., làm tốt nhiệm vụ

bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế"[1] . "Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó với mọi tình huống do kẻ thù gây ra"[2] .

Đại Từ là một huyện miền núi thấp và trung du, nên diện tích đất có khả năng sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá lớn trong diện tích tự nhiên. Qua 10 năm xây dựng đất nước sau chiến tranh (1975 – 1985), tuy là huyện có nhiều kinh nghiệm vượt khó khăn để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển và đã thu được những thành tựu đáng kể[3] , nhưng về cơ bản nền kinh tế của Đại Từ vẫn là kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên và tự cung, tự cấp.

Nhằm từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nông nghiệp lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện chủ trương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phong trào toàn dân làm thuỷ lợi, coi đó là một trong những biện pháp cơ bản, quan trọng để tăng năng suất lúa và cây trồng. Cuối năm 1985, đầu năm 1986, Đại Từ triển khai xây dựng công trình thuỷ lợi hồ Phú Xuyên. Đây là một công trình trọng điểm của huyện có vốn đầu tư khoảng 5 triệu đồng (trong đó

---

[1] Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm 1986 – 1990.

[2] Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

[3] Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng 5 năm 1986 – 1990

Trung ương và tỉnh đầu tư 4 triệu đồng, huyện Đại Từ đóng góp 1 triệu đồng). Hồ gồm một đập chính (dài 163 mét, cao 22 mét, chân đập rộng 126 mét, bề mặt rộng 5 mét) và hai đập phụ; kênh dẫn nước chính và kênh dẫn nước cấp một có chiều dài 10 km; khối lượng đất đào, đắp để xây dựng công trình khoảng 20.000 mét khối, khối lượng xây lát khoảng 2.000 mét khối. Sau khi công trình thuỷ lợi hồ Phú Xuyên hoàn thành, diện tích mặt hồ rộng khoảng 20 ha, đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho gần 500 ha ruộng cấy lúa hai vụ của các xã Phú Xuyên, Na Mao và Yên Lãng.

Để xây dựng công trình thuỷ lợi hồ Phú Xuyên Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Đại Từ chủ trương "lấy lực lượng dân quân làm nòng cốt, lần lượt tập trung dân quân của 28 xã và 2 thị trấn trong huyện đi huấn luyện quân sự kết hợp với làm kinh tế".

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, cuối tháng 3 đầu tháng 4 /1986, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ huy động 1.138 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ở 9 xã trong huyện đi huấn luyện quân sự kết hợp với làm kinh tế xây dựng hồ Phú Xuyên đợt đầu. Tiếp đó, từ giữa tháng 4 đến hết tháng 7 /1986, Ban chỉ huy quân sự huyện huy động tiếp 3 đợt dân quân, tự vệ ở các hợp tác xã, thị trấn cơ quan, đơn vị còn lại, mỗi đợt trên, dưới 1000 cán bộ, chiến sĩ vừa huấn luyện quân sự (1/2 thời gian), vừa lao động xây dựng hồ Phú Xuyên (1/2 thời gian). Kết thúc mùa huấn luyện quân sự năm 1986, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ

trang nhân dân huyện Đại Từ đã đóng góp 63.000 công, đào, đắp 20.000m^3 đất xây dựng hồ Phú Xuyên, góp phần rất quan trọng vào việc hoàn thành xây dựng hồ trước kế hoạch 5 tháng. Bằng cách làm này, huyện Đại Từ vừa hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ năm 1986, vừa tạo được vốn đưa vào xây dựng qũy Quốc phòng ở huyện và cơ sở.

Nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, từ ngày 28/4 đến ngày 17/5/1986, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức diễn tập quân sự BT- 86, báo động kiểm tra quân số huấn luyện quân sự giai đoạn I, các tiểu đoàn dự bị động viên của các huyện, thành, thị kết hợp với tham gia chiến dịch lao động sửa chữa đường giao thông Thác Giềng - Áng Toòng – Na Rì. Thực hiện nhiệm vụ diễn tập BT- 86, dưới sự lãnh đạo của Thường trực Huyện uỷ, trực tiếp là đồng chí Bí thư Huyện uỷ Chu Văn Nhằn, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ đã huy động 1 tiểu đoàn quân dự bị do đồng chí Lý Công Khoa, Huyện đội trưởng, trực tiếp làm Tiểu đoàn trưởng gồm 4 đại đội, quân dự bị ở các xã Bình Thuận, Hùng Sơn, Tiên Hội và thị trấn Đại Từ (mỗi đơn vị 1 đại đội). Sau 15 giờ kể từ khi phát lệnh, báo động kiểm tra quân số, tiểu đoàn dự bị động viên huyện Đại Từ đã có mặt tập trung ở vị trí tập kết, nhanh nhất trong số 12 tiểu đoàn dự bị động viên của các huyện, thành, thị. Trong 19 ngày, tiểu đoàn vừa huấn luyện quân sự, vừa thi công sửa chữa 4 km đường đoạn đỉnh đèo áng Toòng. Đây là

đoạn khó khăn nhất trên toàn tuyến giao thông Thác Giềng – Na Rì. Bằng phương pháp xoay vòng, xen kẽ, huấn luyện với lao động cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn dự bị động viên huyện Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sửa chữa 4km đường, vượt trước kế hoạch thời gian 7 ngày, tiết kiệm được nhiều nguyên vật liệu.

Trong thời gian tham gia chiến dịch làm đường giao thông Thác Giềng – Na Rì, Ban chỉ huy tiểu đoàn chủ động, nhạy bén điều chỉnh kế hoạch huấn luyện và công tác phù hợp với điều kiện thời tiết. Nhờ đó, Tiểu đoàn đã tổ chức huấn luyện hết các chương trình chính trị và quân sự; là một trong số năm tiểu đoàn đã tổ chức được việc huấn luyện, kiểm tra bắn đạn thật. Kết quả kiểm tra bắn đạn thật, 100% cán bộ, chiến sĩ trong Tiểu đoàn đạt yêu cầu trở lên, trong đó 78% khá và giỏi được Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng cờ "Đơn vị xuất sắc trong chiến dịch làm đường Thác Giềng – Na Rì năm 1986"

Ngoài việc làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân Huyện lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện thực hiện thắng lợi công tác quân sự địa phương, giữ vững danh hiệu "Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng năm 1985" do Bộ Tư lệnh Quân khu I trao tặng, cán bộ, chiến sĩ, cơ quan quân sự huyện Đại Từ còn tập trung xây dựng cơ sở vật chất cho đơn vị và chăm lo nâng cao đời sống của cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan. Với nguồn kinh phí xây dựng doanh trại do Uỷ ban nhân dân huyện cấp, cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện đã tổ chức sản xuất

được 1,5 triệu viên gạch, 200 tấn vôi, khai thác gần 300 mét khối đá, 24 mét khối cát, xây dựng hệ thống tường rào bao quanh doanh trại dài 450 mét, cao 1,4 mét; làm mới 1 nhà chỉ huy trị giá 436.000 đồng, xây dựng mới một nhà để xe ô tô trị giá 151.000 đồng, xây dựng đường điện dài 1000 mét, đưa điện lưới về doanh trại, đáp ứng các nhu cầu về vật chất và tinh thần cho bộ đội. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của mọi cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị, năm 1986, cơ quan quân sự huyện Đại Từ đã tự cân đối ngân sách được 60.000đồng theo chỉ tiêu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao. Mỗi cán bộ trong cơ quan nghỉ hưu được Ban chỉ huy quân sự huyện giải quyết đủ tiêu chuẩn 5 tấn vôi, 1 giường hoặc 1 tủ; mỗi cán bộ nghỉ mất sức được bán cho 1 giường.

Về tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm, năm 1986, cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự đã thu hoạch 3.359 kg rau xanh các loại, nuôi 8 con lợn (mỗi con có trọng lượng từ 70kg trở lên), thả trên 4.000 con cá giống, nuôi 2 con trâu, đảm bảo sức cày kéo phục vụ tăng gia sản xuất gần 3 mẫu ruộng. Tăng gia sản xuất phát triển, đời sống hằng ngày được cải thiện đã góp phần quan trọng để cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện Đại Từ hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ công tác quân sự địa phương.

Năm 1987, cơ quan quân sự huyện tiếp tục làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Đại Từ lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện thực hiện thắng lợi công tác quân sự địa

Đồng chí Đàm Đình Trại, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu I kiểm tra Phân đội cơ động sẵn sàng chiến đấu của dân quân tự vệ huyện Đại Từ.

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ kết hợp huấn luyện quân sự với làm đường giao thông nông thôn.

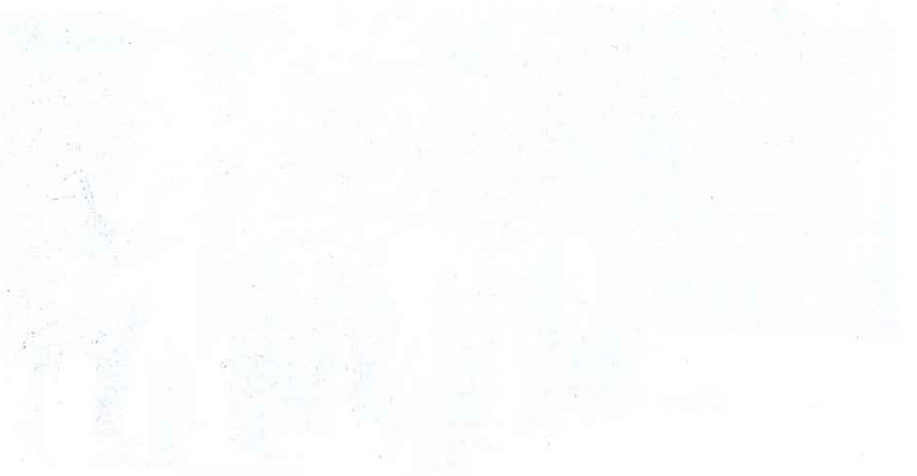

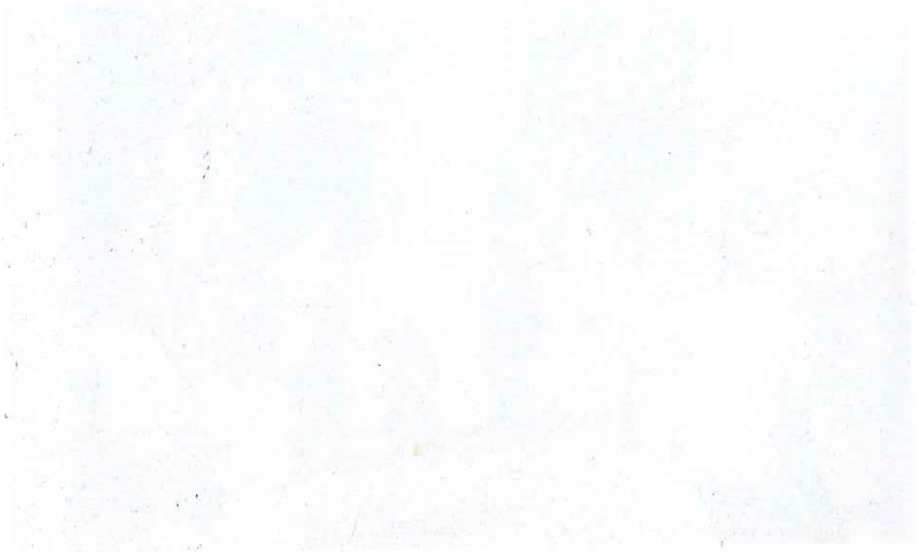

phương trên tất cả các mặt xây dựng tổ chức, huấn luyện cán bộ, chiến sĩ lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ; động viên tuyển quân và tham gia bảo vệ trật tự, trị an trên địa bàn.

Về thực hiện chính sách hậu phương quân đội, trong năm, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Đại Từ đã góp công, góp của cùng với nhân dân trong huyện xây dựng được 3 ngôi nhà tình nghĩa cho thương binh và gia đình liệt sĩ neo đơn; chỉ đạo tổ chức xây dựng mới 2 nghĩa trang liệt sĩ ở 2 xã Văn Yên và Tiên Hội; trợ giúp thương binh và gia đình liệt sĩ gặp khó khăn, hoạn nạn 30.000đồng, 140 kg gạo và 960 ngày công lao động .

Ngoài việc chỉ đạo lực lượng dân quân, tự vệ ở cơ sở thường xuyên tổ chức tuần tra, canh gác, giữ vững trật tự, trị an trên địa bàn, dưới dự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Công an huyện triển khai tốt việc xây dựng cụm an ninh liên hoàn khu vực Làng Cẩm (địa bàn tiếp giáp 3 xã Phục Linh, Hà Thượng, Cù Vân, nơi có 6 nhà máy, xí nghiệp và một số đơn vị quân đội đóng quân).

Cụm an ninh liên hoàn khu vực Làng Cẩm là mô hình tổng hợp cả an ninh, quốc phòng và trật tự xã hội, là sự kết hợp giữa thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên một địa bàn. Với vị trí, ý nghĩa và tầm quan trọng đó, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện quyết định thành lập Ban Thường trực chỉ đạo xây dựng cụm an ninh liên hoàn khu vực Làng

Cẩm, do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, các đồng chí Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng quân sự làm Phó ban. Sau khi được thành lập, bước đầu cụm an ninh liên hoàn khu vực Làng Cẩm đã phát huy tốt tác dụng trong việc phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm, giữ vững trật tự, trị an trên địa bàn.

Trong đợt diễn tập động viên quân dự bị Z87B do Bộ Tư lệnh Quân khu I giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức từ ngày 28/11 đến ngày 5/12/1987, chấp hành Mệnh lệnh số 03 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy huyện Đại Từ báo động kiểm tra quân dự bị động viên ở 10 xã (Hoàng Nông, Khôi Kỳ, Mỹ Yên, Văn Yên, Ký Phú, Vạn Thọ, Cát Nê, Quân Chu, Lục Ba, Bình Thuận) và Nông trường chè Quân Chu.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ, đồng bộ của cấp uỷ Đảng, Chính quyền, cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống xã nên cán bộ, chiến sĩ quân dự vị động viên chấp hành nghiêm túc lệnh động viên; 87,5% cán bộ, chiến sĩ được lệnh động viên đã có mặt ở vị trí tập trung kiểm tra quân số. Điều đó thể hiện được ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao của cán bộ, chiến sĩ quân dự bị động viên của huyện.

Nhờ có sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang, Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc công tác quân sự địa phương năm 1987, được Bộ Tư lệnh Quân khu I tặng cờ "Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng khối huyện, thành, thị"; được Chủ tịch

nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương Quân công hạng Nhất.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT ngày 30/11/1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về "cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương", đầu năm 1988, Ban Thường vụ Huyện uỷ Đại Từ quyết định thành lập Ban cán sự Đảng quân sự huyện do đồng chí Bí thư Huyện uỷ trực tiếp làm Bí thư, đồng chí Lương Xuân Thanh (Phó Chỉ huy trưởng về Chính trị, Bí thư Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư. Sau khi thành lập, Ban cán sự Đảng Quân sự huyện họp thông qua qui chế làm việc, ra Nghị quyết "Tập trung xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, đảm bảo đánh thắng địch trong mọi tình huống".

Thực hiện Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Quân sự huyện, năm 1989, toàn bộ 47/47 cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện đã củng cố và kiện toàn tổ chức. Tỷ lệ dân quân đạt 6,8% so với dân số nông thôn, tỷ lệ tự vệ đạt 35% so với tổng số cán bộ, công nhân viên chức; 29/29 xã thành lập được Đội an ninh quốc phòng. Các xã Vạn Thọ, Tân Thái, Minh tiến, Quân Chu, Bình Thuận, Bản Ngoại, Lục Ba, thị trấn Đại Từ và các đơn vị Mỏ than Làng Cẩm, Nhà nghỉ Núi Cốc, Mỏ thiếc, Trại cá Cù Vân, Xí nghiệp chè Đại Từ , Đoàn địa chất 110, Mỏ than Núi Hồng, Xí nghiệp chè Quân Chu, Trại lúa An Khánh làm tốt việc kết hợp huấn luyện dân quân, tự vệ với lao động xây dựng kinh tế, đóng góp vào quỹ quốc phòng

được 3.732.000 đồng. Qua kiểm tra của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về công tác huấn luyện, bộ đội địa phương và dân quận, tự vệ của huyện đều đạt đơn vị khá; về thực hiện các chế độ sẵn sàng chiến đấu đạt đơn vị tốt. Tuy nhiên, trong đợt diễn tập kiểm tra động viên quân dự bị ngày 26/12/1989, trong tổng số 2.644 cán bộ, chiến sĩ quân dự bị có lệnh gọi động viên, vẫn còn tới 233 người vắng mặt không có lý do, 6 người không nhận lệnh (chống lệnh). Trong công tác tuyển quân, toàn huyện có 1.460 thanh niên khám tuyển đủ sức khoẻ nhập ngũ (có 758 thanh niên sức khỏe A1 và A2); trong đó có 410 thanh niên được lệnh gọi nhập ngũ (có 5 nữ) đã hăng hái, phấn khởi lên đường bảo vệ Tổ quốc (đạt 100% chỉ tiêu trên giao). Tuy nhiên, toàn huyện vẫn còn tới 20 thanh niên chống lệnh gọi khám tuyển và 1 thanh niên chống lệnh gọi nhập ngũ.

Cơ quan quân sự huyện còn tích cực tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống. Năm 1989, Cơ quan đã thu hoạch được 3.925 kg thóc, 3.364 kg rau xanh, 380 kg thịt lợn hơi, 50 kg cá, 277 kg lạc vỏ, 300kg đường phên, 1000kg sắn tươi... hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về tăng gia tự túc lương thực, thực phẩm do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao. Đặc biệt, bộ phận tăng gia của Ban chỉ huy quân sự huyện, do đồng chí Nguyễn Minh Thìn phụ trách, đã tích cực, chủ động trồng được 48,2 ha rừng (theo Chương trình PAM), sau khi trừ chi phí cho người lao động, còn thu về cho đơn vị số tiền tương đương giá trị 3.116kg gạo. Nhờ làm tốt công tác tăng gia tự túc,

nên đời sống cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện đã được cải thiện đáng kể. Từ quỹ tăng gia, Ban chỉ huy quân sự huyện đã trích 665.000 đồng khen thưởng cho 4 tập thể và 20 cán bộ, chiến sĩ có nhiều thành tích trong năm; trích 6.048.000 đồng đóng 21 tủ bán cho cán bộ (mỗi cán bộ phải trả 110.000 đồng, cơ quan chi 288.000 đồng). Đây là một trong những thành tích nổi bật của cơ quan quân sự huyện Đại Từ so với cơ quan quân sự các huyện, thành khác trong tỉnh, Tháng 12 năm 1989, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân sự huyện có sự thay đổi, đồng chí Trịnh Hồng Sáng được bổ nhiệm làm Phó chỉ huy trưởng về Chính trị thay đồng chí Lương Xuân Thanh nghỉ hưu.

Đầu năm 1990, huyện Đại Từ được Quân khu và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh bổ sung thêm một số sĩ quan xuống làm nhiệm vụ tăng cường cơ sở, giúp cấp uỷ Đảng, chính quyền các xã, thị trấn xây dựng củng cố và huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ ; quản lý quân dự bị động viên và làm công tác động viên tuyển quân. Theo hướng dẫn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện thành lập Phòng Phái viên làm nhiệm vụ tiếp nhận, sắp xếp điều động cán bộ xuống tăng cường cho các xã, thị trấn. Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng cơ sở, Ban chỉ huy quân sự huyện cùng với Phòng Phái viên nghiên cứu, tập trung sắp xếp những cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực và kinh nghiệm công tác xuống giúp đỡ, chỉ đạo các cơ sở yếu. Nhờ đó, sau bầu cử Hội đồng nhân dân xã cuối năm

1989 đầu năm 1990, Đại Từ đã bổ nhiệm được 196 cán bộ dân quân, tự vệ mới (có 23 Xã đội trưởng, 21 Xã đội phó, 6 cán bộ đại đội và 146 cán bộ trung đội). Sáu tháng đầu năm 1990, toàn huyện có 4.231 cán bộ, chiến sĩ dân quân ở 30/30 xã, thị trấn đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự năm 1990 (tăng 24 xã so với 6 tháng đầu năm 1989), trong đó xã Phú Xuyên đạt chỉ tiêu quân số huấn luyện cao nhất (78%), xã Yên Lãng thấp nhất (50%); 2/18 cơ sở tự vệ triển khai huấn luyện được 195 cán bộ, chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cả năm 1990.

Trong số 32 cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự cả năm ngay trong 6 tháng đầu năm, có hai đơn vị đạt kết quả huấn luyện giỏi (bằng 6,25%), 25 đơn vị đạt khá (bằng 78,12%) và 5 đơn vị đạt yêu cầu (bằng 15,63%). Các đơn vị xí nghiệp chè Quân Chu, các thị trấn Quân Chu, Đại Từ và các xã Hà Thượng, Lục Ba, Vạn Thọ, Minh Tiến, Phú Xuyên, Bản Ngoại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ kết hợp với lao động gây quĩ quốc phòng.

Phát huy kết quả công tác xây dựng, củng cố và huấn luyện dân quân, tự vệ 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 1990, Đại Từ tổ chức phúc tra quân dự bị động viên, đăng ký được 5.812 thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ (từ 18 đến 27 tuổi) và 979 thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (17 tuổi) ở 30 xã và 4 cơ sở tự vệ. Trong năm 1990, toàn huyện có 520 thanh niên lên đường nhập ngũ (đạt 100% chỉ tiêu tuyển quân).

Tuy nhiên, trong số 520 thanh niên Đại Từ lên đường nhập ngũ năm 1990, sau một tháng huấn luyện tại đơn vị, đã có 13 người phải trả về địa phương vì không đạt tiêu chuẩn về sức khoẻ và trình độ văn hoá. Trong 2.567 thanh niên được gọi đi khám sức khoẻ, còn có tới 248 người không đến khám và 68 người trốn khám và chống khám. Trong số 545 thanh niên có lệnh gọi nhập ngũ, còn có 3 người không có mặt ở nơi giao quân. Đây là một trong những điểm yếu mà Đại Từ (đơn vị lá cờ đầu của tỉnh về công tác quân sự địa phương liên tục từ năm 1985 đến 1990) cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm.

Đầu năm 1991, Ban chỉ huy quân sự huyện cử cán bộ xuống các xã kiểm tra, xử lý dứt điểm số thanh niên chống lệnh khám tuyển và chống lệnh gọi nhập ngũ năm 1990 còn tồn đọng. Qua kiểm tra, toàn huyện còn 86 thanh niên chống lệnh khám và chống lệnh gọi nhập ngũ chưa bị xử lý. Được Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện đồng ý, 6 tháng đầu năm 1991, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức học tập và lao động cải tạo được 72 thanh niên, kiên quyết xử lý và cải tạo dứt điểm 42 quân nhân đảo ngũ từ những năm trước còn tồn đọng đến năm 1990 và 24 quân nhân đảo ngũ 6 tháng đầu năm 1991. Biện pháp xử lý kiên quyết của Ban chỉ huy quân sự huyện đã góp phần tích cực vào việc làm giảm số thanh niên trong huyện chống khám tuyển nghĩa vụ quân sự, chống lệnh gọi nhập ngũ và số quân nhân đảo ngũ năm 1991 cũng như các năm tiếp theo. Năm 1991,

Đại Từ giao quân vượt chỉ tiêu trên giao 24 người. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện còn cử 10 cán bộ trực tiếp tham gia khảo sát năng suất lúa ở 20 xã và phối hợp với các ngành giải quyết tranh chấp đất đai ở hai xã Văn Yên và Hùng Sơn; hướng dẫn 30 xã, thị trấn tổ chức thành lập Hội Cựu chiến binh cơ sở và chỉ đạo 45/45 cơ sở dân quân, tự vệ thành lập Ban xây dựng Nhà tình nghĩa ủng hộ thương binh và gia đình liệt sĩ gặp khó khăn. Nhờ có sự chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể của Ban chỉ huy quân sự huyện, năm 1991, toàn huyện có 25 xã thành lập được Hội cựu Chiến binh cơ sở xây dựng và trao được 26 nhà và 23 sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các gia đình liệt sĩ và thương binh (trong đó riêng Hội Phụ nữ huyện đã vận động hội viên quyên góp được 4.820.000 đồng để xây nhà và tặng 3 Sổ tiết kiệm tình nghĩa, mỗi sổ trị giá 100.000 đồng). Các xã Phú Lạc, La Bằng, Lục Ba, Bình Thuận hoàn thành xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ.

Năm 1992, Đại Từ là một trong hai huyện, thị trong tỉnh hoàn thành trước thời hạn hai tháng so với kế hoạch của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về công tác huấn luyện quân sự cho cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện và lực lượng dân quân, tự vệ ở cơ sở; trong đó, 2 xã Phục Linh và Yên Lãng tổ chức tốt cuộc diễn tập phòng chống biểu tình gây rối, bạo loạn, được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá cao. Xã La Bằng và thị trấn Đại Từ kết hợp tổ chức diễn tập quân sự với lao động gây quỹ quốc phòng đạt kết quả tốt. Cơ quan quân sự

huyện hoàn thành tốt đợt diễn tập chỉ huy cơ quan hai cấp tỉnh và huyện. Trên cơ sở đó cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Đại Từ đã quán triệt sâu sắc thêm một bước nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh chính trị trên địa bàn và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ban chỉ huy quân sự huyện bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch phòng, chống âm mưu "diễn biến hoà bình", biểu tình, gây rối, tiến tới bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện còn cử cán bộ xuống giúp Trường trung học phổ thông Đại Từ tổ chức huấn luyện quân sự cho 530 em học sinh các lớp 10,11 và 12. Qua huấn luyện và kiểm tra các khoa mục tháo lắp súng bộ binh, sử dụng lựu đạn, cứu thương, vượt hàng rào dây thép gai ... 88,5% số học sinh đạt kết quả khá, giỏi (có gần 40% giỏi); riêng khối 12 có 96% số học sinh đạt kết quả khá, giỏi.

Kết thúc năm 1992, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thưởng luân lưu đơn vị xuất sắc; toàn huyện có 12 đơn vị được tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng"; 8 xã, 35 đơn vị (cấp tiểu đội, trung đội, đại đội), 28 cán bộ, 1.278 chiến sĩ dân quân, tự vệ được tặng bằng khen; 47 đơn vị (cấp tiểu đội, trung đội, đại đội) và 269 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được tặng giấy khen.

Năm 1993, lực lượng vũ trang Đại Từ tập trung vào nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ trật tự trị an trên địa bàn. Công tác huấn luyện dân quân,

tự vệ, được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn I từ 1/4 đến 30/6/1993, tập trung huấn luyện dân quân ở 30 xã, thị trấn và tự vệ ở 2 đơn vị hành chính sự nghiệp. Giai đoạn II từ ngày 1 đến ngày 28/8/1993, huấn luyện tự vệ ở 13 đơn vị còn lại. Đến ngày 28/8/1993, toàn bộ 45/45 cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện đã hoàn thành nội dung, chương trình huấn luyện quân sự năm 1993, không ảnh hưởng đến nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh của từng cơ sở. 100% đơn vị cơ sở với 62 % cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ được tham gia huấn luyện, trong đó có 100% đơn vị đạt khá, giỏi (có 4 đơn vị đạt loại giỏi). Các xã Lục Ba, Phú Cường, Hoàng Nông, Vạn Thọ, Phúc Lương và các Mỏ than Làng Cẩm, Núi Hồng vừa hoàn thành nội dung huấn luyện, đủ thời gian và vượt chỉ tiêu về quân số, vừa kết hợp thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Nghĩa trang liệt sĩ, Trụ sở Uỷ ban, Trạm xá xã, làm đường giao thông do cấp uỷ chính quyền giao đạt hiệu qủa cao; vừa huấn luyện các đơn vị vừa tiến hành củng cố tổ chức. Kết quả 45/45 Ban chỉ huy quân sự các xã, đơn vị tự vệ, 160 trung đội và 22 tiểu đội dân quân, tự vệ được củng cố kiện toàn đủ cán bộ và chiến sĩ. Một thành tích nổi bật trong công tác huấn luyện dân quân, tự vệ của huyện Đại Từ năm 1993 là số cán bộ cơ quan quân sự huyện được cử xuống giúp các xã và đơn vị tự vệ huấn luyện đã đoàn kết, hiệp đồng chặt chẽ với cán bộ cơ sở, làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền cơ sở về công tác huấn luyện và củng cố tổ chức dân quân, tự vệ.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong công tác huấn luyện, ngày 31/8/1993, huyện Đại Từ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác huấn luyện dân quân, tự vệ năm 1993. Sau khi khẳng định những thành tựu to lớn mà lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã đạt được, Hội nghị chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác huấn luyện dân quân, tự vệ:

1- Cơ sở vật chất và kinh phí đảm bảo cho công tác huấn luyện dân quân, tự vệ còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác huấn luyện.

2- Đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ ở cơ sở, chủ yếu là cán bộ tiểu đội, trung đội vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về năng lực công tác huấn luyện, lại không được củng cố, rèn luyện, bồi dưỡng thường xuyên; chế độ đãi ngộ không rõ ràng, nên quản lý quân số không chặt chẽ, vũ khí trang bị còn để hư hỏng, mất mát.

3- Một số cán bộ cơ quan quân sự huyện được Ban chỉ huy cử xuống cơ sở chỉ đạo công tác huấn luyện dân quân, tự vệ chưa có kinh nghiệm thực tế về công tác quân sự địa phương, nên kết quả làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền cơ sở còn hạn chế.

4- Cấp uỷ Đảng, chính quyền ở một số cơ sở chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương . Đội ngũ cán bộ quân sự xã và chỉ huy tự vệ vừa thiếu về số lượng, vừa hạn chế về năng lực lãnh đạo, chỉ huy và huấn luyện dân quân, tự vệ.

Nhằm khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trên, từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác

huấn luyện dân quân, tự vệ trong những năm tới, Hội nghị đề ra một số nội dung, biện pháp cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.

Ngoài huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trật tự trị an trên địa bàn, năm 1993, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ đột xuất khác. Tháng 4/ 1993, tại xã Cù Vân, do sự bất cẩn của một số người đào, đãi thiếc, đã gây ra cháy rừng lớn ở khu vực gần kho K9 của Cục Kỹ thuật Quân khu I. Hàng trăm tấn đạn ở trong kho có nguy cơ cháy nổ. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Xuân Kháng (Xã đội trưởng Cù Vân) kịp thời báo cáo Bí thư Đảng uỷ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã; đồng thời khẩn trương báo động, huy động toàn bộ lực lượng dân quân trong xã cùng với nhân dân địa phương dập lửa cứu rừng, bảo vệ an toàn kho K9.

Trước thực trạng rừng ở Đại Từ bị phá hoại nghiêm trọng, diện tích rừng bị nhân dân phát đốt làm nương, rẫy tăng từ 38.000 mét vuông (năm 1992) lên 50.000 mét vuông (tháng 10/1993), Ban Giám đốc Lâm trường Đại Từ đã thành lập Phòng Quản lý và bảo vệ rừng với biên chế 10 cán bộ, chiến sĩ tự vệ. Ngay sau khi thành lập, cán bộ, chiến sĩ tự vệ Phòng Quản lý, bảo vệ rừng vừa làm tốt nhiệm vụ bảo vệ rừng ở các khu vực Quân Chu, Minh Tiến, Phục Linh, Yên Lãng, vừa tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, ngăn chặn và xử lý kiên quyết 32 vụ phá rừng, phạt 10 triệu đồng nộp ngân

sách; phối hợp với Đội công tác liên ngành của huyện thu trên 10 mét khối gỗ khai thác trái phép.

Năm 1993, lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã điều chỉnh tốt Kế hoạch A2 Phòng chống bạo loạn, lật đổ; phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể từ huyện xuống cơ sở, nâng cao chất lượng xử lý tình huống, đảm bảo tốt an ninh, trật tự trên địa bàn, được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Quân khu đánh giá là đơn vị sẵn sàng chiến đấu tốt. Lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng, củng cố có số lượng phù hợp và chất lượng ngày càng nâng cao. Công tác huấn luyện được thực hiện tốt với 2 giai đoạn, chia thành cụm, vừa thuận lợi cho việc chỉ huy, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá kết quả, vừa tạo được phong trào thi đua trong cụm. Việc quản lý và động viên quân dự bị đảm bảo chặt chẽ, đủ quân số và đảm bảo đúng chuyên môn kỹ thuật; tuyển quân vượt chỉ tiêu trên giao. Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Riêng năm 1993, toàn huyện làm được 12 Nhà tình nghĩa, xây dựng xong 22 Nghĩa trang liệt sĩ, tặng 245 Sổ tiết kiệm và 37 Vườn cây tình nghĩa cho thương binh và gia đình liệt sĩ".

Với thành tích hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, năm 1993, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Bộ Quốc phòng tặng Cờ thưởng luân lưu "Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng". Báo cáo thành tích của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ do đồng chí Trung tá Hà Đức Mưu (Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ – Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy

quân sự huyện) đọc tại Lễ đón nhận Cờ thưởng luân lưu của Bộ Quốc phòng tổ chức tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện đã khẳng định: " Từ năm 1985 đến nay, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã 2 lần được Bộ Quốc phòng và 1 lần được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thưởng luân lưu "Đơn vị xuất sắc trong phong trào Thi đua Quyết thắng".

Nhằm tăng cường và hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương ở cấp huyện, theo sự chỉ đạo của trên, năm 1994, Huyện uỷ Đại Từ quyết định giải thể Ban cán sự Đảng Quân sự huyện, thành lập Đảng bộ và chỉ định Đảng uỷ Quân sự huyện do các đồng chí Chu Văn Nhằn (Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ) trực tiếp làm Bí thư, Hà Đức Mưu (Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm phó Bí thư. Đảng bộ Quân sự huyện gồm 4 chi bộ Tham mưu, Chính trị, Hậu Cần và Đội tăng cường cơ sở.

Sau ngày thành lập, Đảng bộ Quân sự huyện thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên, gắn việc xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh với việc xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; coi trọng lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện; duy trì nghiêm túc chế độ sinh hoạt Đảng, thực hiện tốt nguyên tắc lãnh đạo tập trung, dân chủ, làm tốt công

tác tự phê bình và phê bình. Nhờ đó, Đảng bộ đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1994, trước tình trạng số người nghiện hút ma tuý lan rộng ra nhiều xã[1], Đảng uỷ Ban chỉ huy quân sự Đại Từ chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trong huyện tích cực và từng bước giải quyết tệ nạn nghiện hút, trộm cắp, cướp giật... lập lại trật tự xã hội, làm trong sạch địa bàn .

Thực hiện chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ và Ban chỉ huy quân sự huyện, lực lượng dân quân các xã và tự vệ các đơn vị, cơ quan xí nghiệp đã tăng cường tổ chức tuần tra, canh gác, phát hiện, truy quét và xoá bỏ được nhiều tụ điểm tệ nạn xã hội. Lực lượng dân quân, tự vệ xã Cù Vân phát hiện và xử lý 7 đối tượng ghi số đề, triệt phá 5 tụ điểm nghiện ma tuý, thu giữ 8 bộ bàn đèn hút thuốc phiện, 2 trong số 10 đối tượng nghiện nặng đã cai được nghiện, 70 đối tượng khác cam kết từ bỏ hút thuốc phiện... Dân quân các xã đã kết hợp chặt chẽ việc luyện tập, diễn tập quân sự với việc truy quét, xoá bỏ các tụ điểm tệ nạn xã hội làm trong sạch địa bàn. Hai năm 1994,1995, trên địa bàn huyện đã có hơn 300 đối tượng vi phạm tệ nạn xã hội được gọi tập trung về Uỷ ban nhân dân các xã cải tạo lao động tại

---

[1] Đến năm 1994, trên địa bàn huyện, có 450 người nghiện ma tuý; trong đó xã Yên Lãng có 54 người, Na Mao 50 người, Hùng Sơn 45 người ... Từ nghiện hút ma tuý dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội khác (cờ bạc, trộm cắp...), gây mất an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng xấu tới công tác quân sự địa phương.

chỗ, làm kiểm điểm và cam kết không tái phạm; xử lý 38 tên trộm cắp, tạm giữ 29 tên cờ bạc, tàng trữ, buôn bán thuốc phiện, hoạt động mại dâm v.v.

Thành tích nổi bật của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trong năm 1994 là đã hoàn thành thắng lợi 3 đợt động viên quân dự bị giao cho các đơn vị bộ đội chủ lực của Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh huấn luyện. Ngay sau khi nhận được chỉ tiêu và kế hoạch động viên quân dự bị của Uỷ ban nhân dân và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giao, Uỷ ban nhân dân huyện Đại Từ ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo động viên quân dự bị do các đồng chí Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Đảng uỷ quân sự huyện làm Trưởng ban, chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện làm Phó ban, đại diện các ngành Công an và các đoàn thể quần chúng làm uỷ viên. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với ngành Thông tin – Văn hoá đẩy mạnh công tác vận động, giáo dục, tuyên truyền, động viên quân dự bị; hiệp đồng với các Ngành Tài chính, Kho bạc, Thương nghiệp, Y tế đảm bảo cho việc động viên quân dự bị được chu đáo, Ban chỉ huy quân sự huyện huy động cán bộ xuống cơ sở kiểm tra, phúc tra được 7.054 quân dự bị, tổ chức phân loại, sắp xếp biên chế và hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân; phát thông báo cho quân dự bị trước 15 ngày và phát lệnh động viên trước 7 ngày lên đường để mọi người chủ động thực hiện nhiệm vụ.

Các đồng chí Chỉ huy phó Chính trị Bộ CHQS tỉnh, Bí thư Huyện uỷ - Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ chụp ảnh lưu niệm với các đồng chí Chính trị viên Ban CHQS xã, thị trấn dự lớp bồi dưỡng kiến thức công tác Đảng công tác Chính trị trong lực lượng dân quân tự vệ.

Hội diễn văn nghệ quần chúng của LLVT nhân dân huyện Đại Từ tổ chức tại xã Hùng Sơn, nơi ngày 27-7-1947 diễn ra Lễ mít tinh công bố Quyết định của Chính phủ lấy ngày 27-7 hàng năm là ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên cả 3 đợt động viên quân dự bị trong năm 1994, Đại Từ đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, động viên được 919 sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ quân dự bị giao cho các đơn vị của Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh huấn luyện, đạt 100% các chỉ tiêu về quân số và chất lượng.

Thành tích động viên quân dự bị cùng với thành tích hoàn thành 100% các chỉ tiêu về nội dung, chương trình, thời gian huấn luyện quân sự, chính trị cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương ở 100% đầu mối cơ sở trước 3 tháng và thành tích đảm bảo tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, triển khai đồng bộ kế hoạch A và A2 từ huyện xuống cơ sở, đã đưa Đại Từ trở thành đơn vị dẫn đầu các huyện, thành, thị trong tỉnh về công tác quân sự địa phương năm 1994, được Bộ Quốc phòng tặng Cờ thưởng luân lưu "Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng".

Năm 1995, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tiếp tục giữ vững danh hiệu đơn vị dẫn đầu công tác quân sự địa phương của tỉnh, được tiếp tục giữ Cờ thưởng luân lưu "Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng" của Bộ Quốc phòng; Đảng bộ Quân sự huyện được Tỉnh uỷ tặng Cờ "Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch 5 năm liền 1991 - 1995"; Lực lượng vũ trang nhân dân huyện được Uỷ ban nhân dân tỉnh tặng Cờ "Đơn vị xuất sắc về công tác huấn luyện – tác chiến – trị an 5 năm 1991 – 1995".

Từ ngày 4 đến ngày 6/2/1996, Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ 19. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: "Công tác quân sự địa phương phải có phương án sẵn sàng chiến đấu và phương án phối hợp chiến đấu với các lực lượng trên địa bàn để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống phá hoại của địch. Quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lực lượng vũ trang địa phương từ huyện xuống cơ sở, nhằm không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ huy và trình độ chuyên môn kỹ thuật. Quản lý tốt quân dự bị và dân quân tự vệ, tổ chức tốt công tác huấn luyện hàng năm. Quản lý chặt chẽ số người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự. Phối hợp với các ban, ngành chức năng thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội".

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX, năm 1996, Ban chỉ huy quân sự huyện và Ban chỉ huy quân sự các xã đã xây dựng và bổ sung hoàn chỉnh Kế hoạch A và A2 xây dựng xong Kế hoạch động viên từ năm 1996 đến năm 2000. Đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ các cấp được củng cố, kiện toàn. Toàn huyện bổ nhiệm 155 cán bộ dân quân, tự vệ mới khoẻ, trẻ, có năng lực lãnh đạo, chỉ huy (gồm 7 Xã đội trưởng, 5 Xã đội phó và 39 Trung đội trưởng, 104 Tiểu đội trưởng). Lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện có 17.700 cán bộ, chiến sĩ (bằng 12% dân số), trong đó lực lượng chiến đấu là 3.340 người (bằng 2% dân số). Trong lực lượng chiến đấu có 1.980 thuộc lực lượng chiến đấu tại

chỗ; còn lại là lực lượng chiến đấu cơ động và lực lượng các binh chủng chuyên môn (Trinh sát, Thông tin, Phòng không, Pháo binh, Quân y...).

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương cho cán bộ cơ sở, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện cử 30 cán bộ là Chủ tịch các xã, thị trấn trong huyện đi dự lớp tập huấn kiến thức quân sự ở tỉnh; 68 cán bộ chỉ huy Xã đội và chuyên trách tự vệ đi tập huấn phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và huấn luyện dân quân, tự vệ ở tỉnh và huyện. Kết quả huấn luyện dân quân tự vệ năm 1996 toàn huyện đạt đơn vị khá.

Trong hội thi 3 môn quân sự phối hợp của dân quân, tự vệ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức, huyện Đại Từ đạt giải nhất, giải nhì cá nhân nam và giải 3 đồng đội. Trong cuộc thi Xã đội trưởng giỏi toàn tỉnh, đội Đại Từ xếp thứ 5.

Đặc biệt, trong năm 1996, lực lượng vũ trang Đại Từ thực hiện thắng lợi cuộc diễn tập DT96. Đây là cuộc diễn tập đầu tiên có qui mô toàn huyện với sự tham gia của 30/30 xã, thị trấn và 36 cơ quan, đơn vị trên địa bàn do Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện chủ động đề ra kế hoạch và lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy thực hiện). Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập Ban chỉ đạo diễn tập ĐT96 do các đồng chí Nguyễn Văn Tiến (Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân

huyện) làm Trưởng ban, Hà Đức Mưu (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó ban và đại diện các ngành là thành viên. Mục tiêu của cuộc diễn tập ĐT96 nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong huyện đối với nhiệm vụ quốc phòng địa phương; tập duyệt và kiểm tra khả năng huy động tiềm lực của các cơ sở xã, thị trấn, cơ quan , đơn vị trong huyện vào việc củng cố khu vực phòng thủ trước mắt cũng như sẵn sàng huy động khi có nhu cầu; luyện tập vận hành Cơ chế 02 (Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan Quân sự và Công an làm tham mưu) trong các giai đoạn tác chiến, giúp các thành phần trong Cơ chế hình dung được khối lượng công việc của mình trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu; kết hợp diễn tập với giải quyết các vấn đề bức xúc ở địa phương (truy quét các tụ điểm tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn, thu thuế, thu nợ đọng, làm đường giao thông, vv...).

Dưới sự điều hành trực tiếp của Ban chỉ đạo diễn tập ĐT96, chỉ trong 5 ngày, Ban chỉ huy quân sự huyện đã xây dựng hoàn chỉnh ý định và kế hoạch diễn tập; hướng dẫn 30 xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch diễn tập báo cáo Uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện huy động 158 cán bộ các ban, ngành, đoàn thể ở huyện trực tiếp xuống chỉ đạo cơ sở diễn tập; huy động 644 lượt xe máy phục vụ cho truyền lệnh và chỉ huy diễn tập.

Ngày 21/11/1996, cuộc diễn tập DT96 bắt đầu bằng tín hiệu chuyển lực lượng vũ trang trong huyện từ trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên lên cao và toàn bộ. Đến ngày 28/11/1996, cuộc diễn tập ĐT96 kết thúc. Qua 8 ngày thực hành, cuộc diễn tập ĐT96 đã đạt được các nội dung, mục đích và yêu cầu đề ra. Kết quả diễn tập động viên kiểm tra khả năng sẵn sàng chiến đấu của tiểu đoàn dự bị động viên huyện, sau khi phát lệnh 24 giờ, có 431 quân dự bị đến Trạm tập trung nhận nhiệm vụ; diễn tập điều động 30 trung đội dân quân, tự vệ đi làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn các xã trong huyện đạt kết quả khá.

Để phục vụ làm đường giao thông, thuỷ lợi, trong quá trình diễn tập, huyện đã huy động 4 máy xúc, 179 lượt xe ô tô, 475 lượt xe công nông, 1.549 lượt xe trâu, xe ngựa, 655 lượt xe cải tiến để xúc và chở đất, đá. Với sự cố gắng của các lực lượng vũ trang nhân dân, toàn huyện đã đào, đắp được 67.509 mét khối đất, đá; vận chuyển 28.634 mét khối đất, đá cấp phối; sửa chữa và làm mới được 459 km đường liên huyện, liên xóm, liên xã; sửa chữa 23 cầu tre, gỗ; hạ lắp 672 cầu cống các loại; giải toả được 651 điểm vi phạm hành lang an toàn giao thông, 73 điểm vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt. Ngoài ra, lực lượng vũ trang cùng nhân dân trong huyện còn đào, đắp 9.652 mét khối đất, đá, nạo vét được 147,6 km mương, máng dẫn nước vào ruộng.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, cuộc diễn tập được kết hợp với đợt

huy động thuế vụ Đông 1996, kết quả thu được 621.254.180 đồng; thu nợ thuế tồn đọng được 92.625.100đồng, thu nợ ngân hàng quá hạn 86.092.000đồng, thu nợ vật tư, sản phẩm: 63.374.140đồng, thu phạt hành chính: 21.254.000 đồng. Chỉ sau 9 giờ kể từ khi phát lệnh chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ thường xuyên lên cao, các xã Ký Phú, Vạn Thọ đã hoàn thành 100% kế hoạch thu thuế vụ Đông.

Nhằm làm trong sạch địa bàn, trong đợt diễn tập, lực lượng vũ trang phối hợp với lực lượng công an trong huyện đã tiến hành truy quét các tệ nạn xã hội. Toàn huyện đã gọi 715 đối tượng vi phạm lên Uỷ ban nhân dân các xã kiểm điểm (trong đó xử lý 89 đối tượng trộm cắp (tạm giữ 34 tên); bắt 48 đối tượng vi phạm, xử lý 88 đối tượng nghiện hút thuốc phiện; xử lý 61 đối tượng vi phạm Luật Nghĩa vụ Quân sự; cưỡng chế 25 đối tượng; giáo dục; quản lý và lao động tại xã 163 đối tượng; xoá bỏ nhiều tụ điểm cờ bạc, nghiện hút, mại dâm.

Trong quá trình diễn tập, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã ủng hộ 1.300.000đồng làm đường giao thông. Thông qua cuộc diễn tập DT96, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện đã làm đạt giá trị kinh tế trên 2 tỷ đồng.

Cuộc diễn tập phòng thủ DT96 đã đạt được những yêu cầu thiết thực về kinh tế, xã hội và đời sống dân sinh, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội

của huyện năm 1996. "Chỉ sau 8 ngày diễn tập, bình diện Đại Từ hầu như đổi khác. Các tuyến giao thông đều đảm bảo đường thông, hè thoáng. Các đường liên xã, liên xóm được đắp to, bằng phẳng. Hầu hết các xóm trong huyện đều có đường đảm bảo cho ô tô đến tận nơi. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Các cơ quan thuế, ngân hàng, tín dụng không còn phải băn khoăn về tình trạng thất thu hay nợ đọng, dây dưa "[1]

Sở dĩ cuộc diễn tập ĐT96 của huyện Đại Từ đạt được kết quả cao là do Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện đã biết gắn công tác an ninh quốc phòng với các nhiệm vụ kinh tế – xã hội trên địa bàn để nâng cao hiệu lực lãnh đạo của cấp uỷ và điều hành của chính quyền cơ sở. Công tác giáo dục, động viên, tuyên truyền nhiệm vụ diễn tập được các cấp uỷ Đảng, chính quyền triển khai rộng rãi tới mọi tầng lớp nhân dân, được quần chúng đồng tình ủng hộ, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện đã vận dụng triệt để việc kết hợp các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy với các biện pháp tăng cường kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện, nên phát hiện được các thiếu sót, khuyết điểm của từng cơ sở, kịp thời chỉ đạo khắc phục, đảm bảo được tiến độ và nâng cao hiệu quả diễn tập.

---

(1) Báo Bắc Thái số 3202 ra ngày 3/12/19996

Năm 1997, tỉnh Thái Nguyên được tái lập (theo Quyết định ngày 6/11/1996 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, ngay sau khi tách tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ đã chủ động xây dựng, bổ sung, kiện toàn các phương án A, A2 và kế hoạch hoạt động tác chiến trị an. Đến tháng 11/1997, cơ quan quân sự huyện đã hoàn thành 9 bộ văn kiện phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu (gồm 2 bộ quyết tâm phòng thủ cơ bản, 2 bộ kế hoạch A2, 2 bộ kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, 1 bộ kế hoạch phòng chống cháy nổ, 1 bộ kế hoạch bảo vệ Sở chỉ huy và 1 bộ kế hoạch bảo vệ bầu cử). Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện còn chỉ đạo, hướng dẫn 100% xã, thị trấn xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh hoạt động tác chiến trị an; huy động 225 lượt sỹ quan chỉ huy, trực ban, trực chiến; 2.310 lượt cán bộ, chiến sĩ tuần tra, canh gác, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ lễ cắt băng khánh thành khu di tích lịch sử Ngày Thương binh – liệt sỹ 27/7 ở khu vực Bàn Cờ (xã Hùng Sơn).

Từ ngày 21/11 đến ngày 3/12/1997, thực hiện Nghị định 19 CP của Chính phủ về diễn tập phòng thủ hằng năm, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy toàn bộ 28 xã, 2 thị trấn trong huyện đồng loạt tiến hành diễn tập phòng thủ cơ sở năm 1997 nhằm kiểm tra khả năng sẵn sàng chiến đấu; tiếp tục rèn luyện cho cấp uỷ Đảng, chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở cơ sở làm quen

với Cơ chế 02 (Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các cơ quan Quân sự, Công an làm thưm mưu) khi có chiến sự xẩy ra; kết hợp giải quyết 3 nội dung lớn về kinh tế – xã hội trên địa bàn (thu dứt điểm thuế nông nghiệp còn tồn đọng nhiều ở các xã Bản Ngoại, Phục Linh, Phú Xuyên; truy quét tệ nạn xã hội và làm đường giao thông nông thôn, làm thuỷ lợi). Khác với cuộc diễn tập ĐT96 và các cuộc diễn tập trước, cuộc diễn tập phòng thủ cơ sở 1997 ở Đại Từ do cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự xã, thị trấn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo Cơ chế 02, không có sự đạo diễn trực tiếp của cấp trên.

Sau 13 ngày thực hành diễn tập, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện điều động 2.543 lượt cán bộ cơ sở và cán bộ các cơ quan ban, ngành, đoàn thể ở huyện chỉ đạo các cơ sở thực hiện nhiệm vụ diễn tập. Kết quả cuộc diễn tập phòng thủ cơ sở 1997 của huyện Đại Từ đã đạt được các nội dung, mục đích, yêu cầu đề ra. Toàn huyện huy động 6.843 lượt xe các loại ô tô, công nông, cải tiến, 2.073 cây tre, gỗ để làm đường giao thông và làm thuỷ lợi. Các xã, thị trấn trong huyện làm mới và sửa chữa được 543 km đường giao thông liên xóm, liên xã với tổng khối lượng đào đắp, vận chuyển và san mặt bằng 113.757 mét khối đất, đá; phát quang hành lang đường giao thông nông thôn được 224 km; làm mới, tu sửa, nạo vét 321,8 km kênh, mương; đắp 80 đập giữ nước với tổng khối lượng đất, đá đào, đắp, nạo vét lên tới 74.291 mét khối. Toàn

huyện huy động thuế và thu nợ thuế được 257.089.000 đồng, thu nợ ngân hàng 118.084.000 đồng; gọi và xử lý 427 trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật (trong đó Công an huyện thụ lý 9 vụ, bắt 13 tên, khởi tố 6 tên, truy tố 4 tên, tạm giam 2 tên, xử lý hành chính 7 tên; số còn lại cho làm kiểm điểm, cam kết và lao động bắt buộc tại xã, thị trấn).

Trong đợt diễn tập này, các lực lượng công an và dân quân, tự vệ đã phát hiện và thu hồi được nhiều vũ khí, vật liệu cháy nổ tàng trữ trái phép trong dân gồm 7 khẩu súng trường K44, 6 khẩu súng các bin, 5 súng Mát, 5 súng Côn, 6 quả lựu đạn, 6 viên đạn súng máy cao xạ 14,5 mm, 23,1 kg thuốc nổ TNT, 107 kíp nổ, 48,5 mét dây cháy chậm.

Cuộc diễn tập phòng thủ cơ sở 1997 của 30 xã, thị trấn trong huyện kết thúc thắng lợi đã khẳng định sức mạnh tổng hợp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, sự điều hành của chính quyền và vai trò tham mưu của các cơ quan quân sự và công an các cấp từ huyện xuống cơ sở; khẳng định vai trò nòng cốt trong mọi mặt công tác của lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Thông qua diễn tập, năng lực và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân huyện có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước được nâng lên. Các xã Quân Chu, Tiên Hội, Mỹ Yên, Yên Lãng, Đức Lương, Hà Thượng, Vạn Thọ, Phú Lạc, Khôi Kỳ, thị trấn Quân Chu và các cơ quan Chi cục Thuế, Văn phòng Uỷ ban nhân dân, Ban chỉ huy quân sự huyện và công

an huyện .... hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập, được Uỷ ban nhân dân huyện biểu dương, khen thưởng.

Năm 1997 cũng là năm đầu tiên tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện Pháp lệnh về dân quân, tự vệ của Chủ tịch nước và Nghị định 35/CP của Thủ tướng Chính phủ. Theo sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tổ chức 4 đợt học tập quán triệt và triển khai thực hiện Pháp lệnh về dân quân, tự vệ cho hơn 3.700 cán bộ lãnh đạo huyện, xã, thị trấn, cán bộ các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị và cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân huyện.

Sau học tập quán triệt và triển khai Pháp lệnh dân quân, tự vệ, toàn huyện thành lập thêm 20 đơn vị tự vệ cơ sở, nâng số đầu mối dân quân, tự vệ trong huyện lên 64 đơn vị (gồm 30 đơn vị dân quân và 34 đơn vị tự vệ). Thực hiện qui định của Pháp lệnh dân quân, tự vệ, từ tháng 4 đến tháng 10/1997, toàn huyện kết nạp thêm 2.107 chiến sĩ dân quân, tự vệ, chứng nhận hoàn thành chương trình huấn luyện cơ bản 4 năm, cho nghỉ huấn luyện, luân chuyển biên chế vào lực lượng dân quân, tự vệ rộng rãi 6.224 chiến sĩ. Số lượng dân quân, tự vệ toàn huyện lên tới 15.830 người, bằng 9,6% dân số; trong đó lực lượng dân quân, tự vệ rộng rãi là 9.918 cán bộ, chiến sĩ , bằng 6,2% dân số.

Toàn bộ lực lượng dân quân, tự vệ trong huyện được biên chế thành 301 trung đội (gồm 296 trung đội bộ

binh, 4 trung đội phòng không và 1 trung đội thông tin truyền lệnh). Trong số 301 trung đội dân quân, tự vệ, có 30 trung đội chiến đấu cơ động, 271 trung đội chiến đấu tại chỗ, được chia thành 1.044 tiểu đội bộ binh, 116 tiểu đội các binh chủng chuyên môn (Phòng không, Trinh sát - Quân báo, Công binh, Thông tin liên lạc, Quân y, Hoá học, Cối 60mm).

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy được củng cố, kiện toàn. Được sự phê chuẩn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Huyện uỷ, Ban chỉ huy Quân sự huyện Đại Từ bổ nhiệm mới 5 Xã đội trưởng, 30 Xã đội phó, đảm bảo cán bộ đủ sức lãnh đạo, chỉ huy và triển khai thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng -- quân sự địa phương năm 1997 cũng như các năm tiếp theo.

Để thực hiện tốt Pháp lệnh dân quân, tự vệ, gắn thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ với nhiệm vụ quốc phòng – quân sự địa phương và các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội khác, trong 4 năm (1997- 2000), Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo mỗi Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn, đơn vị tự vệ xây dựng thí điểm từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội dân quân, tự vệ thực hiện theo một số nội dung của Pháp lệnh, sau đó tổ chức rút kinh nghiệm, tìm ra nguyên nhân thành công và chưa thành công để kịp thời có biện pháp khắc phục. Trên cơ sở đó, từng bước đưa Pháp lệnh dân quân, tự vệ đến với thanh niên và nhân rộng ra trên địa bàn toàn huyện. Qua 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ, đến năm 2000, lực lượng dân quân, tự vệ ở 100% các xóm,

xã, cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn huyện được củng cố, kiện toàn về tổ chức và quân số. Hầu hết số dân quân, tự vệ là thanh niên nam, nữ khoẻ mạnh, ở độ tuổi từ 18 đến 22, được sắp xếp biên chế vào các lực lượng chiến đấu cơ động, chiến đấu tại chỗ và trong các binh chủng, đúng tỷ lệ, đủ thành phần theo qui định của Pháp lệnh. Các xã Mỹ Yên, Tiên Hội, Phú Cường có nhiều cố gắng trong việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ.

Thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ có số lượng phù hợp (theo chiều hướng giảm dần về quân số và tăng nhanh về chất lượng); số lượng dân quân, tự vệ trong huyện giảm từ 15.830 người (9,6% dân số) năm 1997, xuống 8.066 người (5% dân số) năm 1998, 7.935 người (4,1% dân số) năm 1999; trong đó, lực lượng chiến đấu cơ động giảm từ 5.442 người (năm 1997), xuống còn 3.760 người (năm 1998) và 3.690 người (năm 1999).

Đầu năm 2000, toàn huyện có 60.000 người (bằng 37% dân số) trong độ tuổi dân quân, tự vệ trong đó có 6.500 người (bằng 4% dân số) là lực lượng dự bị động viên. Theo sự chỉ đạo chung của tỉnh (lực lượng dân quân chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 18 đến 25, lực lượng tự vệ chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 20 đến 38 đối với nữ và từ 20 đến 42 đối với nam), Đại Từ đã nâng số lượng dân quân, tự vệ từ 7.936 người năm 1999 lên 9.120 người năm 2000 (tăng 1.285 người). Trong tổng số 9.120

dân quân, tự vệ, có 7.820 dân quân (bằng 5% dân số của 31 cơ sở xã, thị trấn)[1] và 1.300 tự vệ (bằng 28,2% tổng số cán bộ, công nhân, viên chức ở 35 đơn vị, cơ quan, xí nghiệp).

Cùng với sự lớn mạnh về số lượng, chất lượng dân quân, tự vệ trong huyện cũng được nâng lên. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ tăng từ 4% năm 1997, lên 7% năm 1999; tỷ lệ đoàn viên đạt khoảng 80%.

Năm 2000, cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị dân quân, tự vệ huyện Đại Từ (9.120 người) được tổ chức thành 2 lực lượng: nòng cốt và rộng rãi. Lực lượng nòng cốt có 3.676 cán bộ, chiến sĩ, là lực lượng chiến đấu, được biên chế thành 31 trung đội chiến đấu cơ động (gồm 823 người); 199 tiểu đội chiến đấu tại chỗ (gồm 1.067 người); 4 trung đội súng máy cao xạ 12,7mm, 4 khẩu đội cối 60mm, 15 tiểu đội và 23 tổ trinh sát, 6 tiểu đội và 10 tổ công binh, 7 tiểu đội và 25 tổ thông tin liên lạc, 3 tiểu đội và 28 tổ cứu thương (gồm 1.776 người). Đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ các cấp thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ về số lượng và không ngừng nâng cao về chất lượng. Trong 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân, tự vệ (1997 – 2000), toàn huyện có 55 đồng chí được bổ nhiệm Xã đội trưởng, 48 đồng chí được bổ nhiệm Xã đội Phó, 69 đồng chí được bổ nhiệm Trung đội trưởng, 43 đồng chí được bổ nhiệm Trung đội phó, 425 đồng chí được bổ nhiệm Tiểu đội trưởng dân quân, tự vệ. 95% cán

(1) Thêm xã Tân Linh tách từ xã Phục Linh.

bộ trong các Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn, đơn vị tự vệ là bộ đội phục viên, chuyển ngành, xuất ngũ, đủ điều kiện và năng lực tổ chức, chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ huấn luyện quân sự và sẵn sàng chiến đấu. Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ huy cho đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ, từ năm 1997 đến năm 2000, ngoài việc cử 160 lượt cán bộ Xã đội trưởng, Xã đội phó, Trung đội trưởng, Trung đội phó và Tiểu đội trưởng binh chủng đi tập huấn tại Trường Quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện còn mở 4 lớp tập huấn cho 385 lượt cán bộ là Xã đội phó, cán bộ chuyên trách tự vệ, Trung đội trưởng, Trung đội phó và Tiểu đội trưởng dân quân, tự vệ. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện còn làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện cử 30 đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã, thị trấn kiêm Chính trị viên Xã đội đi dự các lớp tập huấn kiến thức quốc phòng do Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh mở.

Các đồng chí Xã đội trưởng các xã Mỹ Yên, Tiên Hội, Phú Cường, Lục Ba, Hùng Sơn và các đồng chí Chỉ huy tự vệ các Nhà máy cơ khí mỏ, Mỏ than Núi Hồng đã phát huy tốt trách nhiệm cá nhân, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao theo cương vị, chức trách.

Tuy nhiên, do năng lực còn hạn chế, lại kiêm nhiệm một số công việc khác, ít chú trọng đến công tác theo chức vụ mình đảm nhiệm, nên các đồng chí "Xã đội phó An Khánh, Xã đội trưởng Ký Phú, phụ trách tự vệ Công

ty chè Quân Chu, tự vệ Vườn quốc gia Tam Đảo hoàn thành nhiệm vụ chưa cao"[1] .

Thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu chống âm mưu "diễn biến hoà bình", giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, từ năm 1998 đến năm 2000, công tác quân sự địa phương huyện Đại Từ thường xuyên duy trì nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban tác chiến, tuần tra canh gác, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu ở trạng thái cao nhất. Hằng tháng, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức giao ban chỉ huy với Xã đội trưởng các xã, thị trấn trong huyện để vừa nắm tình hình, vừa triển khai công tác quân sự cho cơ sở, xây dựng mạng lưới quân báo, trinh sát cơ sở' thường xuyên triển khai kế hoạch, nắm tình hình, tin tức kịp thời. Theo qui định tổng hợp kết quả công tác quốc phòng địa phương, hằng tháng Ban chỉ huy quân sự huyện báo cáo lên Thường trực Uỷ ban nhân dân huyện. Chế độ báo cáo hằng ngày, hằng tuần và chế độ giao ban chỉ huy tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cũng được duy trì thực hiện nghiêm túc. Từ năm 1998, Ban chỉ huy quân sự huyện đã xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch công tác quốc phòng địa phương; hoàn thành các văn kiện phục vụ sẵn sàng chiến đấu gồm 2 bộ: Quyết tâm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị và 11 bản kế hoạch đảm bảo cho quyết tâm đó gồm các kế hoạch bảo vệ Sở

---

[1] Báo cáo sản xuất nông nghiệp kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh DQTV của Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ , trang 8.

chỉ huy, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai lụt bão, hiệp đồng, trinh sát nắm tình hình, thông tin liên lạc, cơ động lực lượng, huy động khẩn cấp một bộ phận lực lượng dự bị động viên, công tác Đảng, công tác chính trị, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tham gia khắc phục hậu quả. Đồng thời, Ban chỉ huy quân sự huyện còn hướng dẫn 30 xã, thị trấn, 2 đơn vị tự vệ xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch hoạt động tác chiến trị an, được Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện phê duyệt đưa vào thực hiện, phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở cơ sở.

Năm 1998, rừng quốc gia Tam Đảo nằm trên địa bàn 2 xã Khôi Kỳ và Hoàng Nông bị cháy. Lực lượng dân quân 2 xã Khôi Kỳ và Hoàng Nông phối hợp với lực lượng Hạt Kiểm lâm Đại Từ, Vườn quốc gia Tam Đảo, cùng nhân dân các xã trên địa bàn dũng cảm lao vào dập lửa, cứu rừng, khoanh được 50 héc ta rừng bị cháy, không để lửa cháy lan sang các khu vực khác, bảo vệ an toàn rừng đầu nguồn và rừng già Tam Đảo.

Cũng trong năm 1998, Ban chỉ huy quân sự huyện xây dựng ý định diễn tập phòng thủ khu vực gồm 2 cụm theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị, hướng dẫn 7 xã, thị trấn làm kế hoạch bảo đảm cho diễn tập kết hợp với chiến dịch làm đường giao thông, làm thuỷ lợi. Cuộc diễn tập được tiến hành từ ngày 1 đến ngày 8/12/1998, qua 2 giai đoạn: Giai đoạn I, chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang từ trạng thái thường xuyên lên trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao và sẵn

sàng chiến đấu toàn bộ; tiến hành luyện tập theo Cơ chế 02 ở 7 xã, thị trấn, xử lý các tình huống từ đơn giản đến tình huống phức tạp, chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến; đồng thời xử lý các tình huống gây rối, phá hoại, biểu tình, tổ chức lực lượng làm hầm tránh bom, đạn địch, tổ chức lực lượng vũ trang trực chiến, trực cơ động chiến đấu, điều động lực lượng chốt chặn xử lý tình huống, kết hợp chặt chẽ các lực lượng truy quét tệ nạn xã hội làm trong sạch địa bàn, huy động các tầng lớp nhân dân thực hiện lệnh động viên thời chiến của Nhà nước; động viên quân dự bị trở lại quân đội, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ trong điều kiện đất nước có chiến tranh, huy động nhân dân góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Qua giai đoạn I diễn tập phòng thủ khu vực theo cơ chế 02 của Bộ Chính trị, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể đã hình dung được khối lượng công việc phải làm, từng đồng chí trong Ban chỉ huy quân sự thống nhất đã hiểu được thứ tự triển khai các mặt công tác chủ yếu khi địa phương chuyển từ thời bình sang thời chiến. Bảy Ban chỉ huy quân sự thống nhất bảy xã, thị trấn tham gia diễn tập đều hoàn thành tốt các nội dung diễn tập theo Cơ chế 02, trong đó Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã Mỹ Yên, Vạn Thọ hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc nhất.

Trong giai đoạn II cuộc diễn tập, 7 xã và thị trấn Cụm 2 triển khai thực hiện chiến dịch làm đường giao

thông nông thôn. Với tổng số 20.556 công huy động (trong đó dân quân, tự vệ tham gia 2.336 công, lao động công ích xã hội 18.220 công), huyện đã tu sửa được 134,4 km đường liên xã, liên thôn, với khối lượng đào, đắp 20.786,8 m^3 đất, đá; sửa chữa 10 cầu các loại, đạt tổng giá trị kinh tế 205.560.000 đồng. Ngoài ra, huyện còn huy động 20.152 công làm thuỷ lợi (trong đó dân quân, tự vệ đóng góp 1.895 công) đào, đắp 22.763m^3 đất, đá; nạo vét được 104,7 km kênh mương; sửa chữa 48 mương, phai; đồng thời huy động nhân dân đóng góp 874.000 đồng, 100 kg thóc, đạt tổng giá trị kinh tế 201.520.000 đồng. Lực lượng vũ trang huyện cũng tích cực tham gia truy quét tệ nạn xã hội, xử lý 27 đối tượng tiền án tiền sự, giải quyết 7 vụ tranh chấp đất đai, v.v...

Năm 1999, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tập trung vào việc thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu; xây dựng, củng cố tổ chức; duy trì các chế độ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác, bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

Bước sang năm 2000, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tiếp tục tập trung làm công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập quân sự kết hợp làm kinh tế, thực hiện theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị. Cuộc diễn tập được tiến hành từ ngày 14 đến ngày 16/12/2000, với 7 đơn vị tham gia. Ban chỉ đạo diễn tập quân sự đã duyệt kế hoạch diễn tập quân sự kết hợp làm kinh tế đối với từng xã, từng đơn vị, theo từng nội dung, từng tình huống và phương pháp xử lý các tình huống khi có chiến tranh

xẩy ra. Đồng thời với diễn tập, Bộ chỉ huy quân sự tiến hành hướng dẫn cắm mốc chỉ giới giao thông nông thôn, giải toả hành lang tuyến đường liên huyện Phú Thịnh đi Phúc Lương; tu sửa, nạo vét kênh mương. Qua đợt diễn tập, 7/7 đơn vị đã thực hiện các nhiệm vụ, vận hành Cơ chế 02 theo kế hoạch; các mệnh lệnh quân sự được thực hiện đầy đủ. Nghị quyết của cấp uỷ được quán triệt, triển khai thực hiện đến đảng viên và nhân dân. Chính quyền có những biện pháp cụ thể điều hành các cấp cơ sở thực hiện các nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp và cả trong trường hợp chuyển sang thời chiến. Các ngành đã làm tốt chức năng tham mưu, đề xuất các biện pháp để cấp uỷ, chính quyền lãnh đạo, điều hành địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ thời chiến. Lực lượng vũ trang nhân dân cùng Công an và các ngành đã phối hợp chặt chẽ trong thực hiện chức năng tham mưu, đồng thời tổ chức thực hiện nhiệm vụ luyện tập, diễn tập trong mọi tình huống.

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ phát huy tốt vai trò nòng cốt trong diễn tập quân sự và trong công việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội ở từng cơ sở. Thông qua diễn tập, các thành phần trong Cơ chế 02, các ban, ngành, đoàn thể đã nắm được yêu cầu nội dung, nhiệm vụ và chức năng của mình. Đánh giá chung kết quả diễn tập theo Cơ chế 02, toàn huyện đạt yêu cầu; trong đó, 2 xã Yên Lãng và Đức Lương đạt đơn vị khá.

Thực hành diễn tập quân sự năm 2000, có 25/32 đơn vị chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu theo tình huống và sự vận hành Cơ chế 02, luyện tập cho các ngành ở địa phương gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội. Theo phương hướng ấy, lực lượng vũ trang nhân dân huyện tích cực tham gia sửa chữa, nâng cấp 528,9 km đường giao thông; đào, đắp, sạn lấp 70.133,5 m^3, vận chuyển 9.706,5m^3 đất, đá; giải toả phát tuyến 150.000m^2. Trong đó, khối lượng giải toả phát tuyến đường Phú Thịnh đi Phúc Lương với tổng số trên 35.000 m^2. Đây là tuyến đường liên huyện được Nhà nước đầu tư từ nguồn vốn Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Ban chỉ đạo diễn tập đã tập trung chỉ đạo 4 xã Phú Thịnh, Phú Lạc, Đức Lương, Phúc Lương thực hiện và xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đợt diễn tập PT – 2000.

Trong đợt diễn tập, lực lượng vũ trang huyện tham gia sửa chữa, nâng cấp 246 cầu, ngầm và cống, tự mua 552 cống các loại; sửa chữa, nạo vét 371,1 km kênh mương, 60 phai, đập; san lấp, thu gom than khai thác trái phép, đồng thời giải toả không cho khai thác 15 hố, huy động san lấp trả lại mặt bằng 20 hố, huy động 113 công vào giải toả. Ngoài ra, lực lượng dân quân, tự vệ huyện còn tham gia xử lý 98 đối tượng nghiện hút, 55 đối tượng trộm cắp, 139 đối tượng tiền án, tiền sự, giải quyết 20 vụ tranh chấp; thu các khoản thuế tồn đọng 125.428.720 đồng. Cuộc diễn tập PT-2000 đã làm lợi về

mặt kinh tế trị giá 1,5 tỷ đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và củng cố.

Là một huyện miền núi, trong cộng đồng các dân tộc Đại Từ đã từng tồn tại nhiều phong tục, tập quán lạc hậu. Cấp uỷ, chính quyền các cấp trong huyện đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển văn hoá xã hội, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá. Các lực lượng vũ trang nhân dân đã tích cực tham gia xây dựng, củng cố khối đoàn kết dân tộc, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra một vụ gây rối hoặc mất an toàn trầm trọng trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng ở địa phương.

Đảng bộ quân sự huyện thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, gắn xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện, duy trì nghiêm túc các chế độ sinh hoạt Đảng, đề cao dân chủ, lãnh đạo tập thể, làm tốt công tác phê bình và tự phê bình. Hàng năm, Đảng bộ Quân sự huyện đều lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền triển khai thực hiện thắng lợi công tác quân sự địa phương và các

nhiệm vụ quan trọng đột xuất khác, được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh (1993-1999). Các chi bộ trong Đảng bộ Quân sự huyện đều đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong sạch; 99,2% số đảng viên trong Đảng bộ đủ tư cách loại I. Công tác phát triển Đảng trong lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên cũng được Đảng bộ Quân sự huyện quan tâm; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ từ 7% (1999) tăng lên 10,3% (2000), tăng 0,3% so với chỉ tiêu Đảng bộ đề ra.

Ban chỉ huy quân sự huyện thường xuyên coi trọng việc thực hiện nền nếp chính quy, coi trọng công tác giáo dục pháp luật trong lực lượng vũ trang theo chương trình, kế hoạch giáo dục pháp luật của Bộ Tư lệnh Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, không để xảy ra các vụ việc vi phạm kỷ luật nghiêm trọng. Hằng năm, cơ quan quân sự huyện đều được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh công nhận là đơn vị vững mạnh toàn diện.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt là từ năm 1997 đến năm 2000, ngoài việc xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trong sạch, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội ở địa phương, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân

huyện còn thực hiện tốt chính sách mới về công tác hậu phương quân đội.

Thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã đẩy mạnh các phong trào thi đua xây dựng Quỹ tình nghĩa, Nhà tình nghĩa, Vườn cây tình nghĩa. Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Phòng Thương binh – Xã hội huyện giải quyết tốt các tồn đọng sau chiến tranh. Cơ quan quân sự huyện đã tiếp nhận và trao 21 Huân chương của Nhà nước Lào cho cán bộ và chiến sĩ quân đội ta là con em nhân dân các dân tộc trong huyện tham gia chiến đấu giúp cách mạng Lào; trao 30 Huân chương Chiến sĩ Vẻ vang (Nhất, Nhì, Ba) cho cán bộ, chiến sĩ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ trong quân đội từ 5 năm trở lên trở về địa phương. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã tặng 463 sổ tiết kiệm sổ tình nghĩa trị giá 88.340.000đồng; thăm hỏi , tặng quà gia đình liệt sỹ, thương binh trị giá 34.190.000 đồng; xây 2 Nhà tình nghĩa trị giá 42.000.000 đồng; tu sửa các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn trị giá trên 26.300.000 đồng. Ngoài ra, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn vận động các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tặng 16 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá 4.000.000 đồng; đóng góp hơn 1.260.000 đồng vào Quỹ tình nghĩa; tặng 2.576 gói quà cho các đối tượng chính sách trị giá gần 113 triệu đồng; tặng 2 ngôi nhà tình nghĩa trị giá 43 triệu đồng và sửa chữa 15 ngôi Nhà tình nghĩa trị giá 17 triệu đồng; hỗ trợ các gia đình chính sách 18 triệu đồng; tặng 15 vườn

cây tình nghĩa. Các đơn vị đóng trên địa bàn còn tổ chức khám và chữa bệnh miễn phí cho 220 lượt các đối tượng chính sách.

Những việc làm tình nghĩa của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, tạo thành phong trào đền ơn, đáp nghĩa rộng khắp trên địa bàn, góp phần cải thiện mức sống của các đối tượng chính sách.

Trong 4 năm (1997-2000), lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã có nhiều cố gắng thu hồi các loại vũ khí và vật liệu nổ trôi nổi, chưa rõ nguồn gốc, lưu hành trái phép trong nhân dân, bao gồm: 43 khẩu súng các loại, 16 viên đạn, súng máy cao xạ 14,5mm, 46,6 kg thuốc nổ TNT, 213 kíp mìn và 92,5m dây cháy chậm; đồng thời khai thác, sử dụng và bảo quản tốt các loại vũ khí, trang bị, không để xảy ra mất mát, cháy nổ; sử dụng các phương tiện kỹ thuật đảm bảo an toàn, tiết kiệm, không làm hư hỏng, mất mát, đáp ứng tốt các yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi có chiến sự xảy ra. Tổng kết 5 năm thực hiện cuộc vận động "Quản lý, khai thác vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, an toàn tiết kiệm và an toan giao thông" do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức năm 1999, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tặng Bằng khen.

Qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 – 2000) dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, được các cơ quan,

ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong huyện tận tình giúp đỡ và đồng tình ủng hộ, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã nỗ lực phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Bộ Tư lệnh Quân khu I tặng Cờ thưởng luân lưu "Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" các năm 1986,1987,1989,1990; Cờ "Đơn vị điển hình tiên tiến xuất sắc 5 năm (1994 - 1999); Bộ Quốc phòng tặng Cờ thưởng luân lưu "Đơn vị khá nhất" các năm: 1991,1993,1994,1995,1996,1997,1998; Chính phủ tặng Cờ thưởng luân lưu các năm: 1992,1998,1999; Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tặng Cờ "Đơn vị xuất sắc về công tác huấn luyện tác chiến trị an 5 năm (1991 - 1995) ; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen về thành tích làm tốt chính sách hậu phương quân đội năm 1997; Nhà nước tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất về thành tích thực hiện Nghị định 19/CP "Về công tác Quốc phòng địa phương". Đặc biệt, ngày 12/12/2000, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 567/KT-CTN tặng danh hiệu cao quý "Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới (1989-2000)".

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ trở thành đơn vị duy nhất trong tỉnh và Quân khu I có vinh dự 2 lần được đón nhận danh hiệu "Anh hùng lực lượng

vũ trang nhân dân" (thời kỳ kháng chiến chống Pháp và thời kỳ đổi mới).

Phát huy truyền thống đơn vị 2 lần vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý "Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ", cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và quân dự bị động viên huyện Đại Từ, quyết tâm cùng với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện ra sức phấn đấu, xây dựng Đại Từ thành một khu vực phòng thủ vững chắc, vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng an ninh.

KẾT LUẬN

Ra đời từ trong cao trào cách mạng sục sôi, lực lượng vũ trang cách mạng huyện Đại Từ đã trải qua những năm tháng thử thách gay go, ác liệt.

Từ Đội tự vệ Cứu quốc đầu tiên (ra đời khoảng cuối năm 1942 đầu năm 1943), gồm những thanh niên "Lán than"(về sau lấy tên là Đội du kích Tam Đảo), đến đầu tháng 4/1945, Đội du kích Cao Sơn được thành lập, với lực lượng đông đảo hơn. Địa bàn hoạt động của lực lượng vũ trang cũng được mở rộng không những ở khắp các xã trong huyện, mà còn sang cả một số xã thuộc huyện Phổ Yên và huyện Đồng Hỷ.

Vừa mới giành được chính quyền, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Đại Từ cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện đã phải bước vào cuộc chiến đấu đẩy lùi các cuộc tấn công của quân Nhật, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng, đồng thời tấn công tiêu diệt lực lượng thổ phỉ, giữ gìn trật tự trị an trong khu vực; ngay sau

đó lại tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã Thái Nguyên.

Sau Cách mạng tháng Tám, hầu hết cán bộ, chiến sỹ thuộc các đơn vị tự vệ chiến đấu cuả huyện Đại Từ được điều động vào các đoàn quân Nam tiến và Vệ quốc đoàn. Số còn lại chỉ là một số cán bộ khung với một số ít vũ khí thô sơ, nhưng nhờ có sự đùm bọc, giúp đỡ của nhân dân, chỉ trong một thời gian ngắn, các tiểu đội, trung đội dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu đã được xây dựng ở hầu hết các xã.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19/12/1946), Đại Từ là một trong những địa phương được chọn làm nơi xây dựng An toàn khu (ATK) Trung ương. Một số cơ quan, kho tàng, xí nghiệp của Đảng, Chính phủ và quân đội đóng trên đất Đại Từ. Quân và dân huyện Đại Từ đã góp phần quan trọng cùng với quân và dân trong tỉnh đập tan 2 cuộc tấn công lớn của địch, bảo vệ quê hương, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía nam ATK Trung ương; đồng thời tích cực tham gia xây dựng lực lượng chủ lực, phục vụ tiền tuyến, góp phần đưa tới chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954).

Được tôi luyện trong những năm kháng chiến ác liệt, lực lượng vũ trang huyện Đại Từ không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đến đầu năm 1951, ngoài một đại đội bộ đội địa phương (Đại đội 226) ở huyện, mỗi xã đã xây dựng được từ một trung đội đến một đại đội dân quân, du kích. Trình độ tổ chức, chỉ huy

của cán bộ và trình độ kỹ thuật, chiến thuật của cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang cũng được nâng lên rõ rệt.

Trong những ngày đầu hoà bình lập lại trên miền Bắc (1954), lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã phải đối mặt với những âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản động. Trong hoàn cảnh ấy, cơ quan quân sự huyện đã chỉ huy các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ phối hợp với lực lượng công an và nhân dân kịp thời phát hiện, trấn áp các tổ chức chính trị phản động, bảo đảm sự ổn định về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở đó, cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện, lực lượng vũ trang Đại Từ tham gia các kế hoạch khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế-văn hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ tháng 9/1965, đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân trên địa bàn tỉnh Bắc Thái. Mặc dù nằm trong khu vực thuộc trạng thái phòng thủ của tỉnh, nhưng với vị trí địa lý trọng yếu, huyện Đại Từ là một trong các huyện có nhiều mục tiêu đánh phá của địch. Trong hoàn cảnh có chiến tranh phá hoại diễn ra ngày càng ác liệt, quân và dân Đại Từ vừa tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, vừa trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại và chi viện chiến trường miền Nam.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, với ý chí quyết chiến quyết thắng, quân và dân Đại Từ đã tỏ rõ tinh thần dũng cảm, mưu trí, sáng tạo. Điều này được thể hiện ở chiến công bắn

rơi máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh của cán bộ, chiến sỹ Trung đội dân quân trực chiến phòng không xã Hà Thượng (1/8/1966); ở hành động bắt sống giặc lái Mỹ bằng chiếc cào cỏ lúa của nữ dân quân xã Văn Yên Phạm Thị Ngồng (12/8/1966), hoặc bằng chiếc gậy gẩy rơm và chiếc đòn càn của 2 cán bộ, chiến sỹ dân quân xã Tân Thái Ngô Trung Liên và Lê Văn Tài (2/12/1966), v.v... Chiến công của quân và dân Đại Từ cùng với các địa phương trong tỉnh đã góp phần đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ. Hai lần gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, đế quốc Mỹ cũng đã phải hai lần tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá do không đạt được những mưu đồ chiến lược của cuộc chiến tranh. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta vẫn được giữ vững. Sự chi viện của miền Bắc nói chung và huyện Đại Từ nói riêng đối với cách mạng miền Nam vẫn ngày một tăng, góp phần đánh bại mọi chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27/1/1973).

Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, dù đã phải rút hết quân đội viễn chinh, quân chư hầu về nước, đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố theo đuổi học thuyết Nichxơn, thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá" chiến tranh. Trước âm mưu và hành động phá hoại Hiệp định Pari của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, nhân dân ta ở miền Nam vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng,

giải phóng hoàn toàn miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Cùng với nhân dân miền Bắc, quân và dân huyện Đại Từ trong khi thực hiện nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, tiếp tục dồn sức chi viện chiến trường theo tinh thần: "Thóc không thiếu một cận, quân không thiếu một người", tiếp thêm nguồn sức mạnh cho đồng bào miền Nam chủ động mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thắng lợi vĩ đại cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 có một phần đóng góp xương máu và của cải vật chất của lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ. Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới-kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ và sự chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên, quân và dân huyện Đại Từ kịp thời chuyển biến về nhận thức đối với tình hình và nhiệm vụ mới, không ngừng nâng cao cảnh giác, tích cực xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt, kết hợp nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, góp phần cùng quân và dân cả nước làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trước yêu cầu mới của công tác quân sự địa phương, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ được nâng cấp xây dựng theo 3 ban (Tham mưu,

Chính trị và Hậu cần). Cũng từ đó, công tác huấn luyện quân sự, chính trị cho dân quân, tự vệ được triển khai nhanh gọn hơn. Việc thực hiện quân sự hoá toàn dân và vũ trang nhân dân cũng được triển khai theo tinh thần Nghị định 83-CP của Hội đồng Chính phủ. Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên và đăng ký nghĩa vụ quân sự đi vào nền nếp.

Từ năm 1986, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Đại Từ vừa làm tốt công tác huấn luyện quân sự địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, vừa tích cực tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, cùng nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện công cuộc đổi mới. Dù còn có những mặt hạn chế, yếu kém, nhưng cán bộ và chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Nhiều năm liền, huyện Đại Từ luôn luôn là đơn vị dẫn đầu công tác quân sự địa phương của tỉnh; được Bộ Quốc phòng tặng cờ luân lưu "Đơn vị dẫn đầu phong trào Thi đua Quyết thắng". Đảng bộ quân sự huyện được Tỉnh uỷ tặng cờ "Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch 5 năm liền 1991-1995". Đại Từ cũng sớm triển khai thực hiện Pháp lệnh về dân quân, tự vệ. Thông qua đó, lực lượng dân quân, tự vệ ở 100% các xóm, xã, cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn được củng cố, kiện toàn theo hướng giảm dần về số lượng, tăng nhanh về chất lượng.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ không ngừng trưởng thành về các mặt. Trình độ giác ngộ chính trị cũng như trình độ

kỹ, chiến thuật của cán bộ và chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang huyện Đại Từ không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ ngày càng nhận thức rõ nguồn gốc dẫn tới mọi thắng lợi chính là ở sức mạnh đoàn kết.

Là những người cùng chung một lý tưởng, chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, cán bộ và chiến sỹ đoàn kết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, coi nhau như anh em một nhà. Trong những năm chiến tranh, mỗi lần hành quân ra trận, trước khi xuất phát, cán bộ lo cho chiến sỹ từ vũ khí, trang bị cho đến tinh thần chiến đấu. Người cán bộ chỉ huy, nhất là cán bộ chính trị, như người anh cả trong đơn vị, thường xuyên đi sâu sát chiến sỹ, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của từng chiến sỹ, động viên, nhắc nhở chiến sỹ trước giờ nổ súng.

Mỗi cán bộ, chiến sỹ trong các lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đều nhận thức sâu sắc rằng, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, cho nên phải thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân. Quân và dân như cá với nước. Từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu quên mình là bản chất cách mạng của quân đội ta. Đó cũng chính là nguồn gốc tạo nên sức mạnh của "Anh bộ đội Cụ Hồ".

Để giữ vững bản chất cách mạng, làm tròn nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, quân đội ta phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng. Nhận rõ điều ấy, Đảng bộ huyện Đại Từ đã cử những cán bộ có năng lực và có đầy đủ phẩm chất sang phụ trách công tác quân sự địa phương; thường xuyên quan tâm lãnh đạo công tác tổ chức, kiện toàn các cấp chỉ huy quân sự ở địa phương và lực lượng dân quân, du kích. Cán bộ và chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ luôn luôn tuân thủ mọi sự lãnh đạo của các cấp Đảng bộ địa phương. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ cũng như của các cơ quan quân sự cấp trên được Ban chỉ huy quân sự huyện triển khai kịp thời. Cũng nhờ đó, lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được Đảng và nhân dân giao phó.

Sự trưởng thành cùng với những thành tích to lớn mà cán bộ và chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đạt được trong hơn 50 năm qua đều không tách rời sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương và các cơ quan quân sự cấp trên. Thực tế lịch sử hơn 50 năm qua đã chứng minh: Dù trong hoàn cảnh khó khăn và ác liệt, có những lúc đứng trước những thử thách nghiệt ngã, nếu có Đảng lãnh đạo chặt chẽ, sát sao, được nhân dân hết lòng che chở và giúp đỡ, cán bộ và chiến sỹ lực lượng vũ trang Đại Từ vẫn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ chính trị-quân sự trong mọi giai đoạn cách mạng.

Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã và đang đặt ra những yêu cầu ngày càng lớn hơn đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trên chặng đường mới xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại trong thế kỷ XXI, cán bộ và chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ vừa ra sức huấn luyện sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền nếp chính quy, vừa tích cực lao động sản xuất, tham gia xây dựng kinh tế, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

Với truyền thống vẻ vang của mình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương và các cơ quan quân sự cấp trên, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện Đại Từ tiếp tục nỗ lực phấn đấu, rèn luyện về mọi mặt để không ngừng vươn lên, xứng đáng với lời tuyên dương của Bác Hồ kính yêu đối với Quân đội nhân dân Việt Nam: "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"[1].

---

[1] Hồ Chí Minh: Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội-NXB Sự Thật-Hà Nội 1970, tr. 270.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1/ Mẹ Vũ Thị Gái sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; gia đình trú tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần tháng 11/1980; Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, mẹ có 5 trong số 7 người con lên đường nhập ngũ, trong đó có 3 người con đã hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc: Phan Gia Bảng (sinh năm 1926, nhập ngũ tháng 3/1946, hy sinh ngày 26/7/1949), Phan Gia Ngọc (sinh năm 1946, nhập ngũ tháng 1/1966, hy sinh ngày11/9/1969), Phan Gia Châu (sinh năm 1942, nhập ngũ năm 1966, hy sinh ngày 10/2/1971).

Ngày 17/12/1994, Mẹ Vũ Thị Gái đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

2 /Mẹ Nguyễn Thị Năm, sinh ngày 23/7/1916; dân tộc Kinh; quê xã Tiên Hội; gia đình trú tại xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 27/10/1975; có 3 con là liệt sỹ hy sinh tại mặt trận phía Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước: Nguyễn Xuân Thuỷ (sinh năm 1944, nhập ngũ tháng 2/1964, hi sinh ngày 15/3/1969), Nguyễn Hữu Nghị (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 5/1966, hi sinh ngày 15/5/1969) và Nguyễn Mai Duy (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 5/1968, hi sinh ngày 27/3/1975).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Năm được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

3 / Mẹ Nguyễn Thị Ngắn, sinh năm 1922; dân tộc Kinh; quê tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có 2 con và cả 2 con đều là liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước: Trần Đức Tuệ (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 1/1966, hy sinh ngày 20/6/1969), Trần Đức Thế (sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 8/1969, hy sinh ngày 21/7/1970).

Ngày 17/12/1994, Mẹ Nguyễn Thị Ngắn được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

4 / Mẹ Trần Thị Tự, sinh năm 1926; quê quán và trú quán tại xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Đình Viên (sinh năm 1948

nhập ngũ năm 1966, hy sinh ngày 10/11/1972, tại đơn vị Binh trạm 8 – Cục Vận tải – Tổng Cục Hậu cần, miền Tây Nghệ An).

Ngày 17/12/1994, Mẹ Trần Thị Tự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"

5/ Mẹ Lương Thị Nhất, sinh năm 1912; dân tộc Cao Lan; quê quán, trú quán xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Bế Văn Thành (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 4/1968, hy sinh ngày 8/4/1970, tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Lương Thị Nhất được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

6/ Mẹ Trần Thị Lai, sinh năm 1916; dân tộc Sán Chay; quê xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Trần Văn Hạnh (sinh năm 1943, nhập ngũ tháng7/1968, hy sinh ngày 9/5/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Trần Thị Lai được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

7/ Mẹ Trần Thái Ninh; sinh năm 1910; dân tộc Kinh; quê quán huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Trần Đình Hoan (sinh tháng 8/1952,

nhập ngũ tháng 8/1968, hy sinh ngày 29/7/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Trần Thái Ninh đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"

8/ Mẹ Nguyễn Thị Ngọt; sinh năm 1905; dân tộc Kinh; quê quán, trú quán xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Văn Hồng (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 5/1972, hy sinh ngày 16/9/1974 tại chiến trường Trị - Thiên).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Ngọt được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

9/ Mẹ Nguyễn Thị Xuân; sinh năm 1906; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 7/1/1980; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Văn Lưu (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 11/1966, hy sinh ngày 15/3/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Xuân được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

10/ Mẹ Phạm Thị Mầu; dân tộc Kinh; quê huyện Xuân Thuỷ, tỉnh Nam Định; gia đình trú tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sy Đào Văn Hữu (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 1/1965, tái ngũ tháng 3/1967, hy sinh ngày 31/12/1972 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Phạm Thị Mầu được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

11/ Mẹ Nguyễn Thị Thanh; sinh tháng 3/1911; dân tộc Kinh; quê quán xã An Lợi, huyện ý Yên, tỉnh Nam Định; gia đình trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 10/12/1984; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Ngọc ái (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 2/1966, hy sinh ngày 22/4/1972 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Thanh được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

12/ Mẹ Nguyễn Thị Gái; sinh năm 1911; dân tộc Kinh; quê quán phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Vũ Tân Cương (sinh năm 1939, nhập ngũ tháng 4/1962, hy sinh ngày 15/6/1972 tại mặt trận Xiêng Khoảng – Lào).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Gái được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

13/ Mẹ Nguyễn Thị Lai; sinh năm 1913; dân tộc Kinh; quê quán tỉnh Hải Dương; gia đình trú tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 19/7/1984; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Anh Quý (sinh năm 1944, nhập ngũ ngày 7/4/1963, hy sinh ngày 17/5/1968 tại thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Lai được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

14/ Mẹ Nguyễn Thị Chất tên thường gọi là Nguyễn Thị Lộc; sinh năm 1914; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Thắng Lợi (nay là xã Na Mao) huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1952; có con độc nhất là liệt sỹ Trần Văn Cử (sinh năm 1950, nhập ngũ tháng 9/1968, hy sinh ngày14/6/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Chất được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" .

15/ Mẹ Nguyễn Thị Lai; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày13/6/1985; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Huy Lịch (sinh năm 1948, nhập ngũ tháng 3/1968, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hy sinh ngày 29/7/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Nguyễn Thị Lai đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

16/ Mẹ Dương Thị Tứ; sinh năm 1908; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 15/1/1989; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Văn Gác (sinh tháng 7/1940, nhập ngũ tháng 7/1968, hy sinh ngày 16/6/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Mẹ Dương Thị Tứ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

17/ Mẹ Nguyễn Thị Viết; sinh năm 1910; dân tộc Tày; quê quán: xã Kim Trân, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; gia đình trú tại: xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày23/7/1983; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Văn Đặng (sinh năm 1947, nhập ngũ tháng 11/1966, hy sinh ngày 29/5/1972 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Nguyễn Thị Viết được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"

18/ Mẹ Hoàng Thị Đẹt; sinh ngày 8/12/1912; dân tộc Kinh; quê quán: xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại: xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 19/5/1981; có con độc nhất là liệt sỹ Phạm Văn Phúc (sinh năm 1940, nhập ngũ tháng 5/1966, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hy sinh ngày 20/1/1970 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Hoàng Thị Đẹt được Chủ tịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"

19/ Mẹ Vi Thị Ly; sinh năm 1905; dân tộc Tày; quê quán:tỉnh Lạng Sơn; gia đình trú tại: xóm Bình Khang, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1973; có con độc nhất là liệt sỹ Lương Văn

Hiến (sinh năm 1935, nhập ngũ tháng7/1968, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hy sinh ngày 26/10/1969 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Vi Thị Ly được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

20/ Mẹ Nguyễn Thị Lĩnh; sinh năm 1898; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Văn Cách (sinh năm 1932, nhập ngũ tháng 2/1949, vào chiến trường Miền Nam năm 1965, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hy sinh ngày 16/1/1968 tại mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Nguyễn Thị Lĩnh được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

21/ Mẹ Đinh Thị Bé; sinh năm 1918; quê quán: xã Vũ Thắng, huyện Vũ Tiên (nay là huyện Vũ Thư), tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Ngô Anh Đạo (sinh tháng 6/1958, nhập ngũ tháng 8/1978, hy sinh ngày 24/8/1979 trong chiến đấu bảo vệ biên cương của Tổ quốc, tại Thông Nông - Cao Bằng).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Đinh Thị Bé được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

22/ Lê Thị Mạc; sinh năm 1917; dân tộc Kinh; quê quán: thôn Kim Bằng, xã Lam Sơn, tỉnh Hưng Yên, tỉnh

Hưng Yên; gia đình trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 21/4/1970; có con độc nhất là liệt sỹ Trương Ngọc Đảm (sinh năm 1952, nhập ngũ tháng 8/1968, hy sinh tháng 7/1969 tại Mặt trận phía Nam)

Ngày 24/4/1996, Mẹ Lê Thị Mạc được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

23/ Mẹ Ngô Thị Chất; sinh năm 1911; dân tộc Kinh; quê xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại làng Cẩm, xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày 9/9/1992; có con độc nhất là liệt sỹ Đinh Văn Quán (sinh ngày 20/5/1933, nhập ngũ ngày 10/2/1952, hi sinh ngày 28/3/1954 tại chiến trường Tây Bắc).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Ngô Thị Chất được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

24/ Mẹ Dương Thị Lễ; sinh năm 1914; dân tộc Sán Chí; quê xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Bình Thuận huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần ngày20/9/1945; có con độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Hữu Thoa (sinh tháng 8/1938, nhập ngũ năm 1965, hy sinh ngày 10/3/1975 tại mặt trận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị).

Ngày 24/4/1996, Mẹ Dương Thị Lễ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

25/ Mẹ Triệu Thị Bòng sinh năm 1901, dân tộc Kinh, quê ở xã Hiển Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; gia đình trú tại thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là liệt sỹ Đồng Văn Vui (sinh năm 1926, nhập ngũ năm 1947, hy sinh năm 1952).

Mẹ Triệu Thị Bòng được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 17/12/2002.

26/ Mẹ Đào Thị Lự sinh năm 1924, dân tộc Kinh, quê quán và trú quán: xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1955; có con độc nhất là liệt sỹ Dương Văn Ngư (sinh năm 1948, nhập ngũ năm 1966, hy sinh ngày 12/4/1970 tại chiến trường miền Nam).

Mẹ Đào Thị Lự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"ngày 17/12/2002.

27/ Mẹ Nguyễn Thị Nghênh sinh năm 1923, quê ở xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; gia đình trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1953; có con độc nhất là liệt sỹ Ngô Viết Dưỡng, (sinh năm 1941, nhập ngũ năm 1968, hy sinh tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Nguyễn Thị Nghênh được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 17/12/2002.

28/ Mẹ Lê Thị Thêm, sinh năm 1920, dân tộc Kinh, quê ở xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1946; có con trại độc nhất là liệt sỹ Đặng Văn Chiêu, (nhập ngũ tháng 4 /1964, hy sinh ngày 15/9/1968 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Lê Thị Thêm được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 17/12/2002.

29/ Mẹ Trần Thị Tỵ sinh năm 1930, dân tộc Kinh, quê ở xã Ký Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần năm 1956; có con độc nhất là liệt sỹ Ngô Đức Chính (sinh năm1953 nhập ngũ tháng 7/1970, hy sinh ngày 6/7/1973 tại mặt trận phía Nam).

Mẹ Trần Thị Tỵ được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 17/12/2002.

30/ Mẹ Lê Thị Vo, sinh năm 1919, dân tộc Kinh, quê ở xã Tiên Phong, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; gia đình trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; từ trần tháng 6/1960; có độc nhất là liệt sỹ Nguyễn Văn Đạo (sinh năm 1944, nhập ngũ năm 1968, hy sinh năm 1975).

Mẹ Lê Thị Vo được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ngày 17/12/2002.

Phụ lục 2

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN.

I- THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP:

1/ Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ:

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), huyện Đại Từ nằm trong Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, trong đó một số xã phía Bắc của huyện được chọn làm An toàn khu (ATK) - nơi ở và làm việc của các cơ quan đầu não Trung ương Đảng, Chính phủ và quân đội. Trên địa bàn huyện, đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng. Các xã Yên Lãng là địa điểm ở và làm việc của Trường Ngoại ngữ, nơi đồng chí Trường Chinh (Tổng Bí thư Đảng) và nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, Chính phủ đã đến giảng bài; Phú Minh là nơi được Bộ Tổng Tham mưu mở Hội nghị (tháng 5/1947) bàn về xây dựng bộ đội chủ lực và chuẩn bị cho mùa khô; La Bằng là nơi Bộ Tổng Tham mưu mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự trung cấp (tháng 8/1947); Cù Vân là nơi Chiến khu I mở Trường Quân chính đào tạo cán bộ Tiểu đội trưởng và Trung đội trưởng; Mỹ Yên là nơi ở và làm việc của Bộ Thông tin-

Tuyên truyền, Hội Văn nghệ Cứu quốc (nay là Liên hiệp các Hội Văn học-Nghệ thuật Việt Nam), là nơi diễn ra 2 kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ nhất (từ ngày 10 đến ngày 12/8/1947) và lần thứ hai (từ ngày 15 đến ngày 22/6/1948), là nơi thành lập An dưỡng đường Thương binh số II; Hùng Sơn là nơi Chính phủ tổ chức mít tinh (ngày 27/7/1947) công bố cả nước lấy ngày 27/7 hằng năm làm ngày Thương binh - Tử sĩ; Đình Làng Cướm thuộc xã Minh Tiến là nơi Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp (năm 1949), bàn phương hướng đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; Phú Xuyên là nơi đã diễn ra Đại hội lần thứ nhất của 3 tổ chức đoàn thể cách mạng: Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Tổng Đoàn Thanh niên Việt Nam.

Tháng 12/1953, Đại Từ thực hiện thành công cuộc thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã: Hùng Sơn, Bình Thuận, Trần Phú (Khôi Kỳ), Tân Thái, Độc Lập (Tiên Hội), An Mỹ (Mỹ Yên), rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý cho Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi cuộc cải cách ruộng đất ở các địa phương khác.

Sau ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết (ngày 21/7/1954), Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ về ở và làm việc tại xã Bản Ngoại để lãnh đạo, chỉ đạo việc tiếp quản thủ đô Hà Nội. Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã phát huy

truyền thống yêu nước và cách mạng, làm tốt công tác bảo mật, phòng gian, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ và quân đội.

Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông năm 1947, quân và dân Đại Từ phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực đánh 41 trận lớn, nhỏ tiêu diệt 252 tên địch, làm bị thương nhiều tên khác; tháng 10/1950, Đại đội 273 bộ đội địa phương Đại Từ đã trực tiếp đánh địch ở Cù Vân, An Khánh, Mỏ Bạch góp phần đánh bại cuộc hành quân "Chó biển" tấn công lên Thái Nguyên của giặc Pháp.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ngày 22/8/1998, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424/KT-CTN, tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

2/ Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên:

Mỹ Yên là xã miền núi thuộc huyện Đại Từ, nằm ở vị trí tiếp giáp giữa 2 tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc. Nhân dân Mỹ Yên vốn có truyền thống yêu nước từ lâu đời. Tháng 7/1945, lực lượng tự vệ Cứu quốc xã Mỹ Yên đã tấn công lấy đồn Đại Từ, tiêu diệt và bắt 31 tên giặc. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Mỹ Yên là xã An toàn khu, nơi ở và làm việc của Đoàn

Quân giới, Đoàn Bào chế thuốc Quân đội, An dưỡng đường 2 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn 51 A (Bộ Tổng Tham mưu), Cục Quân nhu, Viện Quân y 5, cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quân y xá Trần Quốc Toản (Bệnh viện 354), Đoàn 99 thu dung, Đơn vị hàng binh của Pháp, Hội Văn học Việt Nam, Hội Sử học Việt Nam, Đoàn Quân nhạc, Trường Bồi dưỡng cán bộ ruộng đất. Trong Chiến dịch Việt Bắc Thu đông 1947, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên đã phối hợp với Đại đội 10 đánh chặn tất cả các cuộc càn quét của quân Pháp vào địa bàn. Trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ Yên còn là nơi Huyện uỷ, Uỷ ban Kháng chiến-Hành chính huyện Đại Từ đến ở và làm việc. Mỹ Yên cũng là nơi Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức thành công 2 kỳ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (1947) và lần thứ 2 (1948)

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân xã Mỹ Yên đã đóng góp trên 25 tấn lương thực, hàng vạn cây tre, gỗ, và ủng hộ hàng nghìn ngày công giúp các cơ quan Trung ương và tỉnh. Gia đình ông Đặng Văn Ẩm nhường 5 mẫu ruộng, 4 con bò, 8 gian nhà cho Đoàn An dưỡng canh tác lấy lương thực, nuôi dưỡng thương binh; gia đình ông Hà Văn Hành nhường toàn bộ 8 gian nhà cho Bệnh viện 354 (thuộc Bộ Tổng Tham mưu). Ngoài ra, trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ Yên có 10 người nhập ngũ vào các đơn vị chủ lực và chiến đấu tại các chiến trường.

Phát huy truyền thống kháng chiến chống Pháp, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), nhân dân các dân tộc xã Mỹ Yên đã đóng góp cho Nhà nước 300 tấn thóc, 21 tấn thịt lợn, 4000 ngày công xây dựng công sự, trận địa, luôn là xã hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển quân từ 2 đến 5%. Toàn xã có 482 người lên đường nhập ngũ chiến đấu ở khắp các chiến trường (trong đó có 58 người đã hi sinh được công nhận là liệt sỹ).

Từ sau ngày đất nước thống nhất đến nay, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Mỹ Yên luôn luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Với những đóng góp đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ngày 28/4/2000, Nhân dân và Lựclượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 160/KT-CTN tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

3/ Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba:

Lục Ba là xã miền núi nằm ở vùng phía Nam của huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện lỵ 5 km.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Lục Ba là xã có nhiều cơ quan, đơn vị quân đội của Trung ương và Liên khu đóng địa bàn. Từ tháng 2 đến tháng 10/1947, nhân dân xã Lục Ba đã quyên góp, ủng hộ Tiểu đoàn 54 (Trung đoàn Thủ đô) 2 tấn thóc, 5 tạ lợn, hàng ngàn

ngày công, hàng nghìn cây, tre, nứa cho đơn vị làm doanh trại; khi Chính phủ tổ chức thành lập Trại An dưỡng đường số 2, nhân dân xã Lục Ba đã quyên góp ủng hộ 25 tấn thóc, 5 con trâu, 7 con bò,và nhiều tre, gỗ, nứa cùng với 1500 ngày công, làm được 25 gian nhà (trong đó, gia đình bà Nguyễn Thị Đích tức Bá Huy (Bí thư phụ nữ Cứu quốc xã) ủng hộ: 10 gian nhà gỗ lợp ngói, 10 mẫu ruộng, 3 tấn thóc, 1 con trâu và nhiều đồ dùng khác.... Nhân dịp ngày Thương binh-Liệt sỹ 27/7/1947, xã Lục Ba và gia đình bà Bá Huy đã được Bác Hồ gửi thư khen ngợi); Nhân dân xã Lục Ba còn quyên góp, ủng hộ Cục Quân nhu đóng quân tại xóm Đồng Âm và Đồng Muối hàng trăm ngày công, hàng nghìn cây tre, nứa cho đơn vị làm doanh trại cất, giữ, bảo quản quân trang. Đại đội du kích xã kết hợp với các đơn vị bộ đội, bảo vệ an toàn đơn vị trong thời gian đơn vị đóng quân trên địa bàn; năm 1952, nhân dân trong xã đón 15 đồng chí thương binh về chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba còn bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo Trung ương, Chính phủ, quân đội về làm việc tại địa phương.

Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu-Đông năm 1947, tại cầu Bà Mến, xóm Lò Vôi, đồi Tương Tư, lực lượng dân quân, du kích xã Lục Ba phối hợp với bộ đội chủ lực chặn đánh quân Pháp từ Hùng Sơn rút về

Ký Phú. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân xã Lục Ba đã huy động 35 người đi dân công phục vụ Chiến dịch, đóng góp 10 con trâu, 2 tấn thóc, 1 tấn lợn chi viện cho tiền tuyến. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Lục Ba đã có 18 người lên đường tòng quân giết giặc, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc đến thắng lợi.

Phát huy những thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngày 22/8/1998 , Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 160 KT-CTN, tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

4/ Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng:

La Bằng là xã miền núi nằm ở vùng phía Tây huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện Đại Từ 10 Km, phía đông giáp xã Bản Ngoại, phía Nam giáp xã Hoàng Nông, phía Bắc giáp xã Phú Xuyên, phía Tây giáp dãy Tam Đảo thuộc địa phận huyện Sơn Dương (Tuyên Quang).

La Bằng là địa bàn có truyền thống cách mạng từ lâu đời. Mùa thu năm 1936, tại xã La Bằng tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên ở tỉnh Thái Nguyên được thành lập.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng đã giúp đỡ và bảo vệ an toàn nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội đến ở và làm việc: Cục Quân huấn (1947), Cục tình báo Trung ương (1948), Nhà máy sản xuất thuốc nổ "L. oong" (1946-1948), Sư đoàn bộ đội chủ lực 308 (1948-1953), Nhà máy in Tiến Bộ (1951-1953), Trường đào tạo cán bộ và chiến sĩ miền núi (1953). Đặc biệt, từ tháng 8/1953, nhân dân và lực lượng vũ trang xã La Bằng vinh dự được đón, giúp đỡ và tổ chức bảo vệ an toàn các cơ quan Trung ương đến ở và làm việc trước khi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội . Với khẩu hiệu "Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc", "Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng nhân dân các dân tộc xã La Bằng đã quyên góp ủng hộ kháng chiến 1,5 tấn gạo, 3 con trâu, 2 con lợn, 3 gian nhà gỗ. Ngoài ra, trong kháng chiến chống Pháp, La Bằng có 9 người nhập ngũ vào các đơn vị chủ lực và chiến đấu tại các chiến trường; toàn xã có 15.500 lượt người tham gia phục vụ kháng chiến; huy động 12 đợt dân công hoả tuyến với 1400 lượt người tham gia, đóng góp 42000 ngày công phục vụ các Chiến dịch Biên giới, Trung du, Trần Hưng Đạo, Điện Biên Phủ.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngày 28/4/2000, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 160/KT-CTN, tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

5/ Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân:

Cù Vân là xã nằm ở cửa ngõ vùng Đông Nam huyện Đại Từ: phía Bắc giáp xã Phục Linh, phía Tây giáp xã Hà Thượng (huyện Đại Từ), phía Đông giáp xã Cổ Lũng (huyện Phú Lương), phía Nam giáp xã Phúc Xuân (thành phố Thái Nguyên).

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân đã lập được những thành tích đặc biệt xuất sắc. Là xã nằm trong vùng Căn cứ địa kháng chiến, Cù Vân đã đón nhận nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội đến ở và làm việc: Trường Quân chính, Trường An ninh, Xưởng Quân giới sản xuất vũ khí của Tỉnh đội. Nhân dân Cù Vân đã ủng hộ các cơ quan, đơn vị nhiều tre, gỗ, nứa xây dựng nhà cửa, kho tàng, đảm bảo nơi ăn, ở và làm việc. Ngoài ra, nhân dân xã Cù Vân còn ủng hộ nhiều tre, nứa, đất đai, trâu bò và công sức giúp các đồng bào ở các địa phương khác đến sơ tán làm nhà cửa, ổn định đời sống và sản xuất. Thực hiện "tiêu thổ kháng chiến",

năm 1947, Cù Vân đã phá huỷ hàng trăm nóc nhà, cầu cống, đường giao thông ngăn không cho địch tấn công vào địa phương, góp phần cùng nhân dân huyện bảo vệ an toàn ATK; cùng với nhân toàn huyện tổ chức thu, gom được 1,5 tấn gang sắt cung cấp cho Xưởng Quân giới của Tỉnh đội đóng trên địa bàn sản xuất lựu đạn, mìn trang bị cho lực lượng vũ trang huyện, tỉnh làm nhiệm vụ chiến đấu. Xã Cù Vân đã xây dựng được 1 đại đội dân quân du kích (có 1 trung đội nữ) làm nhiệm vụ phối hợp với bộ đội địa phương chiến đấu bảo vệ quê hương. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, đại đội dân quân, du kích liên tiếp phục kích chặn đánh quân địch từ Làng Ngò (xã An Khánh) càn quét lên các xã Phục Linh, Hùng Sơn, góp phần cùng nhân dân Đại Từ làm thất bại cuộc hành quân Xanh-tuya của địch. Tháng 10/1950, trong chiến đấu chống cuộc hành quân "Hải Cẩu" của địch, nhân dân và lực lượng vũ trang Cù Vân đã phối hợp Đại đội bộ đội địa phương Đại Từ tổ chức truy kích, tiêu diệt được một số tên địch, góp phần đập tan cuộc hành quân (Hải Cẩu) của thực dân Pháp. Ngoài ra, trong kháng chiến chống Pháp, Cù Vân có 10 người nhập ngũ vào các đơn vị chủ lực và chiến đấu tại các chiến trường, hàng trăm người đi dân công hoả tuyến vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm phục vụ các chiến dịch.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22/8/1998,

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424/KT-CTN tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

6/ Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Hùng Sơn:

Hùng Sơn là xã nằm ở vùng trung tâm huyện Đại Từ, có diện tích tự nhiên là 14,73 km^2.

Dưới thời Pháp thuộc, nhân dân Hùng Sơn đã tích cực hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1887-1913) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Ngày 21//1896, trên địa bàn xã, nhân dân Hùng Sơn cùng với và nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đã tổ chức đánh địch, tiêu diệt hàng chục tên Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), nhân dân các dân tộc xã Hùng Sơn đã vừa chiến đấu, vừa sản xuất lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc. Thực hiện "tiêu thổ kháng chiến" nhân dân Hùng Sơn đã tự tay mình phá huỷ 120 ngôi nhà, 2 ngôi chùa. Ngày 27/7/1947, tại xã Hùng Sơn Chính phủ tổ chức mít tinh công bố Quyết định của Chính phủ lấy ngày 27/7 hàng năm là ngày Thương binh-Tử sĩ. Hùng Sơn trở thành nơi khai sinh ngày Thương binh – Liệt sĩ toàn quốc. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân các dân tộc xã Hùng Sơn đã động viên được 17 con em lên đường nhập ngũ. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, toàn xã đã huy động được

420 lượt người tham gia dân công hoả tuyến phục vụ Chiến dịch, đóng góp 2500 kg cho hũ gạo kháng chiến. Ngoài ra, Hùng Sơn còn xây dựng được 2 trung đội dân, quân du kích hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ quê hương.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22/8/1998, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hùng Sơn đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424/KT-CTN tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

7/ Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Lãng :

Yên Lãng là xã ở vùng phía Tây huyện Đại Từ; nằm giữa dãy Tam Đảo và núi Hồng, giáp với địa phận huyện Sơn Dương (Tuyên Quang).

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Yên Lãng là xã được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm xã An toàn khu (ATK) - nơi ở và làm việc của các cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng, Chính phủ và quân đội. Lực lượng vũ trang Yên Lãng sau khi được thành lập, đã tích cực hoạt động, bảo vệ an toàn cuộc nói chuyện của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trong ngày khai giảng năm học mới Trường Ngoại ngữ (khoá I); bảo vệ an toàn các cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Nhà in báo Tiền Phong, Trường Thiếu sinh quân, Nhà máy in Việt Hưng, Viện bào chế thuốc

Liên khu I, Hội nghị dân quân toàn quốc. Trong Chiến dịch Việt Bắc Thu-Đông 1947, nhân dân và lực lượng vũ trang Yên Lãng phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn trực tiếp chiến đấu và tiêu diệt được nhiều tên địch bảo vệ an toàn ATK. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân xã Yên Lãng đã đóng góp 2 tấn gạo, 10 con trâu và hàng nghìn ngày công đi dân công hoả tuyến. Ngoài ra, trong kháng chiến chống Pháp, Yên Lãng còn có 13 người nhập ngũ vào các đơn vị chủ lực và chiến đấu tại các chiến trường.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22/8/1998, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Lãng vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 424/KT-CTN tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

II- THỜI KỲ ĐỔI MỚI:

1/ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ :

Phát huy truyền thống của quê hương, là đơn vị "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", trong thời kỳ đổi mới (1986-2000), Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã ra sức phấn đấu, lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc.

Trong công tác huấn luyện, hằng năm luôn là đơn vị hoàn thành tốt các chỉ tiêu, dẫn đầu các huyện, thành, thị trong tỉnh. Với phương châm huấn luyện "cơ bản,

thiết thực, vững chắc", từ năm 1990 đến năm 1999, lực lượng vũ trang huyện Đại Từ đã huấn luyện cho 100% các cơ sở dân quân, tự vệ đóng trên địa bàn. Chất lượng huấn luyện không ngừng được tăng tăng lên: số người tham gia học tập đạt kết quả khá, giỏi liên tục tăng từ 67,2% (1990) lên 82% (năm 1999). Lực lượng dân quân, tự vệ của huyện tăng từ 47 cơ sở (1990), lên 67 cơ sở (năm 1999) , chiếm tỷ lệ 3% dân số.

Trong công tác động viên, tuyển quân huyện Đại Từ luôn là đơn vị hoàn thành và vượt chỉ tiêu trên giao. Do tổ chức tốt công tác nắm nguồn gọi thanh niên lên đường nhập ngũ, nên Đại Từ đã hạ được tỷ lệ dự phòng từ 6% xuống còn 3%; nguồn dự bị động viên đảm bảo tốt tiêu chuẩn, chất lượng.

Trong công tác diễn tập, luyện tập theo các phương án phòng thủ, lực lượng vũ trang huyện Đại Từ luôn luôn đạt chất lượng cao. Hai năm (1995 và 1997), Đại Từ tổ chức thực hành diễn tập theo sự chỉ đạo của Quân khu I và Tỉnh đạt kết quả tốt. Ngoài ra, lực lượng vũ trang Đại Từ còn thực hành các cuộc diễn tập tác chiến trị an đạt kết quả cao, với 714.512 công tham gia (trong đó lực lượng dân quân, tự vệ tham gia 76.084 công). Trong diễn tập quân sự, Đại Từ luôn là đơn vị lá cờ đầu của tỉnh về phối hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Đại Từ đã huy động đươc hàng nghìn lượt phương tiện vận tải các loại, đào và vận chuyển 344.742 mét khối đất đá, huy động được hàng vạn cây các loại,

nâng cấp được 1702 km đường giao thông nông thôn, 10.011 km kênh mương nội đồng, tu sửa hàng nghìn cầu cống phục vụ cho phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng và đảm bảo sự ổn định về an ninh, chính trị tại địa phương. Trong đợt diễn tập BT-86, Đại Từ tổ chức 1 tiểu đoàn dự bị động viên tham gia diễn tập, bằng phương pháp xoay vòng, xen kẽ, cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn dự bị động viên huyện Đại Từ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, sửa chữa 4 km đường, vượt trước kế hoạch thời gian 7 ngày. Trong thời gian tham gia chiến dịch làm đường giao thông Thác Giềng – Na Rì, Ban chỉ huy tiểu đoàn dự bị động viên đã chủ động, nhạy bén điều chỉnh kế hoạch huấn luyện và công tác phù hợp với điều kiện thời tiết, nhờ đó đã tổ chức huấn luyện hết các chương trình chính trị và quân sự. Là một trong số 5 tiểu đoàn tham gia chiến dịch đã tổ chức được huấn luyện, kiểm tra bắn đạn thật. Kết quả kiểm tra bắn đạn thật, 100% cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn đạt yêu cầu trở lên, trong đó 78% khá và giỏi. Kết thúc đợt diễn tập BT-86, tiểu đoàn dự bị động viên huyện Đại Từ đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tặng cờ "Đơn vị xuất sắc trong chiến dịch làm đường Thác Giềng – Na Rì năm 1986". Ngoài ra, lực lượng vũ trang Đại Từ còn tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt công tác giáo dục quốc phòng tại địa phương, được Bộ Quốc

CÁC ĐỒNG CHÍ CÁN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ

Đ/C TRIỆU MINH TRƯỜNG
Huyện đội trưởng 10/1947 - 12/1949

Đ/C TRIỆU TUẤN
Chính trị viên 10/1947 - 7/1949

Đ/C NGUYỄN QUANG VINH
Huyện đội phó 10/1947 - 1950

Đ/C TRIỆU MINH TÂN
Huyện đội trưởng 1950 - 1954

Đ/C NGUYỄN TAM SƠN
Chính trị viên 1950 - 1953

Đ/C TRÌNH QUỐC THÁI
Chính trị viên 1963 - 1968

Đ/C TRIỆU QÚI MINH
Chính trị viên 1968 - 1975

Đ/C NGUYỄN DUY OÁNH
Chính trị viên 1978 - 3/1981

Đ/C NGUYỄN VĂN PHÁC
Huyện đội trưởng 3/1969 - 12/1970

Đ/C TRƯƠNG PHI VÂN
Chỉ huy trưởng 9/1978 - 3/1981

Đ/C LÝ CÔNG KHOA
Cải huy trưởng 4/1981 - 9/1987

Đ/C NÔNG BÁ QUYỀN
Chỉ huy phó Chính trị 6/1984 - 8/1987

Đ/C HÀ ĐỨC MƯU
Chỉ huy phó TMT 6/1984 - 9/1987
Chỉ huy trưởng 10/1987 - 9/2000

Đ/C VŨ ANH TÈO
Chỉ huy phó TMT 11/1980 - 2/1985

Đ/C LƯƠNG XUÂN THANH
Chỉ huy phó Chính trị 9/1987 - 9/1989

Đ/C LÊ QUANG THẢO
Chỉ huy phó TMT 4/1987 - 8/2002

Đ/C TRỊNH HỒNG SÁNG
Chỉ huy phó Chính trị 10/1989 - 9/1999

Đ/C PHAN VĂN TƯỜNG
Chỉ huy trưởng 9/2000 - 9/2002

Đ/C VŨ TUẤN HÙNG
Chỉ huy trưởng từ 10 /2002

Đ/C ĐINH HỮU GIANG
Chỉ huy phó Chính trị 10/1999

Đ/C NGUYỄN VĂN KÍNH
Chỉ huy phó Động viên 10/1995-8/2002
Chỉ huy phó TMT 9/2002

Đ/C LƯU ĐÌNH CÁI
Chỉ huy phó Động viên 9/2002

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG UỶ QUÂN SỰ HUYỆN

Đ/C CHU VĂN NHẪN
Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện
1994 - 8/1999

Đ/C NGUYỄN VĂN CHẤT
Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện
9/1999 - 8/2000

Đ/C HOÀNG VĂN SINH
Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện
9/2000 - 8/2003

Đ/C ĐẶNG VĂN NGỰ
Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện
từ 9/2003

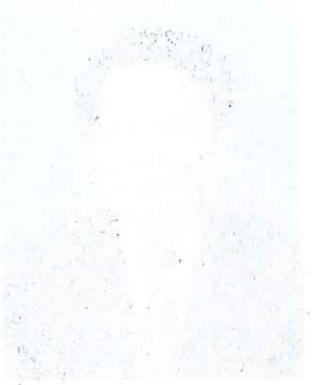

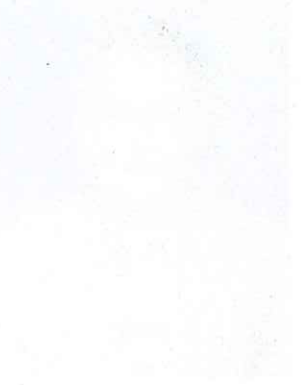

phòng tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất về thực hiện tốt Nghị định 19/CP của Chính phủ.

Từ năm 1991 đến năm 1999, Đảng bộ Quân sự Đại Từ liên tục được Tỉnh uỷ công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh (tỷ lệ đảng viên đủ tư cách mức I trung bình hàng năm đạt 99,2%; 100% các chi bộ Đảng đều được công nhận là các chi bộ trong sạch vững mạnh. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ đạt 10,3% (vượt chỉ tiêu đề ra là 0,3%).

Công tác hậu cần, kỹ thuật luôn được lực lượng vũ trang huyện thường xuyên chú trọng và đảm bảo tốt cho yêu cầu sẵn sàng chiến đấu. Đơn vị thường xuyên tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ tăng gia, làm kinh tế, xây dựng mô hình phát triển kinh tế VAC, thu lợi được từ 30 triệu đến 40 triệu đồng một năm, đưa vào thêm bữa ăn 500đồng/người; nơi ăn, nghỉ, làm việc của cán bộ, chiến sĩ được xây dựng khang trang.

Về công tác quản lý vũ khí, đạn, dược, và các phương tiện kỹ thuật được Ban chỉ huy quân sự huyện làm tốt, không để xảy ra mất mát và mất an toàn. Năm 1999, Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ được tặng Bằng khen về làm tốt công tác kỹ thuật và thực hiện tốt Cuộc vận động 50.

Trong công tác đền ơn đáp nghĩa, lực lượng vũ trang nhân dân Đại Từ đã đóng góp hàng chục nghìn ngày công giúp đỡ các gia đình chính sách, kết hợp với các đoàn thể và nhân dân xây dựng được 27 Nhà tình nghĩa. Năm 1995, lực lượng vũ trang Đại Từ được Bộ Tư

lệnh Quân khu I chọn đi báo cáo điển hình về công tác hậu phương quân đội; năm 1997, được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen về công tác hậu phương quân đội.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong kỳ đổi mới, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã được Đảng, Nhà nước và quân đội tặng thưởng: 6 cờ thưởng luân lưu của Quân khu I; 7 cờ thưởng luân lưu Bộ Quốc phòng; 1 cờ thưởng luân lưu của Chính phủ; 1 cờ thưởng đơn vị điển hình xuất sắc 5 năm (1994-1999) của Quân khu I; 1 Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; được Tỉnh uỷ công nhận là tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiên tiến 5 năm liền.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới, ngày 28/4/2000, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 160KT-CTN tuyên dương danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân".

Phụ Lục 3

CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY CƠ QUAN QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ QUA CÁC THỜI KỲ.

I - CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY:

1/ Đồng chí Triệu Minh Trường (tên thật là Triệu Văn Lèn): Sinh ngày 10/11/1923; dân tộc Nùng; quê xã Trấn Minh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; gia đình trú tại xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ tháng 3/1945; sau Cách mạng tháng Tám 1945 là Uỷ viên quân sự trong Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Đại Từ; từ tháng 3/1946, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam; cuối năm 1946 được bổ sung vào Huyện uỷ Đại Từ phụ trách công tác quân sự; từ tháng, 10/1947, là Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ; cuối năm 1949, đầu năm 1950 là Chủ nhiệm Chính trị Tỉnh đội Thái Nguyên; từ năm 1952, chuyển ngành; năm 1976, nghỉ hưu; trước khi nghỉ hưu là Phó trưởng Ban Tổ chức Khu Tự trị Việt Bắc.

Đồng chí Triệu Minh Trường đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất; Huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.

2/ Đồng chí Triệu Tuấn, tên thật là Triệu Văn Đỗ: Sinh ngày 25/10/1917; quê xã Quảng Trù, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng; gia đình trú tại xã Phục Linh, huyện Đại Từ , tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1/1947; từ đầu năm 1947, là Uỷ viên Huyện uỷ lâm thời Huyện Đại Từ. Tại Đại hội Đảng bộ huyện Đại Từ tháng 8/1947, đồng chí Triệu Tuấn được bầu làm Uỷ viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; tháng 10/1947, Huyện đội Đại Từ được thành lập. Đồng chí Triệu Tuấn được Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra Quyết định chỉ định làm Chính trị viên Huyện đội Đại Từ. Từ tháng 8/1949, được Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên cử lên làm Chính trị viên Huyện đội Định Hoá; từ tháng 7/1951, làm Chính trị viên, Huyện đội trưởng Huyện đội Phù Yên tỉnh Sơn La; từ tháng 7/1955, làm cán sự Phòng Dân quân Quân khu Tây Bắc; từ năm 1957 chuyển ra công tác ở Sở Giao thông Khu Tự trị Thái Mèo (Tây Bắc); từ tháng 6/1974,

nghỉ hưu; tháng 7/1995 từ trần tại xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đồng chí Triệu Tuấn đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Ba.

3/Đồng chí Nguyễn Quang Vinh (tức Bảo Thỉnh); sinh năm 1920; quê xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1942. Ngày 5/10/1947, Huyện đội Đại Từ được thành lập, đồng chí Nguyễn Quang Vinh được giao nhiệm vụ làm Huyện đội phó phụ trách công tác "tiêu thổ kháng chiến". Là một cán bộ làm việc nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng chí Nguyễn Quang Vinh đã được Uỷ ban kháng chiến và hành chính tỉnh Thái Nguyên đánh giá là một cán bộ có năng lực khá; năm 1960, đồng chí Nguyễn Quang Vinh chuyển ngành ra khỏi quân đội; năm 1981, nghỉ hưu. Trước khi nghỉ hưu đồng chí là Phó Giám đốc Công ty Xây lắp Luyện kim.

Đồng chí Nguyễn Quang Vinh đã được tặng thưởng 1 Huân chương Chiến thắng hạng Hai; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

4/ Đồng chí Triệu Minh Tân (tên thật là Triệu Văn Khán): Sinh ngày 15/10/1929; dân tộc Nùng; quê quán xã Trấn Minh, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; gia đình trú tại xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 15/9/1946; từ đầu năm 1950, là Huyện đội trưởng huyện đội Đại Từ; từ tháng 1/1955, là cán bộ thuộc Trung đoàn 238; từ tháng 2/1956, là cán bộ công tác ở các đơn vị bộ đội chủ lực; từ tháng 5/1960 là Trợ lý Phòng Tham mưu-Cục Hậu cần – Quân khu Việt Bắc; từ tháng 1/1970, là Chủ nhiệm Hậu cần Trung đoàn 246; từ tháng 10/1973, là Trưởng phòng Tham mưu Hậu cần – Quân khu Việt Bắc, sau đó là Quân khu I; từ tháng 9/1978, là học viên Học viện Hành chính, Cục phó, Cục trưởng Hậu cần, Phó Tư lệnh kiêm Chủ nhiệm Hậu cần Quân đoàn 26-Quân khu I; từ tháng 6/1988, nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá.

Đồng chí Triệu Minh Tân đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Hai; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất; 1 Huân chương Quân công hạng Hai; 1 Huân chương Chiến công hạng Ba.

5/ Đồng chí Nguyễn Tam Sơn (tên khai sinh là Nguyễn Huy Mục): sinh tháng 10/1923 trong một gia đình nông dân nghèo; quê ở xã Điễn Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; có 1 anh trai là Thạch Sơn (chiến sĩ Giải phóng quân-Liệt sĩ), 3 em trai là Trung tá Ngân Sơn (nghỉ hưu), Đại tá Kim Sơn (công tác ở Văn phòng Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam), Đại tá Mai Sơn (Cán bộ giảng dạy Trường Đại học kỹ thuật Quân sự – nghỉ hưu). Đồng chí Nguyễn Tam Sơn tham gia Cách mạng từ trước tháng 8/1945; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3/1947; sau Cách mạng tháng Tám 1945, đồng chí Nguyễn Tam Sơn phụ trách Trung đội vũ trang của huyện Đại Từ; năm 1946, được bổ nhiệm làm Chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn 121 Thái Nguyên-Phúc Yên; từ năm 1950, giữ chức Chính trị viên Huyện đội kiêm Chính trị viên Đại đội 226 bộ đội địa phương huyện Đại Từ; đầu năm 1954, làm Đội trưởng Đội xe đạp thồ của tỉnh Thái Nguyên đi phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ; từ năm 1955, làm Đội trưởng cải cách ruộng đất, Uỷ viên Thanh tra, Trưởng ban Thanh tra tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1965, là Bí thư Huyện uỷ Định Hoá tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1981, nghỉ hưu;

hiện nay gia đình thường trú tại xã Định Trung, Thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đồng chí Nguyễn Tam Sơn được tặng thưởng: 1 Huân chương Độc lập hạng Ba; 1 Huân chương Chiến thắng hạng Nhì; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất;

6/ Đồng chí Lưu Kim Thản làm Chính trị viên Huyện đội Đại Từ thời kỳ từ năm 1962 đến năm 1963.

7/ Đồng chí Sơn, gia đình trú tại Cửa Nam - Hà Nội, làm Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ từ năm 1962.

8/ Đồng chí Kỷ làm Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ từ năm 1964.

9/ Đồng chí Thìn làm Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ từ năm 1966.

10/ Đồng chí Vũ Phan, Huyện đội phó 1968.

11/ Đồng chí Trần Đàn, Chính trị viên phó 1970.

12/ Đồng chí Nông Văn Tỵ, Huyện đội phó 1970, 1971.

13/ Đồng chí Vũ Thịnh, Huyện đội trưởng 1971, 1972.

14/ Đồng chí Lê Văn Đức, Chính trị viên phó 1972.

15/ Đồng chí Trình Quốc Thái, sinh ngày 4/5/1930; quê và trú quán xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc Sán Dìu; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1950; nhập ngũ ngày 20/5/1950; từ tháng 5/1950, là chiến sĩ thuộc Sư đoàn 308, Học viên Trường Quân - Chính Việt Bắc; từ tháng 5/1956, là cán bộ thuộc Trung đoàn 246, Đoàn Văn công Quân khu Việt Bắc; từ tháng 3/1963 đến tháng 9/1968, là Chính trị viên Huyện đội Đại Từ; từ tháng 10/1968, là Phó chủ nhiệm Chính trị, từ tháng 3/1978, là Chủ nhiệm Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 7/1981, nghỉ hưu, cấp bậc Trung tá; từ trần năm 1995 tại quê.

Đồng chí Trình Quốc Thái được tặng thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng Nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

16/ Đồng chí Nguyễn Văn Phác: Sinh ngày 3/3/1930; dân tộc Kinh; quê và trú quán tại xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1950; từ 1971 Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ; từ tháng 11/1976, nghỉ hưu; từ trần tháng 9/2000 tại gia đình.

Đồng chí Nguyễn Văn Phác đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng Nhất; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

17/ Đồng chí Nguyễn Văn Học: Sinh năm 1929; dân tộc Kinh; quê huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; gia đình trú tại xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1947; nguyên là Đại đội phó Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 68 B thuộc tỉnh đội Thái Nguyên; từ tháng 8/1970, là Huyện đội phó Huyện đội Đại Từ; tháng 11/1980, nghỉ hưu, cấp bậc Đại uý, từ trần tháng 4/2000 tại gia đình.

Đồng chí Nguyễn Văn Học đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng Nhất; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy hiệu: 40 năm, 50 năm tuổi Đảng.

18/ Đồng chí Trần Thi: sinh năm 1939; quê huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nhập ngũ năm 1959; vào chiến đấu tại chiến trường miền Nam từ năm 1965; bị thương trong chiến đấu, ra điều trị và an dưỡng tại Đoàn 135 Quân khu Việt Bắc; từ tháng 10/1971, được điều về công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, làm Trợ lý Động viên thuộc Ban Dân quân – Phòng Tham mưu; từ năm 1974, làm Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ; tháng 8/1978 lên công tác tại Phòng Tham mưu; từ tháng 5/1980 là Phó trưởng Phòng Động viên-Tuyển quân Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ năm 1982 nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá.

Đồng chí Trần Thi được khen thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

19/ Đồng chí Triệu Quý Minh: Sinh ngày 15/10/1930 quê xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ; trú quán xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 11/1962; nhập ngũ tháng 2/1959; từ tháng 2/1959, học tập, công tác tại Quân khu Việt Bắc; từ năm 1962, là Chính trị viên phó Huyện đội Đại Từ; từ năm 1975, là học viên Trường Nguyễn ái Quốc 6; từ năm 1976, là Chính trị viên Huyện đội Định Hoá; từ năm 1979, là Cụm trưởng Cụm chiến đấu, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; từ năm 1981, nghỉ hưu, cấp bậc Thượng uý.

Đồng chí Triệu Quý Minh đã được khen thưởng: 1 Huân Chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

20/ Đồng chí Nguyễn Duy Oánh: Sinh ngày 5/5/1930; dân tộc Kinh; quê xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; gia đình trú tại xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 10/1948; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1949: từ tháng 1/1949, là chiến sĩ và cán bộ tiểu đội thuộc Trung đoàn 246; từ tháng 3/1952, là Trung đội phó thuộc Tiểu đoàn 426 – Tỉnh đội Thái Nguyên; từ tháng 12/1952, là học viên Trường Quân Chính Quân khu Việt Bắc; từ tháng 10/1953, là Trợ lý Tuyên huấn Tỉnh đội Bắc Kạn; từ tháng 11/1958, là học viên và cán bộ khung Trường Quân Chính Quân khu Việt Bắc; từ tháng 6/1962, là cán bộ Tuyên huấn Trường Quân Chính 2; từ tháng 7/1963, là Trợ lý Phòng Chính sách – Quân khu Việt Bắc; từ tháng 10/1971, là Chính trị viên Tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 304B; từ tháng 11/1972, nghỉ công tác đi điều trị sau đó là Chính trị viên Đoàn 3 – Sư đoàn 304B; từ tháng 4/1975, là Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Đồng chí Nguyễn Duy Oánh đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng Ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

21/ Đồng chí Trương Phi Vân (bí danh Hồng Thanh): Sinh ngày 22/6/1938; dân tộc Sán Dìu; quê quán xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 5/1958; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1963; từ tháng 7/1961 đến tháng 4/1964, là học viên Trường sĩ quan Lục quân; từ tháng 4/1964, là Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng thuộc các Sư đoàn 312, Sư đoàn 250 và Sư đoàn 308; từ tháng 5/1969, là Trợ lý Tham mưu Trung đoàn, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Trung đoàn 18 - Sư đoàn 325; từ tháng 4/1973, là học viên, giáo viên quân sự Học viện Hậu cần; từ tháng 9/1978 là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 6/1984, nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá; tháng 4/1998, từ trần tại gia đình.

Đồng chí Trương Phi Vân đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; 2 Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Ba; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

22/ Đồng chí Vũ Anh Tèo: Sinh ngày 2/2/1949; dân tộc Kinh; quê và trú quán xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 11/1966; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1970; từ tháng 11/1966, là chiến sĩ, Học viên Hạ sĩ quan, Tiểu đội trưởng thuộc Sư đoàn 250; từ tháng 3/1970, là Học viên Trường sĩ quan Lục quân 1, chiến đấu tại chiến trường Quảng Trị; từ tháng 1/1975, là Trợ lý Kế hoạch Trung đoàn 124- Sư đoàn 304; từ tháng 11/1980 đến tháng 2/1985, là Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, sau đó là Trung đoàn phó -Tham mưu trưởng Trung đoàn 832 – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 4/1988, nghỉ hưu, cấp bậc Đại uý.

Đồng chí Vũ Anh Tèo đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất.

23/ Đồng chí Lý Công Khoa: Sinh ngày 15/7/1934; dân tộc Kinh; quê và trú quán tại xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2/1954; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1958: từ tháng 12/1958, là Tiểu đội trưởng, quản lý đại đội, thuộc Trung đoàn 270 – Quân khu IV; từ tháng 10/1965, là Chính trị viên phó đại đội thuộc Quân khu Đông Bắc; từ tháng 8/1968, là Chính trị viên phó tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 240- Sư đoàn 363 và Tiểu đoàn 112-Quân khu Trị Thiên; từ tháng 5/1973, là trợ lý Phòng tổ chức – Quân khu Trị Thiên; từ tháng 8/1976, là Chủ nhiệm Chính trị thuộc Đoàn 776; từ tháng 10/1978 đến tháng 3/1981, là Chính uỷ Trung đoàn 270 - Quân khu IV; từ tháng 4/1981 đến tháng 10/1987, là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ ; từ tháng 11/1988, nghỉ hưu tại gia đình; cấp bậc Đại tá.

Đồng chí Lý Công Khoa đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công; 1 Huân chương kháng chiến hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến thắng hạng Nhất, Nhì, Ba; 2 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhì, Ba; 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Ba.

24/ Đồng chí Nông Bá Quyền: Sinh ngày 7/12/1950; dân tộc Tày; quê quán xã Đức Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 10/7/1967; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1968; từ tháng 7/1967, là chiến sĩ y tá, Đại đội 18 thuộc Trung đoàn 246 – Quân khu I; từ tháng 2/1968, là Tiểu đoàn phó, Trợ lý Tuyên huấn Trung đoàn 246 – Quân khu I; từ tháng 6/1984, là Chỉ huy phó về Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 9/1987, là Phó trưởng Ban Tổ chức – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; sau đó nghỉ hưu, cấp bậc Trung tá, từ trần cuối năm 2003 tại gia đình.

Đồng chí Nông Bá Quyền đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng Nhất, Nhì, Ba.

25/ Đồng chí Hà Đức Mưu: Sinh ngày 16/8/1948; dân tộc Kinh; quê và trú quán tại xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4/1966; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1968; từ tháng 12/1967, là Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng thuộc Bộ Tư lệnh B3; từ tháng 1/1972, là Trợ lý Ban Tác chiến - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 9/1976, là cán bộ tăng cường cơ sở, Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Võ Nhai; từ tháng 1/1981, là trợ lý Tham mưu thuộc Phòng Tham mưu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 6/1984, là Chỉ huy phó -Tham mưu trưởng; đến tháng 10/1987, là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 9/2000, nghỉ hưu, cấp bậc Đại tá.

Đồng chí Hà Đức Mưu được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Ba; 3 Huy chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 3 Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

26/ Đồng chí Lương Xuân Thanh; sinh ngày 19/5/1947; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Phú xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 27/4/1967; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 2/1968; từ tháng 4/1967, là chiến sĩ thuộc trung đoàn 246 Quân khu Việt Bắc; từ năm 1968, đi B chiến đấu tại mặt trận Quảng Trị; từ năm 1973 là học sinh ngành quân giới, cán bộ Cục quân giới; từ năm 1985, nghỉ phục viên; từ tháng 9/1987 đến tháng 9/1989, tái ngũ, là Chỉ huy phó về Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện đội Đại Từ; từ tháng 10/1989, nghỉ hưu, cấp bậc Thiếu tá; từ trần tháng 8/1992.

Đồng chí Lương Xuân Thanh đã được khen thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; 1 Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; 1 Huy chương Chiến sĩ giải phóng.

27/ Đồng chí Trịnh Hồng Sáng: Sinh ngày 26/10/1953; dân tộc Kinh; quê và trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1969; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1973; từ tháng 8/1969, là chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn 6-Sư đoàn 304B; từ tháng 7/1976, xuất ngũ về địa phương; từ tháng 4/1978, tái ngũ làm Trợ lý cán bộ Phòng Chính trị – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 3/1979, là Chính trị viên phó đại đội thuộc Trung đoàn 243-Quân khu I; từ tháng 5/1979, là Trợ lý cán bộ; từ tháng 10/1989, là Chỉ huy phó về Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 9/1999, nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá.

Đồng chí Trịnh Hồng Sáng đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Hai; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng Nhất, Nhì, Ba.

28/ Đồng chí Lê Quang Thảo: Sinh ngày 1/5/1953; dân tộc Kinh; quê xã Hương Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú tại xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 1/1972; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1979; từ tháng 1/1972, là chiến sĩ, Tiểu đội trưởng rồi Trung đội phó thuộc Sư đoàn 304B-Quân khu I; từ tháng 8/1978, là Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó thuộc Trung đoàn 197- Sư đoàn 337- Quân đoàn 14 và Trung đoàn 832 – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 4/1987, là Chỉ huy phó-Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ sau đó nghỉ hưu, cấp bậc Thượng tá.

Đồng chí Lê Quang Thảo được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng Nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

29/ Đồng chí Phan Văn Tường: Sinh ngày 2/7/1960; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ ngày 24/8/1978; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1982; từ tháng 8/1978, là chiến sĩ Tiểu đoàn 5, Tiểu đội trưởng thuộc Trung đoàn 750 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 8/1982, là Trung đội trưởng, Trợ lý Tham mưu Trung đoàn 183 – Sư đoàn 322 –Quân đoàn 26-Quân khu I; từ tháng 8/1986, là Đại đội trưởng, giáo viên Khoa Chiến thuật – Trường Quân sự Quân khu I; từ tháng 12/1989, là cán bộ tăng cường cơ sở, Chỉ huy phó- Tham mưu trưởng, từ tháng 9/2000, là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 10/2002, đến nay là học viên Học viện Quốc phòng, Phó Tham mưu trưởng, Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; cấp bậc Thượng tá (9/2004)

Đồng chí Phan Văn Tường đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

30/ Đồng chí Nguyễn Văn Kính: Sinh ngày 3/8/1955; dân tộc Kinh; quê quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1976; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1981; từ tháng 8/1976, là chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn 76 – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; từ tháng 12/1976, là Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng trong các đơn vị bộ đội trực thuộc Quân khu I; từ tháng 3/1991, là Trợ lý tác chiến Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 10/1995, là Chỉ huy phó Động viên, Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Đồng chí Nguyễn Văn Kính đã được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

31/ Đồng chí Vũ Tuấn Hùng: Sinh ngày 24/11/1964; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9/1983; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1985; từ tháng 9/1983, là học viên Trường Sĩ quan Lục quân I; từ tháng 8/1986, là Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 4 – Lữ đoàn 409 – Quân khu I; từ tháng 6/1989, là Trợ lý tác chiến, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Lữ đoàn 409 – Quân khu I; từ tháng 8/1999 đến tháng 9/2002, đến là Trợ lý Phòng Tăng Thiết giáp – Quân khu I; từ tháng 10/2002, là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Đồng chí Vũ Tuấn Hùng đã được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

32/ Đồng chí Đinh Hữu Giang: Sinh ngày 4/9/1958; dân tộc Kinh; quê quán xã Lục Ba, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại thành phố Hồ Chí Minh; nhập ngũ tháng 8/1976; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1980; từ tháng 8/1976, là chiến sĩ Trung đoàn 601-Quân khu I, Trung đội trưởng thuộc Trung đoàn 604 – Quân khu II; cán bộ chính trị các đơn vị thuộc Quân đoàn 29 Quân khu II; từ tháng 4/1990, là Trợ lý Ban Tổ chức, Trợ lý Kiểm tra Đảng - Phòng Chính trị, Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 832 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái (Thái Nguyên); từ cuối năm 1999 là Chỉ huy phó về Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ.

Đồng chí Đinh Hữu Giang đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng Nhất, Nhì, Ba.

33/ Đồng chí Lưu Đình Cái: Sinh ngày 24/11/1960; dân tộc Kinh; quê quán xã Yên Nghĩa, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây; gia đình trú tại Tổ 6B, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8/1978; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1984; từ tháng 8/1978, là chiến sĩ Tiểu đoàn 901 thuộc Bộ Tư lệnh binh chủng Hoá học; từ tháng 8/1980 là nhân viên khí tài Phòng Hoá Quân đoàn 26-Quân khu I; từ tháng 4/1983, là Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 23 (Hoá học) - Quân khu I; từ tháng 9/1992, là trợ lý Phòng Hoá học - Quân khu I; từ tháng 10/1998, là cán bộ tăng cường cơ sở, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Đại Từ, cấp bậc Trung tá.

Đồng chí Lưu Đình Cái được tặng thưởng 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

II - CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG UỶ QUÂN SỰ HUYỆN ĐẠI TỪ:

1/ Đồng chí Chu Văn Nhằn (tên thật là Chu Nhằn): Sinh ngày 1/12/1944; quê xã Bảo Cường, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên; gia đình trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 10/1968; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1966; từ tháng 11/1968, là cán bộ phòng Nông nghiệp huyện Định Hoá; từ năm 1976, là cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái; từ năm 1982, là cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện Đại Từ; từ năm 1984, là Phó Chủ tịch, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Đại Từ, Bí thư Huyện uỷ Đại Từ (trong đó, từ năm 1994 là Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện); từ tháng 8/1999, là Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên.

Đồng chí Chu Văn Nhằn đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhì; 1 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2/ Đồng chí Nguyễn Văn Chất: Sinh ngày 15/8/1946; dân tộc Kinh; quê quán và trú quán xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng 7/1965. Đồng chí Nguyễn Văn Chất được Huyện uỷ Đại Từ phân công làm Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ từ tháng 9/1999 đến tháng 8/2000; thưởng: 1 Huy chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng 2.

3/ Đồng chí Hoàng Văn Sinh: Sinh ngày 29/5/1957; tại xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; quê xã Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; trú tại Tổ 11, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; từ tháng 10/1974, là sinh viên Trường Đại học Tài chính-kế toán Hà Nội; từ năm

1980, là cán bộ thuộc Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên; từ năm 1983, là Phó Chánh Thanh tra, từ năm 1986, là Chánh Thanh tra, từ tháng 7/1992, là Phó Giám đốc, Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Bắc Thái, từ tháng 1/1997, là Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12/1989; từ tháng 8/2000, là Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ; từ tháng 8/2003, là Bí thư Đảng uỷ khối doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

Đồng chí Hoàng Văn Sinh được tặng thưởng: 1 Huy chương vì sự nghiệp Thanh tra; 1 Huy chương vì sự nghiệp Tài chính - Giá cả; 1 Huy chương vì Thế hệ trẻ và các huy chương vì sự nghiệp xây dựng các tổ chức Đảng: Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận.

4/ Đồng chí Đặng Văn Ngự, sinh ngày 2/12/1953; quê xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng từ năm 1968; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1974; đã giữ các chức vụ: Trưởng phòng Điều động lao động dân cư

Ty Lao động, Trưởng phòng Tổng hợp - Tổ chức thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Thái; từ năm 1997, là Phó Giám đốc, từ năm 2001 là Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên; từ tháng 8/2003, là Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện Đại Từ.

Đồng chí Đặng Văn Ngự đã được khen thưởng: 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Ba; 1 Huy chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; Huy chương vì sự nghiệp Lao động - Thương Binh và Xã hội và các Huy chương vì các sự nghiệp: Công đoàn, Chữ thập đỏ, Chăm sóc trẻ em.

MỤC LỤC

Trang

- **Lời giới thiệu** 5
- **Chương I:**
  Quê hương – con người - truyền thống đấu tranh vũ trang 9
- **Chương II:**
  Quân và dân Đại Từ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (9/1945 – 7/1954) 72
- **Chương III:**
  Quân và dân Đại Từ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (8/1954 – 5/1975). 148
- **Chương IV:**
  Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ xây dựng kinh tế – xã hội và sẵn sàng chiến đấu trong những năm đầu đất nước thống nhất (5/1975 – 12/1985) 225
- **Chương V:**
  Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước (1/1986- 12/2000) 267
- **Kết luận** 316
- *** Phần phụ lục** 325
  - Phụ lục 1: Bà mẹ Việt Nam anh hùng 327
  - Phụ lục 2: Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. 338
  - Phụ Lục 3: Các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy cơ quan quân sự huyện Đại Từ qua các thời kỳ 355

In 350 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty in Thái Nguyên. Giấy phép XB số: 39/GPXBVH cấp ngày 6/12/2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2004.